



BÁCH KHOA TOÀN THƯ
TINH TÚY VĂN HỌC CỔ ĐIỂN
TRUNG QUỐC

Lão Tử
ĐẠO ĐỨC HUYỀN BÍ

GIÁP VĂN CƯỜNG dịch
TRẦN KIẾT HÙNG hiệu đính

NHÀ XUẤT BẢN
ĐỒNG NAI - 1995



LÃO TỬ
ĐẠO ĐỨC HUYỀN BÍ

10/2/2017

TINH TÚY VĂN HỌC CỔ ĐIỂN TRUNG QUỐC

LÃO TỬ

ĐẠO ĐỨC HUYỀN BÍ

Người dịch : **GIÁP VĂN CƯỜNG**

Người hiệu đính : **TRẦN KIẾT HÙNG**

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

1995



LỜI GIỚI THIỆU

Lão Tử (năm 580 ? — 500 năm trước công nguyên), tên thường gọi là Lão Đan, cũng còn có họ Lý tên Nhĩ, người huyện Khổ nước Sở (nay là Lập Ấp Đông — thuộc tỉnh Hà Nam).

Ông là nhà tư tưởng thời Xuân Thu. Người sáng lập nên Đạo Gia học phái. Ông đã từng giữ chức “Thủ tàng thất chi sử” (là một quan sử, quản lý thư viện của vương thất) triều đại nhà Chu, sau đó lui về ở ẩn, viết sách. Ông viết nên tác phẩm nổi tiếng “Lão Tử”. Ông dùng “Đạo” thuyết minh cho sự diễn biến của vạn vật trong vũ trụ. Ông cho rằng : “Đạo là căn nguyên của vạn vật trời đất; là quy luật khách quan của tự nhiên. Tất cả sự vật đều có mối quan hệ tương hỗ với nhau; có hai mặt chính phản đối lập nhau. Sự vật đối lập lại có thể chuyển hóa tương hỗ nhau. Thuyết Đạo của ông là nhằm đả kích mạnh mẽ giai cấp thống trị ức hiếp nhân dân làm trái với Đạo trời.

Ông không coi trọng quy luật đối lập chuyển hóa là điều kiện tất yếu và là tác dụng của đấu tranh. Ông không coi trọng sự vật chuyển hóa theo chiều mặt trái, là sự phát triển đi lên, mà chỉ coi là sự vận động tuần hoàn.

Về tư tưởng chính trị, Lão Tử chủ trương : “Tuyệt thánh khí trí”, “Vô vị nhi trị”, (Thánh là tuyệt đối, trí là bỏ đi. Trị nước thuận theo chiều tự nhiên, không làm gì mà trị được nước). Đây là ảo tưởng của Lão Tử, muốn khôi phục trở lại hình thái xã hội nguyên thủy, “tiểu quốc quả nhân”. Đây là thứ tư tưởng chính trị tiêu cực của Đạo giáo thời ấy, mà ông là người tiêu biểu.

Nhưng, dù sao học thuyết của Lão Tử, đối với sự phát triển của triết học phương Đông, vẫn có một vị trí to lớn.

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1	11
CHƯƠNG 2	18
CHƯƠNG 3	23
CHƯƠNG 4	26
CHƯƠNG 5	28
CHƯƠNG 6	31
CHƯƠNG 7	33
CHƯƠNG 8	36
CHƯƠNG 9	39
CHƯƠNG 10	42
CHƯƠNG 11	45
CHƯƠNG 12	47
CHƯƠNG 13	50
CHƯƠNG 14	53
CHƯƠNG 15	56
CHƯƠNG 16	60
CHƯƠNG 17	63
CHƯƠNG 18	66
CHƯƠNG 19	69
CHƯƠNG 20	71
CHƯƠNG 21	75
CHƯƠNG 22	78
CHƯƠNG 23	81
CHƯƠNG 24	84

CHƯƠNG 25	86
CHƯƠNG 26	89
CHƯƠNG 27	91
CHƯƠNG 28	94
CHƯƠNG 29	97
CHƯƠNG 30	99
CHƯƠNG 31	102
CHƯƠNG 32	105
CHƯƠNG 33	108
CHƯƠNG 34	111
CHƯƠNG 35	113
CHƯƠNG 36	115
CHƯƠNG 37	118
CHƯƠNG 38	120
CHƯƠNG 39	123
CHƯƠNG 40	127
CHƯƠNG 41	129
CHƯƠNG 42	133
CHƯƠNG 43	136
CHƯƠNG 44	138
CHƯƠNG 45	140
CHƯƠNG 46	142
CHƯƠNG 47	144
CHƯƠNG 48	146
CHƯƠNG 49	148
CHƯƠNG 50	150
CHƯƠNG 51	152
CHƯƠNG 52	154
CHƯƠNG 53	157
CHƯƠNG 54	159
CHƯƠNG 55	162

CHƯƠNG 56	165
CHƯƠNG 57	167
CHƯƠNG 58	169
CHƯƠNG 59	173
CHƯƠNG 60	175
CHƯƠNG 61	177
CHƯƠNG 62	180
CHƯƠNG 63	183
CHƯƠNG 64	186
CHƯƠNG 65	189
CHƯƠNG 66	191
CHƯƠNG 67	193
CHƯƠNG 68	197
CHƯƠNG 69	200
CHƯƠNG 70	203
CHƯƠNG 71	205
CHƯƠNG 72	207
CHƯƠNG 73	210
CHƯƠNG 74	213
CHƯƠNG 75	215
CHƯƠNG 76	217
CHƯƠNG 77	219
CHƯƠNG 78	221
CHƯƠNG 79	224
CHƯƠNG 80	226
CHƯƠNG 81	229
KẾT LUẬN	232

CHƯƠNG I

Đạo khả đạo, phi thường đạo; danh khả danh, phi thường danh. Vô, danh thiên hạ chi thủy; hữu, danh vạn vật chi mẫu. Cố thường vô, dục dĩ quan kỳ diệu; thường hữu, dục dĩ quan kỳ khiêu — Thử lưỡng giả, đồng xuất nhi dị danh, đồng vị chi huyền — Huyền chi hựu huyền, chúng diệu chi môn.

Dịch ý :

Văn tự không đủ để biểu đạt trọn vẹn ngôn ngữ, văn tự cũng không đủ biểu đạt trọn vẹn tư tưởng, công dụng của ngôn ngữ văn tự rất có hạn — cho nên một đạo lý rất giản đơn còn phải dùng ngôn ngữ văn học để giảng giải thì đến đạo lớn bao hàm cả vũ trụ vạn vật, không có hình dáng, không nhìn thấy, không có âm thanh, không nghe thấy, không có thực thể, sờ không thấy, hơn nữa lại vĩnh hằng bất biến thì ngôn ngữ văn học cũng không thể giảng giải được. Giống như vậy, một chân tướng thông thường còn đặt cho nó một cái tên để gọi, thì chân tướng của đạo lớn bao gồm cả vạn vật vĩnh hằng bất biến ta không có cách nào đặt cho nó một cái tên để gọi được. Bởi vì bạn gọi nó là a, nó sẽ không phải là b, gọi nó là cái này thì nó sẽ không là cái kia. Do vậy, muốn tìm hiểu đạo lớn, không thể dựa vào ngôn ngữ văn tự và chân tướng, hoàn toàn phải dựa vào tâm linh để hiểu biết, bằng không sẽ đi vào con đường mờ mịt không cách nào ra được. Hiểu rõ điều này thì mới có thể nói được những điều sinh ra

vạn vật trong trời đất. Khi khai thiên lập địa, không có vật thể, không có hình tượng, điều này có thể gọi là “vô”, “vô” chính là cốt lõi của “đạo” mà “đạo” chính là cội nguồn của vũ trụ. Khi “đạo” vừa có tác dụng thì vạn vật cũng sinh ra theo nó. Khi vạn vật sinh ra mà không có hình thể, ta gọi nó là “hữu”, “hữu” này chính là tác dụng của đạo. Cho nên, thường nghĩ đến bản thủy của thiên địa là “vô” thì ta có thể hiểu được bản thể ảo diệu tinh vi của đạo; thường nghĩ đến căn nguyên của vạn vật là “hữu” thì ta có thể hiểu được tác dụng to lớn vô biên của đạo. “Vô” và “hữu” một cái là bản thể của đạo, một cái là tác dụng của đạo, mỗi cái là một mặt của đạo, có thể nói cùng sinh ra từ đạo, chỉ có tên gọi là khác nhau mà thôi, ta đều có thể gọi là huyền diệu, huyền diệu lại càng huyền diệu, đó chính là đạo — Cội nguồn sinh ra vũ trụ vạn vật.

Giải thích :

“Đạo khả đạo, phi thường đạo; danh khả danh, phi thường danh”. Chữ “đạo” đầu là danh từ, chỉ bản nguyên của vũ trụ. Về bản nguyên của vũ trụ, những nhà triết học cổ Hi Lạp có người nói là nước, có người nói là lửa, cũng có người nói là không khí, những nhà âm dương Trung Quốc cho rằng là ngũ hành (Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ). Ngược lại Lão Tử thì cho rằng là “đạo” (xem chương 4, 21, 25). Chữ “đạo” thứ hai là động từ, có nghĩa là diễn tả. Ý nghĩa của chữ “thường” là vĩnh hằng bất biến. “Thường đạo” là đạo vĩnh hằng bất biến. Chữ “danh” thứ nhất là danh từ, chỉ chân tướng của “đạo”. Chữ “danh” thứ hai là động từ có nghĩa là gọi. “Thường danh” là tên vĩnh hằng bất biến. “Đạo” của Lão Tử bao gồm đạo lý nguồn gốc, sinh trưởng, biến hóa, trở lại

của vũ trụ vạn vật, là vô cùng huyền diệu và không thể dùng ngôn ngữ văn tự để giảng giải, nhưng không thể không nói tới. Cho nên đành phải dùng hơn năm ngàn câu. Nhà Phật giảng đến cõi đời cao nhất cũng chỉ nói : “bất khả thuyết !”. Trong hội Linh Sơn, Thế Tôn ngắt hoa thị chúng, lúc đó mọi người đều im lặng, chỉ có Già Diệp Tôn Giả cười mỉm. Thế Tôn chỉ lấy hoa thị chúng mà không nói thẳng ra, Già Diệp hiểu ra cũng chỉ mỉm cười mà thôi, không nói điều gì. Bởi vì hình chư ngôn ngữ lại phá vỡ chân tướng, nảy sinh rắc rối, cách nói “Thuyết thị nhất vật tức bất trúng” của Thiền Tông Phật Giác chính là điều này. Lão Tử dùng hơn năm ngàn câu, sợ người đời sau lấy hơn năm ngàn câu này làm trọn vẹn “đạo” nên mở đầu đã yêu cầu người ta không nên quá câu nệ vào ngôn ngữ văn tự, hơn năm ngàn câu này không phải là “thường đạo” mà chỉ là chiếc cầu nối tới thông đạo mà thôi. Thực tế đối với tất cả sách vở đều không nên quá câu nệ văn tự trong sách vở. Câu nói “tận tín thư, tắc bất như vô thư” (tận tâm hạ) của Mạnh Tử chính là nói ý này. Hoài Nan Tử trong Đạo ứng Huấn có một đoạn đối thoại giữa Hoàn Công và ông thợ mộc Luân Biển để nói rõ điều này :

Luân Biển : “Ông đã đọc những loại sách nào ?”

Hoàn Công : “Sách của Thánh nhân”.

Luân Biển : “Thánh nhân đó ở đâu ?”

Hoàn Công : “Đã chết rồi”.

Luân Biển : “Vậy thì sách mà ông đọc chỉ là cặn bã của thánh nhân mà thôi”.

Hoàn Công : “Ta đang đọc sách, người là một gã thợ mộc mà

lại dám chế nhạo ta ! Hãy nói mau, lý do vì sao, nếu không thì ta sẽ chém đầu !”.

Luân Biễn : “Được thôi, tôi sẽ nói lý do. Ví như tôi làm chiếc bánh xe vậy, vung riu quá nhanh thì rất mệt, mà không chặt được, vung riu quá chậm thì cảm thấy thoải mái nhưng lại không xong. Cần vung riu vừa phải không nhanh không chậm, muốn gì được đấy, vậy mới đến được tuyệt đỉnh. Nhưng tuyệt đỉnh, tôi không có cách nào truyền cho con tôi được, con tôi cũng không thể học được ở tôi. Nên nay tôi đã 70 tuổi còn phải tự làm bánh xe. Lời nói của bậc thánh nhân cũng giống vậy thôi, sự thực chân tướng không nói ra được, đã được thánh nhân mang theo chôn vùi theo mộ, cái còn lại chỉ là cặn bã mà thôi”.

Ý của đoạn đối thoại trên là : Những thứ chân thực thì ngôn ngữ văn tự không sao biểu đạt được. Ngược lại, những thứ mà ngôn ngữ văn tự biểu đạt được thì không phải là chân thực nữa. Nên Lão Tử nói : “Đạo khả đạo, phi thường đạo; danh khả danh, phi thường danh”. Tô Đông Pha trong “Nhật dụ nhất văn” đã ví một cách rất sâu sắc về vấn đề này. Ông nói : “Có một người mù bẩm sinh không nhìn thấy mặt trời, hỏi mọi người mặt trời hình dáng ra sao. Có người bảo anh ta rằng mặt trời giống như chiếc mâm đồng, anh ta gõ cái mâm đồng biết được âm thanh của nó, sau này có một hôm anh ta nghe thấy tiếng chuông liền cho rằng đó là tiếng kêu của mặt trời. Lại có người bảo anh ta ánh sáng của mặt trời giống như ánh sáng của ngọn nến, anh ta sờ ngọn nến và biết được hình dạng của nó, về sau có một hôm anh ta sờ thấy một ống sáo nhỏ, liền cho đó là mặt trời”.

Mặt trời là vật thể có hình dáng, mọi người đều nhìn thấy,

nhưng qua ngôn ngữ để nói cho người chưa từng nhìn thấy nghe, kết quả là từ mâm đồng hiểu sai là chuông, từ nển hiểu sai là ống sáo. Đạo rất trừu tượng, không ai có thể nhìn thấy, khó biết hơn mặt trời nhiều, nếu phải thông qua sự giải thích của ngôn ngữ thì không biết còn hiểu sai nó có hình dáng như thế nào đây !

“Vô danh, thiên địa chi thủy; hữu, danh vạn vật chi mẫu”. Ý của hai câu này nói là nguyên thủy của trời đất là “vô”, nguyên thủy của vạn vật là “hữu”. Nghĩa của chữ “thủy” và “mẫu” giống nhau, là cội nguồn. Đây là chữ thường dùng trong sách của Lão Tử, những chữ như “môn”, “căn”, “tông”, “bản” ý nghĩa đều như nhau. Vấn đề ở đây là, “vô” và “hữu”, “thiên địa” và “vạn vật” cuối cùng có quan hệ gì với nhau ? “Vô” là bản thể của đạo, “hữu” là tác dụng của đạo, tuy là hai mặt của đạo nhưng Lão Tử nói : “Thiên hạ vạn vật sinh vu hữu, hữu sinh vu vô” (chương 40) có thể thấy thứ bậc của “vô” còn cao hơn “hữu”. Lão Tử lại nói : “Thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sở câu”; “Tích chi đắc nhất giả, thiên đắc nhất dĩ thanh, địa đắc nhất dĩ ninh,... .. vạn vật đắc nhất dĩ sinh”. Có thể thấy thứ bậc của trời đất so với vạn vật cũng tương đối cao. Thứ tự là : vô — hữu — thiên địa — vạn vật — Hai câu này, trước kia đều đọc thành : “Vô danh, thiên địa chi thủy; hữu danh, vạn vật chi mẫu”. Mãi tới đời Tư Mã Quang, Vương An Thạch, Tô Thức mới đọc là : “Vô, danh thiên địa chi thủy; hữu, danh vạn vật chi mẫu”. Suy nghĩ kỹ ý của câu văn, “vô danh” đối với “hữu danh” tuy cũng thông suốt, nhưng cuối cùng đọc “vô” đối với “hữu” ý câu văn thuận xuôi hơn.

“Cố thường vô, dục dĩ quan kỳ diệu; thường hữu, dục dĩ quan kỳ khiêu”. “Thường vô” là nói thường lấy bản thủy của thiên địa làm vô. “Thường hữu” là nói lấy căn nguyên của vạn vật

làm hữu. Chữ “kỳ” của hai câu đều chỉ đạo. “Diệu” nghĩa là tinh vi huyền diệu. “Khiếu”, Vương Bật giải thích là “quy chung” có nghĩa là rộng lớn bao la. Nghĩa của hai câu này là : thường lấy nguyên thủy của thiên địa làm vô, là phải quan tâm tới thể của đạo tinh vi huyền diệu; Thường lấy nguồn gốc của vạn vật làm hữu, là phải quan tâm tới tác dụng của đạo rộng lớn bao la. Hai câu này cũng có người đọc thành “Thường vô dục, dĩ quan kỳ diệu; thường hữu dục, dĩ quan kỳ khiếu”. Nhưng Lão Tử phản đối. Một là dục, sao lại dạy người ta “thường hữu dục” cơ chứ ? Hai là “thường hữu dục” thì làm sao có thể “quan kỳ khiếu” được ? Ba là chương này đang nói về thể của đạo (vô) và dụng của đạo (hữu) nên câu sau “thử lưỡng giả” cùng xuất hiện nhưng cách gọi khác nhau, chính là chỉ vô và hữu. Nếu hai câu này đọc thành “thường vô dục”, “thường hữu dục”, “thử lưỡng giả” ở câu sau đương nhiên là chỉ “thường vô dục” và “thường hữu dục”; nhưng “thường vô dục”, “thường hữu dục” sao lại có thể “đồng xuất nhi dị danh” được ? Sao lại có thể “đồng vị chi huyền” được ? Do vậy, đọc thành “thường vô”, “thường hữu” đúng hơn, hay hơn.

“Thử lưỡng giả, đồng xuất nhi dị danh, đồng vị chi huyền”. “Thử lưỡng giả” chỉ “vô” và “hữu”. Ở trên đã nói “vô” là thể của đạo, “hữu” là tác dụng của đạo, mỗi cái là một mặt của đạo, chỉ có tên gọi khác mà thôi, nên nói là “đồng xuất nhi dị danh”, “đồng xuất” là chỉ cùng có từ đạo. Do “vô” và “hữu” đều là trừu tượng, là vật thể vô hình, nhưng lại sinh ra thiên địa vạn vật hữu hình, nên nói là “đồng vị chi huyền”.

“Huyền chi hựu huyền, chúng diệu chi môn”. Nghĩa vốn có của chữ “huyền” tuy nhỏ nhưng ý nghĩa lại tinh vi huyền diệu. “Huyền chi hựu huyền” chỉ tận cùng huyền diệu. “Huyền” chỉ

“vô” và “hữu”, “huyền chi hựu huyền” chỉ tận cùng của “vô” và “hữu” đó đương nhiên là nói đạo. Mà đạo là nơi sinh ra vạn vật nên nói là : “Chúng diệu chi môn”.

Lời bình :

Chương này nói về thể và dụng của đạo. Lão Tử trước tiên dạy người ta không nên câu nệ vào ngôn ngữ và danh tướng để tránh lạc đường. Ông nói bản thể của vũ trụ là “vô”, từ “vô” mà sinh ra thiên địa, từ thiên địa mà sinh ra vạn vật, cuối cùng hình thành thế giới vạn vật phong phú, điều này cũng giống như sự hình thành về thiên địa, vạn vật mà khoa học tự nhiên đã nêu ra. Sau đó từ thế giới vạn vật phong phú ông đưa lên “vô” và “hữu” rồi từ “vô” và “hữu” lại đưa lên cội nguồn của vũ trụ, đó là đạo.

Trong hệ tư tưởng của Lão Tử, “đạo” đương nhiên là tối ư quan trọng. Nó không chỉ là nguồn gốc của thiên địa vạn vật, là quy luật sinh trưởng biến hóa của thiên địa vạn vật mà còn là chỗ quy tụ cuối cùng của thiên địa vạn vật. Do vậy dù chúng ta chia triết học Lão Tử làm bao nhiêu phần như vũ trụ luận, nhân sinh luận, tu dưỡng luận, tri thức luận, chính trị luận v.v... thì đạo luôn là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất của mỗi phần. Chương này tuy không trực tiếp nói đến đạo nhưng lại giới thiệu thể và dụng của đạo, đó là “vô” và “hữu”. “Vô” và “hữu” là từng mặt của đạo, “vô” là bản thể, “hữu” là tác dụng của đạo. Tuy “vô” là khởi thủy của thiên địa, “hữu” là mẹ đẻ của vạn vật, nhưng nó lại không phải là vật thể có hình dạng mà chỉ là khái niệm mà thôi. Nói theo thứ bậc thì “vô” cao hơn “hữu”, chương 41 nói : “Thiên hạ vạn vật sinh vu hữu, hữu sinh vu vô”.

CHƯƠNG 2

Thiên hạ giai tri mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ; giai tri thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ. Cổ hữu vô tương sinh, nan dĩ tương thành, trường đoản tương giao, cao hạ tương khuynh, âm thanh tương hóa, tiền hậu tương tùy. Thị dĩ thánh nhân xử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo. Vạn vật tác yên nhi bất tử, sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thi, công thành nhi bất cư. Phù duy bất cư, thị dĩ bất khứ

Dịch ý :

Thế của đạo vượt lên trên vạn vật, là tuyệt đối, vô danh, nên không có đẹp xấu, thiện ác. Mọi người không thể nhận biết được. Tất cả đều thuận theo tự nhiên, không có yêu ghét, không có tranh chấp. Mãi đến thế của đạo phân chia “Phác tán vi khí” (chương 28) thì tất cả tên gọi đối nhau như thiện ác, đẹp xấu mới xuất hiện. Khi mọi người đều biết đẹp và thiện thì nhất định yêu cái đẹp và ghét cái xấu, gần tới cái thiện và xa lánh cái ác. Thế là nảy sinh tranh chấp, xuất hiện giả dối, điều đó thì lại không đẹp, không thiện nữa. Những cái khác như : có và không, khó và dễ, dài và ngắn, cao và thấp, âm và thanh, trước và sau lần lượt xuất hiện. Tất cả những khái niệm đối nhau đều được nảy sinh từ mối quan hệ đối xử, như đẹp và xấu, thiện và ác cũng vậy, sau khi những khái niệm đối nhau này xuất hiện thì mọi người hướng tới điều mà tự mình cho là tốt đẹp có lợi; xa lánh điều mà mình tự cho là xấu xa, có hại. Thế là người đời hỗn loạn bất an từ đó. Chỉ có bậc thánh nhân hiểu đạo mới có thể giữ vững “đạo” tuyệt đối,

vượt qua tất cả những “danh” tương đối. Tất cả thuận theo tự nhiên, làm việc với thái độ “vô vi”, giảng dạy với phương pháp “bất ngôn”. Mặc cho vạn vật sinh trưởng biến hóa mà không lên tiếng; Sinh ra vạn vật, giáo dục vạn vật, dưỡng thành vạn vật mà không kể công. Chính là do không kể công mà nhận được sự tôn kính, yêu mến của vạn vật, kết quả công tích của bậc thánh nhân mãi mãi tồn tại.

Giải thích :

“Thiên hạ giai tri mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ; giai tri thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ”. “Thiên hạ” chỉ người trong thiên hạ. “Tư” nghĩa là thì, tức là, “dĩ” giống như chữ “dĩ”. “đạo” là cội nguồn của vũ trụ, nó vượt qua vạn vật, vượt qua không gian và thời gian mà tồn tại, nên nó là tuyệt đối. Chính vì đạo là tuyệt đối nên có đẹp xấu, thiện ác. Nói cách khác đạo là thật nhất, thiện nhất, đẹp nhất, chúng ta không thể phân giải được; Nhưng con người luôn phiên diện, tự tư tự lợi, dùng tư trí của họ mổ xẻ nhiều lần, thế là thể thuần chất của đạo bị phá vỡ, tất cả những khái niệm đối nhau cũng được sinh ra từ đó. Sau khi mọi người đều biết được đẹp xấu, thiện ác thì nhất định giành đẹp vứt xấu, lấy thiện bỏ ác, thế là tranh chấp không ngớt, gian trá liên miên, thế giới từ đó hỗn loạn bất an, đó chẳng phải là những điều xấu, điều dở đó sao ?

“Hữu vô tương sinh, nan dị tương thành, trường đoản tương giao, cao hạ tương khuynh, âm thanh tương hóa, tiền hậu tương tùy”. “Hữu” “vô” chỉ hai khái niệm đối nhau — “có” và “không có” nghĩa như chữ “hữu, vô” trong câu “Vô, danh thiên địa chi thủy; hữu, danh vạn vật chi mẫu” của chương 1; “hữu” chỉ thể của đạo, “vô” chỉ dụng của đạo, ý nghĩa hoàn toàn khác nhau.

“Tương sinh” nghĩa là đối nhau mà sinh ra. “Tương thành” nghĩa là so sánh, “ý thanh” là âm hưởng, hưởng là hồi thanh. Có — không, khó — dễ, dài — ngắn, cao — thấp, âm — thanh, trước — sau, đều là những từ đối nhau. Những từ đối nhau trong sách Lão Tử rất nhiều, ngoài những từ này ra còn có : hư — thực, mạnh — yếu, trong - ngoài, đóng — mở, lấy — bỏ, vinh — nhục, được — mất, trong — đục, nhiều — ít, nặng — nhẹ, tiến — thoái, âm — dương v.v... Tất cả những khái niệm đối nhau này đều được sinh ra sau khi thể thuần chất của đạo bị phân ra, nhưng đã sinh ra thì là việc đã rồi. Lão Tử chỉ dạy cho người ta nhận rõ những khái niệm đối nhau này, chỉ có so sánh mới có được, cũng chính là nói : nó chỉ có được ở một thời gian và không gian nào đó, nếu khi ta nhìn từ một góc độ càng cao hoặc một góc độ khác thì những phân biệt này hoặc là không tồn tại hoặc là thay đổi lẫn nhau. Lời nói : “dĩ đạo quan chi, vật vô quý tiện; dĩ vật quan chi, tự quý nhi tương tiện; dĩ tục quan chi, quý tiện bất tại kỳ” (Trang Tử thu thủy) chính là nghĩa này. Hiểu rõ điều này thì đối với tất cả những sự vật đối nhau như : có và không, khó và dễ, dài và ngắn, cao và thấp, âm và thanh, trước và sau v.v... ta đều giải thích được.

“Thị dĩ thánh nhân xử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo”. “Thánh nhân” là nhân vật lý tưởng của nhà đạo, giống như thể của đạo, thuần chất tự nhiên, khiêm nhường, vô vi vô dục, hoàn toàn khác với bậc thánh nhân hữu vi hữu dục của nhà nho, chúng ta không thể nhầm lẫn được. “Vô vi” nghĩa là không tự ti, tự ý, tất cả đều làm theo tự nhiên. Không phải là không làm gì mà làm thuận theo bản tính tự nhiên của vạn vật, vì kết quả của việc làm tùy ý, xằng bậy không chỉ phá hoại tự nhiên mà còn làm

hại người khác. Ví như ông Cẩn, cha của vua Vũ tự thủy, do không thuận theo đặc tính của nước, ngăn chặn bốn mặt, mất 9 năm trời mà vẫn không trị được. Sau này vua Vũ làm cho nước thoát đi, vừa khơi thông mà thủy tai không còn, đó chính là biết thuận theo đặc tính của nước. “Bất ngôn” nghĩa gốc là không nói, nghĩa bóng là không giảng dạy. Ta thấy trời không nói gì mà bốn mùa luân chuyển, vạn vật sinh trưởng không ngừng. Thời Xuân Thu, nước Lỗ có một người gọi là Vương Thai, chỉ có một chân, vậy mà người nước Lỗ theo học ông ta đông như theo học Khổng Tử vậy. Vương Thai không dạy dỗ cũng không thảo luận, nhưng những người theo học ông ta, mỗi ngày khi đi thì trống không mà khi về thì đầy ắp. (Xem Trang Tử đức xung phù biên). Đó là minh chứng rõ nhất về “bất ngôn chi giáo”. Hai câu này nói lên người trần thế cố chấp những tên gọi trái ngược nhau, nên tự mình lâm vào cảnh hỗn độn. Chỉ có bậc thánh nhân giống như thế của đạo, tất cả mọi hành động đều thuận theo tự nhiên.

“Vạn vật tác yên nhi bất từ, sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, công thành nhi bất cư”. “Tác” nghĩa là mọc lên, sinh trưởng. “Từ”, động từ, nghĩa là nói. “bất từ” ứng với “bất ngôn chi giáo” ở câu trên. “Bất hữu” nghĩa là không chiếm hữu, “thị” nghĩa là dựa vào, “bất thị” là không dựa vào khả năng của mình. “Bất cư” là không căn cứ vào công lao của mình. Ý của bốn câu này là : Bậc thánh nhân vô tư vô dục, sinh ra vạn vật mà coi như không phải, rõ ràng có công mà coi như không có.

“Phù duy bất cư, thị dĩ bất khứ”. “Duy” nghĩa là bởi vì. “Bất khứ” nghĩa là không mất đi, chính là tồn tại. Bậc thánh nhân không kể công lao của mình thì ngược lại công lao tồn tại mãi. Điều này cũng giống như thiên địa vô vi, sinh ra vạn vật,

vạn vật đều đội ơn ân đức vậy. Chương 22 nói : “Bất tự phạt, cố hữu công” cũng chính là nói lên điều này. Thời Xuân Thu, bề tôi của Tấn Văn Công là Giới Chi Thời, không khoe công trạng, không đòi hỏi bổng lộc, lui về ở ẩn vậy mà tên tuổi lưu truyền mãi mãi. Thời Quang Vũ Trung hưng, quần thần tranh nhau công trạng, chỉ có Phùng Di một mình đứng dưới cây to, chẳng nói câu gì. Người đời sau gọi là “đại thụ tướng quân” để ca ngợi ông. Đó là những ví dụ chứng minh đẹp nhất về “bất cư kỳ công, kỳ công bất khứ”.

Lời bình :

Chương này nói về những khái niệm đối nhau, đều do so sánh mà có được, người đời không thể phân biệt đúng sai mù quáng mà phải phân biệt thiện ác rõ ràng để tránh tự mình rơi vào vòng rối loạn. Đồng thời nói rõ cách làm “vô vi nhi trị, bất ngôn nhi giáo”, tất cả thuận theo tự nhiên, lấy đó làm chuẩn mực, làm khuôn mẫu để làm theo. Mật Tử Tiễn trị Đơn Mẫu, hằng ngày chỉ gây đàn, ngay cả đại đường cũng không tới, kết quả là Đơn Mẫu rất phục tùng. Đây là ví dụ tốt nhất về “vô vi nhi trị”.

CHƯƠNG 3

Bất thượng hiền, sử dân bất tranh; bất quý nan đắc chi hóa, sử dân bất vi đạo, bất hiện khả dục, sử dân bất loạn. Thị dĩ thánh nhân chi tri, hư kỳ tâm, thực kỳ phúc, nhược kỳ chí, cường kỳ cốt. Thường sử dân vô tri, vô dục, sử phù tri giả bất cảm vi dã. Vi vô vi, tắc vô bất trị.

Dịch ý :

Mọi người đều muốn làm thánh nhân, đều muốn hưởng hiền danh, nên ai ai cũng tranh giành. Nếu bề trên không trọng hiền nhân, hiền danh thì dân lấy đâu ra đối tượng mà tranh giành. Vàng bạc châu báu đều là những của quý hiếm, cũng là những thứ mà mọi người tranh giành nên sinh ra đạo tặc. Nếu bề trên không trọng của quý thì dân không bao giờ thành trộm cướp. “Thượng hữu hiếu giả, hạ tất hữu thậm giả”, trong Mạnh Tử Đằng Văn Công thượng đã nói như vậy. Sở dĩ người ta thích danh lợi là vì danh lợi là duyên cớ của ham muốn. Nếu bề trên đừng tỏ ra có lòng ham muốn thì lòng dân đâu rối loạn, vì vậy thánh nhân thể hiện rõ đạo để trị vì thiên hạ, thì trước hết phải trị thân, làm cho tâm chí mỗi người đều hư vô, không biết gì hết; làm cho bản thân mỗi người đừng ham muốn gì hết. Như vậy thì bọn xảo trá cũng không có cách nào lừa bịp được. Thuận theo tự nhiên, vô vi thì mọi việc trong thiên hạ đều trị vì được.

Giải thích :

“Bất thượng hiền, sử dân bất tranh”. “Hiền” chỉ hiền danh, cũng chỉ hiền nhân ở đời. Ông đã từng nói : “Thị dĩ thánh nhân vi nhi bất thị, công thành nhi bất xử, kỳ bất dục kiến hiền” (chương 77). Ông không phản đối cái “hiền” thực chất mà chỉ phản đối hiền danh và hiền nhân ở đời mà thôi. Bởi vì hiền danh và hiền nhân ở đời không chỉ vô ích mà còn làm cho dân chúng tranh giành, xã hội bất an.

“Bất quý nan đắc chi hóa, sử dân bất vi đạo”. “Nan đắc chi hóa” chỉ vàng bạc châu báu. Những của quý này khi đói không ăn được, khi rét không mặc được, bản thân nó không có giá trị gì, chỉ vì người ta coi trọng nó thì giá trị của nó mới gấp hàng trăm lần, khiến mọi người ham muốn, tranh giành, thậm chí cướp bóc, trộm lộn. Quả là : “Nan đắc chi hóa, linh nhân hành phương” (chương 12), qua đây ta thấy “nan đắc chi hóa” lẽ nào lại không phải là nguồn gốc sinh ra trộm cướp ? Nếu những bậc bề trên không coi trọng những thứ đó, mọi người đều coi nó là phân là đất, không cần thiết thì ai còn muốn trộm cướp làm gì ? Đây chính là nguyên nhân mà Lão Tử chủ trương “Bất quý nan đắc chi hóa”.

“Bất kiến khả dục, sử dân tâm bất loạn”. Câu này bao gồm “hiền”, “hóa” ở trên, nên “khả dục” cũng chỉ cả danh và lợi ở câu văn trước. “Kiến” nghĩa là hiện rõ. Sở dĩ con người ta ham danh lợi là vì sự lôi cuốn của danh lợi, nếu bề trên không tỏ ra danh lợi không có sức lôi cuốn gì thì lòng tham của dân chúng đâu có được.

“Hư kỳ tâm, thực kỳ phúc, nhược kỳ chí, cường kỳ cốt”. Tâm và chí là nơi sinh ra xảo trá, mà xảo trá là vật cản của thánh nhân trị vì thiên hạ. Chương 18 đã nói : “Trí tuệ xuất, hữu đại

ngụy". Chương 65 cũng nói : "Dân chi nan trị, dĩ kỳ trí đa". Cũng chứng minh điều này. Lão Tử chủ trương "hư kỳ tâm", "nhược kỳ chí" cũng chính là khiến dân chúng vô tri vô thức, trở về chân thật. "Cốt", "phúc" đều chỉ sinh lý. "Thực kỳ phúc", "cường kỳ cốt" là khiến cho dân chúng vô cầu vô dục, chất phác thật thà, có như vậy dân chúng mới cam kỳ thực, mỹ kỳ phục, an kỳ cư, lạc kỳ tục (chương 81), đạt tới cõi đời lý tưởng của đạo gia.

"Thường sử dân vô tri vô dục, sử phù trí giả bất cảm vi dã. Vi vô vi, tắc vô bất trị", cơ sở của "vô vi" là ở chỗ "vô dục" và "vô tri". Dân chúng đã từ "vô tri" "vô dục" trở về dân độn thì bề trên cứ thuận theo tự nhiên "vô vi" mà cai trị. Khi đó dù cho xuất hiện người thông minh tài trí cũng không dám làm gì.

Lời bình :

Chương này đề cập tới chính trị luận của Lão Tử. Ông phân đôi thượng hiền, phân đôi coi trọng tài hoa. Chủ trương hư tâm thực phúc, nhược chí cường cốt, để làm cho dân chúng vô tri vô dục, trở về chân thật, chất phác, để đạt được mục đích "vô vi nhi trị".

CHƯƠNG 4

Đạo xung, nhi dụng chi hoặc bất doanh — Uyên hê tự vạn vật chi tôn - Tỏa kỳ nhuệ, giải kỳ phân, hòa kỳ quang, đồng kỳ trần; trạm hê tự hoặc tồn. Ngô bất tri thù tri tử, tượng đế chi tiên.

Dịch ý :

“Vô” là bản thể của đạo cho nên bản thể của đạo là hư vô nhưng tác dụng của nó lại vô cùng vô tận không bao giờ hết. Bản thể của đạo vi diệu huyền thông, sâu kín không thể biết được mà lại có thể sinh ra vạn vật, nên có thể nói là cội nguồn của vạn vật. Nó không lộ ra, không ồn ào, ẩn trong ánh sáng, hòa vào trần tục. Nó tuy ẩn nấp vô hình mà lại sinh ra vạn vật, nó sâu kín mà như trường tồn từ ngàn xưa. Chúng ta không biết nó sinh ra từ đâu, nhưng nó có thể sinh ra trời đất, đương nhiên là nó có trước thượng đế.

Giải thích :

“Đạo xung, nhi dụng chi hoặc bất doanh”, “xung” có nghĩa là hư vô, “doanh” có nghĩa là cùng tận. Đạo lấy “vô” làm gốc, “thị chi bất kiến, thích chi bất văn, bác chi bất đắc” (chương 14) nên nói là “đạo xung”. Đạo có thể sinh ra vạn vật mà liên tục không ngừng, tác dụng của nó quả là vô cùng vô tận. Chương 45 nói “đại doanh nhược xung, kỳ dụng bất cùng”, thì ý nghĩa của nó cũng giống như câu này vậy. Bản thể của đạo không thể là thực tại, vì nếu như vậy thì sẽ có ngày tận cùng, chỉ có hư vô thì mới vô

cùng tận. Điều này giống như cái bể thổi lửa, cái ống thổi khí, ở giữa trống rỗng mới có thể “động nhi dụng xuất” (chương 5).

“Uyên hê tự vạn vật chi tôn”. “Uyên” có nghĩa là sâu. “Tôn” có nghĩa là căn bản, đồng nghĩa với chữ thủy, chữ mẫu, chữ môn. Đạo sinh ra thiên địa vạn vật, nên nói là “vạn vật chi tôn”.

“Tòa kỳ nhuệ, giải kỳ phân, hòa kỳ quang, đồng kỳ trần”. Đạo “sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị” (chương 2), đó là “tòa kỳ nhuệ”; tự nhiên vô vi, hư tĩnh vô tư, đó là “giải kỳ phân”; “quang nhi bất diệu” (chương 58), đó là “hòa kỳ quang” “đại bạch nhược nhục” (chương 41), đó là “đồng kỳ trần”.

“Trạm hê tự hoặc tồn”. “Trạm” có nghĩa là ẩn náu. Đạo tuy vô hình, không nhìn thấy, không nghe thấy, không sờ thấy, nhưng quả thực là nó tồn tại, nên nói là “trạm hê tự hoặc tồn”.

“Ngô bất tri thủy chi tử, tượng đế chi tiên”. “Tử” là con, “mẫu” là mẹ. Đạo là mẹ của vạn vật, chứ không phải là con của ai cả, nên mới nói rằng : “Ngô bất tri thủy chi tử”. “Đế” chỉ thiên đế. Trang Tử đã từng nói : “Đạo tự kỳ thị tự kỳ đích bản, tự kỳ thị tự kỳ đích căn. (Trước khi có trời đất thì đạo đã tồn tại rồi) “Tại một hữu thiên địa chi tiên, tựu dĩ kinh tồn tại liễu. Sáng tạo liễu quý, sáng tạo liễu đế, sinh xuất liễu thiên, sinh xuất liễu địa”. Điều này cũng nói lên rằng đạo không do bất kỳ vật thể nào sinh ra nó, mà ngược lại nó là người sinh ra tất cả.

Lời bình :

Chương này nói về thể và dụng của đạo. Nói tới thể của đạo, đạo sinh ra vạn vật, thiên địa quý thần; nói tới dụng của đạo, đạo là cái gì đó ảo diệu vô cùng tận, không bao giờ cạn.

CHƯƠNG 5

Thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sở cầu, thánh nhân bất nhân dĩ bách tính vi sở cầu. Thiên địa chi gian, kỳ do thác thuộc hồ. Hư nhi bất khuất, động nhi dụ xuất, đa ngôn sở cùng, bất như thủ trung.

Dịch ý :

Thiên địa là đại công vô tư, không có lòng nhân đức với vạn vật, coi vạn vật như chó làm bằng rơm rạ, không yêu không ghét. Thánh nhân cũng đại công vô tư, không có lòng nhân đức đối với con người, coi mọi người như chó làm bằng rơm rạ, không yêu không ghét. Khoảng giữa trời và đất giống như ống bễ, ở giữa trống không, nhưng chính khoảng không đó mới có thể sinh ra vạn vật, nuôi dưỡng muôn loài, vạn vật muôn loài càng ngày càng sinh sôi nảy nở, phát triển không ngừng. Từ đó ta có thể thấy được một điều : làm nhiều, nói nhiều ngược lại càng sai lầm, càng thất bại, chỉ bằng cứ giữ hư vô, không làm không nói thì lại tốt hơn.

Giải thích :

“Thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sở cầu, thánh nhân bất nhân, dĩ bách tính vi sở cầu”. “Nhân” là trung tâm của tư tưởng nhà nho, là mức cao nhất của tu dưỡng; nhưng trong hệ thống tư tưởng của Lão Tử thì không phải chiếm địa vị quan trọng. Chương 38 nói : “Thất đạo nhi hậu đức, thất đức nhi hậu nhân”.

Nhân đứng sau đạo và đức, chỉ xếp hàng thứ ba mà thôi. Người có nhân đức thì phải nghĩ cách dạy nó, thấy điều ân huệ thì cần làm, nhưng Lão Tử chủ trương để nó tự nhiên không làm không nói, đương nhiên là phản đối rồi. Nên chữ “nhân” trong chương này có nghĩa là tư. “Bất nhân”, chính là đại công vô tư. “Số cầu”, là con chó làm bằng rơm, khi cúng tế thì trang điểm rất đẹp rồi dâng lên tế lễ, khi dùng xong thì bỏ đi, không hề thương tiếc. Thiên địa đối với vạn vật cũng vậy, thấy vật có nhân thì không yêu không ghét, kệ cho vạn vật tự nhiên phát triển, để giữ nguyên bản tính của nó. Nên nói rằng : “Dĩ vạn vật vi số cầu”. Thánh nhân trị vì thiên hạ cũng vậy, không giáo dưỡng mà để tùy theo thiên tính của dân chúng. Kỳ thực bề ngoài, nhìn bề ngoài là bất nhân, nhưng thực tế lại là đại nhân. Cũng giống như cha mẹ đối với con cái, không nghe không hỏi, cũng không đánh chửi, xem ra hình như không yêu quý con cái nhưng thực ra lại rất yêu quý, do vậy con cái được tự do phát triển, phát huy đầy đủ bản năng của mình.

“Thiên địa chi gian, kỳ do thác thược hồ. Hư nhi bất khuất, động nhi dụ xuất”. “Thác thược” là cái bể lõm rền, “bất khuất” nghĩa là vô cùng. Trong ống bể trống không, nhưng lại luôn có gió. Giữa trời và đất cũng là khoảng không nhưng lại sinh ra vạn vật, càng sinh sôi nảy nở càng nhiều thêm, vô cùng vô tận.

“Đa ngôn số cùng, bất như thủ trung”. Chữ “ngôn” có nghĩa giống như chữ ngôn trong câu “hành bất ngôn chi giáo” của chương 2, chỉ thanh giáo pháp lệnh. “Số”, có nghĩa là nhanh. “Cùng” nghĩa là khôn cùng, nghĩa bóng là thất bại. “Trung” là “xung” có nghĩa là hư vô. Ý nghĩa của hai câu này là càng nói

nhiều lại càng luôn dẫn tới sai lầm, thất bại, chỉ bằng giữ sự hư vô thì tốt hơn.

Lời bình :

Chương này nói về đại đạo sinh ra vạn vật, thuần túy tự nhiên, không gắng gượng. Nhà vua trị vì thiên hạ, cũng nên dựa vào tinh thần này, không náo động ồn ào, gần gũi với dân chúng thì xã hội tự nhiên sẽ bình an. Vua Tần gây rối triều chính, dân chúng oán ghét vô cùng, Cao Tổ chỉ dùng ba điều luật pháp mà dân chúng bình yên, đó chính là điều chứng minh rõ nhất.

CHƯƠNG 6

Cốc thần bất tử, thị vị huyền tấn. Huyền tấn chi môn, thị vị thiên địa căn. Miên miên nhược tồn, dụng chi bất cần.

Dịch ý :

Gốc của đạo là hư vô, nhưng khả năng phát triển của nó rất thần kỳ không thể lường được, và nó lại vĩnh viễn tồn tại, đạo có ba loại đặc tính này, quả là thể của đạo rất huyền diệu. Thiên địa vạn vật đều sinh ra từ đó, cho nên cửa lớn thể của đạo diệu huyền chính là cái gốc của thiên địa vạn vật. Nó tuy nhỏ bé nhưng khả năng phát triển lại không bao giờ hết, tuy không có hình thể nhưng nó quả là đang tồn tại. Tác dụng phát triển của đạo vô cùng vô tận, càng ngày càng nảy nở.

Giải thích :

“Cốc thần bất tử, thị vị huyền tấn”. “Cốc” nghĩa gốc là chỉ hang núi, ở đây dùng để chỉ hư vô, thể của đạo. “Thần” chỉ sự thần kỳ về khả năng phát triển thể của đạo. “Bất tử”, những vật mà có sự sống thì đều phải chết, đạo không có sự sống nên luôn tồn tại mà không mất đi. “Cốc”, “thần”, “bất tử” ba từ này đều hình dung thể của đạo, cũng có thể nói là thuộc tính của đạo. Ba từ này là ba ý nghĩa, cần phải đọc tách ra. “Tấn”, ý nghĩa của nó giống như chữ “mãn” tác dụng của nó là ở sự phát triển, nên gọi nó là thể phát triển. Nhưng tất cả “tấn” “mãn” sau một thời gian phát triển thì khả năng phát triển dừng lại, chỉ có đạo là có khả

năng phát triển không ngừng, nên gọi là “Huyền tế”. “Huyền tế” chính là thể phát triển diệu huyền.

“Miên miên nhược tồn, dụng chi bất cần”. “Miên miên” nghĩa là nhỏ nhưng không bao giờ hết. Thể của đạo tuy tồn tại, nhưng lại hư vô không nghe thấy, không nhìn thấy, không sờ thấy nên nói là “nhược tồn”. “Cần”, nghĩa là cùng tận. Thể của đạo tuy hư vô nhưng tác dụng của nó vô cùng vô tận, nên nói là “dụng chi bất cần”.

Lời bình :

Chương này nói bản thể và tác dụng của đạo. Bản thể của đạo là hư vô, tác dụng của đạo là sinh sôi phát triển, chính vì vậy mà đạo vĩnh tồn bất tử, tác dụng của nó vô cùng vô tận. Nếu là sinh mệnh thì nhất định phải chết, nếu là thực thể thì có lúc phải cạn. Thường người ta nói thể của đạo là “hữu vật”, cho như vậy thì mới có thể nói càng rõ, càng thực đạo của Lão Tử, nếu không như vậy thì đạo khó bao trùm tất cả, tác dụng của nó không thể vô cùng vô tận.

CHƯƠNG 7

Thiên trường địa cửu. Thiên sở dĩ năng trường thọ cửu giả, dĩ kỳ bất tự sinh, cố năng trường sinh. Thị dĩ thánh nhân hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn. Phi dĩ kỳ vô tư da ? Cố năng thành kỳ tư.

Dịch ý :

Thế của đạo là vĩnh hằng, tác dụng của đạo là vô cùng. Có thể do thế của đạo hư vô, nhìn không thấy, sờ không được mà mọi người khó tiếp thu cách nói này. Thiên địa do đạo tạo ra, nhìn thấy sờ được, mọi người cũng có thể từ thiên địa mà sinh ra đạo. Thiên địa cũng vĩnh hằng, vô cùng vô tận. Sở dĩ thiên địa có thể vĩnh hằng vô cùng vô tận là vì quan hệ vô tư giữa chúng, nó sinh ra vạn vật, chỉ vì sinh trưởng mà sinh ra, nói cách khác, chỉ để phục vụ mà thôi. Bậc thánh nhân của đạo hiểu rõ điều này nên mọi nơi đều khiêm nhường khiêm tốn, kết quả lại được mọi người yêu mến. Mọi việc đều không tính toán lợi hại, được mất, quên mình vì người khác, kết quả bản thân lại được điều lành, tốt đẹp. Như vậy chẳng phải vì thánh nhân không tự tư mà thành việc riêng của mình đó sao ?

Giải thích :

“Bất tự sinh” nghĩa là không vì mình, cũng chính là “vô tư”. Thiên địa tạo ra vạn vật, không hề có tư tâm, kết quả là thiên địa vĩnh hằng vô tận. Còn con người ta chỗ nào cũng tự tư

tự lợi, việc gì cũng vì bản thân mình, kết quả con người sống ngắn ngủi và nhỏ bé. Con người muốn sống lâu, trường cửu, vĩnh hằng thì phải hiệu pháp thiên đạo. Chúng ta thấy những bậc vĩ nhân trong lịch sử, như Thích Ca, JêSu, Khổng Tử,... họ sở dĩ có thể chết mà không chết, vĩnh viễn tồn tại, đó chẳng phải vì họ không hề tự tư tự lợi, xả thân vì người khác đó sao ?

“Hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn”. “Hậu kỳ thân”, “ngoại kỳ thân” đều là những biểu hiện khiêm nhường không tranh giành, mà cơ sở của nó là vô tư. Kết quả của “hậu kỳ thân” “ngoại kỳ thân” là “thân tiên”, “thân tại” (đặt thân mình ở sau mà thân lại được ở trước, đặt thân mình ra ngoài mà thân lại tồn tại), đây chính là “khiêm thụ ích” như nho gia từng nói. Chương thứ 81 đã nói : “Kỷ dĩ vi nhân kỷ dự hữu, kỷ dĩ dĩ nhân kỷ dự đa” chính là đạo lý này.

“Phi dĩ kỳ vô tư da ? Cố năng thành kỳ tư”. “Vô tư” chỉ “Hậu kỳ thân” và “Ngoại kỳ thân” ở phần trên, “thành kỳ tư” chỉ “thân tiên” và “thân tồn” ở phần trên. “Vô tư” mà lại còn “thành kỳ tư”, câu nói này xem ra rất mâu thuẫn. Thực tế quả không sai. Phải hiểu rằng bất kỳ một âm thanh nào phát ra cũng đều có tiếng vọng trở lại, bất kỳ một lực tác dụng nào cũng đều sinh ra lực phản tác dụng. Ta gõ vào cái bàn một cái, thì đồng thời cái bàn cũng nhất định phản lại ta một cái, đây là quy luật tự nhiên. Sự việc trên đời cũng vậy. Ngạn ngữ có câu : “Ngã vi nhân nhân, nhân nhân vi ngã” (mình vì mọi người, mọi người vì mình). Mạnh Tử nói : “Ái nhân giả, nhân hàng ái nhân, kính nhân giả, nhân hàng kính chi” (người yêu người thì luôn được người yêu, người kính trọng người khác thì luôn được người khác luôn

kính trọng mình) đều nói lên đạo lý này. Điều quan trọng là khi chúng ta “vị nhân” “ái nhân” “kính nhân” thì đừng có mong đợi người khác “vị ngã” “ái ngã” “kính ngã”, nếu không đó chính là điều tự tư lớn nhất, nói chi đến vô tư nữa kia chứ ?

Lời bình :

Chương này nói lên chỗ ích lợi của “vô tư” từ không tự sinh ra đến có thể trường tồn của trời đất, suy ra đến điều vô tư hiệu pháp thiên địa của bậc thánh nhân. Về vấn đề yêu cầu con người ta bỏ đi lòng vị kỷ, hãy vì người khác thì “vật ngã” của Khổng Tử và “Vô tư” của Lão Tử là giống nhau. Do vậy cũng có thể biết được cơ sở giống nhau về sự nghiệp của bậc vĩ nhân.

CHƯƠNG 8

Thượng thiện nhược thủy. Thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh. Xứ chúng nhân chi sở ố, cổ kỹ vu đạo. Cư thiện địa, tâm thiện yên, dử thiện nhân, ngôn thiện tín, chính thiện trị, sự thiện năng, động thiện thời. Phù duy bất tranh, cổ vô ưu.

Dịch ý :

Người có đạo đức, giống như nước vậy. Nước có ba đặc tính, thứ nhất là nuôi dưỡng vạn vật, thứ hai là bản năng mềm yếu, theo tự nhiên không tranh giành, thứ ba là tính tự chảy vào chỗ trũng mà mọi người ghét bỏ. Có ba đặc tính lớn này nên nước rất gần với đạo. Nước thuộc về chỗ trũng, người có đạo đức thì khiêm nhường đối với mọi người. Nước nơi sâu thì trong xanh, người có đạo đức thì trầm tĩnh. Nước chiếu vạn vật, rõ ràng, thành thực, người có đạo đức cũng chân thành không hề dối trá. Nước nuôi dưỡng vạn vật, gột rửa dơ bẩn mà gan đục khơi trong, người có đạo đức, thanh tĩnh vô vi mà dân chúng tự nhiên thuần chất. Thuộc tính của nước là yếu mềm, công năng rất tuyệt có thể tròn, có thể vuông. Người có đức có khả năng giáo hóa, không hề tư lợi, người có đạo đức cũng giống như nước vậy, đặc biệt là “không tranh cạnh”; chính vì không tranh cạnh mà không bao giờ oán giận.

Giải thích :

“Thượng thiện nhược thủy”. “Thượng thiện” chỉ người có

đạo đức. Lão Tử trong giới tự nhiên rất coi trọng nước, đối với con người rất coi trọng trẻ nhỏ, nên thường ví đạo với nước và trẻ nhỏ. Thuộc tính của nước là yếu mềm, không tranh cạnh, trẻ nhỏ thì ngây thơ, chất phác. Đặc tính này là đặc tính quan trọng nhất của đạo.

“Thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh, xứ chúng nhân chi sở ố, cố kỹ vu đạo”. “Lợi vạn vật”, chỉ công dụng của nước là nuôi dưỡng vạn vật. Thuộc tính của nước là thấp hèn, mà thấp hèn thì mọi người oán ghét, nên nói : “Xứ chúng nhân chi sở ố”. “Kỹ” nghĩa là gần. “Lợi vạn vật”, “bất tranh”, “xứ chúng nhân chi sở ố” là ba đặc tính của nước, do vậy nó gần với đạo.

“Cư thiện địa, tâm thiện yên, dữ thiện nhân, ngôn thiện tín, chính thiện thủy, sự thiện năng, động thiện thời”. Bảy câu này bề ngoài là miêu tả thuộc tính của nước, nhưng thực tế lại ví với cái đức của “thượng thiện”. “Thiện địa” chỉ nơi thấp hèn, mà nơi thấp hèn thì mọi người oán ghét, nhưng thực ra là nơi tốt nhất. Sông biển ở chỗ thấp nên thành “Bách cốc vương”, vật thể cao thì cũng phải có cơ sở thấp mới vững bền. Người có đức khiêm nhường, giống như “Cư thiện địa” của nước vậy. “Yên” nghĩa là sâu. Thuộc tính của nước là hư vô, trong xanh sâu rộng. Người có đức thì trong lòng hư tĩnh, trầm tư, điều này giống như “tâm thiện yên” của nước vậy. “Dữ” nghĩa là làm cho. Nước sinh ra vạn vật nhưng không tư lợi, nên gọi là “thiện nhân”. Người có đức làm điều ân nghĩa mà không mong báo đáp, điều này giống như “dữ thiện nhân” của nước. “Tín” nghĩa là thành tín. Nước không biết nói, nhưng nước soi chiếu được con người, công dụng giống như lời nói. Khi nước soi chiếu con người ta thì đẹp xấu đều lộ rõ, đây chính là “tín”. Lời nói của những người có đức đều chân thực không giả dối, điều này giống như “ngôn thiện tín” của

nước. “Chính” là động từ, nghĩa là tự lý. “Trị” chỉ trị tích. Nước nuôi dưỡng vạn vật gột rửa dơ bẩn mà gan đục khơi trong. Người có đức vô vi mà dân hóa, hư tĩnh mà dân chính, vô sự mà dân phú, vô dục mà dân phác (chương 57) điều này giống với “chính thiện trị” của nước. “Năng” nghĩa là công năng. Nước có thể vuông, có thể tròn, biểu hiện công năng chí thiện. Người có đức thuận theo tự nhiên, vô tư vô dục mà giáo hóa được muôn loài, điều này giống như “sự thiện năng” của nước. “Thời” nghĩa là thời thế. Động tĩnh của nước đều thuận theo thời thế. Tất cả những hành động của người có đức đều thay đổi theo thời thế. Điều này giống như “Động thiện thời” của nước. Bảy câu này đều hình dung thuộc tính của nước, thực tế là nói cụ thể hơn 3 đặc tính của nước ở phần trước. Hai câu đầu nói “xử chúng nhân chi sở ác”, bốn câu giữa nói “lợi vạn vật”, câu cuối nói “bất tranh”.

“Phù duy bất tranh, cố vô vu”. “Vu” nghĩa là oán giận. Tất cả oán giận đều do lợi hại tranh chấp mà có, mà tranh chấp đều bắt nguồn từ tư tâm. Hạng Vũ nhìn thấy xe của Tần Thủy Hoàng nói : “Ta có thể giành lấy và thay nó”. Lưu Bang nhìn thấy thì bảo : “Đấng trượng phu đáng được như vậy”. Thế là Sở Hán tranh hùng bao năm, gây bao cảnh tương tàn. Không có tư tâm thì không có tranh chấp. Không có tranh chấp thì oán giận đâu ra ?

Lời bình :

Chương này ví đạo như nước. Nước có ba đặc tính, đặc biệt nhấn mạnh đặc tính “bất tranh”, vì “bất tranh” là cơ sở của “lợi vạn vật” và “tự hạ”. Người ta có thể noi theo “bất tranh” của nước thì có thể sinh ra “lợi vạn vật”, nếu được như vậy thì gần được với đạo rồi đấy.

CHƯƠNG 9

Trì nhi doanh chi, bất như kỳ dĩ; Sỷ nhi duệ chi, bất khả trường bảo. Kim ngọc mãn đường, mạc chi năng thủ; Phú quý nhi kiêu, tự dĩ kỳ cữu. Công toại, thân thoái, thiên chi đạo.

Dịch ý :

Lòng con người ta phải biết đủ biết dừng, đối xử với người và sự việc thì phải khiêm tốn nhường nhịn. Cũng ví như nước vậy, dù đựng trong bất kỳ vật gì cũng đều không thể quá đầy, quá đầy thì sẽ trào ra ngoài, nên trước khi đầy phải nhanh chóng dừng lại, không thể tăng thêm được nữa. Lại ví như con dao, cái dùi, vừa dùng là được, nếu mài quá sắc nhọn thì dễ bị mẻ, bị gãy. Một người vàng bạc quá nhiều dễ gây cho người khác tò mò, nhòm ngó, bản thân cũng gặp nhiều trắc trở, cuối cùng thì cũng không thể giữ được số tài sản quý báu đó. Do vậy một người khi giàu có rồi thì nên khiêm tốn nhường nhịn, kín đáo, nếu không như vậy mà tự khoe mình, kiêu ngạo thì tự chuốc họa vào thân. Cần hiểu rằng thượng đế sinh vạn vật, cũng chính là “sinh nhi bất hữu, vi nhi bất tự, công thành nhi bất cư”. Vì vậy khi người ta thành công rồi thì thoái lui, như vậy mới hợp đạo lý tự nhiên.

Giải thích :

“Trì nhi doanh chi, bất như kỳ dĩ, sỷ nhi duệ chi, bất khả

trường bảo”. “Trì” nghĩa là giữ gìn, “Doanh” nghĩa là đầy, “dĩ” nghĩa là dừng lại, “suy” nghĩa là mài dũa. Hai câu đầu lấy nước làm ví dụ, nước mà quá đầy thì tất sẽ trào ra; Hai câu sau lấy khí cụ làm ví dụ, khí cụ mà quá sắc nhọn thì dễ gãy mẻ để nói con người không được tự cao tự mãn. Mặt trời mọc rồi lại lặn, trăng tròn rồi khuyết, đó là hiện tượng tự nhiên; Người kiêu tất bại, người ngạo tất vong, đó là chuyện thường tình trên đời. Hạng Vũ trăm trận trăm thắng, nhưng coi thường binh khí cuối cùng phải nhảy xuống sông Ô Giang tự vẫn; Phù Kiên đánh đông dẹp bắc, nhưng ngạo mạn quá chừng cuối cùng đại bại ở Phi Thủy. Đó là những minh chứng tốt nhất. Người phương Tây thường nói : “Thượng đế sử dụng tử vong, tất tiên sử kỳ phong cuồng” (Thượng đế khiến người ta phải chết thì trước tiên phải khiến người ta điên dại). Điều này thì từ trước tới nay, từ đông chí tây đều giống nhau cả.

“Phú quý nhi kiêu, tự di kỳ cữu”. “Cữu” nghĩa là tai họa. Di Ngô (Tấn Huệ Công) ngạo mạn mà mất nước. Thạch Sùng thi đấu của cải mà bị diệt vong. Đó chính là đạo lý của “Phú quý nhi kiêu, tự di kỳ cữu”.

“Công toại, thân thoái, thiên chi đạo ?”. “Toại” nghĩa là thánh, trời sinh ra muôn vật, “vì nhi bất thi, công thành nhi bất cư” (chương 2) người ta khi công thành thì thân thoái, hợp với đạo trời thì tự nhiên giữ được bản thân và gia đình, luôn được hưởng niềm vui thú, bằng không sẽ gặp phải tai họa.

Ta hãy thử xem Phạm Lãi giúp đỡ Câu Tiễn dành lại giang sơn, Trương Lương giúp đỡ Lưu Bang lập nên nhà Hán, sau khi sự nghiệp thành công thì tự mình thoái vị, cuối cùng được hưởng

trọn tuổi già. Còn Văn Chung, Hàn Tín do tham lam lợi lộc cuối cùng bị giết hại, đó chẳng phải là minh chứng tốt nhất sao ?

Lời bình :

Chương này nói lên chỗ hại của tự kiêu tự mãn, khuyên con người ta nên khiêm tốn, nhường nhịn, theo qui luật tự nhiên, thành công rồi thì nên thoái lui để hưởng cuộc sống an lạc.

CHƯƠNG 10

Tài doanh phách bao nhất, năng vô li hồ ? Chuyên khí chí nhu, năng anh nhi hồ ? Dịch trừ huyền lâm, năng vô tỳ hồ ? Ái Quốc trị dân, năng vô tri hồ ? Thiên môn khai hợp, năng vi tỳ hồ ? Minh bạch tứ đạt, năng vô vi hồ ? Sinh chi xúc chi, sinh nhi bất hủu, vi nhi bất thị, trường nhi bất tể, thị vi Huyền Đức.

Dịch ý :

Trong lòng giữ lấy đạo, liệu không rời đạo được không ? Nghe theo bản năng sinh lý dẫn đến mềm yếu, giống như đứa trẻ được không ? Gạt bỏ tâm trí, liệu không còn một chút vết dư được không ? Yêu nước trị dân liệu không dùng trí xảo được không ? Vận động cảm quan tai, mắt, mũi, mồm liệu giữ cho yên tĩnh được không ? Trong lòng đã hiểu rõ tất cả thì liệu không làm được không ? Con người và vạn vật đều phải theo qui luật tự nhiên. Đạo sinh ra vạn vật, nuôi dưỡng vạn vật, nhưng sinh ra vạn vật mà không lấy làm của mình, nuôi dưỡng vạn vật mà không khoe khoang công trạng, sinh dưỡng vạn vật mà không chiếm đoạt nó. Đây có thể gọi là cái đức tinh vi huyền diệu.

Giải thích :

“Tài doanh phách bao nhất, năng vô li hồ ?”. “Tài” nghĩa là gìn giữ. “Doanh phách” chính là hèn phách, “nhất” trong sách của Lão Tử là một danh từ rất đặc thù, chỉ đạo — Chương 22 viết : “Thị dĩ thánh nhân bao nhất vi thiên hạ thức”, chương 39

viết : “Thiên đắc nhất dĩ thanh, địa đắc nhất dĩ ninh”. Chữ “nhất” đều là chỉ đạo.

“Chuyên khí chí nhu, năng anh nhi hồ ?”. “Khí”, chỉ bản năng của sinh lý. “Chuyên khí” là nghe theo bản năng của sinh lý mà không kèm chế. “Nhu”, nghĩa là nhu nhược. Lão Tử rất coi trọng mềm yếu, ông cho rằng mềm yếu là tác dụng của đạo, mềm yếu mà thắng được cứng rắn, mềm yếu mới sống được, cứng rắn thì chết. “Anh nhi”, trẻ thơ vốn là ngây thơ, vô tư, mềm yếu, nên trong sách của Lão Tử thường dùng làm ví dụ. Như chương 20 viết : “Ngã độc bạc hề kỳ vị triệu, như anh nhi chi vị hài”. Chương 28 viết : “Thường đức bất li, phục qui vu anh nhi”. Chương 55 viết : “Hàm đức chi hậu, tỳ vu xích tử”. Những câu này đều dùng để ví với mềm yếu (nhu nhược).

“Dịch trừ huyền lâm, năng vô tỳ hồ ?”. “Huyền lâm” chỉ tâm vì tâm thể huyền diệu có thể biết vạn vật nên gọi là “huyền lâm”. Tất cả trí tuệ, dục vọng, đều phát sinh từ tâm. Lão Tử đều phản đối những điều này nên ông chủ trương rửa sạch tâm thể, làm cho tâm thể sạch sẽ không có dơ bẩn.

“Ái quốc trị dân, năng vô tri hồ ?”. “Tri” nghĩa là “trí”. Lão Tử phản đối dùng trí tuệ trị vì thiên hạ. Chương 65 nói : “Cố dĩ trí trị quốc, quốc chi tặc; bất dĩ trí trị quốc, quốc chi phúc”.

“Thiên môn khai hợp, năng vi tỳ hồ ?”. “Thiên môn” chỉ cảm quan như tai, mắt, mũi, miệng. Tai để nghe âm thanh, mắt để nhìn màu sắc, miệng để ăn uống nói cười, mũi để ngửi mùi vị, những cảm quan này đều do trời phú cho nên gọi là “thiên môn”. “Tỳ” nghĩa là yên tĩnh, mềm yếu. “Vi tỳ”, trong nguyên bản Vương Bật viết là “vô tỳ” nghĩa không được thông suốt, trong Bạc

Thư Lão Tử viết là “vi tỷ” nên dựa vào Bạc Thư của Lão Tử mà sửa thành “vi tử”.

“Trường nhi bất tề”. “Tề”, động từ, nghĩa là chủ. “Bất tề” chính là có nghĩa “bất vi chủ” như trong chương 34 đã viết.

Lời bình :

Chương này nói về phép tu thân, trị thế, tuy không giống nhau nhưng đều phải thuận theo tự nhiên thì bảo toàn được bản tính; khiêm nhường mà không nhu nhược để trừ ngang ngược. Nếu làm xằng làm bậy, tranh giành bon chen thì thân tử quốc vong.

CHƯƠNG 11

Tam thập phúc, cộng nhất cốc, đương kỳ vô, hữu xa chi dụng. Duyên thực dĩ vi khí, đương kỳ vô, hữu khí chi dụng. Tạc hộ dĩ dĩ vi thất, đương kỳ vô, hữu thất chi dụng. Cố hữu chi dĩ vi lợi, vô chi dĩ vi dụng.

Dịch ý :

Người đời chỉ biết tác dụng của “hữu” mà không biết tác dụng của “vô”. Lấy chiếc xe làm ví dụ, ba mươi chiếc nan hoa trên bánh xe đều quay vào đùm xe, chính nhờ vào khoảng trống không trong đùm xe mà xe mới sử dụng được. Lại lấy đồ vật làm ví dụ, nhào nặn đất sét để làm chén bát, chính nhờ khoảng trống không ở bên trong mà chén bát mới dùng được. Lại lấy căn nhà làm ví dụ, mở cửa và cửa sổ làm thành căn nhà, vì trong nhà trống không mới dùng để ở được. Do vậy ta mới biết rằng “hữu” (thực thể) sở dĩ đem lại điều tiện lợi cho con người, thực ra “vô” (hư vô) mới làm cho “hữu” phát huy tác dụng.

Giải thích :

“Tam thập phúc, cộng nhất cốc, đương kỳ vô, hữu xa chi dụng”. “Phúc” là những thanh gỗ thẳng của bánh xe, ngày nay là những căm xe đạp. Một tháng có 30 ngày, căm xe thời cổ dùng 30 chiếc như số ngày trong tháng. “Cốc” là khối gỗ tròn ở giữa để căm xe cắm vào, giữa trống không cho tiện lợi. “Kỳ” chỉ đùm xe. “Vô” chỉ khoảng trống trong đùm xe. Vì trong đùm xe trống

không có thể cắm cắm xe, đặt vào trục xe mới có tác dụng nên nói là : “đương kỳ vô, hữu xa chi dụng”.

“Duyên thực dĩ vi khí”. “Duyên” nghĩa là nhào nặn, “thực” nghĩa là đất sét. “Duyên thực” nghĩa là nhào nặn đất sét.

“Tạc hộ dĩ dĩ vi thất”. “Hộ dĩ” chỉ cửa ra vào và cửa sổ.

“Cổ hữu chi dĩ vi lợi, vô chi dĩ vi dụng”. “Hữu” chỉ xe cộ, chén bát, nhà cửa, “vô” chỉ khoảng trống trong xe cộ, chén bát, nhà cửa. Hai chữ “chi” đều là trợ từ không có ý nghĩa. Theo cách nói “đạo” ở trên thì “vô” là thể, “hữu” là dụng; Nói theo “khí” ở dưới thì “vô” là gốc, “hữu” là ngọn. “Hữu” sở dĩ có lợi cho người là đều dựa vào “vô” phát huy tác dụng. Chương 5 đã nói khoảng giữa trời đất giống như chiếc quạt hòm, vạn vật sinh sôi nảy nở phát triển không ngừng ở giữa đất trời, đó cũng là nhấn mạnh tầm quan trọng của “vô”. Thử hỏi nếu trong chén bát không có khoảng trống thì làm sao đựng được ? Trong xe không có khoảng trống thì làm sao chở được người ? Trong nhà không có khoảng trống thì sao người ở được ? Nói rộng ra, giữa đất trời không có khoảng trống thì vạn vật sao sinh trưởng được ? Nói chung người ta chỉ biết ích lợi của “hữu” không biết tác dụng của “vô” nên Lão Tử phát minh ra điều này để biết được tác dụng vô hình của đạo.

Lời bình :

Chương này lấy ba ví dụ nói lên tác dụng kỳ diệu của “vô” mà vạn vật hữu hình trong trời đất là đều được sinh ra từ đạo vô hình. Từ đó ta có thể thấy được tuy vô hình vô tượng nhưng tác dụng của nó ảo diệu vô cùng. Cũng chính vì thế của Đạo hư vô mới có tác dụng vô cùng kỳ diệu như vậy.

CHƯƠNG 12

Ngũ sắc lệnh nhân mục manh; ngũ âm lệnh nhân nhĩ lung, ngũ vị lệnh nhân khẩu sảng. Tri sinh điền liệt, lệnh nhân tâm phát cuồng; Nan đắc chi hóa, lệnh nhân hành phương. Thị dĩ thánh nhân vị phúc bất vị mục, cố khứ bỉ thủ thủ.

Dịch ý :

Nhu cầu của con người thì có hạn mà dục vọng của con người thì vô cùng. Nhưng quá theo đuổi dục vọng mà không kèm chế được thì kết quả của nó không những không cảm thấy hài lòng, dễ chịu mà ngược lại luôn cảm thấy đau khổ, thậm chí mất cả bản thân mình. Quá theo đuổi về hưởng thụ màu sắc thì cuối cùng ắt mất đi thị giác, không nhìn thấy gì nữa; quá theo đuổi về hưởng thụ âm thanh, thì cuối cùng ắt mất đi thính giác, không nghe thấy gì nữa; quá theo đuổi về hưởng thụ mùi vị, thì cuối cùng ắt mất đi vị giác, ăn cũng không thấy ngon. Dong dẫu trên yên ngựa đi săn bắn chim thú quá mức thì cuối cùng làm cho người ta mê loạn; theo đuổi vàng bạc châu báu quá mức thì cuối cùng con người ta sẽ thân bại danh liệt, hành vi đạo đức đều hư hỏng cả. Cho nên bậc thánh nhân sống giản dị, chỉ cầu no bụng mà không cầu hưởng thụ. Nguyên chọn cuộc sống thanh tao mà không cầu xa xỉ phù hoa.

Giải thích :

“Ngũ sắc lệnh nhân mục manh”. “Ngũ sắc”, màu đỏ, vàng,

lam, trắng, đen, nghĩa bóng chỉ nhiều màu sắc. “Mục danh” nghĩa là thị giác kém, không nhìn thấy gì. Vì quá theo đuổi hương thụ thị giác ắt tới lúc mắt hoa lên, không thể phân biệt được đẹp xấu của màu sắc, như vậy thì cũng giống người mù thôi. Ví như của hàng bán vải, nhìn thấy muôn vàn màu sắc, vải nào cũng đẹp không biết chọn mảnh nào, khó mà mua được.

“Ngũ âm lệnh nhân nhĩ lung”. “Ngũ âm”, cung, thương, giốc, chủy, vũ chỉ các loại âm thanh. “Nhĩ lung” nghĩa là thích giác kém, không nghe thấy gì. Vì quá theo đuổi về hương thụ thính giác, ắt tới lúc vì tai không phân biệt được xấu tốt của âm thanh, như vậy khác gì người điếc.

“Ngũ vị lệnh nhân khẩu sảng”. “Ngũ vị”, chua, ngọt, đắng, cay, mặn, chỉ các loại vị. “Sảng” nghĩa là mất đi. “Khẩu sảng” là vị giác tê liệt, ăn không biết vị gì. Vì quá theo đuổi về hương thụ vị giác, ắt tới lúc lưỡi bị tê dại, không còn phân biệt được gì nữa. Như Hà Tăng người nước Tấn, ngày ăn vạn tiền mà vẫn nói là chưa ăn là một ví dụ.

“Tri sinh diên liệt, lệnh nhân tâm phát cuồng”. “Tri sinh” nghĩa là cưới ngựa. “Diên liệt”, “diên” cũng là “liệt” đều có nghĩa là đi săn. Người xưa lấy việc đi săn bắn làm thú vui, ở đây dùng để chỉ thay cho những việc cực lạc. “Tâm phát cuồng”, nghĩa là trong lòng không yên. Hương lạc quá cỡ thì ăn ngủ không yên, tâm thần bất ổn.

“Nan đắc chi hóa, lệnh nhân hành phương”. “Nan đắc chi hóa” chỉ vàng bạc châu báu. “Phương” nghĩa là thương hại. “Hành phương” nghĩa là hành vi đồi bại.

“Thị dĩ thánh nhân vị phúc bất vị mục, cố khứ bỉ thủ thử”.

“Mục” bao gồm bốn bộ phận : tai, mồm, tâm, hành. “Vị phúc” chỉ những yêu cầu về thỏa mãn thân thể, “vị mục” chỉ những tham muốn về thỏa mãn tâm lý - Nhu cầu về thân thể phải giản đơn. Dục vọng trong lòng thì vô độ, điều nói là “dục thâm khê hác” thì chẳng bao giờ thỏa mãn được. Nên “vị phúc” là lấy vật để nuôi mình; “vị mục” là lấy vật để thỏa mãn mình. “Bì” chỉ “vị mục”; “thử” chỉ “vị phúc”. Con người ta vừa muốn thỏa mãn thân thể vừa thỏa mãn tâm lý thì khó mà toại nguyện. Cho nên Lão Tử chủ trương “vị phúc”, “khử mục” (vì cái bụng, không vì cái mắt).

Lời bình :

Chương này nói về lòng ham muốn của con người rất lớn, không bỏ được ham muốn thì tất sẽ gặp phai tai họa, đồng thời cũng nói lên vật chất càng đầy đủ thì họa càng lớn. Vật chất càng phát đạt, chúng ta cho rằng đó là tiến hóa, ngược lại Lão Tử lại cho là thoái hóa.

CHƯƠNG 13

Sùng nhục nhược kinh, quý đại hoạn nhược thân. Hà vị sùng nhục nhược kinh ? Sùng vi thượng, nhục vi hạ, đắc chi nhược kinh, thất chi nhược kinh. Hà vị quý đại hoạn nhược thân ? Ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả, vị ngô hữu thân, cập ngô vô thân, ngô hữu hà hoạn ? Cố quý dĩ thân vi thiên hạ, nhược khả kỳ thiên hạ, ái dĩ thân vi thiên hạ, nhược khả thác thiên hạ.

Dịch ý :

Người đời được hay mất danh lợi, được vinh hay bị nhục thì trong lòng đều cảm thấy sợ hãi, họa lớn cũng sinh ra sợ hãi. Tại sao được vinh hay bị nhục đều sợ hãi ? Là vì trong lòng của người đời vinh là cao thượng, nhục là thấp hèn. Được vinh hoa thì cảm thấy cao quý, bị nhục nhã thì cảm thấy thấp hèn, nên được cũng sợ mà mất cũng sợ. Tại sao họa lớn cũng sợ hãi ? Chúng ta có họa lớn là vì luôn nghĩ tới bản thân. Nếu chúng ta quên bản thân mình, thì còn sợ gì họa nữa cơ chứ ? Nên một người nguyện hy sinh bản thân phục vụ cho người thiên hạ thì có thể giao thiên hạ cho họ.

Giải thích :

“Sùng nhục nhược kinh, quý đại hoạn nhược thân”. Hai câu này là lời nói cổ, Lão Tử dẫn ra để nói rõ thêm chứ không phải là câu nói của ông. “Sùng” nghĩa là quang vinh, tôn sùng. “Nhục” nghĩa là thấp hèn, ti tiện, trái nghĩa với chữ “sùng”. “Nhược” là

“nãi”, giống như chữ “tự” trong khẩu ngữ, giống như nghĩa của chữ “nhược” trong chương 9. “Quý”, nghĩa là sợ hãi. “Nhược thân” tức bản thân sinh ra sợ hãi. Ý của hai câu này là người đời được vinh hay bị nhục thì đều sinh ra rối loạn, sợ vạ lớn cũng sinh ra rối loạn.

“Sùng vi thượng, nhục vi hạ”. Trong nguyên tác của Vương Bật ông chỉ viết một câu là “Sùng vi hạ” nghĩa thật khó hiểu, ngày nay căn cứ vào những bản viết khác sửa thành “sùng vi thượng, nhục vi hạ”. Nghĩa là người đời thương cho rằng vinh là tốt mà nhục là xấu, nên mới “sùng nhục nhược kinh”. “Thượng” “hạ” nghĩa là tôn và ti, tốt và xấu.

“Ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả, vị ngô hữu thân, cập ngô vô thân, ngô hữu hà hoạn”. “Hữu thân” nghĩa là có thân tôi. “Cập”, từ giả thiết, nghĩa là như, nếu như, tất cả sùng, nhục, họa, phúc đều là do “có thân tôi” mà ra, nếu như “không có thân tôi”, “quên tôi đi” thì chẳng sợ gì nữa hết. “Vật ngã” của Khổng Tử cũng chính là nói ý này.

“Cố quý dĩ thân vi thiên hạ, nhược khả ký thiên hạ, ái dĩ thân vi thiên hạ, nhược khả thác thiên hạ”. Nghĩa của chữ “nhược” giống như nghĩa của chữ “nhược” trong “sùng nhục nhược kinh”. “Ký thiên hạ” chính là “thác thiên hạ” của câu sau, nghĩa của chữ “ký” giống như nghĩa của chữ “thác”. Người dám hy sinh thân mình vì quốc gia thiên hạ thì mới trao thiên hạ cho họ, ngược lại nếu người luôn nghĩ về mình, việc gì cũng chỉ có lợi cho mình thì sao có thể gửi gắm, giao phó quốc gia thiên hạ cho họ được ?

Lời bình :

Chương này dạy con người ta quên thân mình, đừng bao giờ nghĩ đến riêng tư. Nếu đặt sống chết bao gồm sung, nhục, phúc, họa ra ngoài ý nghĩ của mình thì chẳng bao giờ sợ hãi cả. Toàn chương chia làm bốn đoạn. Hai câu đầu là đoạn thứ nhất, là Lão Tử dẫn lời người xưa. Từ “hà vị sung nhục nhược kinh” đến “thị vị sung nhược kinh” là đoạn thứ hai, đoạn này giải thích “sung, nhục, nhược kinh”. Từ “Hà vị quý... đại hoạn nhược thân” đến “ngô hữu hà hoạn” là đoạn thứ ba, đoạn này giải thích “quý đại hoạn nhược thân”. Từ “cố quý” đến hết là đoạn thứ tư, là tổng kết những đoạn trên.

CHƯƠNG 14

Thị chi bất kiến danh viết di, thính chi bất văn danh viết hi, bác chi bất đắc danh viết vi. Thử tam giả bất khả tri cập, cố hỗn nhi vi nhất. Kỳ thượng bất kiêu, kỳ hạ bất muội, thăng thăng bất khả danh, phục quy vu vô vật. Thị vị vô trạng chi trạng, vô cập chi tượng, thị vị hốt hoàng. Nghênh chi bất kiến kỳ thủ, tùy chi bất kiến kỳ hậu. Chấp cổ chi đạo, dĩ ngự kim chi hữu, năng tri cô thủy, thị vị đạo kỳ.

Dịch ý :

“Đạo” không có màu sắc, không có âm thanh, không có hình thể. Không có màu sắc nên không nhìn thấy; không có thanh âm nên không nghe thấy; không có hình thể nên không nhìn thấy. Không nhìn thấy gọi là “di”, không nghe thấy gọi là “hi”, không sờ thấy gọi là “vi”. Vì đạo vô sắc, vô thanh, vô hình nên không cách nào biết được nó, mà chỉ thấy nó hỗn độn làm một. Nó không sáng cũng không tối, nó có thể sinh ra vạn vật liên tiếp không ngừng, tác dụng kỳ diệu vô cùng nhưng cuối cùng nó vẫn không có hình thể. Ta gọi nó là hình trạng không có hình trạng, vật tượng không có vật tượng, một trạng thái thấp thoáng, mập mờ. Muốn đón nó nhưng không thấy đầu, muốn theo nó mà không thấy đuôi. Nắm được đạo tồn tại từ ngàn xưa thì có thể chế ngự được tất cả sự vật ngày nay. Biết được sự tình từ thời nguyên thủy thì coi là hiểu được quy luật của đạo.

Giải thích :

“Thị chi bất kiến danh viết di, thính chi bất văn viết hi, bác chi bất đắc danh viết vi”. “Bác” nghĩa là dùng tay nắm lấy. Thời kỳ đầu nhà Tống có một người gọi là Trần Bác, tự là Hy Di, nên lấy ba chữ này. “Di” “hi” “vi” ba chữ này đều chỉ thê hư vô của Đạo. Nó đã vô sắc, vô thanh lại càng vô hình, nên không thấy, nghe không hay, sờ cũng không được. Tóm lại, tất cả cảm quan không thể nắm bắt được chỉ dựa vào tâm linh mới biết được nó.

“Thử tam giả bất khả trí cật, cố hỗn nhi vi nhất”. “Tam giả” chỉ di, hi, vi. “Cật” nghĩa là gãy hỏi, truy cứu. Chương 1 đã nói : “Đạo khả đạo, phi thường đạo”. “Đạo” không thể nói được nên “bất khả trí cật”, cách để hiểu đạo là hoàn toàn dựa vào tâm linh.

“Hỗn nhi vi nhất”, nghĩa là di, hi, vi gộp làm một.

“Kỳ thượng bất biểu, kỳ hạ bất muội, thăng thăng bất khả danh, phục quy vu vô vật”. “Thượng, hạ” chỉ toàn bộ đạo. “Kiểu” nghĩa là sáng sủa. “Muội” nghĩa là đen tối. Đạo nếu là sáng sủa thì trong đen tối cũng nhìn thấy được; nếu đạo đen tối thì dưới ánh sáng cũng có thể thấy được. Nhưng Đạo là vô hình nên nó cũng không sáng cũng không tối. “Thăng thăng” nghĩa là liên tục, “danh” là động từ, nghĩa là hình dung. “Vô vật” không nói là mọi vật đều không có mà chỉ nói bất kỳ hình tượng nào tồn tại thực tế mà thôi.

“Thị vị vô trạng chi trạng, vô vật chi tượng, thị vị hốt hoảng”. Thể của đạo nhỏ bé, tiềm ẩn, khó có thể biết được, nếu nói không có nó sao nó lại sinh ra vạn vật; nếu nói có nó sao lại không thấy hình thể của nó. Nên đành phải nói nó là “vô trạng chi trạng, vô vật chi tượng”. “Hốt hoảng” nghĩa là như có như không khó mà phân biệt. Đạo như có như không, vừa hư vừa thực

nên gọi là “hối hoang”.

“Nghênh chi bất kiến kỳ thủ, tùy chi bất kiến kỳ hậu”. Hai câu này nói đạo vượt qua không gian thời gian mà tồn tại. Nếu nói về thời gian thì nó sinh ra trước khi có trời đất, cũng không biết khi nào mới mất, thực tế nó không còn không mất, không có ngày khởi đầu, không có ngày kết thúc. Nếu nói về không gian, nó lơ lửng không đầu không đuôi.

“Chấp cổ chi đạo, dĩ ngự kim chi hữu. Năng tri cổ thủy, thị vị đạo kỷ”. “Chấp” nghĩa là nắm lấy. “Cổ chi đạo”, đạo tồn tại từ cổ xưa tới ngày nay. “Ngự” nghĩa là chế ngự. “Hữu” chỉ tất cả sự vật. Nắm chắc thể của đạo, thì không chế được vạn vật, đây cũng là cách nắm gốc giữ ngọn, nắm giản đơn giữ phức tạp. “Cổ thủy” là “cổ chi đạo” ở đoạn trên. “Đạo kỷ” là kỷ cương, quy luật của đạo. Sự thay đổi của vạn vật trên đời này đều có quy luật của nó, nên mới nói là vạn vật biến bất li kỳ tông. Sự sinh trưởng biến hóa của vạn vật đều không tách rời quy luật của đạo, nếu chúng ta hiểu được đạo, thì hiểu được quy luật của đạo, cũng chính là hiểu được tình hình sinh trưởng, thay đổi của vạn vật.

Lời bình :

Chương này nói trạng thái của đạo. Thể của đạo tuy không nhìn thấy, nghe thấy, sờ thấy nhưng thực tế lại tồn tại, hơn thế nữa nó tồn tại vượt qua không gian và thời gian. Điều này tuy không lý giải được, nhưng quả thực lại là căn nguyên của vạn vật. Con người ta nếu muốn nắm được đạo này thì phải nắm vững căn nguyên của vạn vật, rồi từ đó sẽ chế ngự vạn vật, chính là biết cách lấy giản đơn chế ngự phức tạp đấy.

CHƯƠNG 15

Cổ chi thiện vi đạo giả, vi diệu huyền thông, thâm bất khả thức. Phù duy bất khả thức, cố cương vi chi dung. Dự hề nhược đông thiệp xuyên, do hề nhược úy tứ lân, nghiêm hề kỳ nhược khách, hoán hề nhược băng chi tương thích, đôn hề kỳ nhược phách, khoáng hề kỳ nhược cốc, hỗn hề kỳ nhược trọc. Thực năng trọc dĩ tĩnh chi tứ thanh, thực năng an dĩ cửu động chi tứ sinh. Bào thử đạo giả bất dục doanh. Phù duy bất doanh, cố năng tế nhi bất thành.

Dịch ý :

Người đắc đạo thời xưa, u vi, tinh diệu, huyền ảo, thông đạt, sâu xa khiến người thường không thể biết được. Vì không thể biết được nên phải miễn cưỡng tả họ như sau : Họ lập thân hoàn hảo, do dự rụt rè, bền lên như mùa đông lội qua sông lớn; Họ cẩn thận, không dám làm bậy như sợ hàng xóm láng giềng, nghiêm chỉnh trang trọng như người khách. Họ tu đạo dưỡng đức, trừ tình bỏ dục giống như tảng băng tan. Bản chất của họ đôn hậu, mộc mạc như gỗ chưa bào gọt. Trong lòng rộng mở, thái độ khiêm nhường như hang núi. Biểu hiện của họ chậm chạp, lơ đãng như nước đục. Nhưng ai có thể trong chậm chạp, lơ đãng vẫn đục. Yên tĩnh lắng xuống rồi từ từ trong ra ? Ai có thể đang hư tĩnh triển miên mà lần lần trở nên sinh động ? Người nào giữ được đạo ấy thì không tự mãn. Chính vì không tự mãn mới có thể ẩn mình không biểu hiện gì để người khác biết.

Giải thích :

“Cô chi thiện vi đạo giả, vi diệu huyền thông, thâm bất khả thức”. “Thiện vi đạo giả”, chính là người có đạo. “Đạo”, nguyên tác của Vương Bật viết là chữ “Sỹ”. Sách của Lão Tử, quyển chữ Triện và chữ Lệ đều viết là “Đạo”, nay dựa vào sách của Lão Tử mà sửa thành “đạo”. “Vi diệu”, là nói người có đạo thể hiện cái sâu xa của đạo. “Huyền thông” là nói người có đạo sử dụng cái diệu huyền của đạo.

“Cương vi chi dung”. “Cương” có nghĩa là miễn cưỡng. “Dung” nghĩa là hình dung miêu tả. Đạo không thể nói ra, người có đạo thì vi diệu huyền thông cũng khó nói ra như đạo vậy, nhưng lại không thể không nói, nên đành miễn cưỡng đề hình dung ra mà thôi.

“Dự hề nhược đông thiệp xuyên, do hề nhược úy tứ lân”. “Dự hề” nghĩa là do dự, thận trọng. “Hề” nguyên tác của Vương Bật viết là “Yên” nhưng câu sau đều viết “hề”, câu này cũng nên viết là “hề” mới đúng. Nay dựa theo sách của Hà Thượng, ông sửa thành “hề”. “Đông thiệp xuyên”, lội nước phải thận trọng, mùa đông lội nước lại càng phải thận trọng, ở đây ví là phải hết sức thận trọng. “Do hề” nghĩa giống như “dự hề” ở trên. “Úy tứ lân”, ý nói là hàng xóm láng giềng rất đáng sợ. Hai câu này nói lên người có đạo do dự, rụt rè không dám làm liều, làm bậy.

“Nghiêm hề kỳ nhược khách, hoán hề nhược băng chi tương thích”. “Nghiêm hề” giống như “nghiêm nhiên” nghĩa là trang trọng. “Nhược khách”, giống như người khách đoan trang. “Khách”, nguyên tác của Vương Bật viết là “dung”. Không vắn với câu trên, do viết chữ “khách” sai mà thành, quyển chữ Triện

và chữ *Lệ* của sách *Lão Tử* đều viết là “khách”, nay dựa theo sách của *Lão Tử* chữa thành “khách”. “Hoán hề” nghĩa là tan ra. “Bằng chi tương thích” ví như lòng ham muốn ngày càng tồn thất đến lúc hư vô, không còn gì cả.

“Đôn hề kỳ nhược phách, khoáng hề kỳ nhược cốc, hỗn hề kỳ nhược trọc”. “Đôn hề” nghĩa là đôn hậu. “Phách” là khúc gỗ chưa bào gọt. “Khoảng hề” nghĩa là trống không. “Cốc” chỉ hang núi. “Hỗn hề” nghĩa là hỗn độn. “Trọc” là danh từ chỉ nước đục. “Nhược phách” là hình dung bản chất chất phác của người có đạo, “nhược cốc” là hình dung tính khiêm nhường của người có đạo, “nhược trọc” là hình dung biểu hiện chậm chạp của người có đạo.

“Thục năng trọc dĩ tĩnh chi trừ thanh, thục năng an dĩ cửu động chi từ sinh”. “Thục” nghĩa là ai. Chữ “dĩ” trong hai câu này đều giải thích là “nhi”. Chữ “trọc” câu trên và chữ “an” câu dưới đều là hình dung từ. “Trọc” nghĩa là vẩn đục, “an” nghĩa là yên tĩnh. Chữ “tĩnh” câu trên và chữ “động” câu dưới đều là động từ. Ý của hai câu này nói là : Ai có thể trong vẩn đục mà lắng xuống từ từ trong ra. Ai có thể trong yên tĩnh triển miên mà từ từ trở nên sinh động. “Trọc” và “an” là biểu hiện bề ngoài của người tu đạo, nhưng trong lòng thì không phải như vậy, nếu trong lòng mà như vậy thì chẳng hề rung động mà thành một vũng nước chết. Trong lòng phải giữ “hư linh bất muội”, linh động hoạt bát, sống động vươn lên. Nên bề ngoài thì “trọc” mà trong lòng phải “tĩnh nhi từ tĩnh”, bề ngoài thì “an” mà trong lòng phải “động nhi từ sinh” mới đúng.

“Bảo thủ đạo giả bất đục doanh. Phù duy bất doanh, cố năng tế nhi bất thành”. “Thủ đạo” chỉ đạo “tĩnh chi từ minh”, “động nhi từ sinh”. “Doanh” nghĩa là đầy. “Bất đục doanh” chính là

không cầu thỏa mãn. “Tế” nghĩa là ăn năn. “Bất thành” chính là “bất thành khí”, cũng như ở chương 41 nói “đại khí vân thành” (“vân thành” chính là không thành). Chính vì “bất thành” nên “thâm bất khả thức”. Do vậy, chỉ một từ “bất thành” gắn liền với câu văn trước “vi huyền diệu thông, thâm bất khả thức” thì ý nghĩa mạch lạc rõ ràng. “Tế nhi bất thành” nguyên tác của Vương Bật viết là “tế nhi tân thành”, người đời sau sửa thành “tế nhi tân thành”, ý nghĩa không được thông suốt. Quyển chữ Lệ của sách Lão Tử viết là “tế nhi bất thành” ý nghĩa mới rõ ràng, nay sửa theo sách của Lão Tử.

Lời bình :

Chương này nói rõ sự tu dưỡng, biểu hiện của người có đạo, đặc biệt nhấn mạnh hai chữ “bất doanh”, chỉ có bất doanh mới “tế nhi bất thành”, mới “vi diệu huyền thông, thâm bất khả thức” mà con người ta sở dĩ cần “bất doanh” chính là lấy cái hư vô trong thể của đạo.

CHƯƠNG 16

Chỉ hư cực, thủ tĩnh đốc. Vạn vật tịnh tác, ngô dĩ quan phục. Phù vật vân vân, các phục quy kỳ căn. Quy căn viết tĩnh, thị vị phục mệnh. Phục mệnh viết thường, tri thường viết minh. Bất tri thường, vong tác hung. Tri thường dung, dung nãi công, công nãi toàn, toàn nãi thiên, thiên nãi đạo, đạo nãi cầu, một thân bất đãi.

Dịch ý :

Tâm linh con người ta vốn là hư tĩnh, nhưng luôn che giấu tư dục vì vậy nhìn nhận sự vật không chính xác, làm việc không được tự nhiên. Nên chúng ta phải gắng làm cho tâm linh trở về trạng thái hư tĩnh. Có như vậy, chúng ta mới nhìn thấy được sự sinh trưởng, hoạt động của vạn vật là từ không đến có, rồi lại từ có đến không, cứ tuần hoàn như vậy. Vạn vật tuy đa dạng phong phú nhưng cuối cùng thì cũng trở về căn nguyên của nó. Căn nguyên của nó là tĩnh, tĩnh là bản tính của nó, nên trở về căn nguyên chính là trở về bản tính. Đây là lẽ thường tình tự nhiên. Biết được lẽ thường tình tự nhiên này thì gọi là minh trí, nếu không biết mà làm xằng bậy thì sẽ sinh ra tai hại. Người biết thường đạo thì việc gì cũng thông, việc gì cũng thông thì hợp với tự nhiên, hợp với tự nhiên thì hợp với thiên địa, hợp với thiên địa thì hợp với đạo lớn, hợp với đạo lớn thì vĩnh viễn bất hư. Như vậy suốt đời cũng không gặp hiểm nguy.

Giải thích :

“Chỉ hư cực, thủ tĩnh đốc”. “Chỉ hư” là nói loại bỏ tâm trí

để cho tâm hư vô. “Thủ tĩnh” là nói loại bỏ buồn phiền để cho tâm trầm tĩnh. “Cực” và “đốc” đều nghĩa là cực điểm. Thể của đạo hư vô trầm tĩnh, lòng người cũng hư vô trầm tĩnh giống như thể của đạo vậy. Nhưng lại luôn che giấu bởi tư dục nên phải gắng tu dưỡng, làm cho tâm trở về trạng thái hư tĩnh vốn có của nó.

“Vạn vật tinh tác, ngộ dĩ quan phục”. “Tác” chỉ sự sinh trưởng, hoạt động của vạn vật. “Phục” nghĩa là trở lại, chỉ vạn vật trở về cái gốc của nó. Hư là gốc của hữu, tĩnh là gốc của động. Nên hữu tất sinh từ hư cuối cùng tất phải trở về hư; Động sinh từ tĩnh, cuối cùng phải trở về tĩnh, điều này gọi là “phục”, cũng là quy tắc hoạt động chung của vạn vật. “Chỉ hư cực, thủ tĩnh đốc” mới thấy rõ quy luật này.

“Phù vật vân vân, các phục quy kỳ căn”. “Vân vân” nghĩa là nhiều. “Căn” chỉ “hư”, “tĩnh” cũng chính là chỉ đạo. “Quy kỳ căn” từ hữu quy về hư, từ động quy về tĩnh, cũng chính là quy về đạo.

“Quy căn viết tĩnh, thị vị phục mệnh, phục mệnh viết thường”. Thể của đạo hư tĩnh, vạn vật đều trở về với đạo tức là trở về với tĩnh nên nói “quy căn viết tĩnh”. “Mệnh” là tính, “phục mệnh” chính là trở về bản tính. “Thường” là danh từ, chỉ quy luật tự nhiên, cũng chính là quy luật mà vạn vật đều tuân thủ. Quy luật này từ vô tới hữu rồi lại từ hữu trở về vô. Chương 40 nói : “Phản giả đạo chi động”. Tác dụng của sự tuần hoàn lặp lại này chính là quỹ đạo thông thường vận hành của đạo lớn.

“Tri thường viết minh, bất tri thường, vong tác hung”. Lão Tử rất coi trọng “minh” mà phản đối “trí”, để nói lên điều này ở chương 22 còn nói : “bất tự kiến cố minh”. Chương 36 nói “Thị vị vi minh”; Chương 52 nói : “Kiến tiêu viết minh”. “phục quy kỳ minh”; Chương 55 nói : “Tri thường viết minh”. Những ví dụ về

phản đối trí như chương 18 viết : “Trí tuệ xuất, hữu đại nguy”. Chương 19 viết : “Tuyệt thánh khí trí”. Chương 65 viết : “Cổ dĩ trí trị quốc, quốc chi tặc; Bất dĩ trí trị quốc, quốc chi phúc”. Sự khác biệt giữa trí và minh rất nhỏ, “trí” chiếu bên ngoài, “minh” soi ở trong. Cũng chính là nói “trí” nhìn người khác, “minh” kiểm bản thân. Có người ví “trí” là ngọn nến, “minh” là cái gương, cách ví đó thật là tuyệt diệu.

“Trí thường dung, dung nãi công”. “Dung” nghĩa là bao dung, “công” nghĩa là công bằng. Ý của hai câu này là biết được quy luật mà vạn vật vũ trụ đều phải tuân thủ thì mới rộng mở tâm lòng, cái gì cũng bao dung; cái gì cũng bao dung thì mới công bằng được.

“Công nãi toàn, toàn nãi thiên”. “Toàn” nghĩa là đều khắp. Nguyên tác của Vương Bật viết là “vương” theo lời chú giải thì biết được chữ “vương” là do viết sai chữ “toàn”. “Thiên” chính là đạo. Ý của hai câu này nói thật công bằng mới đều khắp, đều khắp mới hợp với thiên đạo.

“Thiên nãi đạo, đạo nãi cừ. Một thân bất dãi”. “Một thân” nghĩa là suốt đời, “dãi” nghĩa là nguy hiểm. Ý của hai câu này là hợp với thiên đạo mới hợp với đạo tự nhiên, hợp với đạo tự nhiên mới trường tồn bất hủ. Như vậy suốt đời mới không có hiểm nguy.

Lời bình :

Chương này nói tới hiệu quả của “chí hư” và “thủ tĩnh”, nói lên quy luật tự nhiên của vạn vật biến hóa. Nếu biết được quy luật tự nhiên này, thì có thể cùng với diệu kỳ của giới tự nhiên dẫn tới cùng với đạo.

CHƯƠNG 17

Thái thượng, hạ chi hữu chi; Kỳ thú, thân nhi dự chi; Kỳ thú, úy chi; Kỳ thú, vũ chi. Tín bất túc yên, hữu bất tín yên. Du hề kỳ quý ngôn. Công thành, sự toại, bách tính giai vị : “Ngã tự nhiên”.

Dịch ý :

Vua trị vì thiên hạ có thể phân thành bốn loại. Ông vua giỏi nhất, dùng phương pháp vô vi thì hành giáo hóa làm cho dân chúng nghe theo, không biết vua làm những gì, nên chỉ biết có một vua mà thôi. Ông vua kế theo, dùng đạo đức để giáo hóa dân chúng, dùng nhân nghĩa để trị vì thiên hạ, nên mọi người đều gần gũi, ca ngợi vua. Ông vua kế nữa, dùng chính sách để cai trị, dùng hình pháp để đe dọa dân chúng, nên dân chúng đều sợ vua. Ông vua cuối cùng, dùng quyền thuật để mê muội, dùng quỷ kế để lừa bịp dân chúng, nên dân chúng đều phản đối vua. Loại ông vua như thế này bản thân ông ta không có gì đáng nói, đương nhiên dân chúng không tin tưởng. Ông vua giỏi nhất thì lại suốt ngày an nhàn, không phải ra lệnh mà dân chúng ai ai cũng tuân theo, mọi người đều sinh sống bình yên, mãn nguyện. Đợi đến lúc công lớn đã thành, việc lớn đã xong, mà dân chúng không biết công lao của vua, chỉ nói rằng : “Tự nhiên như vậy”.

Giải thích :

“Thái thượng, hạ chi hữu chi; Kỳ thứ, thân nhi dự chi”. “Thái thượng” nghĩa là cao nhất giới nhất. Chi ông vua tài nhất, cũng chính là thánh nhân đặc đạo. “Chi” chỉ “thái thượng”. “Kỳ thứ” chỉ ông vua kế theo của “thái thượng”. Bậc thánh nhân, không làm không nói điều gì mà dân chúng bình yên, hưng thịnh, chỉ biết có ông vua ấy mà thôi. Ông vua kế theo, dùng đạo đức để giáo hóa dân chúng, dùng nhân nghĩa để trị vì thiên hạ, nên dân chúng yêu mến, gần gũi, ca ngợi vua.

“Kỳ thứ, úy chi; Kỳ thứ, vũ chi”. “Úy” nghĩa là sợ. Loại ông vua này dùng hình phạt, dùng luật pháp để cai trị dân chúng nên dân chúng đều sợ hãi. “Vũ” nghĩa là lừa gạt. Ông vua dở nhất là dùng quyền thuật, quý kế để lừa gạt dân chúng, nên dân chúng không nghe theo ngược lại phản đối, chống lại.

“Tín bất túc yên, hữu bất tín yên”. “Tín” nghĩa là thành tín. Câu này nói loại vua dở nhất, bản thân ông ta không đáng để thành tín, nên dân chúng không tin tưởng, có thể nói là “tự thủ kỳ nhục”.

“Du hề kỳ quý ngôn”. “Du hề” là nhàn hạ. “Quý ngôn” là “bất ngôn” trong câu “hành bất ngôn chi giáo” của chương 2, nghĩa là không ra lệnh. Câu này nói về ông vua “thái thượng”.

“Công thành, sự toại, bách tính giai vị : Ngã tự nhiên”. “Công” và “sự” đều chỉ kết quả mà ông vua “thái thượng” đã làm. Thái thượng không làm mà trị, cái gọi là “không làm” không có nghĩa là không làm gì cả. Nếu không làm gì cả thì “công” và “sự” ở đâu mà ra ? Chỉ làm theo lẽ tự nhiên, nên tuy có “công” và “sự” dân chúng vẫn chưa biết, chỉ nói : “Chúng ta tự nhiên như

vậy !”. “Tự nhiên” nghĩa là tự nhiên.

Lời bình :

Chương này nói về cái lợi của “Vô vi nhi tự”. Lão Tử chia vua làm bốn loại, lấy sự phản ứng của dân chúng để nói rõ điều hay dở về cách cai trị của họ. Chỉ ra sở dĩ dân chúng sợ hãi, đối trá vua chính là vì lòng thành tín của bậc cai trị chưa đủ, tất nhiên đành phải dùng hình pháp. Nhưng lại không biết hình pháp càng nghiêm thì dân chúng lại không tuân thủ, hình phạt càng nặng thì dân chúng càng phản đối. Chỉ có “vô vi nhi tự”, “càng thành sự toại” dân chúng mới nói “tự nhiên như vậy !”.

CHƯƠNG 18

*Đại đạo phế, hữu nhân nghĩa; Trí tuệ xuất, hữu đại nguy.
Lục thân bất hòa, hữu hiếu tử; Quốc gia hỗn loạn, hữu trung thần.*

Dịch ý :

Khi đạo lớn ban hành khắp nơi thì nhà nhà đều có hiếu tử, trung tín, không phải nói tới nhân nghĩa; đến khi đạo lớn bị phế bỏ thì lối sống của dân chúng không còn thuần chất nữa, nhân nghĩa cũng xuất hiện theo. Từ thời thượng cổ, dân chúng thật thà chất phác, không hiểu biết gì, không có giả dối. Đến thời trung cổ, dân chúng ngày càng hiểu biết, thế là kẻ trị vì thiên hạ liền dùng trí tuệ của mình đặt ra những quy định pháp lệnh để cai trị dân chúng, không biết rằng trí tuệ vừa xuất hiện thì giả dối cũng có theo. Người trong gia tộc đều hòa thuận, tương thân tương ái, không cần hiếu và từ, đến khi bất hòa, không còn tương thân tương ái nữa thì hiếu từ mới có. Khi quốc gia thanh bình thì quân thần ai giữ việc nấy, không có trung thần, đến khi quốc gia hỗn loạn thì quân thần không còn ai giữ việc nấy nữa, trung thần mới xuất hiện từ đó.

Giải thích :

“Đại đạo phế, hữu nhân nghĩa”. Trong tư tưởng của Lão Tử thì đạo đức cao hơn nhân nghĩa. Chương 38 nói : “Thất đạo nhi hậu đức, thất đức nhi hậu nhân, thất nhân nhi hậu nghĩa” đã

chứng minh điều này. Sự khác biệt giữa đạo lớn và nhân nghĩa là ở chỗ đạo lớn lấy tự nhiên làm gốc, lấy vô vi làm dụng, còn nhân nghĩa thì phải tu dưỡng mới có được. Tư tưởng của Lão Tử là lấy tự nhiên vô vi làm dụng, còn nhân nghĩa thì phải tu dưỡng mới có được. Tư tưởng của Lão Tử là lấy tự nhiên vô vi làm gốc, tới khi không tự nhiên vô vi được nữa thì sinh ra tạo tác hữu vi, nên nói “đại đạo phế, hữu nhân nghĩa”.

“Trí tuệ xuất, hữu đại ngu”. “Trí tuệ” chỉ trí khôn của người cai trị thiên hạ, cũng chính là chỉ những quy định mà họ ban hành về lễ nhạc, quyền hành, pháp lệnh vân vân. Sau khi có những quy định này thì dân chúng lại dối trá, giả tạo theo, nên nói “Trí tuệ xuất, hữu đại ngu”. “Trí tuệ” nguyên tác của Vương Bật viết là “tuệ trí”, nhưng ông lại chú thích rằng : “Cố trí tuệ xuất, tắc đại ngu sinh”. Qua đó ta thấy, nguyên tác của Vương Bật cũng viết là “trí tuệ”, nhưng sau bị người ta nói ngược lại. Quyển chữ Triện và quyển chữ Lệ của sách Lão Tử đều viết là “Trí tuệ”, nay sửa theo cho đúng.

“Lục thân bất hòa, hữu hiếu tử; Quốc gia hỗn loạn, hữu trung thần”. “Lục thân” chỉ cha con, anh em, vợ chồng. Khi lục thân thuận hòa, quốc gia thái bình, thì hiếu tử và trung thần tuy tồn tại nhưng không thấy được, đến khi lục thân bất hòa, quốc gia hỗn loạn thì hiếu tử và trung thần lộ ra rất rõ.

Lời bình :

Đối với người bình thường thì nhân nghĩa, trí tuệ, hiếu tử, trung thần đều là những tên gọi và hành vi rất tốt. Nhưng đối với Lão Tử thì những thứ đó chỉ có được sau khi đạo lớn bị phế bỏ,

thuần tính tự nhiên bị mất đi. Sự ra đời của những thứ đó đã nói lên sự phá sản của đạo đức, sự trụy lạc của nhân tâm, đó là sự thụt lùi chứ không phải sự tiến bộ của xã hội. Cá ở trong sông hồ thì cá nước không muốn rời nhau; đến khi lên bờ không còn nước nữa, cá không thể sống được đành phải dựa vào nhau. Nương tựa lẫn nhau là nét đẹp của đạo đức, nhưng đáng thương thay, điều này chỉ có được sau khi cá đã rời khỏi sông hồ !

CHƯƠNG 19

Tuyệt thánh khí trí, dân lợi bách bội, tuyệt nhân khí nghĩa, dân phục hiếu từ; tuyệt xảo khí lợi, đạo tặc vô hữu. Thử tam giả, dĩ vi văn bất túc, cố lệnh hữu sở thuộc. Kiến tổ bảo phúc, thiếu tư quả dục.

Dịch ý :

Tài trí, và trí tuệ là nguồn gốc mọi quy định và pháp lệnh, có quy định và pháp lệnh thì giả dối, xảo trá cũng có theo, nên từ bỏ tài trí và trí tuệ, dân chúng được lợi trăm lần. Nhân đức và nghĩa lý đã trói buộc thiên tính của con người, vứt bỏ nhân đức và nghĩa lý thì dân chúng sẽ có được thiên tính hiếu từ. Không ngoan khiến người ta sinh lòng đạo tặc, từ bỏ khôn ngoan thì đạo tặc tự nhiên không còn. Thánh trí, nhân nghĩa, xảo lợi, ba cái này chỉ là văn vẻ không đủ để trị vì thiên hạ. Cho nên muốn dân chúng tuân theo thì bề ngoài phải mộc mạc, bên trong phải chất phác, giảm tư tâm, bớt dục vọng.

Giải thích :

“Tuyệt thánh khí trí, dân lợi bách bội”. “Thánh” và “trí” đều là danh từ, ý nghĩa cũng gần giống nhau. “Thánh” nghĩa là tài trí, khác với chữ “thánh” trong “thánh nhân”, Lão Tử phản đối “thánh”, ngược lại rất coi trọng “thánh nhân”. Tất cả lễ nhạc hình chính đều do thánh trí tạo nên, bỏ thánh trí tức là không làm gì cả mà dân tự hóa, nên nói là “dân lợi bách bội.”

“Tuyệt nhân khí nghĩa, dân phục hiếu từ”. Lão Tử cho rằng nhân nghĩa được sản sinh sau khi bỏ đạo lớn, là do con người tạo ra chứ không phải là thiên tính của con người. Còn hiếu từ vốn là thiên tính của con người, nhưng sau khi có nhân nghĩa mới có hiếu từ, để có được hiếu từ con người phải khéo léo, kết quả lại làm tổn hại bản tính của hiếu từ. Nên phải bỏ nhân nghĩa sau đó con người mới khôi phục được bản tính hiếu từ.

“Tuyệt xảo khí lợi, đạo tặc vô hữu”. “Xảo” chỉ khôn khéo, “lợi” chỉ vật chất. Nếu trong lòng sinh ra khôn khéo, bên ngoài lại có thêm quyền rũ của vật chất, thì người ta nhất định sẽ trở thành đạo tặc. Nên phải bỏ cái “xảo” bên trong và cái “lợi” bên ngoài thì sau đó mới làm cho đạo tặc mất đi được.

“Thử tam giả dĩ vi văn bất túc”, “tam giả” chỉ thánh trí, nhân nghĩa, xảo lợi. “Văn” nói với cái “tố” “phác” ở sau. Thánh trí, nhân nghĩa, xảo lợi là văn vẻ của con người, chứ không phải xuất phát từ “tự nhiên” (đạo), nên không đủ để cai trị thiên hạ.

“Kiến tố bào phác, thiếu tư quả dục”. “Kiến” giống như. “Hiện” nghĩa là biểu hiện. “Tố” là tơ chưa nhuộm, “phác” là gỗ chưa gọt đẽo, nghĩa là thuần chất. Ý nghĩa của hai câu này là : thuận theo tự nhiên, ít biểu hiện tư tâm dục vọng cá nhân.

Lời bình :

Chương này nói về tự nhiên — Chất phác, phản đối nhân văn — Văn vẻ. Thánh trí, nhân nghĩa, xảo lợi đều là nhân văn, không những không mang lại lợi ích cho con người mà còn sinh ta tai hại. Vứt bỏ nhân văn, trở về với tự nhiên, quay về với đại đạo, dân chúng thuần chất thì tất cả giả dối, tranh giành tự nhiên biến mất. Đó là một xã hội lý tưởng của Lão Tử.

CHƯƠNG 20

Tuyệt học vô ưu. Duy chi dữ ác, tương khứ kỳ hà ? Thiện chi dữ ác, tương khứ nhược hà ? Nhân chi sở úy, bất khả bất úy. Hoang hề kỳ vị ương tai ! Chúng nhân hi hi, như hưởng thái lao, như xuân đặng đài. Ngã độc bạc hề kỳ vị triệu, như anh nhi chi vị hài, luy luy hề nhược vô sở quy. Chúng nhân giai hữu dư, nhi ngã độc nhược dĩ. Ngã ngu nhân chi tâm dã tai, động động hề ! Tục nhân chiêu chiêu, ngã độc hôn hôn, tục nhân sát sát, ngã độc muộn muộn. Đạm hề kỳ nhược hải, liêu hề nhược vô chỉ. Chúng nhân giai hữu dĩ, nhi ngã độc ngoan dĩ dĩ. Ngã độc dĩ vu nhân, nhi quý thực mẫu.

Dịch ý :

Học vấn, tri thức là nguồn gốc của u sầu, phiền não, vứt bỏ tất cả học vấn, tri thức sẽ không u sầu, phiền não. Người đời đều muốn giành vinh mà tránh nhục, lấy thiện mà bỏ ác, nhưng cuối cùng vinh và nhục cách nhau bao xa ? Thiện và ác khác nhau như thế nào ? Dù sao ta cũng không tự mình chứng tỏ xuất chúng, mọi người sợ ta cũng phải sợ theo. Nhưng đạo lớn bao la như vậy khác xa với trần thế. Mọi người mừng rỡ như hưởng bữa tiệc to, như mùa xuân lên cao nhìn rộng, riêng ta điềm tĩnh, không tỏ chút tình gì, giống như đứa trẻ sơ sinh, không biết nói cười, buồn chán như kẻ không nhà. Mọi người đều thừa thãi mà ta thì như thiếu thốn. Ta có trái tim như kẻ ngu dân; người đời đều rạng rỡ, chỉ có ta là hồ đồ; Người đời đều trong sáng, chỉ có

ta là văn đục. Ta điềm tĩnh như biển lớn không bờ bến, ta rung động như gió to không chốn dừng chân. Mọi người đều có tài năng, riêng ta ngu muội và bị lậu. Người đời đều tranh nhau tới chốn phù hoa, riêng ta giữ chắc cái gốc của nhân sinh, đó là đạo lớn sinh ra vạn vật.

Giải thích :

“Tuyệt học vô ưu”. “Học” là danh từ, chỉ học vấn, tri thức. Lão Tử phản đối việc học. Chương 48 viết : “Vi học nhật ích, vi đạo nhật tổn”. Chương 64 viết : “học bất học”, vì học ngày càng sinh ra đục vọng, trí xảo, chính đục vọng, trí xảo là nguồn gốc của u sầu phiền não. Đứa trẻ sơ sinh không có tri thức gì, không có đục vọng thì rất sung sướng; nhưng khi lớn lên thì tri thức tăng thêm, đục vọng cũng nhiều hơn thì u sầu phiền não cũng nhiều hơn, điều đó chẳng phải là một minh chứng rất rõ sao ? Vì vậy Lão Tử chủ trương tuyệt học, tuyệt học chính là không có u sầu, phiền não nữa.

“Duy chi dữ a, tương khứ kỳ hà ? Thiện chi dữ ác, tương khứ nhược hà ?”. Chữ “duy”, chữ “a” đều là tiếng thừa. “Duy” là tiếng thừa cung kính, “a” là tiếng thừa kinh miệt, hai chữ này nghĩa bóng là chỉ vinh và nhục. Cái vinh và nhục, cái thiện và ác mà người đời quan niệm là chủ quan, không phải khách quan; cũng đều là tương đối, không phải tuyệt đối. Sự phán đoán giá trị đối lập chủ quan này luôn thay đổi tùy lúc tùy nơi. Nơi này cho là vinh, nhưng nơi kia lại cho là nhục, đời trước cho là thiện, đời sau lại cho là ác. Nói như vậy giữa vinh và nhục, giữa thiện và ác có gì khác nhau ? Cho nên nói rằng : “tương khứ kỳ hà”, “tương khứ nhược hà”.

“Hoang hề kỳ vị ương tai !”. “Hoang hề” là rộng lớn. “Vị ương” là vô tận. Câu này Lão Tử tự than thở là mình cách biệt trần thế quá xa.

“Chúng nhân hi hi, như hương thái lao, như xuân đáng dài. Ngã độc bạc hề kỳ vị triệu, như anh nhi chi vị hải”. “Hi hi” là hòa nhạc. “Thái lao” chỉ ba con vật dê, bò, heo. “Xuân đáng dài” ví với mê sắc đẹp, ham danh lợi, “bạc hề” nghĩa là đàm bạc, “triệu” nghĩa là điếm, là dấu vết. “Vị triệu” là nói trong lòng thuần chất không ham muốn. “Hải” giống như chữ “khái” là tiếng cười của trẻ thơ. “Anh nhi chi vị hải” nghĩa là trong lòng rộng mở như đứa trẻ còn chưa biết cười.

“Luy luy hề nhược vô sở quy. Chúng nhân giai hữu dư, nhi ngã độc nhược di”. “Luy luy hề” nghĩa là mỗi một. “Vô sở quy” nghĩa là không có mục đích. “Hữu dư” nghĩa là tự mãn. “Di” nghĩa là không đủ, có ý khiêm nhường.

“Ngã ngu nhân chi tâm dã tai, độn độn hề !”. “Ngu nhân chi tâm” là trong lòng không biết ham muốn, độn độn đó chính là đỉnh cao nhất của tu dưỡng. “Độn độn hề” nghĩa là không biết gì.

“Tục nhân chiêu chiêu, ngã độc hôn hôn; tục nhân sát sát, ngã độc muện muện”. “Chiêu chiêu”, “sát sát” đều nghĩa là trong sáng. “Hôn hôn”, “muện muện” đều nghĩa là đen tối.

“Đạm hề kỳ nhược hải, liêu hề nhược vô chi”. “Đạm hề” nghĩa là điếm tĩnh; “Kỳ nhược hải” nghĩa là biên rộng mênh mông không có giới hạn. “Liêu hề” nghĩa là gió thổi. “Kỳ vô chi” nghĩa là giống như gió không có mục tiêu cố định.

“Chúng nhân giai hữu di, nhi ngã độc ngoan di bi”. “Di”

nghĩa là khả năng. “Hữu dĩ” là có năng lực. “Ngoan” nghĩa là ngu dốt. “Bí” nghĩa là thô bí. “Ngoan dĩ bí” là vừa ngu dốt lại vừa thô bí.

“Ngã độc dĩ vụ nhân, nhi quý thực mẫu”. “Thực” nghĩa là dưỡng dục. “Mẫu” chỉ đạo. Đạo có thể sinh vạn vật nên gọi là “thực mẫu”. Mọi người đều theo đuổi vinh hiển, tỏ ra thông minh, còn Lão Tử thì một mình giữ đạo, kiên trì chất phác nên nói là “dĩ vụ nhân”.

Lời bình :

Chương này nói những chỗ khác nhau giữa Lão Tử và người đời. Người đời đều tỏ ra thông minh, tài giỏi, ngược lại Lão Tử thì tỏ ra ngu dốt, thô bí. Nào ngờ, sự ngu dốt của Lão Tử lại chính là thông minh của ông, còn thông minh của mọi người lại chính là ngu dốt của họ. Đó chẳng qua là vì người thường, tư tưởng nông cạn, tầm nhìn ngắn hẹp, chỉ nhìn thấy bề ngoài mà không thấy được nơi sâu kín, thế là coi “ngu công” thành ngu nhân, mà coi “Hà khúc trí tấu” thành bậc trí giả.

CHƯƠNG 21

Không đức chi dung, duy đạo thị tông. Đạo chi vi vật, duy hoằng duy hốt. Hốt hề hoằng hề, kỳ trung hữu tượng; Hoằng hề hốt hề, kỳ trung hữu vật. Yếu hề, minh hề, kỳ trung hữu tinh. Kỳ tinh thậm chân, kỳ trung hữu tín. Tự cổ cập kim, kỳ danh bất khứ, dĩ duyệt chúng phủ. Ngô hà dĩ tri chúng phủ chi trạng tại ? Dĩ thử.

Dịch ý :

Mỗi việc làm của người có đức đều lấy đạo làm chuẩn mực. Đạo là cái gì đó vừa thực vừa hư, nó mập mờ, thấp thoáng. Nhưng nó chứa đựng cả vũ trụ, thiên địa vạn vật. Nó sâu xa mà đen tối, nhưng bên trong lại có nguyên lý vật chất. Nguyên lý này rất chân thực và đáng tin. Từ xưa tới nay, đạo luôn tồn tại và cũng luôn hoạt động để tạo ra vạn vật. Chúng ta làm sao biết được cội nguồn của vạn vật, nếu không dựa vào đạo ?

Giải thích :

“Không đức chi dung, duy đạo thị tông”. “Không” nghĩa là to. “Không đức” chính là người có đức lớn. “Dung” nghĩa là biểu hiện. “Duy đạo thị tông” chính là “duy tông đạo” là nói tất cả những biểu hiện của người có đức lớn đều phục tùng theo đạo.

“Đạo chi vi vật, duy hoằng duy hốt” nghĩa là hoằng hốt. “Hoằng hốt” nghĩa là như có như không, khó mà phân biệt. Đạo

như có như không, như hư như thực nên nói là “duy hoằng duy hốt”.

“Hốt hề hoằng hề, kỳ trung hữu tượng; hoằng hề hốt hề, kỳ trung hữu vật”. “Hốt hoằng” chính là “hoằng hốt” đọc ngược lại cho có vần điệu. “Tượng” nghĩa là hình tượng. “vật” chỉ thiên địa vạn vật. Đạo tuy vô hình nhưng vạn vật đều do nó sinh ra nên nói “kỳ trung hữu tượng”, “kỳ trung hữu vật”.

“Yếu hề minh hề, kỳ trung hữu tinh. Kỳ tinh thậm chân, kỳ trung hữu tín”. “Yếu minh” nghĩa là sâu xa mờ ám. “Tinh” vốn là tinh trùng của động vật, ở đây dùng để chỉ những thứ rất nhỏ bé, chỉ nguyên lý của vật chất. “Tín” là danh từ, nghĩa là tin tưởng, chân thực.

“Tự cổ cập kim, kỳ danh bất khứ, dĩ duyệt chúng phủ”. Vạn vật có tên gọi nhưng đạo không thể đặt tên, ta nói là “vô danh” chính là tên của nó. Do vậy nói : “tự cổ cập kim, kỳ danh bất khứ”. “Duyệt” nghĩa là sinh ra, “phủ” nghĩa là bắt đầu. “Chúng phủ” chính là sự bắt đầu của vạn vật. Vạn vật đều có cội nguồn riêng của chúng còn đạo thì lại là cội nguồn của cội nguồn, nên nói : “dĩ duyệt chúng phủ”.

“Ngô hà dĩ tri chúng phủ chi trạng tại ? Dĩ thử”. “Thử” chỉ đạo. Đạo là cội nguồn của cội nguồn, nắm chắc đạo thì biết được tình trạng của vạn vật. Chương 14 nói : “Chấp cổ chi đạo, dĩ ngự kim chi hữu” chính là nói ý này.

Lời bình :

Chương này nói rõ thêm về đạo. Đạo khó có thể dùng ngôn ngữ để diễn đạt, sót một chữ không còn là đạo hoàn chỉnh nữa,

nên mở đầu cuốn sách Lão Tử đã nói rõ : “Đạo khả đạo, phi thường đạo”. Chương này cũng nói thêm : “Kỳ trung hữu tượng”, “kỳ trung hữu vật”, chúng ta không thể hỏi trong đạo có cái gì ? Vì chẳng phải là trong chương 14 cũng đã nói : “Phúc quy vu ư vô vật”, “thị vi vô trượng chi trượng, vô vật chi tượng” đó sao ? Nói trong đạo có “vật”, “tượng” chỉ là vì vạn vật đều được sinh ra từ đạo mà thôi.

CHƯƠNG 22

Khúc tắc toàn, uốn tắc trực, oa tắc doanh, tề tắc tân, thiếu tắc đắc, đa tắc hoặc. Thị dĩ thánh nhân bảo nhất vì thiên hạ thức. Bất tự kiến, cố minh; bất tự thị, cố chương, bất tự phạt, cố hữu công; bất tự căng, cố trường. Phù duy bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh. Cố chi sở vị khúc tắc toàn giả, khởi hư ngôn tại ? Thành toàn nhi quy chi.

Dịch ý :

Tất cả sự vật, không thể chỉ xem bề ngoài mà phải xem cả bên trong. Không thể chỉ xem chính diện mà phải xem cả phản diện. Do vậy quanh co mà được bảo toàn, uốn khúc mà đuổi thẳng ra, thấp trũng mà lại tràn đầy, cũ nát mà mới hơn thêm, ít ỏi mà lại được thêm, nhiều rồi thì lại càng thêm mê hoặc. Thánh nhân hiểu rõ điều này nên giữ chắc lấy “nhất” (nhất đây là chỉ đạo) làm mô phạm cho thiên hạ, không tự biểu hiện nên mới tỏ rõ; không cho là đúng nên mới sáng ngời; Không tự khoe mình nên mới có công; Không tự cao tự mãn mới trường tồn vĩnh cửu. Người xưa nói : “cong queo thì sẽ được bảo toàn” chẳng đúng vậy ư ? Quả là ta nên giữ gìn lấy nó và theo về với nó (đạo).

Giải thích :

“Khúc tắc toàn, uốn tắc trực, oa tắc doanh, tề tắc tân”. “Khúc” nghĩa là uốn lượn, quanh co. Gió to thổi tới, cỏ non thuận theo chiều gió, kết quả là bình an vô sự; Sóng lớn trào lên, thuyền

bè chìm nổi theo sóng, cuối cùng chẳng tổn thương gì, đó là ví dụ chứng minh cho “khúc tắc toàn”. “Uống” nghĩa là khúc khuỷu, cái thước trước tiên khúc khuỷu sau mới thẳng được; người ta lúc đầu chân uốn cong, sau mới nhay được, đó là những ví dụ chứng minh “uống tắc trực”. “Oa” nghĩa là thấp trũng. Sông biển thấp trũng, trăm suối đổ về, con người khiêm nhường, mọi người yêu mến đó là những ví dụ chứng minh “oa tắc doanh”. “Tệ” nghĩa là củ nát. Lá khô rụng hết, chồi non nảy mầm; đông qua xuân tới đó là những ví dụ chứng minh “tệ tắc dân”. “Khúc”, “uống”, “oa”, “tệ” đều thuộc mềm yếu, khiêm nhường. “Toàn”, “trực”, “doanh”, “tân” đều thuộc cứng rắn. Lão Tử cho rằng tất cả vạn vật trong vũ trụ đều nhiều lần thay đổi không hề ngừng nghỉ trong bối cảnh đối lập nhau. Và trong quá trình thay đổi đó, tất cả những vật rắn chắc đều bị nát vỡ mới lưu tồn được, nên “kiên cường giả, tử chi đồ; nhu nhược giả, sinh chi đồ” (chương 76) chính là “khúc”, “uống”, “oa”, “tệ” có thể trở thành “toàn”, “trực”, “doanh”, “tân”.

“Thiếu tắc đắc, đa tắc hoặc”. Tục ngữ phương Tây có câu : “Quá nhiều cũng bằng không”. Lòng ham muốn vừa phải thì dễ đạt được, đó là nghĩa của “thiếu tắc đắc”. Chương 12 nói : “Ngũ sắc lệnh, nhân mục manh, ngũ âm lệnh nhân nhĩ lung, ngũ vị lệnh nhân khẩu sáng”. Chính là điều chứng minh cho câu “đa tắc hoặc”.

“Thị dĩ thánh nhân bảo nhất vi thiên hạ thức”. “Nhất” ví với “đạo”, “nhất” mở đầu của số đếm, “đạo” là cội nguồn của vạn vật, nên dùng chữ “nhất” ví với “đạo”, “bảo nhất” là giữ gìn đạo. “Thức” nghĩa là phép tắc. Câu trên nói rằng : “Thiếu tắc đắc, đa tắc hoặc”. Nhiều không bằng thiếu, thiếu lại không bằng “nhất”,

nên giữ gìn “nhất” thì có thể giữ gìn được phép tắc của thiên hạ.

“Bất tự kiến, cố minh; bất tự thị, cố chương; bất tự phạt, cố hữu công; bất tự căng, cố trường”. “Kiến” nghĩa là biểu hiện. “Tự kiến” chính là tự tỏ mình hơn người. “Tự thị” là tự cho mình phải. “Chương” nghĩa là rõ ràng. “Phạt” nghĩa là khoe khoang. “Căng” nghĩa là tôn đại. “Tự căng” chính là tự tôn tự đại. “Tự kiến”, “tự thị”, “tự phạt”, “tự căng” đều là những biểu hiện tự cao tự đại. Ngược lại là không tự tư, tự cao. Kết quả của tự tư là tổn hại bản thân. Không tự tư thì bảo toàn được chính mình. Chương 7 đã viết : “Phi dĩ kỳ vô tư da ? Cố năng thành kỳ tư”. Chính là nói ý này.

“Cố chi sở vị khúc tắc toàn giả, khởi hư ngôn tai ? Thành toàn nhi quy chi”. “Thành” nghĩa là thực tại, “toàn” nghĩa là bảo toàn. “Quy” nghĩa là quy về. “Toàn nhi quy chi” là nói bảo toàn nó (khúc nhi toàn), giữ vẹn cái đạo mà về với nó.

Lời bình :

Chương này lấy những hiện tượng tự nhiên “khúc, uốn, oa, tê” mà trở thành “toàn, trực, doanh, tân” mà khuyên bảo con người ta gìn giữ mềm yếu, khiêm nhường. Vì “thiên đạo khuy doanh nhi ích khiêm, nhân đạo ác doanh nhi hiếu khiêm” (dịch khiêm quái thoán từ) cho nên con người ta phải : “Tri kỳ hùng, thủ kỳ thư, tri kỳ bạch, thủ kỳ thư, thủ kỳ hắc, tri kỳ vinh, thủ kỳ nhục” (Chương 28).

CHƯƠNG 23

Hy ngôn tự nhiên. Cổ phiêu phong bất chung triêu, sâu vũ bất trung nhật. Thục vi thử giả ? Thiên địa. Thiên địa thượng bất năng cầu, nhi hướng vu nhân hồ ! Cổ tông sự vu đạo giả, đồng vu đạo; đức giả, đồng vu đức; thất giả, đồng vu thất; Đồng vu đạo giả, đạo diệc lạc đắc chi; Đồng vu đức giả, đức diệc lạc đắc chi. Đồng vu thất giả, thất diệc lạc đắc chi. Tín bất túc yên, hữu bất tín yên.

Dịch ý :

Trị vì việc nước thì phải “Sử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo”, tất cả phải thuận theo tự nhiên. Cho nên gió bão cũng không thổi suốt ngày, mưa lớn cũng không rơi suốt buổi. Ai làm nên việc ấy ? Chính là trời đất. Trời đất tạo ra mưa gió mà không giữ gìn lâu dài được, hướng chỉ những hình chính hà khắc do con người đặt ra ? Vì vậy, người theo đạo thì được đạo, người tu đức thì được đức; người không theo đạo, không tu đức thì không có đức, có đạo. Những người được đạo thì đạo cũng vui với họ. Những người được đức thì đức cũng vui với họ, những người không được đạo không được đức, thì đạo, đức cũng không vui với họ. Lòng thành của người trị vì thiên hạ không đủ thì dân chúng tự nhiên không tín nhiệm.

Giải thích :

“Hy ngôn tự nhiên”. “Hy” nghĩa là vô. “hy ngôn” cũng

nghĩa với “bất ngôn” trong câu “hành bất ngôn chi giáo” ở chương 2. “Ngôn” chỉ lời nói pháp lệnh. “Tự nhiên” nghĩa là vô vi. Nghĩa của câu này là nhà vua không cần phải lập ra quy định, luật pháp, tất cả cứ thuận theo tự nhiên “vô vi nhi trị” là được.

“Phiêu phong bất chung triều, sâu vũ bất chung nhật”. “Phiêu phong” là gió bão, “chung triều” suốt cả buổi sáng, “sâu vũ” mưa to. “Phiêu phong” “sâu vũ” đều chỉ chính sách hà khắc. Gió bão không thể thổi suốt buổi sáng, mưa lớn không thể rơi suốt một ngày, vậy thì chính sách bạo ngược cũng không thể tồn tại mãi được. Nhà Tần bạo ngược cũng không thể tồn tại mãi được. Nhà Tần bạo ngược là một ví dụ chứng minh rõ nhất.

“Thiên địa thượng bất năng cử, nhi hướng vu nhân hồ”. Câu này nói trời đất thất thường, ngay cả mưa to gió lớn còn không lâu dài được hướng chỉ chính sách bạo ngược ? “Thiên địa” chỉ mưa to gió lớn do trời tạo nên chứ không phải chỉ trời đất, vì “thiên trường địa cửu” (ở chương 7) là trời đất vĩnh hằng.

“Tòng sự vu đạo giả, đồng vu đạo; đức giả, đồng vu đức; thất giả, đồng vu thất”. “Tòng sự vu đạo” nghĩa là lấy đạo làm phép tắc, chính là “sử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo”. “Đồng vu đạo” nghĩa là cùng thể với đạo. “Đồng vu đức”, “đồng vu thất” ở câu dưới đều giải thích giống câu này. “Đồng vu đạo”, nguyên tác của Vương Bật là “đạo giả đồng vu đạo”, có thêm hai chữ “đạo giả”, quyển Lễ, quyển Triệu của sách Lão Tử đều không có hai chữ này, nên theo sách của Lão Tử ta bỏ hai chữ này đi. “Đức giả”, “thất giả” đều như câu văn ở trên “tòng sự vu” mà bỏ đi ba chữ. “Thất” chỉ thất đạo, thất đức, cũng chính là không có đạo, không có đức.

“Đồng vu đạo giả, đạo diệc lạc đắc chi” nghĩa là những người theo đạo thì đạo vui với họ bất kể họ ở xa ngàn dặm. “Đồng vu đức giả, đức diệc lạc đắc chi; đồng vu thất gia, thất diệc lạc đắc chi”. Ý nghĩa đều giống câu trên, cũng giống như mấy câu văn ngôn trong kinh dịch : “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, thủy lưu thấp, hỏa tựu táo, vân tòng long, phong tòng hồ”.

“Tín bất túc yên, hữu bất tín yên”. Hai câu này xem lại ở chương 17 và phần giải thích chương 17.

Lời bình :

Chương này nói rõ trị vì thiên hạ nên thuận theo tự nhiên, thuận theo ý dân, không thể làm càn làm bậy. Làm càn làm bậy thì không vững bền, trời đất cò không mưa to, gió lớn được mãi hưởng chi con người ? Tinh thần của đạo là “tự nhiên vô vi”. Những người thuận theo đạo thì giống đạo, ngược lại thì không giống đạo.

CHƯƠNG 24

Xí giả bất lập, khoa giả bất hành. Tự kiến giả bất minh, tự thị giả bất chương, tự phạt giả vô công, tự căng giả bất trường; kỳ tại đạo dã, viết dư thực chức hành. Vật hoặc ố chi, cổ hữu đạo giả bất xử.

Dịch ý :

Đối nhân xử thế luôn khiêm tốn nhường nhịn thì tốt đẹp, ngược lại thì thất bại. Kiễng cao chân muốn cao hơn người thì ngược lại không đứng được vững. Sải rộng chân muốn bước nhanh hơn người thì ngược lại không đi được. Kê tự biểu hiện thì không sáng tỏ; tự cho mình là phải thì không rõ ràng; tự khoe khoang thì không có công; tự cao tự mãn thì không trường cửu. Đối với đạo thì những biểu hiện ấy đều là cơm thừa canh cặn, không những không có ích mà còn có hại. Người bình thường còn ghét bỏ, thì người có đạo lại càng không làm như vậy.

Giải thích :

“Xí giả bất lập, khoa giả bất hành”. “Xí” nghĩa là kiễng cao chân. “Khoa” nghĩa là bước chân dài. Kiễng cao chân là muốn càng cao thêm, sải rộng đôi chân là muốn càng nhanh hơn, nhưng vì quá cầu tiến mà trái với tự nhiên, ngược lại đứng không vững, đi không nhanh được.

“Tự kiến giả bất minh, tự thị giả bất chương, tự phạt giả vô công, tự căng giả bất trường”. “Tự kiến”, “tự thị”, “tự phạt”, “tự

căng” đều là những biểu hiện tự khoe khoang, tranh giành, hiếu thắng, khác với chủ trương khiêm tốn, nhường nhịn của Lão Tử, nên cuối cùng mới dẫn tới “bất minh”, “bất chương”, “vô công”, “bất trường”. Cũng giống như chương 22 đã nói : “Bất tự kiến, cố minh; bất tự thị, cố chương; bất tự phạt, cố hữu công; bất tự căng, cố trường”.

“Kỳ tại đạo dã, viết dư thực chức hành”. “Kỳ” chỉ những động tác như “xí”, “khoa”. “tự kiến” v.v... “Dư thực” là những đồ ăn bỏ đi. “Hành” giống như “hình”. “Chức hành” là “chức hình” chỉ những thứ dư thừa bám trên vật thể. Những thứ đó chẳng những không có ích gì cho thân thể mà ngược lại còn có hại. Những hành vi như “tự kiến”, “tự thị” cũng giống như những đồ dư thừa vậy.

“Vật hoặc ố chi, cố hữu đạo giả bất xử”. “Vật” chỉ người, “bất xử” nghĩa là không làm. Nghĩa của hai câu này là nói những hành vi như “tự kiến” thì người bình thường còn ghét bỏ, đương nhiên người có đạo chẳng bao giờ làm vậy.

Lời bình :

Chương này cũng giống như chương 23 đều khuyên người ta thuận theo tự nhiên, khiêm tốn, nhường nhịn, không tranh giành, hiếu thắng. Chương này nói từ góc độ chính diện, còn chương 22 nói từ góc độ phản diện mà thôi.

CHƯƠNG 25

Hữu vật hỗn thành; tiên thiên địa sinh. Tịch hê liêu hê, độc lập nhi bất cử, chu hành nhi bất đãi, khả dĩ vi thiên hạ mẫu. Ngô bất tri kỳ danh, tự chi viết đạo. Cường vi chi danh viết đại. Đại viết thế, thế viết viễn, viễn viết phan. Cố đạo đại, thiên đại, địa đại, nhân diệc đại. Vực trung hữu tứ đại, nhi nhân cư kỳ nhất yên. Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên.

Dịch ý :

Có một vật hỗn độn mà hình thành trước cả trời đất. Nó không có âm thanh, cũng không có hình thể, nhưng trường tồn bất biến vượt trên vạn vật, luôn vận hành không bao giờ ngừng nghỉ. Nó sáng tạo ra thiên địa vạn vật, có thể là cội nguồn của tất cả. Ta không biết tên nó là gì, tạm đặt tên cho nó là “Đạo”. Miễn cường miêu tả hình dáng của nó có thể là to lớn vô cùng, to lớn vô cùng thì luôn vận hành, luôn vận hành thì nơi xa mấy cũng tới được, như vậy thì lại trở về nơi cội nguồn, lại trở về cội hư vô. Cho nên đạo lớn lắm, trời lớn lắm, đất lớn lắm. Trong vũ trụ có 4 cái lớn thì con người chiếm một. Con người lấy đất làm khuôn mẫu, đất lấy trời làm khuôn mẫu, trời lấy đạo làm khuôn mẫu, đạo lấy tự nhiên làm khuôn mẫu.

Giải thích :

“Hữu vật hỗn thành; tiên thiên địa sinh” “Vật” là chữ

“vật” trong câu “đạo chi vi vật” ở chương 21, nó chỉ đạo. Vốn không biết tên của nó nên tạm dùng chữ “vật” để gọi chứ không nói đạo là vật chất. “Hồn thành” nghĩa là hồn hợp mà thành. Đạo có thể sinh ra thiên địa vạn vật, thì đương nhiên có trước thiên địa, nên nói : “Tiên thiên địa sinh”.

“Tịch hề liêu hề, độc lập nhi bất cải, chu hành nhi bất đãi, khả dĩ vi thiên địa mẫu”. “Tịch” hình dung đạo không có âm thanh. “Liêu” hình dung đạo không có hình thể. Đạo có trước trời đất, vượt trên vạn vật, không gì có thể so sánh được, nên gọi là “độc lập”. Đạo sinh ra vạn vật, vạn vật thì luôn thay đổi, duy chỉ có đạo là vĩnh hằng bất biến, nên nói là “bất cải”. “Chu hành” chỉ đạo vận hành khắp chốn. “Đãi” nghĩa là ngừng nghỉ. “Bất đãi” chỉ tác dụng của đạo không bao giờ hết. “Độc lập nhi bất cải” chỉ thể của đạo là tuyệt đối và vĩnh hằng. “Chu hành nhi bất đãi” chỉ dụng của đạo là rộng lớn và vô tận. “Khả dĩ vi thiên hạ mẫu” chính là cội nguồn của thiên địa vạn vật.

“Ngô bất tri kỳ danh, tự chi viết đạo”. “Tự” là động từ, nghĩa là mệnh danh. “Đạo” đã được Lão Tử coi là cội nguồn của vũ trụ, đây là sự phát hiện vĩ đại mà Lão Tử là người đầu tiên gọi nó là “đạo”.

“Cương vi chi danh viết đại. Đại viết thệ, thệ viết viễn, viễn viết phản”. “Cương” nghĩa là miễn cưỡng, “danh”, nghĩa là hình dung; nghĩa giống như chữ “dung” trong câu “cương chi vi dung” ở chương 15. “Đạo” bất khả đạo nên nói là “cương vi chi danh”. “Đại viết thệ” là to lớn là luôn vận hành. Ý nghĩa của chữ “viết” trong hai câu sau “thệ viết viễn; viễn viết phản” giống nhau. “Thệ” nghĩa là hướng về; “viễn” nghĩa là cùng cực. Đạo lưu hành khắp mọi nơi nên nói là “thệ viết viễn”. “Phản” nghĩa là lập lại,

chính là “quy căn”. “phục mệnh” ở chương 16, đạo đến khắp mọi nơi thì cuối cùng lại trở về chốn hư vô.

“Nhân diệc đại”, nguyên tác của Vương Bật thì chữ “nhân” viết là chữ “vương”, nhưng như vậy thì ý nghĩa không gắn với những câu sau là “nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo”. Trong “thuyết văn” của Hứa Thận đều viết là “nhân diệc đại”. Sách cổ cũng viết là “nhân” nên sửa thành “nhân diệc đại”.

“Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên”. “Tự nhiên” là tính chất của đạo, sở dĩ đạo có tác dụng chúa tể là vì tất cả đều thuận theo tự nhiên, nghe theo tạo hóa của vạn vật chứ không phải có cái gì khác bề ngoài của đạo. Nếu bề ngoài cái của đạo có gì đó thì đạo không trở thành cội nguồn của vũ trụ vạn vật được.

Lời bình :

Chương này nói về thể và dụng của đạo. Thể của đạo là “độc lập nhi bất biến”, dụng của đạo là “chu hành nhi bất đãi”. Đạo là cội nguồn của thiên địa vạn vật, tuy sinh ra vạn vật nhưng cũng chỉ thuận theo tự nhiên mà thôi. Chính vì vậy mà đạo bao gồm cả trời đất, tồn tại từ trước tới nay, được vạn vật suy tôn. Nếu ai noi theo được tinh thần này thì kết quả tất nhiên được dân chúng mến mộ.

CHƯƠNG 26

Trọng vi khinh căn, tĩnh vi táo quân. Thị dĩ thánh nhân chung nhật hành bất li tri trọng, tuy hữu vinh quan, yên xư chiêu nhiên. Nại hà vạn thặng chi chủ, nhi dĩ thân khinh thiên hạ ? Khinh tắc thất căn, táo tắc thất quân”.

Dịch ý :

Việc tu thân trị sự thì trầm tĩnh là điều quan trọng nhất, nóng nảy là điều không nên, trầm tĩnh là gốc rễ của nôn nóng, nặng là gốc của nhẹ. Cho nên bậc thánh nhân đi một ngày mà không xa xe chõ đồ dùng, lương thảo, tuy hưởng thụ vật chất giàu sang mà không lệ thuộc. Ông vua của một nước lớn sao lại nôn nóng, tùy tiện cai trị thiên hạ kia chứ ? Tùy tiện thì không thể vững vàng, nôn nóng thì không thể trầm tĩnh được.

Giải thích :

“Trọng vi khinh căn, tĩnh vi táo quân”. Lấy cây cối là ví dụ, rễ nặng ở dưới, cành lá nhẹ ở trên. Cành lá lay động theo gió nhưng gốc thì vẫn yên tĩnh. Từ đó có thể biết được “trọng” và “tĩnh” là gốc, là không đổi; “khinh” và “táo” là ngọn, là thay đổi. Nặng thắng được nhẹ, tĩnh thắng được nóng nảy. Nên người có đạo có thể lấy gốc bỏ ngọn. Giữ nặng bỏ nhẹ, lấy điềm tĩnh để thắng nôn nóng. Thử xem trận chiến ở Phi Thủy. Phù Kiên tùy tiện, nóng nảy, còn Tạ An thì thận trọng, trầm tĩnh. Kết quả là Tạ An đã đánh bại Phù Kiên. Đông Tấn vì vậy mà bền vững. Tiên

Tân vi vậy mà suy vong. Đó là một chứng minh rõ nhất.

“Thị dĩ thánh nhân chung nhật hành bất li tri trọng, tuy hữu vĩnh quan, yển xứ chiêu nhiên”. “Hành” nghĩa là đi. “Tri trọng” là xe chở đồ dùng, lương thảo. Vì chở rất nặng nên gọi là “tri trọng”. “Vĩnh quan” nghĩa là cung điện. “Yển xứ” nghĩa là an cư. “Siêu nhiên” nghĩa là không ràng buộc. Mấy câu này nói người có đạo đi xa nhưng không rời xe chở đồ dùng, lương thảo. Ở nhà tuy có cung điện hào hoa, được hưởng thụ cuộc sống giàu sang nhưng trong lòng vẫn trầm tĩnh không hề thay đổi.

“Nại hà vạn thặng chi chủ, nhi dĩ thân khinh thiên hạ”. “Vạn thặng chi chủ” chỉ vua của nước lớn. Vua của một nước lớn trị vì cả thiên hạ, thì phải giữ trọng thủ tĩnh để làm gương cho dân chúng; nếu tùy tiện nóng nảy thì không được thiên hạ coi trọng. “Dĩ thân khinh thiên hạ”, trong quyển Triện, quyển Lệ của sách Lão Tử viết là : “Dĩ thân khinh vu thiên hạ”, trước chữ “thiên hạ” có chữ “vu” thì biết là “thiên hạ” chỉ nơi chốn, như vậy ý nghĩa câu văn càng thêm rõ ràng.

Lời bình :

Chương này nói rõ tầm quan trọng của “trọng” và “tĩnh”, nặng kìm giữ được nhẹ, tĩnh chế ngự được động, đây là những ví dụ rất rõ trong vật lý và nhân sự. Người trị vì thiên hạ nên học theo vật lý xử trọng như tĩnh, như vậy mới làm cho đất nước vững như Thái Sơn. Nếu tùy tiện làm càn làm bậy thì tất dẫn đến thân tàn quốc lui.

CHƯƠNG 27

Thiện hành vô triệt tích, thiện ngôn vô hà trích, thiện số bất dụng trù sách, thiện bế vô quan kiện nhi bất khả khai, thiện kết vô thăng ước nhi bất khả giải. Thị dĩ thánh nhân thường thiện cứu nhân, cố vô khí nhân; thường thiện cứu vật, cố vô khí vật, thị vị tập mình. Cố thiện nhân giả, bất thiện nhân chi sư, bất thiện nhân giả, thiện nhân chi tư. Bất quý kỳ sư, bất ái kỳ tư, tuy trí, đại mê. Thị vị yếu diệu.

Dịch ý :

Người tài giỏi thì làm việc thuận theo tự nhiên nên không để lại một chút vết tích gì. Người khéo nói thì không có lầm lỗi. Người giỏi tính toán thì không cần dùng dụng cụ để tính. Người giỏi lôi kéo quần chúng thì không lôi kéo, quần chúng vẫn theo. Người giỏi thu nạp nhân tâm, khiêm tốn, nhường nhịn thì không cần dùng dây trói buộc, người khác vẫn theo mình. Do vậy người có đạo luôn giáo hóa dân chúng, khiến cho ai cũng tỏ hết tài năng, nên không bỏ ai cả; giỏi dùng vật, làm cho vật nào cũng phát huy tác dụng, nên không vật nào bị bỏ đi. Làm được những việc này thì quả đã có được những tinh hoa cao quý của đạo. Người thiện là thầy của người không thiện, có thể giáo hóa con người ngày càng thiện hơn; người không thiện là cái gương soi của người thiện để khỏi bị xa ngã. Nếu người không thiện mà không tôn trọng người thiện, người thiện không yêu mến người không thiện dù cho thông minh mấy cũng có lúc nhầm lẫn. Điều này thật là huyền

diệu !

Giải thích :

“Thiện hành vô triệt tích, thiện ngôn vô hà trích, thiện số bất dụng trừ sách”. “Hành” là động từ, nghĩa gốc là đi, nghĩa bóng là chỉ mọi hành vi. “Triệt” là vết tích do bánh xe để lại, “triệt tích” chính là vết tích. Đi lại đều để lại vết tích, nếu không muốn có vết tích thì chỉ có không đi hoặc dẫm lên vết dấu chân của người khác. Làm việc cũng vậy, nếu không muốn có sai lầm thì chỉ có “vô vi” tức là làm thuận theo tự nhiên. “Trích” nghĩa là sai lầm. “hà trích” cũng là sai lầm. Nói chuyện thì sẽ có chỗ sai, muốn không sai thì chỉ “bất ngôn”. Vì “ngôn đa tất thất”, bất ngôn thì không có sai lầm. “Số” là động từ, nghĩa là tính toán. “Trừ” và “sách” đều là những công cụ thời cổ làm bằng tre dùng để tính toán. Tính toán mà không dùng “trừ, sách” thì gọi là “thiện số”, đó chỉ là không cần tính toán, nghĩa bóng có nghĩa là không cần suy nghĩ. Tục ngữ có câu : “Nhân toán thiên toán, bất như thiên toán nhất toán” hay câu “trí giả thiên lự, tất hữu thất”. Cũng là nói ý này.

“Thiện bế vô quan kiện nhi bất khả khai, thiện kết vô thành ước nhi bất khả giải”. “Quan kiện” là những cây gỗ ngang dọc ở cổng ra vào. Đóng cổng đều dùng nó, không dùng nó gọi là “thiện bế”, đó chỉ là những “quan kiện” vô hình, lấy lòng thành đối xử đối với mọi người thì mọi người gần gũi tốt hơn bất kỳ dùng “quan kiện” nào. Ngược lại nếu không gần gũi mọi người thì dù “quan kiện” tốt mấy cũng không nhất được họ. “Kết” nghĩa là trói buộc. “thành ước” là dây thừng to. Trói buộc vật gì cũng đều dùng dây thừng, không dùng thì gọi là “thiện kết”, đó chỉ là dây thừng vô hình. Bằng sự khiêm nhường đối xử với mọi người thì

mọi người sẽ không rời bỏ; ngược lại thì dù dùng bất kỳ dùng loại dây thừng nào cũng không trói buộc được họ.

“Thị vị tập mình” nghĩa là đắc đạo, giữ cái gốc.

“Thiện nhân giả, bất thiện nhân chi sư, bất thiện nhân giả, thiện nhân chi tử”. Chữ “tư” giải thích như chữ “thu”, nghĩa bóng là lấy làm gương. Thiện nhân có thể dạy người khác làm điều thiện nên nói là “bất thiện nhân chi sư”. Người bất thiện có thể khiến cho người khác không làm điều ác, nên nói là : “thiện nhân chi tử”. Khổng Tử đã nói : “Trạch kỳ thiện giả nhi tòng chi, kỳ bất thiện giả nhi cải chi” (Luận ngữ Thuật Nhi) cũng giống như vậy.

“Bất quý kỳ sư, bất ái kỳ tử, tuy trí, đại mê, thị vị yếu diệu”. “Sư” chỉ thiện nhân, “tử” chỉ bất thiện nhân, “đại mê” là lầm lỗi lớn nhất, “yếu diệu” là tinh yếu diệu huyền.

Lời bình :

Chương này dạy cho người ta nên thuận theo tự nhiên, đừng có tư ý, mưu mô mà làm xằng bậy. Tần Thủy Hoàng giành được thiên hạ, xây dựng tường thành, tu sửa quan tái nhưng cũng chỉ truyền được hai đời. Vũ Vương phạt Trụ, xây mộ Tỳ Can, xây cửa Ki Tử, thờ miếu Thành Thang, phân phát tiền gạo cho dân chúng, được thiên hạ ca ngợi, truyền tới ba mươi tư đời. Đây là minh chứng rõ nhất.

CHƯƠNG 28

Tri kỳ hùng, thủ kỳ thư, vi thiên hạ khê, thường đức bất li, phục qui vu anh nhi. Tri kỳ bạch, thủ kỳ hắc, vi thiên hạ thức. Vi thiên hạ thức, thường đức bất thối, phục qui vu vô cực. Tri kỳ vinh, thủ kỳ nhục, vi thiên hạ cốc. Vi thiên hạ cốc, thường đức mã túc, phục qui vu phác. Phác tán tắc vi khí, thánh nhân dụng chi, tắc vi quan trường. Cố đại chế bất cắt.

Dịch ý :

Biết được cái lợi của cứng rắn mà lại nguyện ở vào địa vị của mềm yếu. Như vậy mới làm khe suối cho thiên hạ, khiến mọi người chú ý. Làm khe suối cho thiên hạ thì đức sẽ không mất mà trở về với trạng thái tự nhiên, cũng giống như đứa trẻ sơ sinh vậy. Biết được chỗ tốt thanh bạch của đạo mà lại nguyện ở vào chỗ đen tối, như vậy mới có thể làm phép tắc cho thiên hạ. Làm phép tắc cho thiên hạ thì thường đức mới không sai lệch mà trở về với cõi vô cực. Biết điều hay của vinh mà nguyện ở vào địa vị thấp hèn, như vậy mới có thể thành khe suối của thiên hạ, chứa đựng những dơ bẩn của thiên hạ. Như vậy thì thường đức sẽ đầy đủ, trở về với trạng thái mội mội như gỗ chưa đẽo gọt, nếu xẻ ra thì làm thành bao đồ vật. Thánh nhân thể hiện đạo giữ được chất phác thì trở thành thủ lĩnh của trăm quan. Nên thể chế lớn không dễ chia cắt, trị thiên hạ cũng phải thuận theo tự nhiên.

Giải thích :

“Tri kỳ hùng, thủ kỳ thư, vi thiên hạ khê”. “Hùng” là chỉ tính tôn, cương, cường. “Thư” là chỉ tính ti, nhu, nhược. “Tri hùng thủ thư” là biết tôn giữ ty, biết cương giữ nhu, biết cường giữ nhược. Lão Tử cho rằng sự phát triển của vạn vật trong vũ trụ đều theo qui luật tuần hoàn, trong quá trình đó tất cả những thứ tỏ ra cứng rắn đều bị phá hủy. Ngược lại những thứ yếu mềm thì lại sinh tồn. Nên thủ thư, thủ nhu, thủ nhược mới là đạo cầu toàn, mới là cứng rắn chân chính.

“Vi thiên hạ khê, thường đức bất li, phục qui vu anh nhi”. “Thường đức” là cái đức vĩnh hằng bất biến. “Thường đạo”, “thường đức”, “thường danh” đều là những câu thường dùng trong sách Lão Tử. “Anh nhi” ví với sự chất phác, tự nhiên.

“Vi thiên hạ thức, thường đức bất thối, phục qui vu vô cực”, “thối” nghĩa là sai sót. “Cực” nghĩa là tận cùng. “Vô cực” nghĩa là vô cùng vô tận. Vì thế của đạo ở mọi nơi, dụng của đạo thì vô cùng tận, nên “phục qui vu vô cực” cũng chính là quay về với đạo.

“Tri kỳ vinh, thủ kỳ nhục, vi thiên hạ cốc”. “Vinh” nghĩa là hiển vinh. “Nhục” nghĩa là nhục nhã. Trong hang trống không mà chứa đựng được dơ bẩn. Nên “vi thiên hạ cốc” nghĩa là chứa đựng dơ bẩn trong thiên hạ. “Thu quốc chi cấu, thị vi xã tắc chủ” (chương 78) cũng nói lên điều này.

“Phác tán tác vi khí, thánh nhân dụng chi, vốn là tác vi quan trường, cổ đại chế bất cắt”. “Phác” gỗ chưa qua gọt đẽo, nghĩa bóng chỉ đạo, vì đặc trưng của đạo là chất phác mộc mạc, câu “đạo thường vô danh phác” (chương 32) đã chứng minh điều này. Cho nên “phác” có thể thay thế đạo. “Phác tán tác vi khí”

nghĩa đen là khúc gỗ sau khi gọt dẽo thì thành vật dụng, nghĩa bóng là người ta sau khi tu đạo thì thành người đắc đạo. “Chi” chỉ phác. “Trường quan” là đứng đầu các quan. Câu này có nghĩa là bậc thánh nhân giữ được đạo thì có thể thành thủ lĩnh của trăm quan. “Đại chê” là đạo lớn, đạo lớn không thể chia cắt được. Nếu đạo lớn chia cắt thì thánh nhân cũng không giữ được nó.

Lời bình :

Chương này dạy cho người ta “thủ nhu bất tranh, thủ phác vô vi” giữ lấy yếu mềm không nên tranh giành. Những khái niệm “thủ thư”, “thủ hắc”, “thủ nhục” không có nghĩa là làm con người ta thất bại mà từ đó có thể trở thành “vi thiên hạ khê”, “vi thiên hạ thức”, “vi thiên hạ cốc”. Hán Cao Tổ ngạo mạn vô lễ, mấy lần sai người đi mời Tứ Hạo nhưng Tứ Hạo cũng không ra phò giúp, ngược lại Thái Tử Lưu Doanh (chính là Hán Huệ Đế sau này) do khiêm tốn, lễ độ tự mình tới mời, cuối cùng Tứ Hạo nhận lời. Đó chẳng phải là một chứng minh đó sao ?

CHƯƠNG 29

Tương dục thủ thiên hạ nhi vi chi, ngô kiến kỳ bất đắc dĩ. Thiên hạ thần khí, bất khả vi dã. Vi giả bại chi, chấp giả thất chi. Cố vật hoặc hành hoặc tùy, hoặc hư hoặc suy, hoặc cường hoặc doanh, hoặc bồi hoặc hủy. Thị thánh nhân khứ thậm, khứ xa, khứ thái.

Dịch ý :

Trị vì thiên hạ thì nên vô vi, muốn hữu vi thì không thể được. Thiên hạ là vật rất huyền diệu thần kỳ, muốn cai trị nó thì không thể hữu vi, không thể cố chấp. Hữu vi thì làm cho thiên hạ hồng, cố chấp thì mất thiên hạ. Con người ta mỗi người một vẻ, hoặc là tích cực, hoặc là tiêu cực; hoặc là cứng rắn, hoặc là mềm yếu; hoặc nóng, hoặc lạnh; hoặc có lợi, hoặc có hại. Do vậy thánh nhân trị vì thiên hạ phải thuận nhân tình, theo thể sự, tự nhiên, vô vi bỏ đi những gì thái quá.

Giải thích :

“Tương dục thủ thiên hạ nhi vi chi, ngô kiến kỳ bất đắc dĩ”. “Thủ” nghĩa là trị vì. “Thủ thiên hạ” nghĩa là trị vì thiên hạ. “Vi” nghĩa là làm, “chi” chỉ thiên hạ. Hai chữ “chi” trong câu sau “vi giả bại chi, chấp giả thất chi” cũng có nghĩa là thiên hạ. Thánh nhân trị vì thiên hạ đều phải thuận theo tự nhiên, vô vi. Nếu muốn “vi chi” thì đương nhiên là “bất đắc dĩ” rồi.

“Thiên hạ thần khí, bất khả vi dã. Vi giả bại chi, chấp giả

thất chi”. “Thần khí” là những thứ thần thánh quý báu. “Vi gia” chi người hữu vi. “Chấp” nghĩa là cố chấp ý mình. “Chấp gia” chi người cố chấp hữu vi. “Vi gia” nếu có chứng có mực thì thiên hạ loạn, nếu cố chấp hữu vi thì mất cả thiên hạ.

“Cố vật hoặc hành hoặc tùy, hoặc hư hoặc xuy, hoặc cường hoặc doanh, hoặc bồi hoặc hủy”. Chữ “cố” là phát ngữ từ, giống như chữ “phủ” không có nghĩa. “Vật” giống nghĩa như chữ “vật” trong câu “vật hoặc ác chi” ở chương 24, chỉ người. “Tùy” nghĩa là đúng theo. “Hoặc hành hoặc tùy” ý nói có người thích tiến, có người thích lùi. Người tiến thì tích cực, người lùi thì tiêu cực. “Hư” nghĩa là hơi thở nóng, “xuy” nghĩa là hơi thở lạnh, “doanh” nghĩa là yếu. “bồi” nghĩa là lợi ích, “hủy” giống như chữ “trụy” nghĩa là hủy hoại.

“Thị dĩ thánh nhân khứ thậm, khứ xa, khứ thái”. “Thậm”, “xa”, “thái” ba chữ này nghĩa giống nhau đều có nghĩa là thái quá. “Khứ thậm”, “khứ xa”, “khứ thái” chính là thuận theo tự nhiên bỏ đi những gì thái quá.

Lời bình :

Chương này nói phép trị thiên hạ, không thể cố chấp mà phải vô vi tự nhiên, không thể làm xằng làm bậy. Vì lòng người khác nhau, yêu ghét mỗi người một vẻ, nếu cố chấp hữu vi thì tất được cái này mà mất cái kia; bỏ đi tất cả những gì thái quá “dĩ bách tính tâm vi tâm” thì dân chúng tự nhiên sẽ yên ổn. Thời đầu Tây Hán, Tào Tham kể vị Tiêu Hà làm tế tướng vẫn giữ nguyên chế độ cũ nên thiên hạ thái bình, dân chúng ngợi ca. Lão Tử nói : “vô vi chi ích, thiên hạ hi cập chi ?” (chương 43) quả đúng không sai.

CHƯƠNG 30

*Di đạo tá nhân chủ giả, bất di binh cường thiên hạ. Kỳ sự
hiếu hoàn. Sư chi sở xứ, kinh cực sinh yên. Đại quân chi hậu, tất
hữu hung niên. Thiên giả quả nhi dĩ, bất cảm di thủ cường. Quả
nhi vật căng, quả nhi vật phạt, quả nhi vật kiêu. Quả nhi bất đắc
dĩ, quả nhi vật cường. Vật tráng tắc lão, thị vị bất đạo, bất đạo tào
dĩ.*

Dịch ý :

Người dùng Đạo lớn mà phò vua thì không dùng binh lực để
mạnh hơn thiên hạ, vì như vậy dễ dẫn tới báo thù, oán hận không
bao giờ hết. Nơi nào có đại binh đóng giữ thì mùa màng vàng lụi,
khắp nơi cây cỏ mọc đầy. Sau chiến tranh thiên tai xảy ra, mùa
màng nhất định thất bát. Do đó người giỏi dùng binh chỉ cần có
hiệu quả, đạt được mục đích thì thôi, không dám tỏ ra mạnh hơn
thiên hạ. Đạt được mục đích mà không kể công, kiêu căng, tự
phụ. Cần phải biết rằng đạt được mục đích mà vẫn tỏ ra bất đắc
dĩ, nên đã đạt được mục đích mà vẫn không cần tỏ ra mình mạnh
hơn người. Vạn vật cứ tới lúc thịnh vượng thì cũng bắt đầu lão
hóa, nên tỏ rõ sức mạnh là không hợp với đạo, không hợp với đạo
thì như mưa bụi rất nhanh phai tàn.

Giải thích :

“Đi đạo tá nhân chủ già, bất dĩ binh cường thiên hạ, kỳ sự hiếu hoàn”. Đạo lấy tự nhiên làm chính, lấy mềm yếu làm tác dụng mà chiến tranh thì bắt nguồn từ tự tư, dục vọng, tỏ ra hiếu thắng không phù hợp với tinh thần của đạo. Nên “đi đạo tá nhân chủ già” đương nhiên là không “dĩ kinh cường thiên hạ”, nếu không sẽ trái với tinh thần của đạo. “Kỳ sự hiếu hoàn” ý nói chiến tranh rất dễ báo thù. Giết cha người khác thì người khác tất sẽ giết cha mình. Giết anh người khác thì người khác tất sẽ giết anh mình. Đó chính là “hiếu hoàn”.

“Sư chi sở xứ, kinh cực sinh yên, đại quân chi hậu, tất hữu hung niên”. “Sư” nghĩa là quân đội, “xứ” nghĩa là ở. “Sở xứ” là nơi đóng chiếm. “Kinh cực” là cây cối có gai, ở đây dùng để chỉ đồng ruộng hoang, vì chiến tranh tới đâu thì tất dân chúng bị chém giết, ruộng vườn tang hoang nên nói “Kinh cực sinh yên”. “Đại quân” nghĩa là đại chiến, “hung niên” nghĩa là năm mất mùa. Sau chiến tranh nông dân tử vong, mùa màng bê trễ, ngũ cốc bất sinh, trùng dịch tung hoành thì tất sẽ có năm mất mùa.

“Thiện giả quả nhi dĩ, bất cảm dĩ thủ cường”. “Thiện giả” chỉ người giỏi dùng binh. “Quả” nghĩa là mục đích, hiệu quả. “Thủ cường” chính là “tranh cường”. Câu này nghĩa là người giỏi dùng binh, chỉ cần đạt tới mục đích, chiến thắng đối phương là được, không nên dùng sức lực tỏ rõ sức mạnh với thiên hạ.

“Vật tráng tác lão, thị vị bất đạo, bất đạo tảo dĩ”. “Tráng” nghĩa là mạnh. “Bất đạo” nghĩa là không hợp với đạo. “Dĩ” nghĩa là tử vong. Vạn vật cường tráng tất sẽ tử vong, đây là hiện tượng tự nhiên, mà đạo cái chính là yếu mềm, mạnh mẽ thì không hợp với đạo, không hợp với đạo tất chết sớm, nên nói “Bất đạo tảo dĩ”.

Lời bình :

Chương này nói lên tư tưởng phản chiến của Lão Tử. Lý do chính là canh diêu tàn, tang thương sau mỗi cuộc chiến tranh. Chống chiến tranh không phải là chu trương đầu hàng, mà là phản đối việc dùng vũ lực xâm lược kẻ khác.

CHƯƠNG 31

Phù binh già bất tường chi khí, vật hoặc ố chi, cố hữu đạo giả bất xử. Quân tử cư tắc quý tử, dụng kinh tắc quý hữu. Binh già, bất tường chi khí, phi quân tử chi khí, bất đắc dĩ nhi dụng chi, diêm đạm vi thượng. Thắng nhi bất mỹ, nhi mỹ chi giả, thị lạc sát nhân. Phù lạc sát nhân giả, tắc bất khả đắc chi vu thiên hạ hĩ. Cát sự thượng tả, hung sự thượng hữu, thiên tướng quân cư tả, thượng tướng quân cư hữu. Ngôn dĩ tang lễ xử chi. Sát nhân chi chúng, dĩ bi ai lập chi, chiến thắng, dĩ tang lễ xử chi.

Dịch ý :

Binh khí là vật không tốt lành, ai cũng ghét nó nên người có đạo không dùng. Người quân tử ở nhà thì trọng bên trái, khi dùng binh thì trọng bên phải. Vì chiến tranh đồng nghĩa với chết chóc mà người quân tử vốn rất nhân từ, chán ghét chiến tranh nên không dùng binh khí. Nếu vạn bất đắc dĩ mà phải dùng nó thì phải diêm đạm, bình tĩnh, chỉ cần đạt được mục đích là đủ. Thắng cũng không cho mình là hay, cho mình là hay thì thích giết người, mà thích giết người thì dân chúng ghét, như vậy thì không làm chủ được thiên hạ. Việc lành thì trọng bên trái, việc dữ thì trọng bên phải. Khi dùng binh thì thiên tướng quân ở bên trái, thượng tướng quân ở bên phải, như vậy coi chiến tranh như những cuộc tang lễ. Giết hại nhiều người thì lấy lòng từ bi mà mặc niệm họ, dù có chiến thắng cũng nên lấy tang lễ mà xử.

Giải thích :

“Phù binh giả bất tương chi khí, vật hoặc ố chi, cố hữu đạo giả bất xử”. “Bình” chi vũ khí. Nghĩa bóng chi vũ lực. “Vật” chi người. Bình khí dễ gây ra chết chóc, tôn thương tới con người nên gọi là “bất tương chi khí”. “Cố hữu đạo giả bất xử” nghĩa là : vì vậy người có đạo không sử dụng.

“Quân tử cư tắc quý tã, dụng binh tắc quý hữu”. “Cư” nghĩa là lúc bình thường. “Quý” nghĩa là quý trọng. Chư hầu Trung Nguyên đời nhà Chu thì thường coi trọng bên phải, nhưng khi dùng binh thì lại trọng bên trái nên chủ tướng bên trái, vô sĩ bên phải.

“Điềm đạm vi thượng”. “Điềm đạm” nghĩa là không nóng nảy, chính là “bất cảm dĩ thù cường” ở chương trước.

“Thắng nhi bất mỹ, nhi mỹ chi giả, thị lạc sát nhân”. “Mỹ” nghĩa là khoe khoang kiêu ngạo. “Thắng nhi bất mỹ” chính là “quả nhi vật căng, quả nhi vật phạt, quả nhi vật kiêu” ở chương trước.

“Phù lạc sát nhân giả, tắc bất khả đắc chi vu thiên hạ hĩ”. Thích binh khí chính là thích giết người mà binh khí thì ai cũng ghét. Người thích chiến tranh thì làm chủ thiên hạ sao được ? Thời chiến quốc, Lương Tương Vương đã từng hỏi Mạnh Tử rằng : “Làm gì mới có thể an định được thiên hạ ?”. Mạnh Tử trả lời : “Thống nhất thì an định được”. Tương Vương lại hỏi : “Ai có thể thống nhất được thiên hạ ?”. Mạnh Tử trả lời : “Người không thích giết dân chúng thì có thể thống nhất được thiên hạ”. (Mạnh Tử Lương Huệ Vương Thượng). Tuy tư tưởng khác nhau, nhưng Lão Tử và Mạnh Tử đều giống nhau ở chỗ phản đối việc dùng binh, phản đối việc giết người.

“Sát nhân chi chúng, đi bi ai lập chí, chiến thắng, đi tang lễ xử chi”. Giết người là một việc đau buồn, giết nhiều người thì còn phải mang lòng thương xót truy điệu họ, dù chiến thắng cũng cần cử hành tang lễ đối với những người đã khuất vì chiến tranh.

Lời bình :

Chương này cũng giống chương trước, đều nêu lên tư tưởng chống chiến tranh của Lão Tử. Chiến tranh, mọi người đều ghét bỏ nói chi tới Lão Tử ! Không Tử tới nước Vệ, Vệ Linh Công hỏi ông rằng : “Ông có biết chiến tranh không ?” Không Tử trả lời : “Lẽ viết về tể tự tôi đã học qua, còn chiến tranh là gì tôi chưa được học”. Và ngày hôm sau vội vàng rời khỏi nước Vệ (Luận ngữ, Vệ Linh Công).

CHƯƠNG 32

Đạo thường vô danh, phác. Tuy tiêu, thiên hạ mạc năng thần dã. Hậu vương nhược năng thu chi, vạn vật tương tự bình. Thiên địa tương hợp, dĩ giáng cam lộ, dân mạc chi lệnh nhi tự quân. Thủy chế hữu danh. Danh diệc kí hữu, phủ diệc tương tri chi, tư chi sở dĩ bất dĩ. Thí đạo chi tại thiên hạ, do xuyên cốc chi giữ giang hải.

Dịch ý :

Đạo không thể nhìn thấy, nghe thấy, sờ thấy nên nó không có tên gọi, cũng vĩnh viễn tự nhiên, chất phác. Nó tuy ẩn vi mà thiên hạ không ai coi thường, sai khiến được. Vương Hậu nếu nắm được nó thì dân chúng tự qui theo. Khí âm, khí dương của trời đất mà hòa hợp thì mưa rơi. Đạo sinh vạn vật, thuận theo tự nhiên cũng giống như mưa rơi vậy, rất công bằng. Đạo sinh ra vạn vật, vạn vật đều có tên gọi, có tên gọi rồi thì càng sinh sôi nảy nở, nhưng phải biết dừng lại đúng chỗ thì không nguy hiểm. Đạo ở trong thiên hạ, đối với vạn vật cũng giống như sông biển đối với khe suối vậy. Sông biển là nơi hội tụ của suối khe; đạo là nơi qui tụ của vạn vật.

Giải thích :

“Đạo thường vô danh, phác. Tuy tiêu, thiên hạ mạc năng

thần dã”. “Đạo thường vô danh”, thể của đạo hư vô, nên không có tên gọi. Chương 41 viết : “Đạo ăn vô danh” chứng minh thêm điều này. “Phác” chỉ khúc gỗ chưa gọt dũa, dùng để chỉ thể của đạo, nên giải thích là chất phác, tự nhiên. “Vô danh” và “phác” đều chỉ tính chất của đạo. “Tiêu” chỉ sự ăn vi của đạo. “Thần” nghĩa là thần phục. Đạo là cội nguồn của vạn vật, vạn vật chỉ có thể theo đạo, thể hiện đạo chứ không thể thần phục đạo.

“Hầu vương nhược năng thu chi, vạn vật tương tự binh”. “Chi” chỉ đạo, “binh” nghĩa là phục tùng. Đạo là mẹ của vật, vương hầu giữ đạo thì cũng trở thành chủ của vạn vật, vạn vật đương nhiên tự động phục tùng.

“Thiên địa tương hợp, dĩ giăng cam lộ, dân mạc chi lệnh nhi tự quân”. “Thiên địa tương hợp” chỉ khí âm dương tương hòa. “Chi” chỉ mưa, “tự quân” chỉ tự nhiên quân bình. Mưa xuống mọi vật đều thấm ướt đó là do hiện tượng tự nhiên chứ không theo ý muốn của con người. Đạo sinh vạn vật cũng là do tự nhiên nên vạn vật tự mình sinh tồn. Người trị vì thiên hạ nếu noi theo thiên đạo, thuận theo tự nhiên, vô tư vô dục, vô vi như tự thì dân chúng sẽ phục tùng.

“Thủy chế hữu danh, danh diệc kí hữu, phù diệc tương tri chi, tứ chi sở dĩ bất đãi”. “Thủy chế hữu danh” là nói thể của đạo không có tên, vạn vật sinh ra thì có tên gọi thì lại càng sinh sôi nảy nở, càng ngày càng xa cái gốc của nó. Vì vậy phải biết dừng lại. Biết dừng lại, trên thực tế là giữ đạo. Giữ đạo vì vạn vật phục tùng, nên nói : “tứ chi sở dĩ bất đãi”.

“Thí đạo chi tại thiên hạ, do xuyên cốc chi giữ giang hải”.

Đạo ở trong thiên hạ, đối với vạn vật cũng giống như sông biển đối với suối khe vầy — trăm khe ngàn suối đều đổ về sông biển. Vạn vật cuối cùng cũng về với đạo.

Lời bình :

Chương này nói hai đặc tính của đạo là “vô danh” và “chất phác” nên vạn vật trong thiên hạ đều qui phục về đạo. Nếu vương hầu giữ được đạo thì thần dân nghe theo. Nhưng vạn vật thì “hữu danh” hơn nữa ngày càng sinh sôi nảy nở nên vương hầu phải biết dừng lại mới tránh được hiểm nguy.

CHƯƠNG 33

Tri nhân giả trí, tự tri giả minh. Thắng nhân giả hữu lực, tự thắng giả cường. Tri túc giả phú, cường hành giả hữu chí. Bất thất kỳ sở giả cường, tử nhi bất vong giả thọ.

Dịch ý :

Kẻ biết được ưu khuyết của người khác chỉ coi là khôn khéo, tự nhận biết được bản thân mình mới là sáng suốt. Thắng được người khác chỉ coi là người có sức mạnh, tự thắng bản thân mình mới là kiên cường. Kẻ biết thế nào là đủ thì coi là giàu có; Kẻ không ngừng không nghỉ thể hiện đạo thì coi là có chí. Kẻ lấy đạo làm gốc và luôn giữ lấy nó thì coi là trường cửu; Tuy đã qua đời nhưng tinh thần không mất mới coi là trường thọ.

Giải thích :

“Tri nhân giả trí, tự tri giả minh”. Biết người khác đã khó, tự biết mình lại càng khó hơn. Mắt người ta có thể nhìn xa trăm bước nhưng lại không nhìn thấy lông mi của mình; có thể thấy được những lỗi nhỏ của người khác nhưng lại không thấy được cái sai lớn của mình. “Tri nhân” càng nhiều thì bản thân càng có hại. Nhưng “tự tri” càng lâu thì càng tăng thêm đạo đức và tầm nhìn của bản thân. Trước kia người ta đã ví “tri” như cây nến, ý “minh” như cái gương, vì nến càng cháy càng ngắn mà gương thì càng lau càng sáng. Đây chính là nguyên nhân vì sao Lão Tử

trọng “minh” mà coi nhẹ “trí”.

“Thắng nhân giả hữu lực, tự thắng giả cường”. “Cường” là chữ “cường” trong câu “thủ nhu viết cường” (chương 52) và “kiên cường giả tử chi đề” (chương 76). Mỗi người đều có tự tư, tự dục, muốn bỏ cái có thì khó nhất là phải tự kiểm điểm mình. Cổ nhân có nói : “Phá giặc trong núi thì dễ, phá giặc trong lòng thì khó” cũng là nói ý này. Tự mình thấy được thiếu sót, khuyết điểm của bản thân thì có thể coi là một người kiên cường.

“Tri túc giả phú”. Câu nói này chỉ lòng ham muốn của con người vô cùng tận, dù có bao tiền của cũng không vừa — thật là lòng tham vô đáy. Ngược lại, nếu đừng ham muốn, vui trong nghèo khó, tự mình biết đủ thì cũng như giàu có vậy.

“Cường hành giả hữu chí”. “Cường hành” chính là câu “cần nhi hành chi” (chương 41), vì đạo huyền diệu, đương nhiên phải hiểu nó, quan trọng hơn là phải tự mình thể hiện, nên Lão Tử nói : “thượng sĩ văn đạo, cần nhi hành chi”. Nhưng lý tưởng càng cao xa thì những trở ngại càng nhiều, hướng hồ là đạo lớn tinh vi huyền diệu. Nếu gặp chút trở ngại đã chán nản thì mất hết, nên phải gắng theo đến cùng, tới khi “tứ nhi hậu dĩ” như vậy mới có ngày thành công, như vậy mới coi là “hữu chí”.

“Bất thất kỳ sở giả cửu”. “Sở” nghĩa là gốc, cá sống ở dưới nước, rời nước là chết. Cây sống ở trong đất xa đất là chết. Vạn vật sinh ra từ đâu nên phải qui theo đạo mới trường cửu. Nếu làm càn làm bậy, ngược với tự nhiên thì ắt có ngày diệt vong.

“Tứ nhi bất vong giả thọ”. Nhân hữu sinh tất hữu tử, đó là qui luật tự nhiên, không gì phải lo sợ, bị ai, điều quan trọng là có

được giá trị nhân sinh vĩnh cửu, như vậy thì dù đã chết vẫn như còn sống, đó là “bất hủ” cũng chính là “thọ”. Ba điều bất hủ của nhà nho là lập đức, lập công, lập ngôn, còn của đạo gia chỉ có một chữ “đạo”. Nếu đắc đạo thì thân tuy mất nhưng đạo vẫn còn. Như vậy cũng là “bất hủ” cũng là “thọ” rồi.

Lời bình :

Chương này nói “nhân sinh luận” của Lão Tử, đặc biệt nhấn mạnh “tự tri”, “tự thắng”, “tư túc”, và “cường hành”. Làm được như vậy coi là đã đắc đạo, nếu kiên trì giữ nó thì “tử nhi bất vong”.

CHƯƠNG 34

Đại đạo phiếm hề, kỳ khả tả hữu. Vạn vật thị chi nhi sinh bất từ, công thành bất danh hữu, y dưỡng vạn vật nhi bất vi chủ. Thường vô dục, khả danh vũ tiêu; vạn vật qui yên nhi bất vi chủ, khả danh vũ đại. Dĩ kỳ chung bất tực vi đại, cố năng thành kỳ đại.

Dịch ý :

Đạo lớn lưu hành tràn lan, đâu cũng có. Vạn vật dựa vào nó mà sinh trưởng. Nhưng nó không kể công. Nó nuôi dưỡng vạn vật mà không làm chúa tể. Đạo không có tư tâm, không có dục vọng, hư vô vi tiêu nhưng tác dụng của nó lớn vô cùng. Vạn vật đều qui về nó nhưng nó lại không làm chủ vạn vật. Có thể nói đạo rất vi đại, nhưng chính vì nó không tự nhận mình là vi đại nên mới vi đại.

Giải thích :

“Đại đạo phiếm hề, kỳ khả tả hữu”. “Phiếm” nghĩa là tràn lan. “Kỳ” chỉ đạo, “tả hữu” chỉ khắp nơi. Tác dụng của đạo rộng lớn và phổ biến đâu đâu cũng có — Đoạn đối thoại giữa Trang Tử và Đông Quách Tử sau đây chứng minh điều này :

Đông Quách Tử : “Đạo lớn ở đâu ?”

Trang Tử : “Đạo lớn ở khắp mọi nơi”.

Đông Quách Tử : “Xin chỉ cho biết một nơi cụ thể ?”

Trang Tử : “Ở trên thân con kiến”.

Đông Quách Tử : “Sao lại thấp hèn vậy ?”

Trang Tử : “Ồ trong gạch ngói”.

Đông Quách Tử : “Càng ngày càng thấp hèn vậy sao ?”

Trang Tử : “Ồ trong phân và nước tiểu”.

Đông Quách Tử : ...

Trang Tử : “Ông đừng gặng hỏi mãi, đạo ở mọi nơi đâu đâu cũng có.

“Vạn vật thị chi nhi sinh nhi bất tử, công thành bất danh hữu, y dương vạn vật nhi bất vi chu”. “Thị” nghĩa là dựa vào, “bất tử” nghĩa là không nói. Không Tử đã từng nói “Thiên hà ngôn tai ?” Tử thời hành niên vạn vật sinh yên. (Luận ngữ — Dương Hóa) — Trời không nói mà vạn vật sinh trưởng, đạo cũng vậy, đạo sinh ra vạn vật nhưng không kể công. Đạo dưỡng vạn vật nhưng không làm chúa tể.

“Thường vô dục, khả danh vu tiểu; vạn vật qui yên nhi bất vi chu, khả danh vu đại”. “Vô dục” là vô tư, “vu” không có nghĩa. Đạo sinh vạn vật, do vô tư vô dục nên “bất tử”, “bất danh hữu”, “bất vi chu”, vạn vật tự mình phát triển, đạo không ràng buộc, nhưng vạn vật cuối cùng đều qui về đạo.

Lời bình :

Chương này nói tác dụng của đạo rất rộng lớn. Vạn vật dựa vào đạo mà sinh trưởng nhưng đạo không làm chúa tể, mặc cho vạn vật tự nhiên phát triển. Nếu nhìn về mặt vô vi vô dục thì đạo rất nhỏ, nhưng nếu nhìn về mặt bất hữu bất chu thì đạo rất lớn. Vì vậy đạo không tự cho mình là vĩ đại thì lại càng tỏ ra vĩ đại.

CHƯƠNG 35

Chấp đại tượng, thiên hạ vãng. Vãng nhi bất hại, an bình thái. Nhạc dữ nhi, quá khách chi. Đạo chi xuất khẩu, đạm hồ kỳ vô vị, thị chi bất túc kiến, thánh chi bất túc văn, dụng chi bất khả ký.

Dịch ý :

Một bậc vương chủ trị vì thiên hạ, nếu giữ được đạo thì thiên hạ qui phục, qui phục mà không thương hại gì, như vậy thiên hạ thái bình an lạc. Âm nhạc hay, món ăn ngon có thể làm cho người qua đường dừng chân. Nhưng đạo thì nhạt nhẽo, vô vị, không nhìn thấy, không nghe thấy, không sờ thấy nó nhưng dùng nó thì không bao giờ cạn, khiến người ta mãi mãi thích hợp.

Giải thích :

“Chấp đại tượng, thiên hạ vãng. Vãng nhi bất hại, an bình thái”. “Chấp” nghĩa là giữ lấy. “Đại tượng” ví với đạo lớn. Chương 41 nói : “Đại tượng vô hình”. Vật thể lớn nhất không có hình thể, nhưng đâu đâu cũng có nên gọi là đại tượng. “Thiên hạ” là “người trong thiên hạ”, chữ “an” hiểu như chữ “nãi” nghĩa là “thì ra”, “thế là”.

“Nhạc dữ nhi, quá khách chi” — “Nhạc” là âm nhạc, “nhi” chỉ món ăn ngon. Âm nhạc và món ăn ngon có thể làm người ta

dừng bước, nhưng đạo lớn thì làm cho thiên hạ qui theo.

“Đạo chi xuất khẩu, đạm hồ kỳ vô vị, thị chi bất túc kiến, thính chi bất túc văn, dụng chi bất khả ký”. “Xuất khẩu” là nói ra bằng miệng, nghĩa cũng là “xuất ngôn”. “Đạm hồ kỳ vô vị, thị chi bất túc kiến, thính chi bất túc văn” là nói về âm nhạc và món ăn ngon. Vì âm nhạc có âm thanh, đồ ăn ngon có hương vị, có hình thù. “Ký” hiểu như chữ “dĩ” nghĩa là tận. “Bất khả ký” nghĩa là không thể hết được.

Lời bình :

Chương này so sánh giữa đạo không âm thanh không mùi vị với âm nhạc và đồ ăn ngon, cũng yêu cầu vua phải giữ lấy đạo, làm cho thiên hạ thái bình an lạc. Nói về hình thể thì “nhạc” và “nhĩ” có âm thanh, mùi vị, đạo thì vô thanh, vô vị, vô hình. Nói về tác dụng thì “nhạc” và “nhĩ” có hạn, mà đạo thì vô cùng vô tận. Nói về hiệu quả thì “nhạc” và “nhĩ” có thể làm cho người qua đường dừng bước, còn đạo thì khiến người ta đầy đủ, sống khoái.

CHƯƠNG 36

Tương dục hấp chi, tất cố trương chi; Tương dục nhược chi, tất cố cường chi; Tương dục phế chi, tất cố cử chi; Tương dục đoạt chi, tất cố dư chi. Thị vị vi minh, nhu nhược thắng cương cường. Ngự bất khả thoát vu uyên, quốc chi lợi khí, bất khả dĩ thị nhân.

Dịch ý :

Vật cùng tác phản, thế cường tác nhược đó là hiện tượng tự nhiên, hiểu rõ điều này thì làm gì cũng được. Đối với bất kỳ vật gì, muốn rút ngắn nó thì trước hết hãy mở rộng nó, kéo dài nó ra. Muốn cho ai yếu đi thì tất phải làm cho họ mạnh lên đã. Muốn phế bỏ ai thì tất đề cử họ lên đã. Muốn giành lấy vật gì thì hãy cho nó đi đã. Điều này có vẻ hư ảo nhưng kỳ thực rất rõ ràng, đó chỉ là nhu nhược thắng cương cường mà thôi. Cá không thể dời khỏi vực, nếu vậy cá sẽ chết vì vực là gốc rễ để cá sinh tồn. Cai trị đất nước mà không dùng chính sách mềm dẻo thì tất sẽ bị diệt vong vì mềm dẻo là cội nguồn để trị quốc.

Giải thích :

“Tương dục hấp chi, tất cố trương chi”. “Hấp” nghĩa là rút gọn lại. “Cố” nghĩa là định. Việt Vương Câu Tiễn muốn tiêu diệt nước Ngô, trước tiên khuyên Ngô Vương công phạt nước Tề, thắng rồi lại khuyên Ngô Vương tranh bá với nước Tấn ở hội nghị Hoàng Trì. Sau khi đạt được những mục đích này, vua Ngô ngày càng kiêu căng tưởng là mạnh lên, thực ra là yếu đi, thế là Việt

Vương khởi binh tiêu diệt nước Ngô. Đó là ví dụ thực về “tương dục hấp chi, tất cố trương chi”.

“Tương dục nhược chi, tất cố cường chi”. “Nhược” và “cường” đều là động từ. Thời xuân thu, Trịnh Trang Công muốn tiêu diệt Cộng Thúc Đoạn đã cho Thúc Đoạn nhiều đất đai và thần dân, làm cho Thúc Đoạn nảy sinh ý đồ làm phản, sau đó Trang Công điều binh tiêu diệt. Đó là ví dụ thực tế về “Tương dục nhược chi, tất cố cường chi”.

“Tương dục phế chi, tất cố cử chi”. “Phế” nghĩa là phế bỏ, “cử” nghĩa là đề cử. Thời xuân thu, nước Sở muốn xâm chiếm những nước phía Đông Hán Thủy, trước tiên đánh nước Tỳ mạnh nhất. Vua Tỳ sai Thiệu Thiệu Soái tới đàm phán, tiện thể xem thực lực của quân Sở thế nào. Nước Sở cố ý giấu đi quân đội tinh nhuệ chỉ cho xem những binh sĩ già yếu và vũ khí cũ kỹ. Thế là vua Tỳ dần dần coi thường quân Sở và xa rời những nước nhỏ láng giềng. Chẳng bao lâu nước Sở tiêu diệt nước Tỳ. Đó là chứng minh thực tế về “Tương dục phế chi, tất cố cử chi”.

“Tương dục đoạt chi, tất cố dữ chi”. Thời xuân thu, Tấn Hiến Công muốn tiêu diệt nước Ngưu, trước tiên cho vua Ngưu của cải quý báu, rồi xin mượn đường cho quân đội đi qua đánh nước Quắc. Vua nước Ngưu tham lam của cải liền đồng ý. Sau khi nước Tấn tiêu diệt nước Quắc, trên đường trở về liền tiêu diệt luôn cả nước Ngưu. Đó là thực tế chứng minh cho “Tương dục đoạt chi, tất cố dữ chi”.

“Thị vị vi minh, nhu nhược thắng cương cường”. “Minh” nghĩa là rõ ràng, sáng tỏ; “Vi” nghĩa là ẩn vi, mập mờ. Những điều nói ở trên tựa hồ như rất mập mờ nhưng thực tế thì lại rất

sáng tỏ, đó chính là nhu nhược thắng cương cường đây.

“Ngư bất khả thoát vu uyên, quốc chi lợi khí, bất khả dĩ thi nhân”. “Uyên” chỉ nước ví với mềm yếu. Nước là gốc để cho cá sinh sống, mềm yếu là cội nguồn của ông vua trị quốc. “Lợi khí” chỉ những đồ sắc bén ví như quyền mưu, hình phạt. Ông vua trị nước phải lấy mềm yếu làm gốc. Nếu dùng quyền mưu, hình phạt thì nước mất, nhà tan. Do vậy mới nói “bất khả dĩ thi nhân”.

Lời bình :

Chương này nói về cái lợi của yếu mềm, cũng chính là nói về cái hại của cứng rắn. Vạn vật khi sống đều yếu mềm nhưng khi chết thì cứng rắn. Mọi người ghét mềm thích rắn. Ngược lại, không biết là nhu sống, cương chết; nhược tồn, cường vong. Nếu đức vua hiểu được điều này, vận dụng nó một cách khéo léo thì trị vì được thiên hạ.

CHƯƠNG 37

• *Đạo thường vô vi nhi vô bất vi, hầu vương nhược năng thủ chi, vạn vật tương tự hóa. Hóa nhi dục tác, ngô tương trấn chi dĩ vô danh chi phác. Trấn chi dĩ vô danh tri phác, phù diệc tương vô dục. Bất dục dĩ tĩnh, thiên hạ tương tự chính.*

Dịch nghĩa :

Thế của đạo thuận theo tự nhiên, không làm gì hết, nhưng nó sinh ra vạn vật, nuôi dưỡng vạn vật thực tế là cái gì cũng làm. Nếu vua chúa giữ được nó thì vạn vật sẽ tự nhiên tiến hóa, trong quá trình tiến hóa khó tránh được nảy sinh tư dục, phá hoại trật tự tự nhiên của xã hội. Khi đó phải dùng bản chất của đạo là “vô danh chi phác” để kìm chế, như vậy vạn vật sẽ không có tư dục nữa, thiên hạ sẽ trở lại qui luật tự nhiên.

Giải thích :

“Đạo thường vô vi nhi vô bất vi, hầu vương nhược năng thủ chi, vạn vật tương tự hóa”. Thế của đạo hư tĩnh, tiến hóa theo tự nhiên, nên nói là “vô vi”. Vạn vật sinh ra từ đạo nên nói là “vô bất vi”. “Vô vi” là nói theo tác dụng của đạo, “vô bất vi” là nói theo hiệu quả của đạo. “Hầu vương” chỉ người nắm quyền. “Chi” chỉ đạo. “Tự hóa” nghĩa là tự nhiên tiến hóa.

“Hóa nhi dục tác, ngô tương trấn chi dĩ vô danh chi phác”. “Dục” chỉ dục vọng, tư dục. “Tác” nghĩa là sinh sản. “Trấn” nghĩa là trấn áp. “Vô danh chi phác”, “phác” là bản chất của đạo.

Đạo vô danh nên phác cũng vô danh. Ý câu này nói trong quá trình tiến hóa của vạn vật nếu nảy sinh dục vọng thì dùng phác trấn áp nó.

“Trấn chi dĩ vô danh chi phác, phù diệc tương vô dục”. Nguyên tác sách của Vương Bật chỉ có “vô danh chi phác” thiếu ba chữ “Trấn chi dĩ”, “phù” chỉ “vạn vật” ở câu văn trên.

“Bất dục dĩ tĩnh, thiên hạ tương tự chính”, chữ “dĩ” là từ nối, nghĩa là “mà”, “tự chính” sách của Vương Bật nguyên tác là “tự định”. Câu này có nghĩa là nếu ta không có tư dục mà trầm tĩnh thì thiên hạ sẽ tự ổn định theo bản chất tự nhiên của nó.

Lời bình :

Chương này nói các cái tốt của “vô vi”. Đạo vô vi nhưng kết quả lại “vô bất vi”. Ông vua “vô vi” kết quả là “vạn vật tự hóa”, dân chúng tự nhiên qui phục.

CHƯƠNG 38

Thượng đức bất đức, thị dĩ hữu đức; hạ đức bất thất đức, thị dĩ vô đức. Thượng đức vô vi nhi vô dĩ vi, thượng nhân vi chi nhi vô dĩ vi, thượng nghĩa vi chi nhi hữu dĩ vi, thượng lễ vi chi nhi mặc chi ưng, tắc nhượng tí nhi nhượng chi. Cố thất đạo nhi hậu đức, thất đức nhi hậu nhân, thất nhân nhi hậu nghĩa, thất nghĩa nhi hậu lễ. Phù lễ giả, trung tín chi bạc, nhi loạn chi thủ. tiền thúc giả, đạo chi hoa, nhi ngu chi thủ. Thị dĩ đại trượng phu xử kỳ hậu, bất cư kỳ bạc, xử kỳ thực, bất cư kỳ hoa; cố khứ bì thủ thủ.

Dịch ý :

Người có đức cao thì mọi việc làm đều dựa theo đạo vì vậy mà có đức; người có đức thấp thì tìm cách để có đức vì vậy mà không có đức. Bậc thượng đức thì vô vi, thuận theo tự nhiên, bậc thượng nhân tuy hữu vi nhưng đều xuất phát từ lòng nhân ái làm mọi việc nên làm. Bậc thượng nghĩa thì bất kỳ việc gì cũng phải tính toán kỹ càng, mọi hành động đều chọn lọc. Bậc thượng lễ thì làm mọi lễ nghi, tiết độ, nếu không được đáp lại thì lôi kéo người khác buộc họ phải làm như mình. Cho nên đạo mất rồi mới có đức, đức mất rồi mới có nhân, nhân mất rồi mới có nghĩa, nghĩa mất rồi mới có lễ. Từ đạo biến thành lễ, càng biến càng xa đạo, càng mất đi tính chất phác tự nhiên của nó. Sự ra đời của nghĩa là sự biểu hiện từ chất phác tới nghiệt ngã của nhân tính, là sự mở đầu từ yên lặng tới hỗn loạn của xã hội. Một số bậc trí giả tự cho là mình hơn người, trái với đạo, xa rời đức thì chỉ là nguồn

gốc của ngu muội, là cái đuôi của đạo lớn mà thôi. Cho nên bậc đại trượng phu ở đời luôn lấy trung tín làm chính, không trọng lễ nghi, lấy chất phác làm gốc mà không màu mè.

Giải thích :

“Thượng đức bất đức, thị dĩ hữu đức; hạ đức bất thất đức, thị dĩ vô đức”. “Thượng đức” chỉ ông vua có đức cao, “hạ đức”, “thượng nhân”, “thượng nghĩa”, “thượng lễ” cũng đều nói về đức tính của ông vua. “Bất đức” nghĩa là không tự cho mình có đức. “Bất thất đức” là tự cho mình có đức. Sự khác nhau giữa “thượng đức” và “hạ đức” ở chỗ quan tâm cũng không quan tâm tới đức. Kết quả một người có đức, một người không có đức. Chương 2 nói : “Phù duy bất cư, thị dĩ bất khứ”. Chương 7 nói : “Phi dĩ kỳ vô tư da ? Cố năng thành kỳ tri” cũng có thể chứng minh rõ thêm điều này.

“Thượng đức vô vi nhi vô dĩ vi, thượng nhân vi chi nhi vô dĩ vi, thượng nghĩa vi chi nhi hữu dĩ vi”. “Vô vi” nghĩa là không làm cái gì, chỉ bề ngoài, “vô dĩ vi” nghĩa là không thể làm được, chỉ nội tâm. Câu này có ý là bậc thượng đức cả hành động và suy nghĩ đều không làm gì cả, cứ thuận theo tự nhiên. “Vi chi” nghĩa là làm tất cả. Bậc thượng nhân giáo hóa, gọi là “hữu vi”, “hữu vi” thấp hơn “vô vi” nhưng bậc thượng nhân không có chút lòng vì bản thân nên tuy “hữu tác vi” cũng “vô tâm tác vi”. Sự khác nhau giữa bậc thượng nhân và thượng đức là ở chỗ “hữu vi” và “vô vi”. Sự khác nhau giữa bậc thượng nghĩa và thượng nhân chính là ở chỗ “vô dĩ vi” và “hữu dĩ vi”.

“Thượng lễ vi chi nhi mạc chi ứng, tắc nhượng tí nhi nhượng chi”. “Ứng” nghĩa là hưởng ứng. “Mạc chi ứng” là “mạc

ứng chi”. “Nhượng tỵ” nghĩa là giơ cánh tay lên. “Nhưng” nghĩa là dẫn. Ông vua thượng lễ dựng ra nghi lễ để dân chúng noi theo. Nếu không có ai hưởng ứng thì giơ cánh tay ra kéo mọi người làm theo.

“Phù lễ giả, trung tín chi bạc, nhi loạn chi thủ, tiền thức giả, đạo chi hoa, nhi ngu chi thủy”. “Trung tín” nghĩa là chất phác. “Bạc” nghĩa là suy yếu. Nếu bản chất chất phác của con người bị mai một thì giả dối cũng sẽ nảy sinh, nên nói là “trung tín chi bạc, nhi loạn chi thủ”. “Tiền thức” nghĩa là biết trước, chi bạc “trí giả”. Tự cho mình là bạc “trí giả” trái với bản chất của đạo thì chính là nguồn gốc của ngu muội. Nên nói là “đạo chi hóa, nhi ngu chi thủy”.

“Thị dĩ đại trượng phu xử kỳ hậu, bất cư kỳ bạc; xử kỳ thực, bất cư kỳ hoa; cố khứ bỉ thủ thử”. “Đại trượng phu” chỉ người theo đạo, không giống “đại trượng phu” trong sách Mạnh Tử. “Hậu” chỉ “trung tín”, “bạc” chỉ “lễ”, “thực” chỉ “đạo”, “hoa” chỉ “trí”. “Bỉ” chỉ “bạc” và “hoa”, “thử” chỉ “hậu” và “thực”. Câu này ý nói người theo đạo giữ được bản chất chất phác không phù hoa cũng chính là không gian lận, xảo trá.

Lời bình :

Chương này Lão Tử phân đạo đức thành sáu bậc : Đạo, đức, nhân, nghĩa, lễ, trí. Xã hội hợp với đạo thì tốt nhất. Trong xã hội đó mọi người đều vô vi vô sự, tất cả đều thuận theo tự nhiên. Đến khi mất đạo thế là có đức, có nhân, có nghĩa, có lễ, có trí. Theo cách nhìn của những người bình thường thì đó là tiến bộ, nhưng theo cách nhìn của Lão Tử thì đó là thụt lùi.

CHƯƠNG 39

Tích chi đắc nhất giả, thiện đắc nhất dĩ thanh, địa đắc nhất dĩ ninh, thần đắc nhất dĩ linh, cốc đắc nhất dĩ doanh, vạn vật đắc nhất dĩ sinh, hầu vương đắc nhất dĩ vi thiên hạ trịnh. Kỳ chi chi, thiên vô dĩ thanh tương khùng liệt, địa vô dĩ ninh tương khùng phát, thần vô dĩ linh tương khùng yết, cốc vô dĩ doanh tương khùng kiệt, vạn vật vô dĩ sinh tương khùng diệt, hầu vương vô dĩ quý cao tương khùng quyết. Cố quý dĩ tiện vi bản, cao dĩ hạ vi cơ. Thị dĩ hầu vương tự vi cô, quả, bất cốc, thử phi dĩ tiện vi bản da ? Phi hồ ? Cố chi dự vô dự. Bất dục lục lục như ngọc, lạc lạc như thạch.

Dịch ý :

Đạo là tổng nguyên lý sinh thành thiên địa vạn vật. “Nhất” do đạo sinh ra, cũng có thể đại biểu cho “đạo”. Từ xưa tới nay, những vật được “nhất” là như thế này : Trời được “nhất” thì trong sáng, đất được “nhất” thì yên tĩnh, thần được “nhất” thì sinh sôi nảy nở, vua chúa được “nhất” thì trở thành chuẩn mực cho thiên hạ. Những điều này đều do được “nhất” mà có. Trời không trong sáng thì sẽ vỡ, đất không yên tĩnh thì sẽ lở, thần không linh thiêng thì sẽ tan mất, sông suối không đầy thì sẽ khô cạn, vạn vật không sinh sôi thì sẽ diệt vong; vua chúa không là chuẩn mực cho thiên hạ thì sẽ mất ngôi. Sang lấy hèn làm gốc, cao lấy thấp làm nền. Do vậy vua chúa mới tự xưng là “cô” “quả”

“bất cốc” để hiểu được sự khiêm nhường. Như thế chẳng phải là sang lấy hèn làm gốc đó sao ? Cho nên không được khen ngợi tức là lời khen cao quý nhất. Vì được tiếng khen thì lời chê bai cũng tới liền sau đó. Không nên được mọi người quý trọng như mỹ ngọc, mà chỉ nên giống như sỏi đá để mọi người coi thường.

Giải thích :

“Tích chi đắc nhất giả”. “Nhất” là chữ số đầu. “Đạo” là gốc của vạn vật, nên Lão Tử dùng “nhất” để ví với “đạo”. Chương 22 nói : “Thánh nhân lão nhất vì thiên hạ thức”. “Lão nhất” là ôm đạo “đắc nhất”, ở đây chính là đắc đạo.

“Cốc đắc nhất dĩ doanh, vạn vật đắc nhất dĩ sinh, hâu vương đắc nhất dĩ vi thiên hạ trình”. “Cốc” chỉ khe suối, nghĩa rộng là chi tất cả sông ngòi. “Hâu vương” chỉ vua chúa. “Trình” hiểu như chữ “chính” nghĩa là tấm gương, là chuẩn mực.

“Kỳ chí chi”. “Kỳ” chỉ “nhất”, “chí” chỉ thanh, ninh, linh, doanh, sinh, trình. Câu này ý nói trời có thể trong sáng, đất có thể yên lặng, thần có thể linh thiêng, khe suối có thể đầy tràn, vạn vật có thể sinh sôi, vua chúa có thể làm khuôn mẫu cho thiên hạ, tất cả đều bắt nguồn từ “nhất” cả.

“Thiên vô dĩ thanh tương khùng liệt, địa vô dĩ ninh tương khùng phát, thần vô dĩ linh tương khùng yết”; “Vô dĩ” nghĩa là không thể. “Liệt” nghĩa là đồ vỡ, “phát” nghĩa là tàn phế, “yết” nghĩa là mất đi.

“Hâu vương vô dĩ quý cao tương khùng quyết”. “Quý” nghĩa là hiền quý, “cao” nghĩa là cao quý, “quyết” nghĩa là trượt ngã, ở đây chỉ mất ngôi vua.

“Cố quý dĩ tiện vi bản, cao dĩ hạ vi cơ”. “Cố” là phát ngữ từ, giống như chữ “phù”, “quý” và “tiện”, “cao” và “hạ” đều là những cặp từ đối nhau. Sở dĩ ta cao quý là vì có người khác thấp hèn, hiểu rõ điều này thì người người cao quý cũng không bao giờ kiêu ngạo. Hơn nữa, người cao quý thì ít mà người thấp hèn thì nhiều, cũng giống như cái tháp vậy. Ngọn tháp chỉ có một mà chân tháp biết bao tầng lớp. Người đứng đầu chỉ có một, phía sau có bao nhiêu người nữa. Nếu người đứng đầu không coi trọng những người phía sau mình thì chẳng khác gì ngọn tháp không cần chân tháp. Như vậy liệu tháp có vững được không ?

“Thị dĩ hầu vương tự vi cô, quả, bất cốc, thử phi dĩ tiện vi bản da ? Phi hồ ?”. “Cô” nghĩa là cô độc, “quả” nghĩa là người ít đức. “Cốc” hiểu như chữ “thiện”, “bất cốc” nghĩa là bất thiện. “Cô”, “quả”, “bất cốc” đều biểu thị sự khiêm nhường của vua chúa thời xưa, dùng để chỉ bản thân mình. Đây cũng có nghĩa là “dĩ tiện vi bản”.

“Cố chí dự vô dự”, “chí dự” nghĩa là lời ca ngợi tốt nhất không còn gì cao hơn nữa. Vì Lão Tử không muốn có lời ca ngợi tốt nhất về mình, không chủ trương có “danh”, nếu được ngợi ca thì chưa chắc đã là tốt nhất, ví như các ông vua, chương 17 đã nói : “Thái thượng, hạ chi hữu chí, kỳ thứ, thân nhi dự chi”. Ví như ngọc và đá, mọi người đều ca ngợi ngọc, chê bai đá, nhưng giá trị của đá cao hơn ngọc nhiều, nên Lão Tử mới nói : “Bất dục lục lục như ngọc, lạc lạc như thạch” ở phần sau.

“Bất dục lục lục như ngọc, lạc lạc như thạch”. “Lục lục” nghĩa là ngọc đẹp, “lạc lạc” nghĩa là đá cứng. Lão Tử ghét “quý” trọng “tiện”, mà ngọc thì quý, đá thì tiện nên không muốn quý

ngọc như mọi người quý mà muốn tiện ngọc như mọi người tiện.
(Không muốn đẹp như ngọc, mà chỉ muốn tiện như đá).

Lời bình :

Chương này nói tầm quan trọng của chữ “nhất” hơn nữa lại nói vua chúa “bao nhất vì thiên hạ thức” thì phải hết sức chú ý tới tính khiêm nhường. “Nhất” do đạo sinh ra, nên tượng trưng cho đạo nó là duy nhất, là tuyệt đối, vạn vật có nó thì mới phát triển. Vua chúa có nó thì mới cai trị được chúng dân.

CHƯƠNG 40

Phản giả đạo chi động; nhược giả đạo chi dụng. Thiên hạ vạn vật sinh vu hữu, hữu sinh vu vô.

Dịch ý :

Sự vận hành của đạo là trở lại lúc ban đầu, tác dụng của đạo là khiêm nhu. “Vô” là thể của đạo, “hữu” là tác dụng của đạo. Thiên hạ vạn vật được sinh ra từ “hữu”, mà “hữu” lại được sinh ra từ “vô”.

Giải thích :

“Phản giả đạo chi động” nghĩa của chữ “phản” có ba : Một là tương phản; hai là ngược lại; ba là trở lại lúc ban đầu.

“Nhược giả đạo chi dụng”. “Nhược” nghĩa là nhu nhược, ở đây chỉ thuộc tính như lưu, tĩnh, ti, hạ, khúc, uổng, thoái, hậu... “Đạo chi dụng” là ý nói về tác dụng của đạo.

“Thiên hạ vạn vật sinh vu hữu, hữu sinh vu vô”. Trong sách của Lão Tử đồng thời nêu chữ “hữu” và “vô” ở bốn chương, ở chương 1 : “vô, danh địa chi thủy”, “hữu, danh thiên địa chi mầu”. Ở chương 2 : “Hữu vô tương sinh”. Ở chương 11 : “Cố hữu chi dĩ vi lợi, vô chi dĩ vi dụng”, và ở chương này : “hữu sinh vu vô”. Rốt cuộc “hữu” và “vô” là gì ? “Hữu” là gốc của vạn vật,

“vô” còn cao hơn so với hữu, là nguồn gốc của vũ trụ. “Vô” và “hữu” có quan hệ với đạo. “Vô” và “hữu” hợp lại với nhau là chỉ toàn bộ đạo.

Lời bình :

Chương này nói về thể và dụng của đạo. Sự hóa sinh của thiên địa vạn vật chính là “đạo chi động” và “đạo chi dụng”.

CHƯƠNG 41

Thượng sỹ văn đạo, cần nhi hành chi, Trung sỹ văn đạo, nhược tồn nhược vong; hạ sỹ văn đạo, đại tiểu chi, bất tiểu bất túc dĩ vi đạo. Cố kiến ngôn hữu chi : minh đạo nhược muội, tiến đạo nhược thoái, dĩ đạo nhược loại. Thượng đức nhược cốc, đại bạch nhược nhục, quảng đức nhược bất túc. Kiến đức nhược thấu, chất đức nhược du. Đại phương vô ngung, đại khí văn thành, đại âm hi thanh, đại tượng vô hình, đạo ẩn vô danh. Phù duy đạo, thiện thài thã thành.

Dịch ý :

Đạo ở khắp mọi nơi, một người hiểu đạo thì phải xem tài chất của họ. Bậc thượng sỹ nghe thấy đạo, hiểu được đạo vĩ đại và chân thực thì gắng sức thi hành; kẻ trung sỹ nghe thấy đạo, do kiến thức có hạn nên cho rằng đạo có thể có, có thể không, như thật như giả. Kẻ hạ sỹ nghe thấy đạo, do kiến thức nông cạn, không hiểu được đạo là cái gì nên cười ồ lên, cho là hoang đường. Nếu không cười thì đạo đâu phải là đạo nữa. Cho nên người xưa nói đúng : Đạo sáng thì dường như thụt lùi, tối tăm, đạo tiến thì dường như thoái lui, đạo bằng phẳng dễ dàng thì dường như khúc mắc. Người thượng đức thì khiêm nhường dường như thấp trúng. Người có đạo đức thì dường như nhơ bẩn. Người có đức chân thật thì không hề biểu hiện, dường như hư vô. Hình vuông cực lớn thì không có góc. Khí cụ cực lớn thì không có hình dạng cố định. Âm thanh cực lớn thì không nghe thấy, hình tượng cực lớn thì không

trông thấy, đạo lớn thì ẩn vì không có tên gọi. Chỉ có đạo là khéo sinh và tác thành vạn vật.

Giải thích :

“Thượng sỹ văn đạo, cần nhi hành chi; Trung sỹ văn đạo, nhược tồn nhược vong; hạ sỹ văn đạo, đại tiểu chi”. “Thượng sỹ”, “trọng sỹ”, “hạ sỹ” đương nhiên là được phân theo tài trí cao thấp. Cũng chỉ mức độ tin tưởng vào đạo của từng người. Bậc thượng sỹ tin tuyệt đối vào đạo, nên sau khi nghe thấy thì cần mẫn làm theo. Kẻ trung sỹ sau khi nghe thì nửa tin nửa ngờ. Còn kẻ hạ sỹ thì không tin đạo, nên sau khi nghe thì cười ồ lên. “Chi” đều chỉ đạo, “nhược tồn, nhược vong” chính là “nhược hữu, nhược vô”.

“Bất tiểu bất tức dĩ vi đạo”. Vì đạo ẩn vi sâu kín mà tài trí của kẻ hạ sỹ thì thấp kém, tất nhiên là không hiểu được, họ cười ồ lên là tất nhiên thôi.

“Cổ kiến ngôn hữu chi”. “Kiến ngôn” nghĩa là “lập ngôn”, “chi” chỉ mười ba câu từ “minh đạo nhược muội” tới “đạo ẩn vô danh”.

“Minh đạo nhược muội”, “muội” nghĩa là đen tối. Ý nói người có đạo thì trong lòng trong sáng mà không tỏ ra bên ngoài. Đó là do “quang nhi bất diệu” (chương 58) cũng chính là biểu hiện của “đại trí nhược ngu”.

“Tiến đạo nhược thoái”. Người được đạo thì khiêm nhường tự thủ, không tranh giành với ai, đó là “nhược thoái”

“Di đạo nhược loại”. “Di” nghĩa là bình, “loại” ngược với “di”, nghĩa là bất bình. Chương 53 nói : “Đại đạo thậm di, nhi dân hiếu kính”. Đạo của Lão Tử dễ nhận biết, dễ thi hành.

“Thượng đức nhược cốc”. “Cốc” chỉ sâu mà hư, ví với khiêm hư. Ở đây ý nói người thượng đức thì khiêm nhường hư vô như “cốc”.

“Đại bạch nhược nhục”. “Đại bạch” chỉ người vô cùng trong trắng. “Nhục” nghĩa là dơ bẩn. Câu này ý nói người trong sạch cũng giống như người dơ bẩn vậy, không tỏ rõ đạo đức của họ.

“Quảng đức nhược bất túc”. “Quảng đức” chỉ người có đức nhiều, câu này ý nói người có đức càng cao thì lại càng khiêm nhường. Sáu đời Khổng Tử trước kia khảo phụ, lần đầu thụ mệnh là sỹ thì khom lưng cúi đầu, lần thứ hai thụ mệnh là đại phu thì cong eo lại, lần thứ ba thụ mệnh làm khanh thì cúi rạp người xuống. Mỗi lần thụ mệnh lại càng thêm cung kính. Người có đức càng cao thì càng phải đối xử như vậy.

“Kiến đức nhược thấu”, chữ “kiến” giống như chữ “kiên”. “Kiến đức” là người có đức cương kiện. “Thấu” nghĩa là lười biếng. Câu này ý nói người có đức cương kiện xem ra giống như lười biếng vậy.

“Chất đức nhược du”, “chất đức” là người có đức chân thực. “Du” nghĩa là không. Câu này ý nói người có đức chân thực xem ra giống như hư không vô đức vậy.

“Đại phương vô ngưng”. “Ngưng” là góc. Phàm là hình vuông thì đều có cạnh có góc, nhưng hình vuông lớn nhất thì không có cạnh có góc, cũng giống như vũ trụ vậy.

“Đại khí vân thành”. “Đại khí” ví với “đạo”, đạo không có hình thù, cho nó vuông thì nó vuông, cho nó tròn thì nó tròn, nhưng dụng của nó thì vô cùng vô tận.

“Đại âm hi thanh”, “hi thanh” nghĩa là không có âm thanh,

theo nhà khoa học thì âm thanh to nhất trong vũ trụ thì người ta không nghe thấy được, do vậy “đại âm” cũng chính là “hi thanh”.

“Đại tượng vô hình”, “đại tượng” nghĩa là hình tượng lớn nhất. Ở đây ý nói chỉ “đạo”, đạo vô hình, vì không ai trông thấy hình thù của đạo. “Đại phương”, “đại khí”, “đại âm”, “đại tượng” đều ví với đạo.

“Đạo ẩn vô danh, phù duy đạo, thiện thải tả thành” Câu này ý nói “đạo” không những sinh ra vạn vật mà hơn thế nữa nó còn khiến cho vạn vật sinh sôi nảy nở.

Lời bình :

Chương này nói về sự trái ngược giữa bên trong và bề ngoài của đạo. Hiện tượng và bản chất là hai khái niệm hoàn toàn khác nhau. Đó chính là “minh đạo nhược muội, tiến đạo nhược thoái, dĩ đạo nhược loại”.

CHƯƠNG 42

Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật. Vạn vật phụ âm nhi bảo dương, xung khí dĩ vi hợp. Nhân chi sở ố, duy cô quả bất cốc, nhi vương công dĩ vi xung. Cổ vật hoặc tồn chi nhi ích, hoặc ích chi nhi tồn. Nhân chi sở giáo, ngã diệc giáo chi, cường lương giả bất đắc kỳ tử, ngô tương dĩ vi giáo phụ.

Dịch ý :

Đạo là tổng nguyên lý sinh ra vạn vật, đạo sinh ra một, một sinh ra hai, hai sinh ra ba, ba sinh ra vạn vật. Bậc quốc vương cần phải hiểu nguyên lý này : Vạn vật bâm phú cho hai khí âm dương. Hai khí này điều hòa và dưỡng thành vạn vật.

Điều mà mọi người ghét là : “Cô” (côi cút); “quả” (ít đức); “bất cốc” (không tốt). Nhưng đức vua thì lại dùng để tự xưng bản thân mình, cho nên dù là vật gì nhìn bề ngoài thì tồn hại, thực tế lại có lợi thêm và ngược lại. Có một câu mà người xưa đã dạy : “kẻ cường bạo thì bất đắc kỳ tử”, nay tôi cũng lấy đó là đạo lý cơ bản để dạy người khác.

Giải thích :

“Đạo sinh nhất”, chữ “nhất” chính là chữ “nhất” trong câu “Thiên đắc nhất dĩ thanh, địa đắc nhất dĩ ninh” của chương 39, cũng là chữ “nhất” trong câu “Thánh nhân bảo nhất vi thiên hạ

thức” của chương 22. “Đạo sinh nhất” chính là “vô sinh hữu” (từ không sinh ra có).

“Nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật”. “Nhị” chỉ hai khí âm dương. Hai khí âm dương giao hợp với nhau thì sinh ra hòa khí, đó chính là “nhị sinh tam”. tam khí lại giao hợp tiếp thì sinh ra vạn vật. Đó chính là “tam sinh vạn vật”.

“Vạn vật phụ âm nhi bảo dương, xung khí dĩ vi hợp”. “Xung” nghĩa là va đập vào, “hợp” chính là hòa khí. Vạn vật được sinh ra từ khí âm dương nên nói “vạn vật phụ âm nhi bảo dương”; hai khí âm dương lại tiếp tục va đập vào nhau để sinh ra hòa khí, nên nói “xung khí dĩ vi hợp”.

“Nhân chi sở ố, duy cô quả bất cốc, nhi vương công dĩ vi xưng” (xem giải thích chữ “cô” “quả” “bất cốc” ở trên) “xưng” là danh từ nghĩa là xưng hô. Ở chương 39 nói : “thì dĩ hầu vương tự vị cô, quả, bất cốc” nên ở chương này nói “Vương công dĩ vi xưng”.

“Cố vật hoặc tồn chi nhi ích, hoặc ích chi nhi tồn”. “Tồn” và “ích” là hai từ trái nghĩa nhau. Câu này nói nhìn bề ngoài thì thấy tồn nhưng thực tế thì là ít, và ngược lại. Vương hầu tự nhận mình là “cô, quả, bất cốc” nhưng thực ra thì là hữu ích vô cùng.

“Nhân chi sở giáo, ngã diệc giáo chi”. “Sở giáo” và “giáo chi” đều là chỉ câu sau “cường lương giả bất đắc kỳ tử”.

“Cường lương giả bất đắc kỳ tử, ngô tương dĩ vi giáo phụ”. “Cường lương” nghĩa là cương cường. “Bất đắc kỳ tử” là nói học trò của Không Tử là Tử Lộ cương cường hiếu dũng, Không Tử đã nói “bất đắc kỳ tử”, quả nhiên sau này Tử Lộ bị chết trận, thân

bị chém thành nhiều mảnh. “Giáo phụ” là cội nguồn của giáo hóa.

Lời bình :

Chương này nói thứ tự việc sinh thành vạn vật, thứ tự như sau : Đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh vạn vật. Sau khi vạn vật sinh ra vẫn phải giữ tinh thần của đạo, dựa vào đạo mà làm. Bởi vì “Cương cường giả bất đắc kỳ tử, nhu nhược giả tài năng đắc sinh”.

CHƯƠNG 43

Thiên hạ chi chí nhu, trí sinh thiên hạ chi chí kiên, vô hữu nhập vô gian. Ngô thị dĩ tri vô vi chi hữu ích. Bất ngôn chi giáo, vô vi chi ích, thiên hạ hi cập chi.

Dịch ý :

Trong thiên hạ cái mềm yếu nhất lại chế ngự được cái cứng rắn nhất, ví như nước xói mòn được đá, gió có thể xuyên qua da thịt, đó là những ví dụ thực tế. Đạo là hư vô nhưng lại là chúa tể của vạn vật. Do vậy tôi (Lão Tử) biết “vô vi” là có ích, dạy mà không dùng lời thì cái lợi của nó không gì sánh kịp.

Giải thích :

“Thiên hạ chi chí nhu, trí sinh thiên hạ chi chí kiên, vô hữu nhập vô gian”. “Trí sinh”, nghĩa là thúc giục. “Vô hữu” chỉ những vật mềm yếu, hư vô như nước, khí.v.v... “Vô gian” chỉ những vật cứng rắn như đá, sắt thép.v.v... gió có thể xuyên qua da thịt. Đó chính là “vô hữu nhập vô gian” cũng là một thực tế chứng minh “thiên hạ chi chí nhu, trí sinh thiên hạ chi chí kiên”.

“Bất ngôn chi giáo, vô vi chi ích, thiên hạ hi-cập chi”. “Hi” nghĩa là hiển. “Bất ngôn” là mềm nhất, “vô vi” là yếu nhất, nhưng kết quả của bất ngôn vô vi ngược lại vô cùng hữu hiệu.

không có vật gì không giáo hóa được; không có việc gì không làm được.

Lời bình :

Chương này nói về ích lợi của “nhu nhược”, “vô vi”, “bất ngôn”, nhu thắng cương, nhược thắng cường là lẽ tự nhiên thường gặp.

CHƯƠNG 44

*Danh dữ thân thực thân ? Thân dữ hóa thực đa ? Đắc giữ
vong thực bệnh ? Thị cố thâm ái tất đại phí, đa tàng tất hậu
vong. Tri túc bất nhục, tri chi bất đãi, khả dĩ trường cửu.*

Dịch ý :

Danh tiếng với sinh mệnh thì cái nào quý hơn ? Sinh mệnh với của cải thì cái nào quý hơn ? Được danh lợi, của cải mà mất sinh mệnh- thì cái nào hại hơn ? Cho nên ham danh quá thì hao tốn nhiều, cất giấu của cải nhiều thì mất mát nhiều. Chỉ biết thế nào là đủ thì không nhục, biết lúc nào nên ngừng thì không nguy, như vậy mới có thể sống lâu được.

Giải thích :

“Danh dữ thân thực thân ? Thân dữ hóa thực đa ?”. “Danh” chỉ “thanh danh”; “thân” chỉ thân thể, sinh mệnh, “thân” nghĩa bóng là quan trọng. “Hóa” chỉ của cải. “Đa” nghĩa là quan trọng. Câu này ý so sánh giữa sinh mệnh và của cải thì cái nào quý hơn ? Đương nhiên là sinh mệnh quý, vì danh lợi suy cho cùng chỉ là cái bề ngoài của con người mà thôi.

“Đắc dữ vong thực bệnh ?”. “Đắc” là nói được danh và của cải, “vong” là nói mất đi sinh mệnh, “bệnh” nghĩa là hại. Mục đích của tu đạo là dưỡng sinh tu tính, mà danh và lợi không có lợi đối với sinh mệnh và tính cách, ngược lại còn có hại, được danh lợi mà mất tính mạng, thì khác nào bỏ gốc lấy ngọn.

“Thâm ái tất đại phí, đa tàng tất hậu vong”. “Ái” là chi danh, “tàng” là chi lợi. “Ái” chi về tâm lý, “tàng” về hành vi. “Phí” và “vong” đều chi “thân thể”. Vì quá ham danh lợi mà quên đi bản thân mình, chẳng phải là “đại phí”, “hậu vong” sao ?

“Tri túc bất nhục, tri chi bất dãi, khả dĩ trường cửu”. “Tri túc” là cái ngưỡng về mặt tâm lý, “tri chi” là cái ngưỡng về mặt hành vi. Cầu danh vốn là được hiển vinh, nhưng quá ham danh thì gặp tai họa, cầu lợi vốn là để lương thu, nhưng quá tham của cải thì sẽ nguy hiểm. Biết thế nào là đủ thì sẽ tránh được nhục, biết tới đâu thì dừng sẽ tránh được nguy, như vậy mới sống lâu được.

Lời bình :

Chương này dạy cho người ta không quá ham danh lợi của cải mà quên sinh mệnh mình. Vì danh lợi chỉ là cái vô bề ngoài của bản thân, nếu được danh lợi mà mất tính mạng thì quả là lợi bất cập hại.

CHƯƠNG 45

Đại thành nhược khuyết, kỳ dụng bất tệt. Đại doanh nhược xung, kỳ dụng bất cùng. Đại trực nhược khuất, đại xảo nhược chuyết, đại biện nhược nột. Tinh thắng táo, hàn thắng nhiệt, thanh tinh di vi thiên hạ chính.

Dịch ý :

Cái đầy đủ nhất thì dường như khiêm khuyến mà công dụng không bao giờ hết. Cái thực sự thì dường như hư không mà công dụng lại vô cùng tận, cực thắng thì dường như cong, cực khéo thì dường như vụng, ăn nói cực khéo thì dường như ấp úng. Tinh thắng động, lạnh thắng nóng. Người nắm được đạo vô vi hư tĩnh tự nhiên trở thành chuẩn tắc cho thiên hạ.

Giải thích :

“Đại thành nhược khuyết, kỳ dụng bất tệt”. “Thành” nghĩa là đầy đủ, “đại thành” là đầy đủ nhất, chi thể của đạo cũng giống như kết cấu những từ “đại doanh” “đại trực”, “đại xảo”, “đại biện” ở những câu sau. “Khuyết” nghĩa là thiếu, “nhược khuyết” là bề ngoài thì hình như không đầy đủ. Ở đây ý nói chỉ hình tượng của đạo. Những từ “nhược xung”, “nhược khuất”, “nhược chuyết”, “nhược nột” ở những câu sau, kết cấu đều như vậy, vì đạo được hình thành theo vạn vật, không có hình tượng nhất định. “Tệt” nghĩa là tận cùng chỉ tác dụng của đạo.

“Đại doanh nhược xung, kỳ dụng bất cùng”. “Doanh” nghĩa

là đây, “xung” là hư vô. Thiên địa vạn vật đều do đạo sinh ra nên nói là “đại doanh” nhưng đạo lại không có hình nên nói là “nhược xung”.

“Đại trực nhược khuất, đại xảo nhược chuyết, đại biện nhược nột”. “Khuất” nghĩa là uốn lượn, quanh co. “Nột” nghĩa là ăn nói áp úng. Ví như nước, rất phẳng nên nói là “thủy bằng” nhưng thực tế không phải vậy. Hay ví như đất, đất sinh ra cây cối, hoa cỏ, nhưng việc đó không nhìn thấy mà chỉ thấy trên mặt đất có cây, có cỏ mà thôi.

“Tĩnh thắng táo, hàn thắng nhiệt, thanh tĩnh dĩ vi thiên hạ chính”. “Chính” nghĩa là chuẩn mực, phép tắc. Vì thanh tĩnh có thể thắng được nóng nảy nên nói thanh tĩnh là chuẩn mực phép tắc của thiên hạ. Ở chương 57 nói : “Ngã vô vi nhi dân tự hóa, ngã hảo tĩnh nhi dân tự chính, ngã vô sự nhi dân tự phú, ngã vô dục nhi dân tự phác”, đều nói lên thanh tĩnh có thể trị vì thiên hạ được.

Lời bình :

Chương này nói thể và hình của đạo quy về hai chữ “thanh tĩnh”. “Thanh” là thanh hư, “tĩnh” là yên tĩnh. Thể hình của đạo tuy thanh tĩnh nhưng tác dụng của nó lại thắng được ồn ào, sống động. Người giỏi thể hiện sự thanh tĩnh cũng chính là người tu đạo giỏi, vô vi vô sự, thuận theo tự nhiên cũng là làm gương cho thiên hạ.

CHƯƠNG 46

Thiên hạ hữu đạo, khước tâu mã dĩ phân; thiên hạ vô đạo, nhưng mã sinh vu giao. Họa mạc đại vu bất tri túc, cữu mạc đại vu dục đắc. Cố tri túc chi túc, thường túc hĩ.

Dịch ý :

Khi thiên hạ có đạo, mọi người biết đủ, biết dừng, các nước không gây chiến với nhau thì ngựa tốt không dùng vào chiến tranh mà chỉ dùng vào việc cày ruộng; khi thiên hạ vô đạo, mọi người tranh nhau danh lợi, các nước gây chiến với nhau, có bao nhiêu ngựa đều dùng vào việc binh đao, ngựa mẹ đều phải sinh ngựa con ở nơi chiến trận. Do vậy thấy rằng : họa không gì lớn bằng là không biết thế nào là đủ, hại không gì bằng là ham muốn vượt bậc. Cho nên biết thế là đủ và thỏa mãn về cái đủ đó thì mới luôn luôn thấy đủ.

Giải thích :

“Thiên hạ hữu đạo, khước tâu mã dĩ phân”. “Khước” nghĩa là dừng, “tâu mã” là con ngựa chạy nhanh, có thể dùng vào chiến tranh. “Phân” nghĩa bóng là cày ruộng. Ở đây ý nói, khi thiên hạ có đạo thì không có chiến tranh, tứ hải thanh bình, ngựa chiến chỉ dùng để cày ruộng mà thôi.

“Thiên hạ vô đạo, nhưng mã sinh vu giao”. “Nhưng mã” chính là “chiến mã”. “Sinh” nghĩa là “sinh sản”. “Giao” nghĩa là “giao dâ” ở đây chỉ chiến trường.

“Họa mạc đại vu bất tri túc, cữu mạc đại vu dục đắc, cố tri túc chi túc, thường túc hĩ”. “Cữu” nghĩa là tội lỗi. “Dục đắc” chính là “bất tri túc” ở câu trên. Mọi sự tranh chấp đều bắt nguồn từ lòng tham không biết thế nào là đủ của con người. Mạnh Tử đã nói : “Tranh thành dĩ chiến, sát nhân doanh thành; tranh địa dĩ chiến, sát nhân doanh dã” *Mạnh Tử. Li Lâu hạ*. Không biết thế nào là đủ quả là tai hại lớn nhất của con người. Phương pháp để cứu nó là biết đủ. Biết đủ thì tự nhiên cảm thấy thỏa mãn tất cả.

Lời bình :

Chương này nói lên một điều thật đơn giản : Con người ta cần biết dừng lại ở mức đủ, không nên tham lam, tranh giành. Mọi cuộc chiến tranh (phi nghĩa) đẫm máu đều bắt nguồn từ tranh chấp, mà mọi tranh chấp đều bắt nguồn từ “không biết thế nào là đủ của con người”. Vì vậy Lão Tử khuyên mọi người “nhân nhân tri túc, thiên hạ thái bình”.

CHƯƠNG 47

Bất xuất hộ, tri thiên hạ; bất khuy dũ, kiến thiên đạo. Kỳ xuất di viễn, kỳ tri di thiêu. Thị dĩ thánh nhân bất hành nhi tri, bất kiến nhi danh, bất vi nhi thành.

Dịch ý :

Tổng nguyên lý của vạn vật, không phải ở đâu xa, mà ở ngay trong lòng mỗi người. Nếu chúng ta tự mình soi xét, vứt bỏ ham muốn cá nhân thì tự nhiên thấy rõ. Cho nên không cần ra khỏi cửa cũng biết được lý lẽ trong thiên hạ; không cần nhìn qua cửa sổ cũng thấy rõ quy luật tự nhiên. Càng đi xa càng biết ít, nên thánh nhân không đi mà biết, không nhìn mà thấy rõ, không làm mà nên.

Giải thích :

“Bất xuất hộ, tri thiên hạ; bất khuy dũ, kiến thiên đạo”. “Hộ” là cửa ra vào. “Dũ” là cửa sổ. “Thiên đạo” là đạo tự nhiên, là chân lý. Đạo rất lớn, không ra khỏi nhà cũng có thể biết, đạo rất rộng, không nhìn qua cửa sổ cũng thấy, vì vạn vật đều có nguyên lý của nó. Biết được điều này thì mọi việc đều hiểu cả. *Trang Tử — Thiên địa biên đã nói : “Thông vu nhất nhi vạn vật tất” chính là nói điều này.*

“Kỳ xuất di viễn, kỳ tri di thiêu”. “Di” nghĩa là càng. Câu này ý nói càng đi xa thì càng mất nhiều bản tính, kết quả là càng biết ít.

“Thị di thánh nhân bất hành nhi tri, bất kiến nhi danh, bất vi nhi thành”. “Tri” nghĩa là biết thiên hạ. “Bất hành nhi tri” nghĩa là không đi mà biết. “Bất kiến nhi danh” nghĩa là không nhìn mà thấy.

Lời bình :

Chương này nói tới phương pháp để tìm hiểu đạo : Dùng tâm thần thì mới lĩnh hội hết được tổng nguyên lý của đạo, chứ dùng tai mắt mà nhìn nhận, nghe ngóng thì chỉ thêm mê hoặc mà thôi.

CHƯƠNG 48

Vi học nhật ích, vi đạo nhật tổn. Tôn chi hựu tôn, dĩ chí vu vô vi. Vô vi nhi vô bất vi. Thu thiên hạ thường dĩ vô sự, cập kỳ hữu sự, bất túc dĩ thu thiên hạ.

Dịch ý :

Theo học, thì tri thức, dục vọng ngày một tăng, đồng thời nguy tạo, xảo trá, phiền muộn cũng tăng theo. Theo đạo, thì tri thức, dục vọng ngày một giảm, đồng thời nguy tạo, xảo trá, phiền muộn cũng giảm theo. Giảm mãi cho tới khi vô vi, không làm gì cả. Không làm gì mà lại làm tất cả, nên nói là “vô sự bất vi”. Tại trị vì thiên hạ cũng nên vô vi, nếu hữu vi thì không tự trị được thiên hạ.

Giải thích :

“Vi học nhật ích, vi đạo nhật tổn”. “Ích” và “tổn” là hai từ ngược nghĩa nhau. “Ích” là tăng thêm, “tổn” là giảm đi, ở đây đều có ý chỉ về tri thức và dục vọng. “Vi đạo” tới khi tri thức và dục vọng giảm tới mức thấp nhất, cuối cùng đạt tới mức vô vi.

“Tôn chi hựu tôn, dĩ chí vu vô vi, vô vi nhi vô bất vi”. “Vô vi” là mục đích của “vi đạo”. “Vô bất vi” là hiệu quả của “vô vi”. Bởi vì “vô vi” mà vạn vật tự nhiên sinh trưởng, tự nhiên phát triển không bị gò bó.

“Thu thiên hạ thường dĩ vô sự, cập kỳ hữu sự, bất túc dĩ thu thiên hạ”. “Thu” nghĩa là tự lý, giống như chữ “thu” trong

câu “tương dục thủ thiên hạ nhi vi chi” của chương 29. “Thủ thiên hạ” chính là tự lý thiên hạ. “Vô sự” cũng giống như “vô vi” của câu trên.

Lời bình :

Chương này nói tầm quan trọng của “vô vi”, muốn đạt được mục đích của vô vi phải biết bỏ đi dục vọng, không thể dựa vào “vi học” vì “vi học” chỉ tăng thêm dục vọng, không thể đạt tới vô vi được. Chỉ có giảm mãi tới khi trong lòng hư vô, thì mới thành công.

CHƯƠNG 49

Thánh nhân vô thường tâm, dĩ bách tính tâm vi tâm. Thiện giả ngô thiện chi, bất thiện giả ngô diệc thiện chi, đức thiện. Tín giả ngô tín chi, bất tín giả ngô diệc tín chi, đức tín. Thánh nhân tại thiên hạ, hấp hấp yên; vi thiên hạ, hỗn kỳ tâm. Bách tính giai chú kỳ nhĩ mục, thánh nhân giai hài chi.

Dịch ý :

Thánh nhân thể hiện đạo để trị vì thiên hạ, thường lấy lòng thiên hạ làm lòng mình, không có thành kiến cá nhân. Tốt với người tốt, tốt với cả người không tốt với mình, nhờ vậy mà mọi người đều trở thành tốt; tin người đáng tin và tin cả những người không đáng tin, nhờ vậy mà mọi người trở nên đáng tin. Thánh nhân đối với người trong thiên hạ thì vô tư, vô dục, khiêm nhường; trị vì thiên hạ thì chất phác, hồn nhiên. Dân chúng đều chăm chú nghe nhìn thánh nhân. Thánh nhân yêu mến dân chúng như trẻ nhỏ.

Giải thích :

“Thánh nhân vô thường tâm, dĩ bách tính tâm vi tâm”. Có thể nói đây là tư tưởng và cách nhìn về dân chủ của Lão Tử. “Vô tâm” nghĩa là vô tư, vô ngã, không có ý kiến. Thánh nhân lấy ý kiến của dân làm ý kiến của mình, nên nói là “dĩ bách tính tâm vi tâm”.

“Thiện giả ngô thiện chi, bất thiện giả ngô diệc thiện chi, đức thiện”, hai chữ “thiện” trong “thiện giả” đều là tính từ, hai

chữ “thiện” trong “thiện chi” đều là động từ. “Đức” nghĩa là được. Ý câu này nói dù chúng dân lương thiện hay không lương thiện thì thánh nhân cũng đối xử tốt. Như vậy thì giáo hóa được người không thiện trở lên thiện, cuối cùng mọi người đều trở thành lương thiện cả.

“Tin gia ngộ tin chi, bất tin gia ngộ diệt tin chi”. Ý câu này nói dù là dân chúng có người đáng tin và không đáng tin, nhưng bậc thánh nhân đều phai tin họ, giáo hóa họ, cuối cùng mọi người đều đáng tin cả.

“Thánh nhân tại thiên hạ, hấp hấp yên; vi thiên hạ, hôn kỳ tâm”. “Hấp” giống như chữ “hấp” trong câu “tương dục hấp chi” ở chương 36. Có nghĩa là thu lại “yên” là từ cuối câu. “Vi” nghĩa là tự lý. “Hôn” là động từ, nghĩa là chất phác hôn hậu. “Hôn kỳ tâm” nghĩa là “vô tâm”. “Kỳ” chỉ bản thân thánh nhân, không phải chỉ dân chúng.

“Bách tính giai chú kỳ nhĩ mục, thánh nhân giai hài chi”. “Chú kỳ nhĩ mục” là chú ý nghe và nhìn. “Hài chi” nghĩa là coi dân chúng như trẻ nhỏ để đối xử.

Lời bình :

Chương này nói lên tư tưởng dân chủ của Lão Tử. Lão Tử rất phản đối chuyên quyền và nhấn mạnh tư tưởng dân chủ. Tư tưởng tiến bộ này được Lão Tử đề cập tới nhiều trong cuốn sách này.

CHƯƠNG 50

Xuất sinh nhập tử. Sinh chi đồ thập hữu tam, tử chi đồ thập hữu tam, nhân chi sinh, động chi tử địa, diệc thập hữu tam. Phú hà cố ? dĩ kỳ sinh sinh chi hậu. Cái văn thiện nhiếp sinh giá, lãng hành bất ngộ hủy hủ, nhập quân bất bị giáp binh, hủy vô sở đầu kỳ giác, hủ vô sở thố kỳ trào, binh vô sở dụng kỳ nhẫn. Phú hà cố ? Dĩ kỳ vô tử địa.

Dịch ý :

Ra đời gọi là sống, xuống đất gọi là chết. Sau khi ra đời cứ 10 người thì 3 người sống lâu; 3 người chết yểu; 3 người đáng lẽ ra sống lâu nhưng do không biết mình nên chết sớm. Vì sao vậy ? Là vì phụng dưỡng quá hậu, hưởng thụ quá cao. Tôi (Lão Tử) đã từng nghe nói người khéo dưỡng sinh thì đi vào rừng không gặp con tê giác, hổ báo; đánh trận thì không bị chết vì binh khí. Tê giác không dùng sừng húc, hổ báo không dùng móng vồ, binh khí không đâm người đó được. Tại sao vậy ? Vì người khéo dưỡng sinh thì không tiến vào tử địa.

Giải thích :

“Xuất sinh nhập tử. Sinh chi đồ thập hữu tam, tử chi đồ thập hữu tam, nhân chi sinh, động chi tử địa, diệc thập hữu tam”. “Xuất” nghĩa là ra đời, “nhập” nghĩa là chết. Nên nói “xuất sinh, nhập tử”. “Đồ” nghĩa là loại. “Sinh chi đồ” ý nói người sống lâu, tự nhiên sống lâu chứ không phải là do “thiện nhiếp sinh”. “Tử chi đồ” là người sống ngắn ngủi, chỉ tự nhiên như vậy chứ không do “sinh sinh chi hậu”, “nhân chi sinh, động chi tử địa” là

nói có một số người có thể sống lâu nhưng do phóng túng tình dục, làm xằng làm bậy nên cuối cùng đoạn mệnh.

“Phù hà cố ? Di kỳ sinh sinh chi hậu”. “Phù” nghĩa là cái này. “Cố” nghĩa là nguyên nhân, lý do. “Sinh sinh” chữ sinh đầu là động từ, chữ sinh sau là danh từ, nghĩa là dương sinh. “Sinh sinh chi hậu” nghĩa là dương sinh thái quá mà tôn hại tới sinh mệnh.

“Cái vân thiên nhiếp sinh giả”. “Nhiếp sinh” nghĩa là dương sinh. Câu này ý nói những người một phần mười ngoài ba loại người kê trên ra.

“Lăng hành bất ngộ hũy hỏ, nhập quân bất bị giáp binh”. “Lăng” nghĩa là đồi núi, rừng núi. “Hũy” là con tê giác, “bị giáp binh” là bị thương do binh khí. Câu này ý nói : vào rừng mà không gặp tê giác, hổ báo. Ra chiến trận mà không bị tử vong.

“Hũy vô sở đầu kỳ giác, hỏ vô sở thổ kỳ trào, binh vô sở dung kỳ nhẫn”. “Sở” nghĩa là xứ sở, “đầu” nghĩa là phóng vào. “Thổ” cũng là phóng vào, “dung” là dung nạp.

“Phù hà cố, di kỳ vô tử địa”. “Phù” giống như chữ “phù” trong câu “phù hà cố” ở câu văn trên nghĩa là cái này. “Vô tử địa” ý nói chỗ dẫn tới cái chết, cũng có nghĩa là không có dịp để mất mạng.

Lời bình :

Chương này nói tới phép dưỡng sinh, người giỏi dưỡng sinh là đứng tự phụng dưỡng quá hậu, đừng ham vật dục mà phải điềm đạm sống hợp với lẽ tự nhiên.

CHƯƠNG 51

Đạo sinh chi, đức súc chi; vật hình chi, thế thành chi. Thị dĩ vạn vật mạc bất tôn đạo nhi quý đức. Đạo chi tôn, đức chi quý, phù mạc chi mệnh nhi thường tự nhiên. Cổ đạo sinh chi, đức súc chi, trường chi dục chi, đình chi độc chi, dương nhi phúc chi. Sinh nhi bất hữu, vi nhi bất trị, trường nhi bất tê, thị vị huyền đức.

Dịch ý :

Đạo sinh ra vạn vật, đức nuôi dưỡng vạn vật, đạo và đức là nguồn gốc để sinh thành vạn vật. Nên vạn vật đều kính đạo và quý đức. Đạo sơ dĩ được tôn sùng, đức sơ dĩ được quý trọng là vì đạo và đức không can thiệp, chỉ phối vạn vật mà để vạn vật tự nhiên phát triển. Đạo sinh ra vạn vật, nhưng không làm chúa tể vạn vật, thật là diệu huyền.

Giải thích :

“Đạo sinh chi, đức súc chi” nghĩa là đạo sinh ra vạn vật, đức nuôi dưỡng vạn vật, đạo là tông nguyên lý của vạn vật. Đức là một trong tổng nguyên lý đó.

“Vật hình chi, thế thành chi”. “Vật” chỉ bản thân vạn vật. “Hình” nghĩa là biểu hiện. “Thế” chỉ điều kiện tự nhiên như sự thay đổi về địa hình, sự khác biệt về khí hậu. “Thành” nghĩa là tương thành.

“Thị dĩ vạn vật mạc bất tôn đạo nhi quý đức”. Vạn vật từ

sinh ra tới trưởng thành, đạo, đức, vật, thể bốn mặt đều có công, nhưng vật và thể cũng đều do đạo và đức sinh ra, đạo và đức là gốc, vật và thể là ngọn.

“Đạo chi tôn, đức chi quý, phù mạc chi mệnh nhi thường tự nhiên”. “Phù” giải thích như chữ “bì” chỉ đạo và đức. “Mạc” nghĩa là không, “chi” chỉ vạn vật, “mệnh” nghĩa là chi phối, can thiệp. Sở dĩ đạo và đức được vạn vật tôn sùng là vì đạo không chi phối vạn vật, không can thiệp vạn vật, mà để cho vạn vật tự nhiên sinh trưởng nên mới nói là “mạc chi mệnh nhi thường tự nhiên”.

“Đình chi độc chi, dưỡng nhi phúc chi”. “Đình” hiểu như chữ “thành”. “Độc” nghĩa là thực. “Đình chi độc chi” chính là “thành chi thực chi”. “Phúc” nghĩa là bao hộ.

“Sinh nhi bất hữu, vi nhi bất trị, trưởng nhi bất tê, thi vi huyền đức”. “Huyền đức” nghĩa là đức thâm vi huyền diệu. Bốn câu này đã giải thích ở chương 10.

Lời bình :

Chương này nói về “đạo” và “đức”. Đạo đức sáng tạo ra vạn vật nên được vạn vật tôn sùng. Biểu hiện vô tư, vô dục thực tế đều bắt nguồn từ “tự nhiên” cái vĩ đại của đạo đức là ở chỗ này, nên gọi nó là “huyền đức”.

CHƯƠNG 52

Thiên địa hữu thủy, dĩ vi thiên hạ mẫu. Kỷ đắc kỷ mẫu, dĩ chi kỷ tử. Kỷ tri kỷ tử, phúc thù kỷ mẫu, một thân bất đãi. Tắc kỷ đoài, bế kỷ môn, chung thân bất cần; khai kỷ đoài, tế kỷ sự, chung thân bất cứu. Kiến tiểu viết minh, thu như viết cường. Dụng kỷ quang, phúc quy kỷ minh, vô dĩ thân ương. Thị vị tập thường.

Dịch ý :

Thiên địa vạn vật có nguồn gốc, đó là đạo. Nguồn gốc là mẹ của vạn vật. Đã biết được mẹ của vạn vật thì hiểu được con do mẹ sinh ra. Đã biết được con mà lại giữ được mẹ thì suốt đời không nguy. Ngăn hết các lỗi, đóng hết các cửa thì suốt đời không lo lắng. Mơ đường cho dục vọng, để dục vọng sản sinh thì suốt đời không cứu được. Giữ được nhu nhược thì gọi là mạnh, thấy cái âm vi thì gọi là sáng. Dùng được ánh sáng mà nhận biết vạn vật, như vậy mới không mang họa cho mình. Như vậy là theo được đạo vĩnh hằng.

Giải thích :

“Thiên địa hữu thủy, dĩ vi thiên hạ mẫu”. Ở chương 1 đã nói : “Vô, danh thiên địa chi thủy; hữu, danh vạn vật chi mẫu”. Nên phân biệt được “thủy” và “mẫu” để chi “vô” và “hữu”. Nhưng “vô” là thể của đạo. “hữu” là dụng của đạo. Vì vậy trên

thực tế “thủy” và “mẫu” đều chỉ đạo mà thôi. Về mặt lý thuyết thì đạo là gốc của vạn vật, trước tiên tất phải tồn tại với vạn vật nên gọi là thủy; về mặt tác dụng mà nói, đạo lại sinh ra thiên địa vạn vật nên gọi là “mẫu”. “Tử” chỉ vạn vật. “Đãi” chỉ nguy hiểm. “Đắc mẫu” chính là “chấp đạo”, “tri tử” chính là “ngự hữu”. Mẫu là gốc, tử là ngọn. Được mẹ biết con chính là chấp-ban ngự vị. Nếu giữ được gốc thì tự nhiên “mặt thân bất đãi”.

“Tắc kỳ đoài, bế kỳ môn, chung thân bất cần; khai kỳ đoài, tế kỳ sự, chung thân bất cử”. “Tắc” nghĩa là tắc nghẽn, “đoài” chỉ tai, mắt, mũi, mồm. “Đoài” và “môn” đều chỉ cửa mà tình dục sinh ra. “Cần” nghĩa là cần khổ, “tế” nghĩa là giúp đỡ, “tế kỳ sự” là nói việc giúp cho tình dục phát triển.

“Kiến tiểu viết minh, thủ nhu viết cường”. “Tiểu” nghĩa là ăn vi, ở đây chỉ đạo, chương 22 đã nói : “Đạo thường vô danh, phác, tuy tiểu, thiên hạ mạc năng thần dã”. Đạo có đặc tính của “tiểu” nên “tiểu” có thể ví với đạo. Có thể thấy được đạo ăn vi, thì gọi là “minh”. “Nhu” có thể thắng cương có thể “tri sinh thiên hạ chi chí kiên” nên giữ nhu mới là cường chân chính.

“Dụng kỳ quang, phục quy kỳ minh, vô di thân ương”. “Quang” là dụng của “minh”, “minh” là thể của quang, “dụng kỳ quang” là ở chỗ “tự tử”, “kiến tiểu”. Cũng chính là biết đạo. “Phục quy kỳ minh” ở chỗ “thủ mẫu”, “Chấp bản” cũng chính là thủ đạo. Có thể biết và giữ đạo thì tự nhiên không xảy ra tai nạn. Nên nói là “vô di thân ương”, “ương” nghĩa là tai họa.

“Thị vị tập thường”. “Tập” là chữ “tập” trong câu “thị vị tập minh” ở chương 27, nghĩa là thừa kế. “Thường” chính là

thường đạo.

Lời bình :

Chương này nói tới việc “thủ mẫu”, cũng chính là tầm quan trọng của thủ đạo. Vì đạo sinh ra vạn vật như mẹ sinh ra con vậy. Nếu thủ mẹ mà biết con thì cũng giống như giữ đạo mà chế ngự vạn vật. Đó là thường đạo giữa trời và đất. Làm theo thường đạo này thì suốt đời không có tai họa.

CHƯƠNG 53

Sử ngã giới nhiên hữu tri, hành vu đại đạo, duy thi thị úy, đại đạo thậm di, nhi dân hiếu kính. Triều thậm trừ, điền thậm vu, thương thậm hư, phục căn thái, đối lợi khiêm, yếm ăn thực, tài hóa hữu dư. Thi vị đạo khoa, phi đạo dã tại !

Dịch ý :

Nếu ta hơi có một chút tri thức, đi trên đường lớn, chỉ sợ đi vào đường tà. Đường lớn bằng phẳng, nhưng thường bậc thánh nhân lại thích đi đường nhỏ, đường tắt. Đi theo đường tà mới thấy triều đình rất hỗn loạn, ruộng vườn thì hoang vắng, kho lương thì trống rỗng; Họ bận áo gấm thêu, đeo kiếm sắc nhọn, ăn uống thừa mứa, của cải thừa thãi, loại người đó là trùm trộm cướp chứ đâu phải là hợp đạo !

Giải thích :

“Sử ngã giới nhiên hữu tri, hành vu đại đạo, duy thi thị úy”. “Sử” nghĩa là giả thử, “giới” nghĩa là bé nhỏ. “Đại đạo” đường lớn, thực tế chỉ đạo đức. “Duy” nghĩa là chỉ. “Thi” nghĩa là tà.

“Đại đạo thậm di, nhi dân hiếu kính”. “Di” nghĩa là bằng phẳng. “Dân” chính là “nhân”, chỉ những người nắm quyền. “Kính” đường nhỏ, đường tắt. Đạo của Lão Tử rất bằng phẳng, nhưng người thường đều thích đi đường nhỏ, đường tắt.

“Triều thậm trừ, điền thậm vu, thương thậm hư”. “Triều” chỉ triều đình. “trừ” nghĩa là hỗn loạn. “Vu” nghĩa là hoang vu.

Triều đình hỗn loạn, ruộng vườn hoang vu, kho lương rỗng không đều do người cầm quyền không hành đạo lớn, tự tư, tự lợi, là kết quả của ăn chơi, tham nhũng.

“Phục văn thái, đối lợi khiếm, yếm ăn thực, tài hóa hữu dư”. “Phục” là động từ, nghĩa là mặc. “Văn thái” chỉ quần áo đẹp. “Yếm” là no nê. mấy câu này nói cuộc sống xa hoa phù phiếm của người nắm quyền (vua quan) sở dĩ như vậy là vì lòng tham dục vọng. Kết quả là triều đình hỗn loạn, ruộng vườn tan hoang, kho lương trống rỗng.

“Thị vị đạo khoa, phi đạo dã tai !”. “Khoa” nghĩa là lớn. “Đạo khoa” chỉ bọn trùu cướp, tục ngữ có câu “cường đạo đầu tử”.

Lời bình :

Chương này nói tới người nắm quyền hành phải vô tư vô dục, biểu hiện vô vi như vậy mới hợp với đạo, nhưng những người nắm quyền nói chung thường đi đường tắt, tự tư tự lợi, ăn chơi sa đọa, khiến cho triều đình hỗn loạn, dân thường đói rét, quốc gia nghèo khó. Loại người này không hợp với “đại đạo” mà chỉ hợp với “đại tặc” mà thôi.

CHƯƠNG 54

Thiện kiến gia bất bại, thiện báo gia bất thoát, tự tôn dĩ tể tự bất chuyết. Tu chi vu thân, kỳ đức nãi chân; tu chi vu bang, kỳ đức nãi dư. Tu chi vu hương, kỳ đức nãi trường; tu chi vu bang, kỳ đức nãi phong; Tu chi vu thiên hạ, kỳ đức nãi phổ. Cố dĩ thân quan thân, dĩ gia quan gia, dĩ hương quan hương, dĩ bang quan bang, dĩ thiên hạ quan thiên hạ. Ngộ hà dĩ tri thiên hạ nhiên tại ? Dĩ thủ.

Dịch ý :

Đạo đức là vô hình, nên khéo dựng ở trong lòng thì không nhổ lên được, khéo ôm ở trong lòng thì không thoát ra được. Xây đức ôm đạo không chỉ bản thân được hưởng phúc lộc mà con cháu tôn thờ đời này qua đời khác, mãi mãi lưu truyền. Lấy đạo mà tu thân thì đức sẽ đầy đủ; lấy đạo mà lo việc nhà thì đức sẽ có dư; lấy đạo mà lo việc làng xóm thì đức sẽ lớn ra; lấy đạo mà lo nước thì đức sẽ thịnh; lấy đạo mà lo việc thiên hạ thì đức sẽ phổ cập. Chỉ cần tu liên tục, càng mở rộng đức càng lớn. Tu thân mình mà xét người khác, xóm mình mà xét xóm khác, nước mình mà xét nước khác. Lấy thiên hạ ngày nay mà xét thiên hạ ngày xưa và thời sau. Ta làm sao biết được thiên hạ ra sao ? Là do lẽ đó.

Giải thích :

“Thiện kiến gia bất bại, thiện báo gia bất thoát, tự tôn dĩ tể

tự bất chuyết”. “Kiến” nghĩa là lập, là xây dựng. “Thiện kiến” là nói về xây đức; “Thiện bảo” là nói về ôm đạo. “Chuyết” nghĩa là dừng lại. Đồ vật hữu hình trong thiên hạ dù xây dựng thế nào đi nữa cũng đều dễ bị nhô lên, bỏ đi. Chỉ có đạo đức vô hình là ở mãi trong lòng, không nhô được và cũng không vứt đi được. Không chỉ bản thân mình được hưởng phúc lộc mà con cháu muôn đời thờ phụng.

“Tu chi vu thân, kỳ đức nãi chân”. “Chân” nghĩa là chân thật. Đạo đức mà không tu ở nơi thân mình thì trở thành trống rỗng; tu ở thân mình thì đạo đức mới có ý nghĩa chân thực. Câu này là câu chính ở chương này. Vì “thân” là gốc, “gia”, “hương”, “bang”, “thiên hạ” là ngọn. Trước hết phải tu bản thân. Sau đó đức đầy đủ, chân thực mới mở rộng ra tới gia đình, làng xóm, quốc gia, thiên hạ.

“Tu chi vu bang, kỳ đức nãi phong; tu chi vu thiên hạ, kỳ đức nãi phổ”. “Bang” chính là quốc gia. “Phong” nghĩa là phong thịnh. “Phổ” nghĩa là phổ biến.

“Dĩ thân quan thân, dĩ gia quan gia, dĩ hương quan hương, dĩ bang quan bang, dĩ thiên hạ quan thiên hạ”. “Dĩ thân quan thân”, là nói lấy thân mình mà xét thân người khác. Vì cùng là cái này thì ắt phải cùng có đức này. Suy rộng ra “nhà”, “quê hương làng xóm”, “quốc gia”, “thiên hạ” thì cũng giống như vậy. “Dĩ thiên hạ quan thiên hạ” là ý nói lấy thiên hạ ngày nay và xem xét thiên hạ xưa kia và tương lai nữa.

Lời bình :

Chương này đề cập tới đạo “nội thánh ngoại vương” của Lão

Tử, mà trọng tâm là “nội thánh” tức là tu thân, nên câu mở đầu đã nói : “Thiện kiến già bất bại, thiện báo già bất thoát”. Bởi vì tách rời tu thân mà nói về đạo đức thì quả là lời nói suông, không có thực. Trang Tử cũng đã nói : “Chân thực của đạo dùng để tu thân, ngoài ra mới dùng để trị quốc”. Lão Tử cũng chủ trương từ tu thân mở rộng đức ra nhà, làng xóm, quốc gia, thiên hạ. Nhưng đều là phụ, không phải là chủ yếu. Không giống như nho gia, mục đích của tu thân là trị quốc và bình thiên hạ. Đây là chỗ khác nhau cơ bản về tinh thần giữa nho và đạo.

CHƯƠNG 55

Hàm đức chi hậu, tỷ vu xích tử. Phong sai Hủy xà bất thích, quốc điều mãnh thú bất bác. Cốt nhược căn nhu nhi ác cố, vị tri tỷ mẫu chi hợp nhi thuyên tác, tinh chi chí dã tử. Chung nhật hiệu nhi bất ca, hòa chi chí dã. Tri hòa viết thương, tri thương viết minh. Ích sinh viết tường, tâm sử khí viết cường, vật tráng tác lão, vị chi bất đạo, bất đạo tảo dĩ.

Dịch ý :

Người nào có đức dày thì chỉ có thể sánh với trẻ thơ hồn nhiên, chân thật. Trẻ thơ không có ý thức, mềm yếu ngây thơ nên độc trùng không chích, mãnh thú không vồ, ác điều không quắp. Gân cốt tuy mềm yếu nhưng tay nhỏ nắm rất chặt. Chưa biết chuyện nam nữ giao hợp mà “chim” cứ cương cứng, như vậy là sinh khí sung túc. Suốt ngày gào thét mà giọng không khàn, như vậy là khí huyết nhu hòa. Biết được “nhu hòa” thì hợp với đạo. Biết được thương đạo thì gọi là sáng suốt. Nếu không biết lẽ này, không thuận theo tự nhiên mà tham hưởng thụ thì gọi là hoa. Để cho dục vọng sai khiến thì gọi là cường. Vật nào cường tráng thì sẽ già, như vậy là không hợp đạo, không hợp đạo thì sớm chết.

Giải thích :

“Hàm đức chi hậu, tỷ vu xích tử”. “Xích tử” nghĩa là trẻ thơ. Trẻ thơ thì mềm yếu, thuần khiết, vô tri vô dục, tràn đầy sinh khí nên Lão Tử thường dùng để ví với người có đạo.

“Phong sai Hủy xà bất thích, quốc điều mãnh thú bất bác”. “Sai” là con bò cạp, “Hủy” là một loại rắn độc. “Thích” là chích. “Quốc điều” là một loại chim hung dữ như điều hâu. “Mãnh thú” là một loại thú dữ. “Bất bác” nghĩa là không vồ.

“Cốt nhược căn nhu nhi ác cố, vị trí tỷ mẩu chi hợp nhi thuyên tác, tinh chi chí dã tử”. “Ác cố” nghĩa là nắm chặt bàn tay. “Tỷ mẩu” nghĩa là con đực con cái, ở đây chỉ hai tính âm và dương. “Thuyên” là “chim” của đứa trẻ. Đứa trẻ vô tâm tay nắm chặt “chim” tự cứng thẳng lên là vì sinh khí đầy đủ, đó cũng là hiện tượng tự nhiên của sinh lý.

“Chung nhật hiệu nhi bất ca, hòa chi chí dã”. “Hiệu” nghĩa là khóc. “Ca” tiếng khóc khàn cổ, “hòa” nghĩa là nhu hòa. Trẻ nhỏ khóc suốt ngày mà không khàn cổ, đó chính là khí huyết nhu hòa.

“Ích sinh viết tường, tâm sử khí viết cường”. “Ích sinh” là không thuận tự nhiên, dưỡng sinh quá độ. “Tường”, họa phúc đều có thể gọi là “tường” ở đây chỉ nói họa mà thôi. Dưỡng sinh quá độ thì sẽ mắc bệnh, nên nói là “ích sinh viết tường”. “Khí” chỉ bản năng của sinh lý. “Cường” nghĩa là kiên cường là chữ “cường” trong câu “nhu nhược thắng cương cường”, không phải là chữ “cường” trong câu “thủ nhu viết cường”. Lão Tử chủ trương “thực kỳ phúc” (chương 3); “Chuyên khí chí nhu” (chương 10) nên phản đối “tâm sử khí”.

Lời bình :

Chương này lấy đứa trẻ ví với người có đạo. Khi trẻ mới sinh, rất ngây thơ, không hề có tham vọng gì. Lòng của trẻ mới sinh rất gần với đạo, nên Lão Tử yêu cầu mọi người gìn giữ tâm lý của trẻ thơ, một là “tinh” hai là “hòa”, giữ được “tinh” và “hòa” là hợp với thường đạo, thường đức.

CHƯƠNG 56

Tri già bất ngôn, ngôn già bất tri. Tác kỳ đoài, bế kỳ môn; tóa kỳ nhuệ, giai kỳ phân; hòa kỳ quang, đồng kỳ trần, thị vi huyền đồng. Cố bất khả đắc nhi thân, bất khả đắc nhi sơ, bất khả đắc nhi lợi, bất khả đắc nhi hại, bất khả đắc nhi quý, bất khả đắc nhi tiện; Cố vi thiên hạ quý.

Dịch ý :

Người biết thể của đạo huyền diệu, thì gắng theo đạo, không nói nhiều lời; người nói nhiều về mình là người không hiểu “đạo”, nên không phải là bậc trí giả. Ngăn hết các lối đi, đóng hết các cửa tình dục. Không để lộ cái hay của mình ra, giữ những rối loạn, che bớt ánh sáng, hòa đồng với trần tục. Như vậy gọi là “huyền đồng”. Tu dưỡng đạt tới mức đó thì hoàn toàn thuận theo tự nhiên, không làm gì để gần gũi và xa lánh nó. Cũng không ai làm cho mình được lợi hay bị hại, không ai làm cho mình cao quý hay dễ tiện được. Người đạt được mức vượt qua thân, sơ, lợi, hại, quý, tiện mới là con người tôn quý nhất trong thiên hạ.

Giải thích :

“Tri già bất ngôn, ngôn già bất tri”. “Tri” là “trí”, vì “đạo khả đạo, phi thường đạo”. Bậc trí giả hiểu được công dụng của ngôn ngữ có hạn, không thể biểu đạt hết ý được, hơn nữa đạo không chỉ thể hiện ở lời nói suông, nên phải cố gắng mà hành đạo mà không nói nhiều. Ngược lại, một số kẻ ngu đần chẳng biết gì

cả, chẳng hiểu cái gì thì suốt ngày tỏ vẻ ta đây.

“Tắc kỳ đoài, bế kỳ môn” hai câu này đã giải thích ở chương 52.

“Tỏa kỳ nhuệ, giải kỳ phân; hòa kỳ quang, đồng kỳ trần”. Bốn câu này cũng đã giải thích rồi.

“Thị vị huyền đồng”. “Huyền đồng” ở đây là chỉ đồng với đạo lớn.

“Bất khả đắc nhi thân” đến “bất khả đắc nhi tiện”. Sáu câu này ý nói người đắc đạo vượt ra ngoài khuôn mẫu nên không thể thân. Yêu quý vạn vật nên không thể xa. Không quý của cải nên không thể lợi. Coi thường sinh tử nên không bị hại. Coi nhẹ vương hầu nên không được quý. Ở vào chỗ thấp hèn nên không bị khinh rẻ. Vượt qua được thân, sơ, lợi, hại, quý, tiện, đó là tới cõi “huyền đồng” rồi đấy.

Lời bình :

Chương này nói về phương pháp và hiệu quả của việc tu đạo. Từ “tắc kỳ đoài” tới “đồng kỳ trần” là phương pháp tu đạo. Từ “cố bất đắc nhi thân” tới cuối là hiệu quả tu đạo. Kết quả tu dưỡng này là “huyền đồng”, cũng là đạt tới bước đồng thể với đạo : “Cố vi thiên hạ quý”.

CHƯƠNG 57

Dĩ chính trị quốc, dĩ kỳ dụng binh, dĩ vô sự thủ thiên hạ. Ngô hà dĩ tri kỳ nhiên tai ? Dĩ thủ. Thiên hạ đa kỳ hủy, nhi dân di bản; dân đa lợi khí, quốc gia tư hôn; nhân đa kỳ xảo, kỳ vật tư khởi; pháp lệnh tư chương, đạo tắc đa hữu. Cổ thánh nhân vân : Ngã vô vi nhi dân tự hóa, ngã hiếu tĩnh nhi dân tự chính, ngã vô sự nhi dân tự phú, ngã vô dục nhi dân tự phác.

Dịch ý :

Dùng chính đạo mà trị quốc gia, dùng kỳ thuật mà tác chiến, nhưng muốn cai trị thiên hạ mà dùng cả hai cách đó thì đều không phù hợp, chỉ có phương pháp vô vi là hữu hiệu hơn cả. Do đâu mà ta biết được như vậy nhỉ ? Là do mấy lẽ sau đây : Thiên hạ càng có nhiều lệnh cấm thì nước càng nghèo; quyền mưu của dân chúng càng nhiều thì mọi người tranh giành nhau, quốc gia càng hỗn loạn; kỳ xảo của dân chúng quá nhiều hàng hóa giả dối, khiến dục vọng của người ta cũng ngày một lớn; Pháp lệnh quá hà khắc, người dân mất hết tự do, ép buộc họ không còn cách sinh sống thì đạo tắc đâu cũng có. Cho nên thánh nhân bảo : “Ta không làm gì (vô vi) mà dân tự cải hóa, ta thích thanh tĩnh mà dân tự nhiên thuần chính; ta không ban giáo lệnh mà dân tự phú; ta không có lòng tư dục mà dân tự hóa ra chất phác”.

Giải thích :

“Dĩ chính trị quốc, dĩ kỳ dụng binh, dĩ vô sự thủ thiên hạ”. “Chính” nghĩa là chính đạo, cũng giống như chữ “chính” trong câu “thanh tĩnh di vi thiên hạ chính” ở chương 45 đều chỉ đạo

thanh tịnh vô dục. “Kỳ” nghĩa là kỳ xảo, chỉ quyền mưu quỷ kế. “Vô sự” chính là vô vi. “thu” chính là chữ “thù” trong câu “thù thiên hạ thường di vô sự” ở chương 48, có nghĩa là tự lý.

“Thiên hạ đa kỳ hủ, nhi dân di bần; dân đa lợi khí, quốc gia tư hôn”. “Kỳ hủ” giống như “lợi khí” trong câu “quốc chi lợi khí” ở chương 36, chỉ quyền mưu. “Tư” ý nghĩa giống như chữ “di” của câu trên. “Tư hôn” nghĩa là càng thêm hỗn loạn. Quốc gia càng nhiều lệnh cấm thì dân chúng càng khó khăn, tất yếu kinh tế không phát triển thì đất nước càng nghèo. Dân chúng càng gia đôi thì càng phạm pháp, tất yếu quốc gia càng thêm hỗn loạn.

“Nhân đa kỳ xảo, kỳ vật tư khởi; pháp lệnh tư chương, đạo tắc đa hữu”. “Kỳ” là kỳ xảo. “Kỳ vật” những vật phẩm tân kỳ xảo diệu. “Chương” nghĩa là nghiêm minh, hà khắc. Vật phẩm làm ra càng kỳ xảo, tân kỳ thì khiến cho dục vọng người ta càng thêm cao, cạnh tranh càng ác liệt, nên Lão Tử phản đối nó. Pháp lệnh quá hà khắc, ép buộc con người ta không có lối thoát thì giặc cướp ngày càng tăng.

Lời bình :

Chương này nói tới đạo lý trị quốc bình thiên hạ. Trị quốc bình thiên hạ không giống như việc dụng binh. Dụng binh thì phải thượng kỳ. Thiên hạ và quốc gia lớn nhỏ khác nhau, nhưng cách trị lý thì lại giống nhau, đó chính là vô vi, hiếu tĩnh, vô sự, vô dục. Điều này khác hẳn với việc dụng binh, nên mới gọi là “chính” vì đó là chính đạo để trị lý quốc gia. Dân chúng được sự cảm hóa của “chính đạo” này mà “tự hóa”, “tự chính”, “tự phú”, “tự phác” không có chút gò ép nào, đó mới gọi là “Tự nhiên nhi thành”.

CHƯƠNG 58

Kỳ chính muộn muộn, kỳ dân thuần thuần; kỳ chính sát sát, kỳ dân khuyết khuyết. Họa hề phúc chi sơ y, phúc hề họa chi sơ phục. Thực tri kỳ cực, kỳ vô chính. Chính phúc vi kỳ, thiện phúc vi yêu. Nhân chi mê, kỳ nhật cố cữu ? Thị dã thánh nhân phương nhi bất cập, liêm nhi bất quá, trực nhi bất tú, quang nhi bất diệu.

Dịch ý :

Người cai trị đất nước vô vi vô sự, chính trị xem ra rất mập mờ, nhưng dân chúng lại tự do, an cư, dân tình ngày càng thuần hậu; Nếu người cai trị đất nước hữu vi hữu sự, chính trị xem ra rất rõ ràng, nhưng dân chúng lại bị trói buộc quá mức, dân tình ngày càng nhiều nhương. Vì vậy trong tai họa có cái may mắn, trong cái may mắn có cái chứa đựng tai họa. Ai biết được cứu cánh của nó ra sao ? Nó không có gì nhất định, chính có thể biến thành kỳ, thiện có thể biến thành ác. Mọi người mê hoặc không hiểu điều này quả là lâu rồi. Chỉ có bậc thánh nhân mới biết được lẽ họa phúc vô định đó, nên tuy chính trực mà không làm thương tổn người khác, tuy cương trực mà không phóng túng, xúc phạm người khác, tuy sáng rõ mà không chói lòa làm nhức mắt người khác.

Giải thích :

“Kỳ chính muộn muộn, kỳ dân thuần thuần, kỳ chính sát

sát, kỳ dân khuyết khuyết”. “Muộn muộn” là mờ ảo không rõ ràng, ví với sự thanh tịnh vô vi của chính trị. “Thuần thuần” nghĩa là thuần phác. “Sát sát” nghĩa là nghiêm minh, ví với sự hà khắc của chính trị. “Khuyết khuyết” nghĩa là sơ bạc. Người cai trị thanh tịnh vô vi hầu như không có chính sách gì nhưng dân chúng thì lại thành hậu chất phác, như cách trị nước của Văn Cảnh thời Tây Hán. Ngược lại, người cai trị ban hành nhiều luật định, cấm đoán, thì chúng dân giả dối, nghèo khổ như cách cai trị của nhà Tần.

“Họa hề phúc chi sở ỷ, phúc hề họa chi sở phục”. “Ỗ” nghĩa là dựa vào. “Phục” nghĩa là chứa đựng. Ý của hai câu này nói phúc và họa khó mà biết được. Trong *Hoài Nam Tử* có đoạn nói về câu chuyện “Tái ông thất mã”, câu chuyện kể rằng : Ngày xưa, ở vùng biên giới có người nuôi ngựa, một hôm ngựa của ông chạy sang nước Hồ mất. Dân làng đều tới an ủi ông, chia buồn cùng ông. Nhưng người cha thì bảo : “Đây biết đâu lại là điềm may mắn ?” Quả thật, mấy tháng sau, con ngựa của ông dẫn về một con ngựa nữa của bên đất Hồ. Dân làng lại tới chia vui cùng ông và chúc mừng ông. Người cha lại nói : “Đây biết đâu lại là điềm xui rủi ?”. Quả nhiên về sau con ông cưỡi ngựa bị té gãy chân. Dân làng lại tới chia buồn. Người cha lại bảo : “Đây biết đâu lại là điềm may mắn ?” Một năm sau quân Hồ khởi binh đánh vào vùng biên giới, những thanh niên khỏe mạnh đều phải vào lính tham chiến, nên bị tử vong đến chín phần mười, chỉ có con ông ta do bị té ngựa què chân mà không bị vào lính nên không bị tử vong. (chuyện dân gian).

“Thục tri kỳ cực, kỳ vô chính”. “Thục” nghĩa là ai. “Cực” nghĩa là cuối cùng. “Chính” nghĩa là định. “Vô chính” nghĩa là

vô định. Ở đây nói lên một điều là phúc họa tuần hoàn, không ai biết được cuối cùng của nó là gì, hơn nữa phúc họa thì không nhất định.

“Chính phúc vi kỳ, thiện phúc vi yêu. Nhân chi năng bất nhật cố cữu”. “Kỳ chính” là phương pháp dùng binh, “chính” là thường, “kỳ” là biến. Tĩnh là “chính”, động là “kỳ”. Thường và biến, tĩnh và động có quan hệ qua lại với nhau nên kỳ chính biến hóa vô cùng. Tôn Tử đã từng nói : “Sự biến hóa của kỳ chính không có tận cùng” (thế biến). Ông lại nói : “Kỳ chính tương sinh, như tuần hoàn không có đầu có cuối” (Đồng Thượng), cho nên nói rằng : “Chính phúc vi kỳ”. “Yêu” hiểu như “bất thiện” ý nghĩa ngược với chữ “thiện”. Ý nghĩa của “thiện phúc vi yêu” cũng giống như “chính phúc vi kỳ”, câu “thiên hạ giai tri thiên chi vi thiện, tư bất thiên dĩ” ở chương 2 có thể lấy làm lời chú giải cho câu này.

“Phương nhi bất cắt, liêm nhi bất quế, trực nhi bất tứ, quang nhi bất diệu”. “Cắt” nghĩa là chia cắt. Đã là hình vuông thì đều phương hại tới người khác, chương 41 đã nói : “Đại phương vô ngưng”. Bậc thánh nhân tuy vuông, nhưng có thể thay đổi thành tròn theo tình thế, biểu hiện “vô ngưng” (không góc cạnh). Do vậy “phương nhi bất cắt”. “Liêm” nghĩa là lằng giắc, “quế” nghĩa là gây thương tích. Đã là liêm thì đều gây thương tích cho người khác. Bậc thánh nhân tuy có lằng giắc, nhưng rất nhu nhược khiêm hạ, nên nói là “liêm nhi bất quế”. “Tứ” nghĩa là phóng túng, chương 45 đã nói : “Đại trực nhược khuất”. Bậc thánh nhân tuy trực nhưng có thể nhược khuất, nên mới nói rằng : “Trực nhi bất tứ”. “Quang” nghĩa là chói lòa giống như chữ “diệu”. Chương 56 đã nói : “Hòa kỳ quang”. Tuy có chói lòa

nhưng bậc thánh nhân có thể “hòa kỳ quang” nên mới nói “quang nhi bất diệu”.

Lời bình :

Chương này nói về phúc họa vô định, kỳ chính vô đoan, thiện ác vô chuẩn, tất cả đều là đạo lý biến hóa vô thường. Người ta nói chung không hiểu hết điều này, chỉ thấy được mặt phai mà không thấy mặt trái của nó, nên thường cầu phúc mà đắc họa, gặp thiện mà cho là yêu. Bậc thánh nhân hiểu rõ điều này nên chu trương thu thưởng dè ứng biến. “Thu thưởng” là “thu nhu” là “hư hạ” vì ta đã thuộc thứ bậc “nhu”, “hạ” nên điều kiện khách quan dù có thay đổi thế nào ta cũng không bị ảnh hưởng. Đây chính là nguyên nhân vì sao mà bậc thánh nhân có thể “phương nhi bất cát, liêm nhi bất quế, trực nhi bất tứ, quang nhi bất diệu”.

CHƯƠNG 59

Trị nhân, sự thiên, mặc nhược sắc. Phù duy sắc, thị dĩ tảo phục. Tảo phục vị chi trọng tích đức. Trọng tích đức tắc vô bất khắc; vô bất khắc tắc mặc tri kỳ cực; mặc tri kỳ cực khả dĩ hữu quốc; hữu quốc chi mẫu, khả dĩ trường cửu. Thị vị thâm căn cố đế, trường sinh cửu thị chi đạo.

Dịch ý :-

Trị dân và tu thân thì không gì bằng yêu quý tinh thần, tiết kiệm trí óc. Bởi vì chỉ có yêu quý tinh thần, tiết kiệm trí óc thì mới sớm tránh được tai họa; đi theo đạo và sớm phục tùng đạo; sớm phục tùng đạo thì tích được nhiều đức, đến mức độ thanh tĩnh, vô vi, tự nhiên, thì không có việc gì là không khắc phục được; không gì không khắc phục được thì năng lực của mình không biết tới đâu là cùng; năng lực vô cùng thì trị được nước; nắm được đạo là cái gốc để trị nước thì có thể tồn tại lâu dài. Như vậy là rễ sâu, gốc vững, đạo mới được trường tồn.

Giải thích :

“Trị nhân, sự thiên, mặc nhược sắc”. “Thiên” là chỉ bản năng trời phú cho con người. “Sự thiên” nghĩa là tu thân. “Sắc” nghĩa là tiết kiệm, yêu quý. Hàn Phi Tử trong *Lão Biên* đã nói : “Sắc, chính là yêu quý tinh thần, tiết kiệm trí thức”. “Tiết kiệm” và “tiết rẽ” là hai khái niệm khác nhau. Ví như tiêu tiền làm thí dụ : Tiết kiệm là biết chi tiêu vừa phải theo số tiền mình hiện có.

còn tiếc rẻ là dù mình có bao nhiêu tiền thì cũng không chia cho người khác, dù chỉ là một xu, mà chỉ để sử dụng một mình. Vì vậy Lão Tử chủ trương “kỷ dĩ vi nhân”, “Kỷ dĩ dư nhân” (chương 81).

“Phù duy sắc, thị dĩ tảo phục; tảo phục vị chi trọng tích đức”. “Thị dĩ” nguyên sách của Vương Bật ghi là “thị vị” cùng ý nghĩa như nhau. “Phục”, động từ, có nghĩa là phục tùng, “Tảo phục” có nghĩa là sớm phục tùng theo đạo, “trọng tích đức” nghĩa là tích nhiều đức, đức càng dày càng tốt.

“Vô bất khắc tắc mạc tri kỳ cực; mạc tri kỳ cực khả dĩ hữu quốc”. “Khắc” nghĩa là khắc phục. “Cực” nghĩa là tận cùng. “Hữu quốc” nghĩa là nắm được cái gốc để trị nước.

“Hữu quốc chi mấu, khả dĩ trường cửu. Thị vị thâm căn cố đế, trường sinh cửu thị chi đạo”. “Mấu” chỉ đạo. “Hữu quốc chi mấu” là đạo lớn cơ bản để cai trị quốc gia. “Căn” và “đế” ý nghĩa giống nhau. “Thị” là sống. “Trường sinh cửu thị” nghĩa là sinh mệnh trường tồn.

Lời bình :

Chương này nói “trị nhân”, “sự thiên” đều ở chữ “sắc” cả. “Sắc” là “kiệm”, “kiệm” là một trong “tam bảo” của Lão Tử. Qua đó có thể thấy được tầm quan trọng của “sắc”. Kiệm sắc mới có thể tu dưỡng thiện cơ, tích lũy tinh thần, để đạt tới mức chất phác thuần khiết. Nếu “đán đán nhi phạt chi” thì hao tổn tinh thần, bào mòn tâm trí, cuối cùng tất tới chỗ diệt vong. Chính vì vậy Lão Tử phản đối những quan niệm như : ích, doanh, tân, đa.v.v... đồng thời chủ trương những quan niệm như : “khử thậm, khử sĩ, khử thái” (chương 29).

CHƯƠNG 60

Trị đại quốc, nhược phanhtiểu tiên. Dĩ đạo lị thiên hạ, kỳ quý bất thân; phi kỳ quý bất thân, kỳ thân bất thương nhân; phi kỳ thân bất thương nhân, thánh nhân diệc bất thương nhân. Phù lương bất tương thương, cố đức giao quy yên.

Dịch ý :

Trị nước lớn cũng như nấu nướng cá nhỏ, nấu cá nhỏ mà lật lên lật xuống, động tới nó nhiều quá thì nó sẽ nát. Trị quốc mà chính lệnh phiền hà, pháp lệnh thay đổi nhiều quá, can thiệp vào việc của dân nhiều quá thì dân sẽ trá ngụy, chống đối, quốc gia sẽ hỗn loạn. Dùng đạo thanh tĩnh, vô vi mà trị thiên hạ thì quý thân đều yên ổn; chẳng những quý thân không làm hại người mà thánh nhân cũng vậy. Chẳng những vua quan ở trên mà thân dân ở dưới cũng đều bình yên vô sự. Đó chung quy về với đạo đức cả thôi.

Giải thích :

“Trị đại quốc, nhược phanhtiểu tiên”. “Tiểu tiên” nghĩa là con cá nhỏ. Nấu nướng cá nhỏ mà luôn lật dờ thì cá sẽ nát. Ở đây dùng “phanhtiểu tiên” để ví với việc trị quốc. Không nên quá gây phiền hà cho dân, phải thanh tĩnh vô vi mà cai trị quốc gia khiến cho dân “các an kỳ vị, các trục kỳ sinh” (ai an phận người ấy, tùy theo cuộc sống của mình).

“Dĩ đạo lị thiên hạ, kỳ quý bất thân; phi kỳ quý bất thân.

kỳ thần bất thương nhân”. “Lị” nghĩa là “lâm” (là nhìn), “thần” trong “bất thần” là hình dung từ, tương đương với “thần khí” trong khẩu ngữ, “quy bất thần” là nói quý không còn linh thiêng dè hại người nữa. “Phi” là không những. Chữ “thần” trong “kỳ thần” là danh từ, chính là chỉ thần linh.

“Phù lương bất tương thương, cố đức giao quy yên”. “Phù” là phát ngữ từ, không có nghĩa. “Lương bất tương thương” chỉ vua và thần dân đều không thương tổn gì. Vua mà lấy đạo trị thiên hạ thì dân chúng “các an kỳ vị”, đó là vua không hại dân; dân chúng yên ổn thì xã hội ổn định, quốc gia bình yên, xã tắc vững bền, đó là dân không hại vua. “Đức giao quy” là nói đức quy về vua cũng quy về nhân dân, nên nói rằng vua và dân đều giáo hóa bởi đạo đức.

Lời bình :

Chương này lấy việc nấu nướng cá nhỏ ví với việc trị quốc; lấy kết quả “vô vi nhi trị” khiến cho dân chúng ai làm việc người ấy, đời sống no đủ, xã hội ổn định. Ngay cả đến quý thần cũng không làm hại được. Đó là do kết quả trị quốc của bậc thánh nhân không hại người. Cả vua và dân đều không bị hại thì cùng nhau tu đạo dưỡng đức càng tốt hơn.

CHƯƠNG 61

Đại quốc giả hạ lưu, thiên hạ chi tăn, thiên hạ chi giao. Tấn thường dĩ tĩnh thắng mầu. Dĩ kỳ tĩnh, cố nghị vi hạ. Cố đại quốc dĩ hạ tiểu quốc, tặc thù tiểu quốc; tiểu quốc dĩ hạ đại quốc, tặc thù đại quốc. Cố hoặc hạ dĩ thù, hoặc hạ nhi thù. Đại quốc bất quá dục kiêm sức nhân, tiểu quốc bất quá dục nhập sự nhân. Phù lương giả các đắc kỳ sở dục, đại giả nghị vi hạ.

Dịch ý :

Đạo giữa nước lớn và nước nhỏ là như thế này : Nước lớn giống như sông biển, ở vào chỗ trũng, chỗ qui tụ của thiên hạ, giống như giếng cái trong thiên hạ vậy. Giếng cái nhờ tĩnh mà thắng giếng dục, lấy tĩnh làm chỗ thấp. Cho nên nước lớn mà khiêm hạ với nước nhỏ thì được nước nhỏ xưng thần, nước nhỏ mà khiêm hạ với nước lớn thì được nước lớn che chở. Như vậy là một bên khiêm hạ để được nước nhỏ xưng thần, một bên khiêm hạ để được nước lớn che chở. Cả nước nhỏ và nước lớn muốn đạt được mục đích của mình thì đều phải khiêm hạ. Nước lớn chẳng qua chỉ muốn thu phục nước nhỏ, nước nhỏ chẳng qua chỉ muốn nhờ nước lớn nên mới phải khiêm hạ như vậy.

Giải thích :

“Đại quốc giả hạ lưu, thiên hạ chi tăn, thiên hạ chi giao”. “Hạ lưu”. nước chảy chỗ trũng. Ở đây ví với nơi thấp trũng.

“Giao” là nơi hội tụ. “Thiên hạ chi tân, thiên hạ chi giao”, trong nguyên tác của sách Vương Bật ghi “thiên hạ chi giao, thiên hạ chi tân” thì nghĩa cũng vậy thôi.

“Tân thường di tính thẳng mẫu”. Giống đục và giống cái trong động vật bao gồm cả con người ta, xem ra thì giống đục cao to, cường tráng, vẻ bề ngoài thấy mạnh hơn, khỏe hơn giống cái, nhưng thực tế so với giống cái thì yếu hơn nhiều. Vì giống cái mềm yếu, yên tĩnh. Chính yếu mềm, yên tĩnh mới là cái mạnh chân chính.

“Đĩ kỳ tĩnh, cố nghi vi hạ” cũng chính là “đĩ kỳ tĩnh, cố năng vi hạ dã” nghĩa là lấy cái tĩnh làm chỗ thấp.

“Cố đại quốc dĩ hạ tiểu quốc, tắc thủ tiểu quốc; tiểu quốc dĩ hạ đại quốc, tắc thủ đại quốc”. “Thủ” nghĩa là được. Ý câu này nói là nước lớn mà khiêm hạ nước nhỏ thì thu phục được nước nhỏ; nước nhỏ mà khiêm hạ được nước lớn thì nước lớn che chở.

“Cố hoặc hạ dĩ thủ, hoặc hạ nhi thủ”. Hai chữ “hoặc” đều thay thế cho danh từ, theo thứ tự thì chữ “hoặc” đầu là chỉ nước lớn, chữ “hoặc” sau là chỉ nước nhỏ. Chữ “hoặc” này giống như chữ “hoặc” trong câu “hoặc lợi, hoặc hại” của chương 73 (đó là nói về cách dùng giống nhau mà thôi). Chữ “dĩ” và chữ “nhi” ý nghĩa giống nhau.

“Đại quốc bất quá dục kiêm sức nhân, tiểu quốc bất quá dục nhập sự nhân”. “Sức” nghĩa là dưỡng; “kiêm sức” chính là kiêm dưỡng, bao dung. Ý của câu này là nước lớn bao dung nước nhỏ, nước nhỏ thuận phục nước lớn để cả hai đều tự sinh tồn.

“Phù lương giả các đắc kỳ sở dục, đại giả nghi vi hạ”. “Phù” là phát ngữ từ, không có nghĩa. “Lương giả” chỉ nước lớn và nước

nhỏ. Cả nước lớn và nhỏ đều cùng khiêm hạ để đạt được mục đích của mình, nhưng so ra thì nước lớn càng phải khiêm hạ hơn.

Lời bình :

Chương này nói đạo chung của nước lớn và nước nhỏ là khiêm hạ, mềm yếu. Nước nhỏ khiêm hạ, mục đích là để được bảo tồn. Nước lớn khiêm hạ, mục đích cũng là để phát triển. Ngược lại nếu xảy ra tranh chấp, thì nước nhỏ đương nhiên sẽ bị tiêu diệt, còn nước lớn khó mà nguyên vẹn. Bởi vì kết quả của tranh chấp lấy mạnh đè yếu, lấy đông diệt ít luôn luôn dẫn đến thiên hạ loạn li, cuối cùng hai bên đều thiệt hại. Đời nhà Tần ở Trung Quốc, La Mã ở Châu Âu chẳng phải là ví dụ rõ nét đó sao ?

CHƯƠNG 62

Đạo giả vạn vật chi áo, thiện nhân chi bảo, bất thiện nhân chi sở bảo. Mỹ ngôn khả dĩ thị tôn, mỹ hành khả dĩ gia nhân. Nhân chi bất thiện, hà khí chi hữu ? Cố lập thiên tử, trí tam công, tuy hữu cùng bích dĩ tiên tử mã, bất như tọa tiên thử đạo. Cô chi sở dĩ quý thử đạo giả hà... ? Bất viết cầu dĩ đắc, hữu tội dĩ miễn da ? Cố vi thiên hạ quý.

Dịch ý :

Đạo là chỗ ẩn náu của vạn vật, vì đạo dung nạp vạn vật. Đạo là vật quý của người tốt, chỗ nhờ cậy của người không tốt. Thiện nhân tu đạo nói ra lời nói đều tốt đẹp, cảm hóa con người có thể làm cho mình được tôn trọng. Những việc làm cũng đều tốt đẹp, cảm hóa con người có thể làm khuôn mẫu cho mọi người. Ngay đến cả những người bất thiện, tuy không có lời nói hay, hành vi đẹp, nhưng họ vẫn có thể gìn giữ đạo, thì sao đạo lại bỏ họ ? Cho nên khi lập ngôi thiên tử, đặt ngôi Tam Công tuy dùng hai tay dâng ngọc bích lớn đi trước xe, bốn ngựa đi sau để hiến lễ cũng không bằng quý để dâng đạo đó lên. Người xưa sở dĩ quý đạo là vì đâu ? Chẳng phải là vì đạo đó sao ? Chẳng phải là nhờ đạo mà cầu gì được nấy, có tội thì được tha đấy ư ? Vì vậy đạo quả thực là quý nhất trong thiên hạ.

Giải thích :

“Đạo giả vạn vật chi áo, thiện nhân chi bảo, bất thiện nhân

chi sơ bao”. “Áo” nghĩa là góc tây nam trong căn phòng, là nơi tôn gia ơ, nên có nghĩa là tôn quý. “Bao” nghĩa là trông cậy vào, vì đạo là quý nhất nên người thiện đường nhiên coi nó là bảo bối, người không thiện cũng trông cậy vào nó.

“Mỹ ngôn khả di thị tôn, mỹ hành khả di gia nhân”. “Thị tôn” nghĩa là được tôn kính. “Gia nhân” nghĩa là khiến cho người khác dựa vào đó mà làm theo. Hai câu này là có ý nối với câu “thiện nhân chi bảo ơ trên”.

“Nhân chi bất thiện, hà khí chi hữu”. Hai câu này cũng có ý nối tiếp với câu “bất thiện nhân chi sơ bao” ở trên. Ý nói là ngay người không thiện, nếu gìn giữ đạo thì đạo cũng không từ chối.

“Tuy hữu cùng bích dĩ tiên tứ mã, bất như tọa tiên thứ đạo”. “Cùng” nghĩa là hai tay vòng trước ngực. “Cùng bích” là “đại bích”, “tứ mã” tức là bốn con ngựa, chỉ một cỗ xe có bốn ngựa kéo. Thời xưa khi dâng lễ vật thì thường có hai đợt, đợt đầu lễ vật nhẹ, đợt sau lễ vật nặng. Ở đây ý nói đợt đầu dâng “cùng bích”, đợt sau dâng “tứ mã”. “Tọa” giải nghĩa là “quỳ”. Thời xưa khi ngồi xuống chiếu mông dít dựa trên hai bắp chân thì gọi là “tọa”, nếu chân trên thẳng thì gọi là “quỳ”.

“Cầu dĩ đắc, hữu tội dĩ miễn da ? Cố vi thiên hạ quý”. “Cầu dĩ đắc”, nghĩa là có cầu là được. “Miễn” nghĩa là miễn trừ. Ở đây ý nói người cầu đạo thì được đạo, nếu gìn giữ đạo thì dù có tội cũng sẽ được miễn. “Cầu dĩ đắc” ứng với “thiện nhân chi bảo” ở câu trên. “Hữu tội dĩ miễn” ứng với “bất thiện nhân chi sơ bao” ở câu trên. “Cố thiên hạ quý” ứng với câu đầu “đạo giả vạn vật chi ao”.

Lời bình :

Chương này nói đạo là vật quý nhất trong vạn vật. Vạn vật đều không thể sinh tồn nếu không có đạo. Con người cũng vậy, người thiện giữ đạo thì đương nhiên là : “Mỹ ngôn thị tồn, mỹ hành gia nhân”. Người không thiện giữ đạo cũng có thể “hữu tội di miễn”. Cho nên bậc thiên tử, Tam Công tuy có ngọc lớn, tứ mã cũng không bằng có đạo. Bởi vì ngọc lớn, tứ mã giá trị chỉ có hạn, còn đạo thì giá trị vô hạn. Ngọc lớn, tứ mã tuy có ích cũng có thể có hại, còn đạo thì chỉ có ích không bao giờ có hại, đó cũng chính là nguyên nhân sở dĩ đạo trở thành “vi thiên hạ quý”.

CHƯƠNG 63

Vì vô vi, sự vô sự, vị vô vị. Đại tiểu đa thiểu, báo oán dĩ đức. Đồ nan vu kỳ dĩ, vi đại vu kỳ tế. Thiên hạ nan sự, tất tác vu dĩ. Thiên hạ đại sự, tất tác vu tế. Thị dĩ thánh nhân chung bất vi đại, cố năng thành kỳ đại. Phù khinh nặc tất quĩ tín, đa dĩ tất đa nan. Thị dĩ thánh nhân do nan chi, cố chung vô nan hĩ.

Dịch ý :

Thánh nhân trị thiên hạ theo chính sách vô vi, thi hành theo nguyên tắc vô sự, giữ thái độ điềm đạm. Xem cái nhỏ như cái lớn, cái ít như cái nhiều, lấy đức báo oán. Giải quyết việc khó từ khi còn dễ, thực hành việc lớn từ khi còn nhỏ. Vì việc khó trong thiên hạ bắt đầu từ chỗ dễ, việc lớn trong thiên hạ bắt đầu từ chỗ nhỏ. Do đó thánh nhân trước sau không làm việc gì lớn mà thực hiện được mục đích sau cùng. Bậc thánh nhân luôn không cho mình là vĩ đại, do vậy ngược lại trở thành vĩ đại. Lời hứa quá dễ dàng thì khó thực hiện và thất tín; coi sự việc quá giản đơn thì tất gặp phải khó khăn. Vì vậy bậc thánh nhân coi việc gì cũng rất khó khăn nên luôn không gặp phải trở ngại.

Giải thích :

“Vị vô vị” nghĩa là lấy “vô vị” làm mùi vị, cũng chính là lấy điềm đạm để trị quốc. Chữ “vị” đầu là động từ, chữ “vị” sau là danh từ, ở chương 35 nói : “Đạo chi xuất khẩu, đạm hồ kỳ vô vị”.

Ở đây “vô vị” là chỉ đạo.

“Đại tiểu đa thiếu, báo oán dĩ đức”. “Tiêu” và “thiếu” là danh từ, ở đây là chỉ những sự vật nhỏ bé không nhìn thấy. “Đại” và “đa” là động từ. Bất kỳ sự vật nào lớn hoặc nhiều, đều là do nhỏ và thiếu mà có. Cho nên trong *Trung Dung* có câu : “Mạc kiến hồ ân, mạc hiên hồ vi” chính là nói điều này. Bậc thánh nhân biết được điều này, cho nên sự việc tuy nhỏ mà cho nó là lớn, sự việc tuy ít mà biết nó nhiều. “Đức” nghĩa là ân đức. Người khác oán ghét mình, nhưng mình lại dùng ân đức để đối xử với họ. Đó chính là thái độ của bậc thánh nhân đối xử với mọi người.

“Đồ nan vu kỳ dị, vi đại vu kỳ tế. Thiên hạ nan sự, tất tác vu dị. Thiên hạ đại sự, tất tác vu tế”. “Đồ” là động từ, nghĩa là âm mưu. “Tác” nghĩa là sinh sản, phát triển. Khó tất sinh từ dễ, to tất sinh từ nhỏ, nhưng bất kỳ việc khó, việc lớn nào khi nó còn “dị” còn “tê” thì người ta luôn coi nhẹ mà không biết rằng : Ngọn lửa nhỏ có thể bốc cháy, dòng nước nhỏ có thể trở thành tai họa. Bậc thánh nhân biết rõ điều này nên khi sự việc còn nhỏ, còn dễ thì gắng giải quyết vì vậy mà tai họa không xảy ra.

“Khinh nặc tất quả tín, đa dị tất đa nan”. “Nặc” nghĩa là lời hứa, lời hứa dễ dãi thì khó thực hiện, cuối cùng sẽ thất hứa, thất tín. Coi sự việc quá dễ dàng thì tất sẽ gặp phai khó khăn. “Khinh nặc” là biểu hiện của “đa dị”, “quả tín” chính là minh chứng của “đa nan”.

“Thị dĩ thánh nhân do nan chi, cố chung vô nan hĩ”, “nan” là động từ, “nan chi” là coi việc dễ thành việc khó. Bậc thánh nhân trị vì thiên hạ có thể vô vi, vô sự chính là ở chỗ “Đồ nan vu

kỳ dị, vi đại vu kỳ tế”. Trừ diệt tai nạn từ khi còn nhỏ vì vậy mà không xây ra bất cứ khổ khăn nào.

Lời bình :

Chương này nói bậc thánh nhân hiểu được điều này : “Thiên hạ nan sự, tất tác vu dị; thiên hạ đại sự, tất tác vu tế”. Vì đó là điều rất tự nhiên của con người trong thế gian. Muốn trị vì được thiên hạ thì phải vô vi, vô sự, nói cách khác cũng chính là vô tư, vô dục. Làm được như vậy thì ngay cả câu “bào oản dĩ đức” cũng được mọi người làm theo.

CHƯƠNG 64

Kỳ an dị trị, kỳ vị triệu dị mưu, kỳ tuyết dị phán, kỳ vi dị tán. Vì chi vu vi hữu, tri chi vu vi loạn. Hợp báo chi mộc, sinh vu hào mạt, cửu tằng chi đài, khởi vu luy thô; thiện lý chi hành, thủy vu tức hạ. Vì già bại chi, chấp già thất chi. Thị dĩ thánh nhân vô vi cố vô bại, vô chấp cố vô thất. Dân chi tông sự, thương vu kỳ thành nhi bại chi. Thận chung như thủy, tác vô bại sự. Thị dĩ thánh nhân dục bất dục, bất quý nan đắc chi hóa; học bất học, phục chung nhân chi sở quá. Dĩ phục vạn vật chi tự nhiên, nhi bất cảm vi.

Dịch ý :

Tình hình yên ổn thì dễ nắm giữ; sự việc chưa rõ ràng thì dễ toan tính; vật giòn thì dễ gãy, vật nhỏ thì dễ phân tán. Cho nên khi sự vật còn chưa mạnh nha thì phải ngăn ngừa ngay; việc loạn chưa thành hình thì phải nghiêm trị ngay. Cây to được khởi sinh từ mầm nhỏ; đài cao chín tầng khởi đầu bằng một sọt đất; đi xa ngàn dặm bắt đầu từ một bước chân. Những điều này đều là kết quả thuận theo tự nhiên, chứ không phải do dụng tâm mà có được. Nếu có dụng tâm làm thì thất bại. Cố chấp ý riêng thì hỏng việc. Vì vậy thánh nhân không làm gì cả nên không thất bại, không cố chấp nên không hỏng việc. Nếu khi sự việc sắp thành mà cũng cẩn thận như lúc bắt đầu thì cứ thuận theo tự nhiên mà làm tất sẽ không bị thất bại. Do vậy bậc thánh nhân chỉ muốn

một điều là vô dục, không quý báu vật; chỉ muốn học cho được vô tri vô thức để giúp đỡ những người xa đạo, mất đạo trở về với đạo, giúp vạn vật phát triển theo tự nhiên chứ không dám ngăn cản gì.

Giải thích :

“Kỳ an dị tri, kỳ vị triệu dị mưu, kỳ tuyết dị phán, kỳ vi dị tán”. “Tri” nghĩa là gìn giữ. “Triệu” nghĩa là triệu chúng. “Mưu” nghĩa là âm mưu, “tuyết” nghĩa là giòn. Ý của bốn câu này là sự việc khi vừa mới bắt đầu thì phải chú ý ngay, nếu để phát triển hình thành thì khó giải quyết.

“Hợp bào chi mộc, sinh vu hào mạt; cửu tăng chi dài, khởi vu lũy thổ; thiên lý chi hành, thủy vu túc hạ”. “Mộc” chỉ cây cối. “Hợp bào” hình dáng cây to lớn. “Hào mạt” chỉ phần cuối của lông tơ, ví với những vật nhỏ nhất. “Lũy” là cái sọt đựng đất. “Lũy thổ” là một sọt đất. Trong *Trung Dung* đã viết : “Đặng cao tất tự ty, hành viễn tất tự di”. Bất cứ việc gì thì cũng phải thuận theo tự nhiên, vội cũng không được, nhanh cũng không được, cứ phải từ từ thì mới thành công.

“Dân chi tông sự, thường vu kỳ thành nhi bại chi. Thận chung như thủy, tắc vô bại sự”. “Tông sự” nghĩa là làm việc. “Kỳ” nghĩa là gần. “Kỳ thành” nghĩa là gần tới thành công. “Bại chi” nghĩa là làm cho sự việc thất bại. Thông thường khi người ta làm việc thì phải có đầu có cuối, nếu lúc đầu và kết thúc cẩn thận như nhau thì không xảy ra hỏng việc. Nên mới nói là “Thận chung như thủy, tắc vô bại sự”.

“Thị dĩ thánh nhân dục bất dục, bất quý nan đắc chi hóa;

học bất học, phục chúng nhân chi sơ quá”. “Bất dục” chính là “vô dục”. Những điều thánh nhân muốn lại chính là không muốn, nên mới nói là “dục bất dục”. “Bất học” chính là “tuyệt học” trong câu “tuyệt học vô vụ” ở chương 20 cũng có nghĩa là vô tri vô thức. Điều mà thánh nhân cần học là vô tri vô thức, nên mới nói là “học bất học”. “Quá” chỉ những người xa đạo, mất đạo, trái với tự nhiên. Bậc thánh nhân khiến cho người ta quy về với đạo, trở về với tự nhiên. Nên mới nói là “phục chúng nhân chi sơ quá, đi phục vạn vật chi tự nhiên”.

Lời bình :

Chương này nối tiếp những ý của chương trước, đó là “vô vi”. Đã nói “vi gia bại chi, chấp gia thất chi”. Lại nói “Vô vi cố vô bại, vô chấp cố vô thất”. Còn nói “dục bất dục, học bất học, đi phục vạn vật chi tự nhiên”. Tuy hai câu “Vi chi vu vi hữu, tri chi vu vi loạn”. Xem ra hình như là tác vi, nhưng kiểu tác vi này là thuận theo tự nhiên, là hợp với tinh thần vô vi.

CHƯƠNG 65

Cổ chi thiện vi đạo giả, phi dĩ minh dân, tương dĩ ngu chi. Dân chi nan tự, dĩ kỳ trí đa. Cổ dĩ trí trị quốc, quốc chi tắc. Tri thử lương giả diệc kê thức. Thường tri kê thức, thị vi huyền đức. Huyền đức thâm hi, viễn hi, dữ vật phản hi, nhiên hậ nãi chi đại thuận.

Dịch ý :

Thời xưa, người khéo dùng đạo trị quốc thì không làm cho dân chúng khôn lanh, xảo trá mà làm cho dân đôn hậu, chất phác. Dân chúng sợ dĩ khó trị là vì nhiều trí mưu. Cho nên nếu dùng trí mưu mà cai trị đất nước thì là tai họa cho đất nước; không dùng trí mưu trị nước thì là hạnh phúc cho đất nước. Biết hai điều đó là biết được phép tắc trị dân. Biết được và thực hiện lâu dài phép tắc này thì gọi là “đức huyền diệu vô thượng”. Đức này vừa sâu kín lại vừa xa vời, lại vừa ngược lại với vạn vật, nhưng dựa theo nó mà hành đạo thì lại thuận với tự nhiên.

Giải thích :

“Cổ chi thiện vi đạo giả, phi dĩ minh dân, tương dĩ ngu chi”. “Thiện vi đạo giả” là ý của ông vua lấy đạo mà tu thân, trị quốc. “Minh” và “ngu” là hai từ phản nghĩa, đều là động từ. “Minh dân” là làm cho dân chúng trí xảo. “Ngu chi” là khiến cho dân chúng thuần hậu, chất phác. “Tương” nghĩa là “thị”, ngược với chữ “phi” ở câu trên.

“Trí thứ lương gia diệc kê thức, thường tri kê thức, thị vị huyền đức”. “Lương gia” chỉ “đi trí trị quốc, quốc chi tặc; bất đi trí trị quốc, quốc chi phúc”. “Diệc” nghĩa là “chính là”. “Kê” nghĩa là gương mẫu, “kê thức” nghĩa là phép tắc, chuẩn mực, “huyền đức” nghĩa là đức sâu kín huyền diệu.

“Huyền đức thâm hi, viễn hi, dữ vật phản hi, nhiên hậu nãi chí đại thuận”. “Phản” nghĩa là tương phản. Đạo của Lão Tử hoàn toàn trái ngược với sự việc thông thường, “đại thuận” nghĩa là thuận với tự nhiên. “Nhiên hậu nãi chí đại thuận” là làm theo “huyền đức” thì có thể quy phục theo tự nhiên.

Lời bình :

Chương này nói, trị nước thì không thể dùng trí. Nếu dùng trí mà trị nước thì “quốc chi tặc”; ngược lại không dùng trí trị nước thì làm cho dân chúng vô trí vô thức, thuần phục chất phác, thì là “quốc chi phúc”. Mới nghe thì tưởng là Lão Tử chủ trương chính sách ngu dân, nhưng thực ra thì không phải vậy. Lão Tử cho rằng : “Trí tuệ xuất, hữu đại ngụy” (chương 18), cho nên ông phản đối “trí”.

CHƯƠNG 66

Giang hải sở dĩ năng vi bách cốc vương giả, dĩ kỳ thiên hạ chi. Cố năng vi bách cốc vương. Thị dĩ thánh nhân dục thượng dân, tất dĩ ngôn hạ chi; dục tiên dân, tất dĩ thân hậu chi. Thị dĩ xử thương nhi dân bất trọng, xử tiền nhi dân bất hại. Thị dĩ thiên hạ lạc thời nhi bất yếm. Dĩ kỳ bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh.

Dịch ý :

Sông biển sở dĩ làm vua khe suối, khiến cho sông ngòi đều chảy quy về biển cả là vì nó ở chỗ thấp trũng. Cho nên thánh nhân muốn ở trên dân thì lời nói phải khiêm hạ, muốn ở trước dân thì phải lùi lại sau. Vì vậy bậc thánh nhân ở trên dân mà dân không thấy là gánh nặng cho mình, tùy thánh nhân ở trước mà trông thấy hại cho mình. Cho nên dân chúng trong thiên hạ đều vui vẻ đẩy thánh nhân lên trước mà không chán. Tất cả những điều đó là vì thánh nhân không tranh giành với ai, nên cũng không ai tranh giành với mình được.

Giải thích :

“Giang hải sở dĩ năng vi bách cốc vương giả, dĩ kỳ thiên hạ chi, cố năng vi bách cốc vương”. “Bách cốc” cũng giống như “bách xuyên” chỉ tất cả sông ngòi. Tất cả sông ngòi đều quy về biển cả, do vậy biển cả trở thành vua của trăm sông. “Hạ chi” nghĩa là ở dưới trăm khe suối.

“Thị dĩ thánh nhân dục thượng dân, tất dĩ ngôn hạ chi; dục tiên dân, tất dĩ thân hậu chi”. “Thánh nhân”, từ này trong sách nguyên bản của Vương Bật không có. Nhưng ở quyển Lệ và Triệu của Lão Tử đều có nên ta theo sách của Lão Tử thêm vào từ “thánh nhân”. “Thượng”, “hạ”, “tiên”, “hậu” đều là động từ. Hai chữ “chi” đều là có ý chỉ dân chúng. “Dĩ ngôn hạ chi” chính là nghĩa của câu “Tư vi cô, quả, bất cốc” ở chương 39. “Dĩ thân hậu chi” chính là ý nghĩa của những câu “thụ quốc chi hậu, thụ quốc bất tường” ở chương 78.

“Thị dĩ xử thượng nhi dân bất trọng, xử tiên nhi dân bất hại”. Bậc thánh nhân trị vì thiên hạ vô vi vô sự, vì thuận theo tự nhiên nên “xử thượng nhi dân bất trọng, xử tiên nhi dân bất hại”. “Bất trọng” nghĩa là không cho là quan trọng.

“Thị dĩ thiên hạ lạc thôi nhi bất yếm”. “Thôi” nghĩa là suy tôn. “Yếm” nghĩa là chán ghét.

Lời bình :

Chương này ví bậc thánh nhân ở vào vị trí thấp hạ. Cũng giống như biển cả ở vào chỗ thấp trũng nên trăm sông đều đổ về, cho nên đã trở thành vua của chúng dân. Ở chương 39 đã nói : “Thị dĩ hầu vương tư vi cô, quả, bất cốc”. Ý nói vua thấp hơn dân. Chương 78 nói : “Thụ quốc chi hậu, thị vị xã tắc chủ; thụ quốc bất tường, thị vi thiên hạ vương”. Ý nói là vua ở sau dân. Nhưng “Hậu kỳ thân nhi thân tiên” (chương 7) “xử nhân chi hạ tắc năng dụng nhân” (chương 68) Do vậy kết quả của “bất tranh” lại là “thiên hạ mạc tranh dữ chi tranh”.

CHƯƠNG 67

Thiên hạ giai vị ngã đạo đại, tự bất tiểu. Phù duy đại, cố dĩ bất tiểu. Nhược tiểu, cừu hĩ kỳ tế dã phù ! Ngã hữu tam bảo, từ nhi bảo chi. Nhất viết từ, nhị viết kiệm, tam viết bất cảm vi thiên hạ tiên. Từ cố năng dung, kiệm cố năng quang, bất cảm vi thiên hạ tiên, cố năng thành khí trường. Kim xá từ thả dung, xá kiệm thả quang, xá hậu thả tiên, tứ hĩ. Phu từ, dĩ chiến tắc thắng, dĩ thủ tắc cố. Thiên tương cừu chi, dĩ từ vệ chi.

Dịch ý :

Thiên hạ đều nói đạo của ta quá lớn, dường như không có vật nào so sánh được với nó. Vì nó quá lớn nên không có gì giống nó cả. Nếu nó giống một vật nào đó thì đã giảm đi tính vĩ đại của nó rồi, sớm trở thành vật nhỏ bé và không đáng để mọi người để ý tới. Ta có ba vật báu luôn gìn giữ cẩn thận : Một là lòng từ ái, hai là tính tiết kiệm, ba là không dám ở trước những người trong thiên hạ. Vì lòng từ ái mà bảo vệ được chúng dân nên sinh ra lòng dung cảm; vì có tính tiết kiệm mà tích tụ được tinh thần, đức độ, nên sung túc, rộng rãi; vì không dám đứng trước người trong thiên hạ mà lại được yêu mến nên trở thành bề trên của vạn vật. Nếu không từ ái mà chỉ có cầu dung cảm; không tiết kiệm mà chỉ cầu sung túc, rộng rãi, không đứng sau thiên hạ mà

chỉ tranh đứng trước thiên hạ thì tất là đi vào con đường chết. Trong ba vật báu thì từ ái là quan trọng nhất, với lòng từ ái thì chiến thắng sẽ giành thắng lợi, cố thù sẽ vững vàng. Trời muốn cứu ai thì cho người đó lòng từ ái để họ tự bảo vệ mình.

Giải thích :

“Thiên hạ giai vị ngã đạo đại, tự bất tiểu”. “Tiểu” nghĩa là giống. Nói về thể đạo của Lão Tử thì nó vô hình, nhưng nó ở khắp mọi nơi. Nói về hoạt động của đạo thì nó hoàn toàn ngược với đời nhưng lại tự thành hệ thống, giải thích được mọi hiện tượng. Nói về tác dụng của đạo, tuy nó mềm yếu đứng sau, nhưng lại rất mạnh mẽ và luôn ở trước. Nó không giống với vạn vật có hình thể nên mới nói là “tự bất tiểu”.

“Phù duy đại, cố dĩ bất tiểu. Nhược tiểu, cứu hi kỳ tế dã phù”. “Tế” nghĩa là nhỏ bé. Bất kỳ một tôn giáo, học phái nào cũng nhất định phải có tư tưởng sâu xa quang đại làm cơ sở, sau đó mới có thể nhân rộng ra, mới có thể ứng dụng rộng rãi được. Đạo nhỏ tuy nó cũng có tác dụng của nó, nhưng nếu muốn nhân rộng ra thì sẽ bị tắc nghẽn, không thông được. Khổng Tử đã từng nói : “Tuy tiểu đạo, tất hữu khả quan giả yên, chí viễn khùng nê, thị dĩ quân tử bất vi dã”. *Luận ngữ. Tử Chương.*

“Nhất viết từ, nhị viết kiệm, tam viết bất cảm vi thiên hạ tiên”. “Từ” chính là ái, bậc trị vì thiên hạ yêu mến dân chúng như người mẹ hiền yêu con nhỏ, nên mới gọi là “từ”. “Kiệm” nghĩa là tiết kiệm, giống như chữ “sắc” của chương 59. “Bất cảm vi thiên hạ tiên” nghĩa là khiêm hạ, nhường nhịn.

“Từ cố năng dũng, kiệm cố năng quân, bất cảm vi thiên hạ

tiên, cố năng thành khí trường”. “Từ” nghĩa là ái, có lòng yêu tất có dũng khí, Không Tử nói : “Nhân giả tất hữu dũng” (*Luận ngữ, Hiến Văn*) *Lễ Ký* cũng nói : “Chiến trận vô dũng, phi hiếu dã” (*Tế Nghĩa*) ý nghĩa đều giống như câu “từ cố năng dũng”. “Quảng” nghĩa là quảng đại. Tiết kiệm tiền tài thì sẽ giàu có, tiết kiệm tinh thần thì sẽ thịnh vượng. Bậc vua chúa kiệm dung dân chúng thì dân chúng ngày càng đông đúc, đất nước càng được mở rộng. “Khí” chính là chữ “khí” trong câu “phác tán tắc vi khí” ở chương 28, có ý chỉ vạn vật. “Khí trường” nghĩa là đứng đầu vạn vật. Ở chương 7 nói : “Hậu kỳ thân nhi thân tiêu”. Ở chương 66 nói : “Dĩ kỳ bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh”. Cho nên “bất cầm vi thiên hạ tiên”, mà là “năng thành khí trường”.

“Kim xá từ thả dũng, xá kiệm thả quang. xá hậu thả tiên, tứ hi”. “Kim” là từ giả thiết có nghĩa là “nếu như”, “thả” nghĩa là lấy được do từ mà dũng, do kiệm mà quang, do hậu mà tiên, đều là từ gốc tới ngọn, thuận theo tự nhiên của nó. Ngược lại, bất từ mà dũng, bất kiệm mà quân, bất nhân mà tiên thì đều là không thuận theo tự nhiên. Nói tóm lại là bỏ gốc mà lấy ngọn thì cuối cùng tất sẽ bị tử vong.

“Phu từ, dĩ chiến tắc thắng, dĩ thủ tắc cố. Thiên tương cứu chi, dĩ từ vệ chi”. “Cứu” nghĩa là giúp đỡ. “Vệ” nghĩa là bảo vệ. Trong binh pháp của Tôn Tử đã dạy : “Thị tốt như anh nhi, cố khả dữ chi phó thâm khê; thị tốt như ái tử, cố khả dữ chi cộ tử”. (*Địa bình thiên*). Lấy lòng nhân từ đối xử với quân sỹ thì quân sỹ đều sẵn lòng hy sinh. Đương nhiên sẽ “dĩ chiến tắc thắng, dĩ thủ tắc cố”. Thời chiến quốc, quân Ngô từ ngày đầu đến cuối không bao giờ thua trận là vì do có tình yêu mến binh sỹ.

Lời bình :

Chương này nói về ba điều quý đó là : “Tử”, “kiệm”, “bất cảm vi thiên hạ tiên”, đặc biệt là tác dụng của “tử”. Vạn vật đều do đạo sinh ra. Đạo đối với vạn vật như người mẹ hiền đối với con nhỏ. Tình yêu này không phải xuất phát từ tư lợi cá nhân. Ở chương 5 đã nói : “Thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sở cầu; thánh nhân bất nhân, dĩ bách tính vi sở cầu”. Câu này mới nghe thì tưởng là không có lòng yêu mến, nhưng thực tế lại chẳng hề tự tư tự lợi; đều bình đẳng bác ái.

CHƯƠNG 68

Thiện vi sỷ gia bất vũ, thiện chiến gia bất nộ, thiện thắng địch giả bất dữ, thiện dụng nhân giả vi chi hạ. Thị vi bất tranh chi đức, thị vi dụng nhân chi lực, thị vi phối thiên, cố chi cực.

Dịch ý :

Viên tướng giỏi không tỏ ra vũ dũng, người giỏi tác chiến không tỏ ra hung hăng, người khéo thắng địch không giao chiến với địch. Người khéo dùng người thì tự đặt mình dưới người khác. Đây chính là “bất vũ”, “bất nộ”, “bất dữ”. Chính là đạo đức không tranh với người, là biết lợi dụng năng lực của người khác, chính là “vi chi hạ”. “Bất tranh chi đức” và “dụng nhân chi lực” đều phát huy hết tác dụng, đó là hợp với đạo lý tự nhiên — hợp với đạo.

Giải thích :

“Thiện vi sỷ gia bất vũ, thiện chiến gia bất nộ, thiện thắng địch giả bất dữ, thiện dụng nhân giả vi chi hạ”. “Sỷ” chỉ tướng soái. “Bất vũ” nghĩa là không tỏ ra vũ dũng — tranh giành thắng lợi là điều tồi tệ đối với người tướng giỏi. Tôn Tử đã nói : “Bách lý nhi tranh lợi, tắc cầm tam tướng quân, ngũ thập lý nhi tranh thắng tắc quệ thượng tướng quân”. (*Quân tranh thiên*) Tướng soái không chỉ tỏ ra có dũng võ mà có lúc cần tỏ ra mềm yếu. Tôn Tử nói : “Năng nhi thi chi bất năng, dụng nhi thi chi bất dụng”. *Kê thiên* đã chứng minh điều này. “Bất nộ” là không nổi nóng, vì hễ

nổi nóng là mất trí khôn, nên Tôn Tử nói : “Nộ nhi não chí” *Kế thiên*. “Bất dữ” nghĩa là không tranh với địch. Vì “thượng binh phạt mưu, kỳ thứ phạt giao, kỳ thứ phạt binh.” (*Tôn Tử — Mưu Công*) “phạt binh” là sau khi dùng mưu kế và chính sách ngoại giao đều thất bại thì bắt buộc đi mới dùng đến nó.

“Thị vị bất tranh chi đức, thị vị dụng nhân chi lực, thị vị phối thiên, cố chi cực”. “Bất tranh chi đức” là một loại đạo đức không tranh giành phần thắng với người khác. Câu này ứng với những từ “bất vũ”, “bất nộ”, “bất dữ” ở trên. “Dụng nhân chi lực” là một loại năng lực lợi dụng vào sức người khác. Câu này ứng với cụm từ “vi chi hạ” ở câu trên. “Thị vị phối thiên” là nói “bất tranh chi đức” và “dụng nhân chi lực” đều phù hợp với đạo trời. Vì “Thiên chi đạo, bất tranh nhi thiên thắng, bất ngôn nhi thiên ứng, bất triệu nhi tự lai” (chương 73). “Cực” nghĩa là cùng cực. “Cố chi cực” là nói cái cùng cực vốn có từ xưa đến nay.

Lời bình :

Chương này lấy ví dụ về chiến tranh để nói đạo lý của “bất tranh” và “cư hạ”. Mục đích của chiến tranh vốn là tranh chiến thắng, có thể nói không thể nào dung hòa được với “bất tranh”, “cư hạ”. Nhưng người giỏi chỉ huy tác chiến thì lại lợi dụng phương pháp của “bất tranh” và “cư hạ” để đạt được mục đích tranh thắng và ở trên. (*Tôn Tử. Mưu Công*) đã nói : “thượng binh phạt mưu, kỳ thứ phạt giao, kỳ thứ phạt binh, kỳ thứ công thành” lại nói : “thị cố bách chiến bách thắng, phi thiên chi thiên giả dã, bất chiến nhi khuất nhân chi binh, thiên chi thiên giả dã.” Phương pháp tác chiến tối ưu nhất là không đánh mà quân giặc phải đầu hàng, muốn đạt được mục đích này chỉ có một con đường là dùng mưu. Do vậy thấy rằng phương pháp của “bất

tranh”, “cư hạ” của Lão Tử là đạo giành thắng lợi cao nhất. Chả trách có người nói Lão Tử là một nhà quân sự. Cuốn “Đạo đức kinh” này cũng chính là một quyển sách nói về mưu lược quân sự có giá trị.

Thời Hán Sở tranh hùng, Hạng Vũ thì muốn quyết chiến với Lưu Bang, ngược lại Lưu Bang không xuất binh. Hạng Vũ khiêu chiến, Lưu Bang chỉ cười nói : “Ta nguyện đấu trí chứ không đấu sức”. Thậm chí Hạng Vũ dùng kế giết cha Lưu Bang để uy hiếp, nhưng Lưu Bang vẫn lạnh nhạt nói : “Sau khi ông giết cha tôi, thì hãy cho tôi một ly rượu.” Cuối cùng Lưu Bang đã giành chiến thắng. Đây là một minh chứng điển hình về cách dùng binh.

CHƯƠNG 69

Dụng binh hữu ngôn : “Ngô bất cảm vi chủ nhi vi khách, bất cảm tiến thốn nhi thoái xích”. Thị vị hành vô hành, nhượng vô tỷ, chấp vô binh, nhượng vô địch. Họa mạc đại vu vô địch, vô địch ky táng ngô bảo, cố kháng binh tương gia, ai giả thắng hĩ.

Dịch ý :

Xưa kia người dùng binh có câu : “Ta không dám chủ động khiêu chiến mà chỉ trong trường hợp bất đắc dĩ mới ứng chiến. Trong khi ứng chiến ta không dám tranh thắng, không muốn hung hăng mà nguyên nhịn nhường. Không tiến một tấc mà nguyên lùi một thước”. Như vậy là dàn binh bố trận mà không thành hăng, xua đuổi mà không đưa cánh tay ra. Tuy có binh khí mà như không dùng binh khí, tuy có địch mà như không giao chiến với địch, luôn luôn có một tấm lòng từ ái bất tranh. Họa lớn nhất trong quân đội là khinh địch. Khinh địch thì sẽ mất ba vật báu của ta. Do vậy khi cử binh giao chiến, bên nào từ ái thì sẽ giành thắng lợi.

Giải thích :

“Dụng binh hữu ngôn : Ngô bất cảm vi chủ nhi vi khách, bất cảm tiến thốn nhi thoái xích”. “Dụng binh” chỉ người dùng binh, cũng chính là nhà quân sự. “Vi chủ” ý nói chủ động điều binh đi xâm lược nước khác. “Vi khách” ý nói bị động điều binh ứng chiến. Đây cũng là ý nghĩa của “bất vũ”, “bất nộ” mà chương

trước đã đề cập tới. “Bất cảm tiến thối nhi thoái xích.” Ý nói là không dám liều lĩnh tiến quân mà nguyện tránh né thoái lui. Đây cũng là ý nghĩa của “bất dữ” mà chương trước đã đề cập tới. Hai câu này nói lên tinh thần yếu mềm không tranh chấp.

“Hành vô hành, nhượng vô tỷ”. chữ “hành” đầu câu là động từ, ý nói là bày binh bố trận. Chữ “hành” sau là danh từ, ý nói là trận mạc. “Nhượng” ý là dơ lên. “Nhượng tỷ” nghĩa là giơ cánh tay lên.

“Chấp vô binh, nhượng vô địch”. “Chấp” nghĩa là nắm giữ. “Binh” chỉ binh khí. “Nhượng” giống như ý nghĩa của chữ “nhượng” trong câu “nhượng tỷ nhi nhượng chi” ở chương 38, hiểu như chữ “dẫn”, nghĩa bóng là nắm lấy. Hai câu này nguyên tác của sách Vương Bật có đảo lại là “nhượng vô địch, chấp vô binh”. Như vậy thì không văn, thứ tự cũng không xuôi. Chú văn nói : “Do hành vô hành, nhượng vô tỷ, chấp vô binh, nhượng vô địch”. Qua đó ta thấy sách của Vương Bật vẫn đúng, có thể do người đời sau sao chép lại làm đảo lộn mà thôi. Sách của Lão Tử đều ghi là : “Chấp vô binh, nhượng vô địch”. Như vậy thì văn cũng xuôi mà nghĩa cũng thuận. Do vậy căn cứ theo sách của Lão Tử và sách của Vương Bật đã sửa lại. “Hỏa mạc đại vu vô địch, vô địch kỳ táng ngô bào”. Từ “vô địch” của hai câu này đều có nghĩa là tỏ ra vô địch trong thiên hạ. Cả hai từ này, sách của Vương Bật và các sách khác đều viết là “khinh địch”. Nhưng điều mà chương này muốn nói không có ý vậy, “Khinh địch” không có liên quan gì tới ý nghĩa của câu này. Sách Lão Tử đều viết là “vô địch”. Vương Bật chú giải cũng nói rằng : “Ngôn ngô ai tử khiêm thoãi, phi dục dĩ thu cường vô địch vu thiên hạ, bất đắc dĩ nhi tốt chí vu vô địch, tứ nãi ngô chi sở dĩ vi đại họa dã.” Qua đây ta

cũng thấy nguyên tác của Vương Bật cũng viết là “vô địch”. Có lẽ do người đời sau viết thành “khinh địch”. Nay ta dựa theo sách của Vương Bật và Lão Tử sửa thành “vô địch”. “Kỳ” hiểu như chữ “tương”. “Táng” nghĩa là mất đi. “Ngô bao” chỉ “tam bao” của chương 67. Chương 76 nói : “Binh cường - tắc bất thắng”. Binh “vô địch” tắc cường, cường tắc bất hợp vu đạo, bất năng tử, kiếm nhi thiên hạ tiến. Do vậy mới nói rằng : “Vô địch kỳ táng ngô bao”.

“Cố kháng binh tương gia, ai gia thắng hi”. “Kháng” nghĩa là cự. “Kháng binh” nghĩa là “cư binh” cũng giống như “xưng binh”. “Tương gia” giống như “tương giao”, “tương hợp”, “ai” hiểu như chữ “ái” chính là “từ”, một trong tam bao. Chương 67 nói : “Phu từ, dị chiến tắc thắng”, ý nghĩa câu này giống như câu “ai gia thắng hi”.

Lời bình :

Chương này tiếp nội dung của hai chương trước, lấy chiến tranh để nói lên cái đức “bất tranh” và “khiêm hạ” — “Bất tranh” và “khiêm hạ” chỉ là biểu hiện bề ngoài, cốt lõi của nó lại là ở “từ”. Cái gọi là “Bất cảm vi chủ nhi vi khách, bất cảm tiến thủ nhi thoái xích”, “hành vô hành, nhượng vô tỷ, chấp vô binh, nhượng vô địch” đều là biểu hiện của “từ”. Vì “từ” mà có thể thắng “kháng binh tương gia”, câu này cũng có ý giống như câu “Nhân giả vô địch” (Lương Huệ Vương thượng) mà Mạnh Tử đã nói.

CHƯƠNG 70

Ngô ngôn thậm dị tri, thậm dị hành. Thiên hạ mạc năng tri, mạc năng hành. Ngôn hữu tông, sự hữu quân. Phù duy vô tri, thị dĩ bất ngã tri. Tri ngã giả hi, tắc ngã quý hi. Thị dĩ thánh nhân bị hạt hoài ngọc.

Dịch ý :

Lời dạy của ta rất dễ hiểu, cũng rất dễ làm. Nhưng thiên hạ không ai hiểu được, làm được vì đều bị lòng tư dục che khuất. Lời dạy của ta đều có cội nguồn của nó, việc làm của ta đều có căn cứ của nó. Chính vì mọi người không hiểu lời dạy và việc làm của ta nên không hiểu ta. Số người hiểu ta càng ít thì địa vị của ta càng cao. Cho nên bậc thánh nhân, bề ngoài thì mặc áo vải thô mà ôm ngọc quý trong lòng.

Giải thích :

“Ngô ngôn thậm dị tri, thậm dị hành”. Chương 47 nói “Bất xuất hộ, tri thiên hạ, bất khuy dũ, kiến vô đạo”, cho nên mới nói là “thậm dị tri”. Chương 47 nói “Bất vi nhi thành”, cho nên mới nói là “thậm dị hành”.

“Thiên hạ mạc năng tri, mạc năng hành”. Sở dĩ người trong thiên hạ không biết đạo của Lão Tử là vì, về mặt khách quan đạo của Lão Tử khác với sự vật ngoài đời, về mặt chủ quan là do có quá nhiều kẻ trung sỹ, hạ sỹ, mà kẻ thượng sỹ thì quá ít. Tri là khởi đầu của hành, hành là kết quả của tri. Đối với đạo của Lão Tử thì ngay cả “tri” cũng không làm được thì càng không thể nói tới “hành” được.

“Ngôn hữu tông, sự hữu quân”. “Tông” và “quân” đều có nghĩa là căn bản, cùng chính là chỉ đạo. Đạo là tông của “ngôn” cùng là quân của “sự”. Đạo là gì ? Chính là vô vi tự nhiên mà thôi.

“Phù duy vô tri, thị dĩ bất ngã tri”. “Phù duy” là từ thường dùng trong sách của Lão Tử. Những câu đã dùng “phù duy” ở đầu câu, thì nhất định có nghĩa nối với câu ở phía trên. Câu “phù duy vô tri” chính là nối với câu “thiên hạ mạc năng tri” ở trên. “Vô tri” chính là “mạc năng tri”. “Bất ngã tri” chính là câu đảo lộn “bất tri ngã”.

“Tri ngã gia hi, tắc ngã quý hi”. “Hi” nghĩa là “thieu” (hiếm). “Quý” nghĩa là tôn quý, quý trọng. “Tắc ngã quý hi” câu này, nguyên tác của Vương Bật viết là “Tắc ngã giả quý”. Nhưng lại chú rằng : “Tri ngã ích hi, ngã diệc vô phi”, do vậy người đời sau viết thành “tắc ngã gia hi” mà không viết là “tắc ngã gia quý”.

“Thị dĩ thánh nhân bị hạt hoài ngọc”. “Bị” nghĩa là mặc. “Hạt” nghĩa là áo vải lông thô người nghèo thường mặc. “Bị hạt hoài ngọc” ví với đạo lớn bất hành, bậc thánh nhân bề ngoài thì rất bình thường nhưng bên trong thì giữ được cái thật của đạo.

Lời bình :

Chương này bản thân Lão Tử nói : “Ngôn hữu tông, sự hữu quân”. Nhưng thực ra ông không hiểu được lời nói của mình, càng không thể thực hiện được đạo của ông, do vậy Lão Tử lại càng than vãn. Đạo lớn không được truyền bá thì thánh nhân chỉ có “Bị hạt hoài ngọc”, “ngoại đồng kỳ trần”, “nội thủ kỳ chân”. Nhưng cũng chính vì bậc thánh nhân “đồng trần” mà “bất hiện”; “hoài ngọc” mà “bất hiện”, vì vậy mà càng khó biết thì lại càng tỏ ra quý trọng nó.

CHƯƠNG 71

Tri bất tri, thượng; bất tri bất tri, bệnh; thị dĩ thánh nhân bất bệnh. Dĩ kỳ bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh.

Dịch ý :

Biết mà làm ra vẻ ngu tối là thông minh; không biết mà làm ra vẻ sáng suốt là sai lầm. Sở dĩ bậc thánh nhân không có tật sai lầm đó là vì ghét bỏ tật đó, nên không có sai lầm.

Giải thích :

“Tri bất tri, thượng; bất tri bất tri, bệnh”. “Tri” là động từ. “Bất tri” là tân ngữ của “tri”. “Bất tri bất tri”, chữ “tri” của “bất tri” đầu là động từ, chữ “tri” của “bất tri” sau là tân ngữ. Người thường thì luôn cho rằng cái gì mình cũng biết, mà không thừa nhận là nhiều cái mình không biết, chỉ có những kẻ ngu xuẩn mới tự che đậy những khiếm khuyết của mình. Biết được những khiếm khuyết của mình mới là kẻ thông minh, nếu không biết những điểm yếu của mình thì thật là thiếu sót lớn.

“Thị dĩ thánh nhân bất bệnh. Dĩ kỳ bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh”. “Bất bệnh”, là nói không có khuyết điểm “bất tri bất tri”. “Bệnh bệnh”, chữ “bệnh” đầu là động từ, nghĩa là ghét bỏ, chữ “bệnh” sau là danh từ. Ý nói là : Bậc thánh nhân không có khuyết điểm “bất tri bất tri”, bởi vì các vị thánh nhân ghét bỏ nhược điểm này nên không có nó. Mấy câu này, trong nguyên tác của Vương Bật viết là “phù duy bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh.

Thánh nhân bất bệnh, di kỳ bệnh bệnh, thị di bất bệnh”. Như vậy câu cũng dài mà ý nghĩa cũng không rõ ràng. Lão Tử thì viết : “Di thánh nhân bất bệnh. Di kỳ bệnh bệnh, thị di bất bệnh”. So với câu của Vương Bật thì ngắn gọn mà ý nghĩa lại rõ ràng, cho nên sửa theo sách của Lão Tử.

Lời bình :

Nội dung chủ yếu của chương này ở hai câu đầu : “Tri bất tri, thượng; bất tri bất tri, bệnh”. Biết mình ngu dốt mới là bậc trí giả, không biết mình ngu dốt mới là ngu dốt thực sự. Khổng Tử cũng đã từng nói : “Ngô hữu tri hồ tai ? Vô tri dã”. Khổng Tử là bậc chí thánh cũng nói mình không biết gì. Chính vì vậy có thể thấy được chỉ có bậc trí giả chân chính mới hiểu được bản thân mình “vô sở tri” còn những người thường thì cả đời cũng không hiểu được.

CHƯƠNG 72

Dân bất úy uy, tắc đại uy chí. Vô hiệp kỳ sở cư, vô yếm kỳ sở sinh. Phù duy bất yếm, thị dĩ bất yếm. Thị dĩ thánh nhân tự trị bất kỳ kiến, tự ái bất tự quý. Cố khứ bì thủ thủ.

Dịch ý :

Vua chúa dùng chính sách hà khắc, bạo hình áp bức chúng dân, nếu dân chúng không sợ chính sách của vua thì ắt sẽ nổi loạn chống đối, như vậy thì sự uy hiếp lớn của chúng dân sẽ lại đến với vua. Do vậy bậc trị quốc không nên áp bức cuộc sống của dân chúng, đừng nên bó buộc sinh nhai của dân chúng. Vì không áp bức dân nên dân mới không chống lại vua. Bậc thánh nhân hiểu được vị trí của mình là đứng trên chúng dân, nên khiêm nhường không tỏ ra mình là có quyền uy. Tự mình quý trọng bản thân, không cho mình là cao hơn thiên hạ. Cho nên đã bỏ “Tự kiến”, “tự quý”, mà giữ lấy “tự trị”, “tự ái”.

Giải thích :

“Dân bất úy uy, tắc đại uy chí”. “Uy” nghĩa là uy hiếp. Chỉ sự hà khắc, nghiêm hình của chính sách nhà vua. “Đại uy” chỉ sự phản kháng, cách mạng của dân chúng. Câu này ý nói, nếu vua ~~chúa~~ dùng chính sách bạo ngược mà cai trị dân chúng, nếu dân chúng không chịu nổi thì nhất định sẽ chống lại đến khi lật đổ

chế độ thì mới thôi. Điều này đối với vua chúa xưa quả là “đại uy”.

“Vô hiệp kỳ sở cư, vô yếm kỳ sở sinh”. “Hiệp” nghĩa là trời buộc, uy hiệp. “Cư” nghĩa là sinh sống, sinh tồn. “Yếm” nghĩa là áp bức. Ý câu này nói người nắm quyền cai trị đất nước nên vứt bỏ bạo hình, hà chính, không nên áp bức, bóc lột chúng dân thì chúng dân tự sẽ nghe theo và ca ngợi.

“Phù duy bất yếm, thị dĩ bất yếm”. Chữ “yếm” đầu giống như chữ “áp”, chữ “yếm” sau giống như chữ “yếm” trong từ “thảo yếm”. Ý nói là người thống trị không áp bức dân chúng thì dân chúng tự nhiên yêu mến và quý trọng.

“Thị dĩ thánh nhân tự tri bất kỳ kiến, tự ái bất tự quý, cố khứ bỉ thù thử”. “Tự tri” nghĩa là hiểu tất cả bản thân mình. “Kiến” giống như chữ “hiện”, “tự kiến” nghĩa là tự thể hiện mình. “Tự ái” nghĩa là yêu quý bản thân. “Tự quý” tự cho rằng mình hơn người khác. “Bỉ” chỉ “tự kiến”, “tự quý”; “thử” chỉ “tự tư”, “tự ái”.

Lời bình :

Chương này cảnh tỉnh những người nắm quyền hành, cai trị chúng dân thì không thể dùng chính hà khắc, bạo ngược được. Nếu áp bức dân chúng quá đáng, khiến dân không thể sinh sống được thì ắt tới lúc dân chúng phải đứng lên chống lại chính quyền, lật đổ chế độ. Nếu người thống trị biết noi theo thánh nhân vô vi nhi sự, khiến dân chúng yên ổn làm ăn, nghề nào việc nấy thì dân chúng tự nhiên yêu quý và ủng hộ.

Không Tử đã từng nói : “Hà chính mãnh vu hồ” (Chính sách hà khắc cai trị chúng dân còn đáng sợ hơn hổ dữ). Những

ông vua bạo chúa như vua Kiệt đời nhà Hạ và vua Trụ đời nhà Thương bị giết chết, thì Mạnh Tử cho rằng là chỉ giết chết một “thất phu” chứ không coi là “thí quân” - Nguyên lý và phương pháp cai trị thiên hạ của đạo gia và nho gia có thể khác nhau, nhưng sự oán giận với chính sách bạo ngược của kẻ thống trị thì hoàn toàn giống nhau.

CHƯƠNG 73

Dũng vu cảm tắc sát, dũng vu bất cảm tắc hoạt. Thử lưỡng giả, hoặc lợi hoặc hại. Thiên chi sở ác, thực tri kỳ cố ? Thị dĩ thánh nhân do nan chi. Thiên chi thủ, bất tranh nhi thiên thắng, bất ngôn nhi thiện ứng, bất triệu nhi tự lai, thiên nhiên nhi thiện mưu. Thiên vông khôi khôi, sơ nhi bất thất.

Dịch ý :

Dũng biểu hiện cứng rắn thì chết; Dũng biểu hiện ở mềm yếu thì lại sống. Cả hai đều là dũng cảm, nhưng dũng biểu hiện mềm yếu thì có lợi, mà dũng biểu hiện cứng rắn thì có hại. Cho nên trời ghét người “dũng vu cảm” nhưng ai có thể hiểu được nguyên nhân của nó ? Do vậy bậc thánh nhân cũng khó mà nói rõ ràng được. Đạo trời không tranh mà khéo thắng, không nói mà khéo đáp, không gọi mà vạn vật tự tới, bình thản vô tâm mà khéo mưu tính mọi việc. Lưỡi trời lồng lộng, tuy thưa mà xưa nay không bao giờ lọt được.

Giải thích :

“Dũng vu cảm tắc sát, dũng vu bất cảm tắc hoạt”. “Cảm” ý nghĩa là kiên cường. “Sát” nghĩa là chết. “Bất cảm” nghĩa là nhu nhược. “Hoạt” nghĩa là sống. Chương 76 nói : “Kiên cường giả tử chi đồ, nhu nhược giả sinh chi đồ” đều có thể giải thích cho ý của hai câu này.

“Thử lưỡng giả, hoặc lợi hoặc hại. Thiên chi sở ác, thực tri

kỳ cổ ? Thị dĩ thánh nhân do nan chi”. “Lưỡng giả” chỉ “dũng vu cảm” và “dũng vu bất cảm”. “Ác” là động từ, nghĩa là ghét bỏ, chỉ nói về “dũng vu cảm”. “Nan chi” là chỉ nguyên nhân khó biết được “thiên chi sở ác”. “Thị dĩ thánh nhân do nan chi”, câu này có lẽ trùng với câu ở chương 63, vì nó không có ý liên quan tới ý nghĩa của văn trước văn sau.

“Thiên chi đạo, bất tranh nhi thiên thắng, bất ngôn nhi thiên ứng, bất triệu nhi tự lai, thiên nhiên nhi thiên mưu”. “Thắng” nghĩa là thắng lợi. Chương 22 đã nói : “Phù duy bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh”. Cho nên mới nói : “bất tranh nhi thiên thắng”. “Ứng” nghĩa là hồi ứng. *Luận ngữ* — *Dương Hóa Thiên* nói : “Thiên hà ngôn tai ? Tứ thời hành yên, bách vật sinh yên” “Tứ thời hành, bách vật sinh” chính là sự thực của “Thiên ứng”. “Tự lai” nghĩa là tự động, quy theo. Chương 35 đã nói : “Chấp đại tượng, thiên hạ vãng” cho nên mới nói là “tự lai”. “Thiên nhiên” nghĩa là rộng lớn. Câu văn sau “Thiên vãng thôi thôi, sơ nhi bất thất” chính có nghĩa là “thiên nhiên nhi thiên mưu”.

“Thiên vãng khôi khôi, sơ nhi bất thất”. “Thiên vãng” ví như phạm vi tác dụng của đạo. “Khôi khôi” nghĩa là rộng lớn. “Sơ” nghĩa là không dày, ví với đạo trời vô hình. “Bất thất” là không có gì bỏ sót. Ý nói là tác dụng của đạo trời rộng lớn vô cùng, tuy vô hình, nhưng không bỏ sót bất kỳ một sự vật nào, bất kỳ sự vật nào cũng phải chịu sự sinh thành, nuôi dưỡng của đạo trời.

Lời bình :

Nội dung chủ yếu của chương này nói về “bất tranh”, “bất

ngôn", "bất triêu", "thiên nhiên", bốn đặc tính chủ yếu của thiên đạo và "Thiện thắng", "thiện ứng", "tự lai", "thiện mưu" bốn tác dụng lớn của thiên đạo. Tuy đặc tính có bốn nhưng chung quy cũng chỉ là một "vô vi"; tác dụng có bốn nhưng chung quy lại chỉ là một "vô bất vi" mà thôi. Cho nên chủ yếu chương này nói về đại đạo "vô vi" và "vô bất vi". Hai câu mở đầu : "Dùng vu cảm tắc sát, dùng vu bất cảm tắc hoạt" là nói rõ "bất tranh nhi thiện thắng; Hai câu cuối : "Thiện vông khôì khôì, sơ nhi bất thất" là chú giải về "thiên nhiên nhi thiện mưu".

CHƯƠNG 74

Dân bất úy tử, nại hà dĩ tử cụ chi ? Nhược sử dân thường úy tử, nhi vi kỳ giả, ngô đắc chấp nhi sát chi, thực càm ? Thường hĩu ty sát giả sát, phù đại ty sát giả sát, thị vi đại đại tượng trác, phù đại đại tượng trác giả, hĩ hĩu bất thương kỳ thủ hĩ.

Dịch ý :

Dân không sợ chết thì sao lại dùng hình phạt tử hình dọa dân ? Nếu làm cho dân luôn luôn sợ chết, hơn nữa kẻ nào làm việc xấu, phạm pháp ta cũng bắt được mà giết chết thì dân chúng ai dám phạm pháp nữa ? Trong thiên hạ luôn có đáng “ty sát” chuyên lo việc chém giết vạn vật không cần con người ta làm thay nó. Nếu kẻ chém giết thay chủ trì việc chém giết thì cũng giống như người không hiểu gì về nghề mộc mà thay ông thợ mộc, thay ông thợ mộc mà đeo gọt thì ít, không những thế còn bị đứt tay.

Giải thích :

“Dân bất úy tử, nại hà dĩ tử cụ chi”. “Nại hà” nghĩa là như thế nào. “Cụ” là động tử, nghĩa là dọa nạt. Con người ta ai cũng sợ chết cả. Nhưng nếu dùng chính sách hà khắc quá đáng mà cai trị chúng dân, khiến họ không thể sinh sống, không có lối thoát thì họ cũng sẵn sàng hy sinh tính mạng của mình. Đến lúc đó thì dù vua chúa có dùng hình phạt tử hình để dọa nạt họ, cũng chẳng có tác dụng gì. Cho nên Lão Tử mới nói là : “Nại hà dĩ tử cụ chi ?”.

“Nhược sử dân thường úy tử, nhi vi kỳ giả, ngô đắc chấp

nhi sát chi, thực cầm?”. “Sử” ý nghĩa giống như chữ “nhược”. “Nhược sử” nghĩa là nếu như, “kỳ” hiểu như chữ “tà”, “vi kỳ giả” nghĩa là người làm việc xấu, việc xằng bậy. “Cầm” chỉ sự dùng cầm đầu tranh với “vi kỳ”.

“Thường hữu ty sát giả sát, phù đại ty sát giả sát, thị vị đại đại tượng trắc”. “Ty sát giả” chỉ kẻ nắm quyền sát sinh, những kẻ vô đạo. “Đại ty sát giả” chỉ ông vua bạo chúa dùng chính sách hà khắc giết hại dân chúng. “Tượng” chỉ người thợ mộc, “đại tượng” là chỉ người đứng đầu thợ mộc. “Trắc” nghĩa là gọt dẽo. Thiên đạo đối với vạn vật không gò ép cứ để vạn vật theo quy luật tự nhiên của nó, như mùa xuân thì sinh nở, mùa hè thì phát triển tươi tốt, mùa thu thì thu hoạch, mùa đông thì tàng trữ. Nếu trái với quy luật tự nhiên thì khác gì “ty sát giả” trong giới tự nhiên. Vua chúa mà thay “ty sát giả” thì cũng giống như người vụng về mà thay ông thợ mộc vậy, không những không bào gọt được đẹp mà còn đứt tay nữa, thật là chẳng lợi cho mình lại làm hại cho người khác.

Lời bình :

Chương này cảnh tỉnh những người cầm quyền không nên dùng chính sách hà khắc để cai trị, áp bức chúng dân. “Thiên vô vọng khô khô, sơ nhi bất thất”. Sự sinh sát trong giới tự nhiên đều có quy luật của nó. Nếu vạn vật thuận theo tự nhiên thì tồn tại; ngược lại thì sẽ bị diệt vong. Sự đời cũng như vậy thôi. Không thể dùng chính sách hà khắc để thay trời giết hại chúng dân. Vì những chính sách đó là do kẻ thống trị đặt ra, không hợp với quy luật tự nhiên. Chính vì không hợp với quy luật tự nhiên mà bản thân người đề ra chính sách đó cũng bị tổn thương. Cho nên nói là “tự thực kỳ quả”.

CHƯƠNG 75

Dân chi cơ, dĩ kỳ thượng thực thuế chi đa, thị dĩ cơ. Dân chi nan tử, dĩ kỳ thượng chi hữu vi, thị dĩ nan tử. Dân chi khinh tử, dĩ kỳ thượng cầu sinh chi hậu, thị dĩ khinh tử. Phù duy vô dĩ sinh vi giả, thị hiền vu quý sinh.

Dịch ý :

Dân sở dĩ đói là do nhà cầm quyền thu thuế nặng quá, cho nên dân đói. Dân sở dĩ khó trị là vì nhà cầm quyền dùng chính lệnh phiền hà làm cho dân không biết thi hành thế nào, cho nên dân khó trị. Dân sở dĩ coi thường cái chết là vì nhà cầm quyền phụng dưỡng quá hậu, làm cho dân không còn cuộc sống, nên dân coi thường sự chết. Do đó sự đạ̣m bạc, vô dục của nhà cầm quyền còn hơn cả quý sinh, hậu dưỡng.

Giải thích :

“Dân chi cơ, dĩ kỳ thượng thực thuế chi đa, thị dĩ cơ”. “Thực thuế” nghĩa là sống bằng thuế. Thu thuế quá nặng, thì làm cho dân chúng không còn cách sinh sống sẽ tạo thành nạn đói. Học trò của Khổng Tử là Nhiễm Cầu thu thuế nhà họ Lý quá nặng, Khổng Tử yêu cầu học trò phải “Minh cổ nhi công”. Mạnh Tử thì chửi bợn vua chúa thu thuế nặng là (Vua Kiệt Vua Trụ) Kiệt Trụ. Qua đó cũng thấy được sự oán ghét của hai nhà nho đối với chính sách sưu cao thuế nặng.

“Dân chi nan tử, dĩ kỳ thượng chi hữu vi, thị dĩ nan tử”.

“Hữu vi” nghĩa là lập nên những luật pháp cấm đoán và hình phạt. “Vô vi nhi dân tự hóa” (chương 57) còn “hữu vi” thì dân chúng rất khó trị.

“Dân chi khinh tử, dĩ kỳ thượng cầu sinh chi hậu, thị dĩ khinh tử”. “Khinh tử” nghĩa là coi thường sinh mạng. “Cầu sinh chi hậu” chính là “sinh sinh chi hậu” ở chương 50. Khi mà người cầm quyền “hậu sinh” (coi trọng cuộc sống) thì dân chúng lại “khinh tử” (coi thường cái chết); Ngược lại nếu bề trên diêm dã, không có ham muốn gì thì dân chúng có thể “cam kỳ thực, mỹ kỳ phục, an kỳ cư, lạc kỳ tục” rồi (chương 80).

“Phù duy vô dĩ sinh vi giả, thị hiền vu quý sinh”. “Vô dĩ sinh vi” nghĩa là không coi trọng cuộc sống. “Hiền” nghĩa là ưu, là tốt. “Quý sinh” nghĩa là coi trọng sinh mệnh mà hậu dưỡng nó. Chương 55 đã nói : “Ích sinh viết tường”. “Quý sinh” chính là “ích sinh” là sự việc không hợp với tự nhiên, chỉ bằng “vô dĩ sinh vi” cứ để nó tự thuận theo tự nhiên.

Lời bình :

Nội dung của chương này nói rõ dân chúng sở dĩ đói khát, “nan tự” và “khinh tử” là do “thực thuế chi đa” của người cầm quyền đồng thời cũng là do “hữu vi” và “cầu sinh chi hậu” của họ. “Thực thuế” là mảnh khỏe, “hữu vi” là biểu hiện mà mục đích của nó lại là ở “sinh sinh chi hậu”, cũng chính là “quý sinh”. Nhưng kết quả của “quý sinh” thì bản thân đã không ích gì mà dân chúng còn bị tổn hại. Chỉ bằng “vô dĩ sinh vi”, vô tư vô dục, mọi người cùng về với chất phác, cùng đi theo thiên đạo.

CHƯƠNG 76

Nhân chi sinh dã nhu nhược, kỳ tử dã kiên cường; Vạn vật thảo mộc chi sinh dã nhu tuyệt, kỳ tử dã khô cằn. Cố kiên cường giả tử chi đồ, nhu nhược giả sinh chi đồ. Thị dĩ binh cường tắc bất thắng, mộc cường tắc bình. Cường đại xử hạ, nhu nhược xử thượng.

Dịch ý :

Người ta khi sống thì mềm yếu mà khi chết thì cứng đờ. Thảo mộc khi sống thì mềm yếu mà khi chết thì khô cứng. Cho nên phàm là những vật cứng rắn thì cùng loài với chết, phàm là những vật mềm yếu cùng loài với sống. Vì vậy binh mạnh thì không thắng, cây cứng thì bị chặt. Cứng mạnh thì ở dưới mà mềm yếu thì lại được ở trên.

Giải thích :

“Nhân chi sinh dã nhu nhược, kỳ tử dã kiên cường. Vạn vật thảo mộc chi sinh dã nhu tuyệt, kỳ tử dã khô cằn”. “Nhu nhược” “kiên cường” là chỉ thân thể con người. “Nhu tuyệt” “khô cằn” là chỉ hình thể của cây cỏ vạn vật. Ý nói là con người và cây cỏ khi sống thì mềm yếu nhưng khi chết thì cứng lại. Lấy con người và cây cỏ làm ví dụ để nói lên một điều là mềm yếu thì sống mà cứng rắn thì chết, đó là quy luật thông thường của giới tự nhiên.

“Cố kiên cường giả tử chi đồ, nhu nhược giả sinh chi đồ”. “Đồ” nghĩa là loại, điều này là căn cứ vào con người và cây cỏ, lúc

sống thì mềm yếu mà khi chết thì khô cứng. Nguyên tắc này cũng chính có nghĩa là “dùng vu cảm tác sát, dùng vu bất cảm tác hoạt” (chương 73) đã đề cập tới.

“Thị dĩ binh cường tác bất thắng, mộc cường tác binh”. Chữ “binh” trong câu “mộc cường tác binh” là động từ, có nghĩa là chặt, là đốn. Binh lính đông mạnh thì ắt sẽ kiêu căng, do vậy mà không thể thắng địch. Trong trận “Phi thủy chi chiến”, quân đội của Phù Kiên hùng mạnh, hàng trăm vạn binh mã, thế mạnh như chẻ tre, vậy mà kết quả lại bị quân Tấn chỉ có chừng năm vạn đánh bại là một minh chứng. Cây to thì bị thợ mộc chặt đốn, xẻ làm thành đồ mộc, còn cây nhỏ thì không ai để ý, cho nên không bị chặt đốn.

“Cường đại xử hạ, nhu nhược xử thượng”. “Xử” nghĩa là ở. Lấy cây cối làm ví dụ, thân cây cứng rắn mà lại ở dưới, cành cây yếu mềm thì lại ở trên. Chương 66 đã nói : “Dĩ kỳ bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh” cũng chính là nói ý này.

Lời bình :

Chương này lấy hiện tượng tự nhiên “nhân chi sinh dã nhu nhược, kỳ tử kiên cường, vạn vật thảo mộc chi sinh dã nhu tuyệt, kỳ tử dã khô cảo” để nói lên được mặt — tốt, xấu của nhu nhược (mềm yếu) và cương cường (cứng rắn) để dạy con người ta vứt bỏ cứng rắn mà lấy yếu mềm. Rằng lợi cứng rắn mà lại bị rụng, cái lưới mềm yếu mà lại được bảo tồn, đó là điều đáng để chúng ta suy nghĩ !

CHƯƠNG 77

Thiên chi đạo, kỳ do trương cung dư, cao giả ức chi, hạ giả cử chi, hữu dư giả tổn chi, bất túc giả bổ chi. Thiên chi đạo, tổn hữu dư nhi bổ bất túc ? Nhân chi đạo, tác bất nhiên, tổn bất túc dĩ phụng hữu dư. Thực năng hữu dư dĩ phụng thiên hạ ? Duy hữu đạo giả. Thị dĩ thánh nhân vi nhi bất thị, công thành nhi bất xử, kỳ bất dục kiến hiên.

Dịch ý :

Tác dụng của thiên đạo giống như buộc dây vào cung vậy ! Dây cung ở cao quá thì hạ thấp nó xuống, ở thấp quá thì đưa nó lên, dài quá thì bỏ bớt đi, ngắn quá thì nối dây vào. Đạo trời thì bớt chỗ dư, bù chỗ thiếu. Nhưng đạo người thì không vậy, luôn bớt chỗ thiếu mà cấp cho chỗ dư. Ai có thể hành thiên đạo là lấy chỗ dư cấp cho chỗ thiếu trong thiên hạ được ? Chỉ có người đắc đạo mới làm được như vậy. Cho nên bậc thánh nhân sinh thành nuôi dưỡng vạn vật mà không cho mình là có năng lực. Thành tựu vạn vật mà không kể công, cứ vô tư vô dục tất cả thuận theo tự nhiên, không muốn biểu hiện tài đức của mình.

Giải thích :

“Thiên chi đạo, kỳ do trương cung dư”. “Do” có nghĩa là cùng. “Trương cung” nghĩa là buộc dây cung vào cung.

“Cao giả ức chi, hạ giả cử chi; hữu dư giả tổn chi, bất túc giả bổ chi”, bốn câu này nói việc điều chỉnh dây cung. Dây cao

quá thì hạ thấp xuống, nên nói là, “cao giả ức chi”, dây thấp quá thì nâng nó lên, nên nói là : “hạ giả cử chi”; dây dài quá thì bớt nó đi, nên nói là : “hữu dư gia tổn chi”; dây ngắn quá thì nối thêm vào, nên nói là : “bất túc gia bổ chi”.

“Thị dĩ thánh nhân vi nhi bất thị, công thành nhi bất xử, kỳ bất dục kiến hiện”. “Kỳ” chỉ thánh nhân. “Kiến” giống như chữ “hiện” nghĩa là biểu hiện. “Kiến hiện” nghĩa là biểu hiện tài năng và công đức. Thánh nhân vô tư vô dục, cho nên nói là “vi nhi bất thị, công thành nhi bất xử”

Lời bình :

Chương này dùng “Trương cung” để ví với sự tràn đầy và hài hòa của thiên đạo. Đó chính là “Tôn hữu dư nhi bổ bất túc”. Chỉ có bậc thánh nhân vô tư vô dục mới có thể biểu hiện thiên đạo, còn những người bình thường do có lòng tư dục mà “tôn bất túc dĩ phụng hữu dư” thể hiện trái ngược hoàn toàn với thiên đạo, đó chính là nguyên nhân vì sao Lão Tử yêu cầu con người ta phải “pháp thiên” “pháp đạo”.

CHƯƠNG 78

Thiên hạ mạc nhu nhược vu thủy, nhi công kiên cường giả mạc chi năng thắng. Dĩ kỳ vô dĩ dịch chi. Nhược nhi thắng cường, nhu nhi thắng cường, thiên hạ mạc bất tư, mạc năng hành. Thị dĩ thánh nhân vân : “Thụ quốc chi cấu, thị vị xã tắc chủ, thụ quốc bất tương, thị vị thiên hạ vương”. Chính ngôn nhược phản.

Dịch ý :

Những thứ trong thiên hạ không gì mềm bằng nước. Nhưng nước lại thắng được tất cả, vì không có vật gì thay được nước cả. Yếu thắng mạnh, mềm thắng cứng, ai cũng biết lẽ đó, nhưng không có ai thực hiện được. Cho nên bậc thánh nhân mới nói : “Chịu nhận cái ô nhục của toàn quốc thì mới làm vua thiên hạ được; chịu nhận cái tai họa của cả nước thì mới làm chủ xã tắc được”, lời hợp với đạo đó nghe như ngược đời.

Giải thích :

“Thiên hạ mạc nhu nhược vu thủy, nhi công kiên cường giả mạc chi năng thắng”. “Mạc chi năng thắng” chính là “mạc chi năng thắng chi”. “Chi” là ý nói chỉ nước. Nước ở trong thùng tròn thì tròn mà ở trong thùng vuông thì vuông, chặn lại thì nó dừng, mà mở ra thì nó chảy. Nhưng nước có thể bao quanh đời

núi, ăn mòn kim loại. Nó là vật mềm yếu nhất trên đời, nhưng sức mạnh của nó thì không gì sánh kịp.

“Dĩ kỳ vô dĩ dịch chi”. “Dĩ” nghĩa là bởi vì. “Vô dĩ” nghĩa là không thể được. “Dịch” nghĩa là thay thế. Ý nói là không có gì có thể thay thế được nước.

“Thụ quốc chi cấu, thị vị xā tác chủ; thụ quốc bất tường, thị vị thiên hạ vương”. “Cấu” chỉ những thứ như : thư, nhục, hậu, hạ v.v... “Xā tác chủ” chính là quốc vương. “Bất tường” nghĩa là không tốt đẹp — chỉ tai họa. “Thiên hạ vương” ý nghĩa cũng giống như “xā tác chủ” ở câu trên, chẳng qua chỉ là thay đổi cách nói mà thôi. Ý câu này nói là càng ở vào địa vị thấp hèn, càng chịu nhiều tủ nhục thì thành tựu lại càng lớn. Có thể chịu đựng nổi nhục của cả nước thì đương nhiên có thể thành vua của cả nước. Chương 66 nói : “Giang hải sở dĩ năng vi bách cốc vương giả, dĩ kỳ thiện hạ chi, cố năng vi bách cốc vương” cũng là nói cái ý này.

“Chính ngôn nhược phản”. “Chính ngôn” là lời nói hợp với chân lý, tương đương với “thường đạo”. Đây chính là hai câu : “Thụ quốc chi cấu, thị vị xā tác chủ, thụ quốc bất tường, thị vị thiên hạ vương” là thường đạo tự nhiên, là chí lý danh ngôn, nhưng người bình thường thì lại cho là phản ngôn. Cho nên mới nói rằng : “Chính ngôn nhược phản”.

Lời bình :

Chương này nói về tác dụng vô biên của nước, tuy thuộc tính của nước là mềm yếu nhưng sức mạnh của nó thì không gì so sánh được. Cũng qua đó nói lên đạo lý nhu nhược thắng cương

cường. Đạo lý này những người bình thường tuy biết nhưng không thể thực hành được, nguyên nhân là loại thường đạo này. nhìn bề ngoài thì hoàn toàn ngược với sự đời. Chỉ có bậc thánh nhân mới có thể noi theo thiên đạo, “thụ quốc chi cầu”, “thụ quốc bất tương”. Vì vậy mới được chúng dân yêu quý, suy tôn làm chủ xã tắc, làm vương thiên hạ được.

CHƯƠNG 79

Hòa đại oán, tất hữu dư oán. an khả dĩ vi thiện ? Thị dĩ thánh nhân chấp tả khế, nhi bất trách vu nhân. Hữu đức ty khế, vô đức ty triết. Thiên đạo vô thân, thường dữ thiện nhân.

Dịch ý :

Nếu có oán thù lớn thì giải nó đi, cũng có thể còn dư một chút, như vậy thì sao gọi là biện pháp tốt được ? Do vậy thánh nhân đối xử với mọi người thì khiêm hạ, nhã nhặn, giống như cầm bên trái tờ khế ước. Chỉ cho người khác chứ không lấy của người, như vậy thì oán hận không thể nảy sinh, ở đó cần gì phải điều giải nữa ? Người có đức đối xử với người khác cũng giống như cầm tờ khế ước vậy — Chỉ cho người khác chứ không lấy của người khác. Người không có đức đối xử với mọi người giống như người thu thuế vậy, chỉ lấy của người khác chứ không cho họ. Còn thiên đạo thì không hề tư lợi mà luôn giúp đỡ người lương thiện.

Giải thích :

“Hòa đại oán, tất hữu dư oán, an khả dĩ vi thiện ?”. “Hòa” nghĩa là điều hòa, hòa giải. “Oán” nghĩa là oán hận. “An” nghĩa là làm sao. Câu này có nghĩa là có oán hận lớn, tuy thường xuyên hòa giải nhưng vẫn còn đọng lại một chút không thể hết được, cách tốt nhất là đừng để oán hận nảy sinh.

“Thị dĩ thánh nhân chấp tả khế, nhi bất trách vu nhân”.

“Khê” là khế ước, tương đương với bản hợp đồng ngày nay, chia làm đôi mỗi bên cầm một nửa để làm tin, để sau này đôi chiều. “Ta kê” là nửa bên trái, “hữu kê” là nửa bên phải. Cũng giống như bản gốc để đưa cho người khác, còn “tả kê” thì để người khác khớp lại. Cho nên mới nói : “Chấp tả kê, nhi bất trách vu nhân”. “Trách” nghĩa là đòi hỏi.

“Hữu đức ty kê, vô đức ty triệt”. “Ty” nghĩa là nắm giữ. “Khê” là cách nói rút gọn của “tả kê”. “Triệt” là tên gọi của một loại thuế đời nhà Chu, cứ một trăm mẫu thì lấy mười mẫu. Ý nói người có đức thì cầm tờ khế bên trái chỉ cho người khác chứ không lấy của họ. Người không có đức thì giống như thu thuế vậy, chỉ thu vào chứ không cho người khác.

“Thiên đạo vô thân, thường dĩ thiện nhân”. “Thân” nghĩa là cá nhân, tư lợi. “Dĩ” nghĩa là giúp đỡ. “Thiện nhân” chỉ người trong câu văn trên “chấp tả kê nhi bất trách vu nhân” vì chỉ cho người mà không lấy của người, hoàn toàn hợp với thiên đạo trong câu “sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, trường nhi bất tề” (chương 51). do vậy thiên đạo giúp đỡ họ.

Lời bình :

Chương này nói về con người ta không nên oán hận lẫn nhau, vì dù có hòa giải thì vẫn không hết oán hận được. Cách tốt nhất là cho người khác chứ không lấy của họ, cũng giống như cầm “tả kê” vậy. Chỉ cho mà không lấy, xem ra như bị thiệt thòi, nhưng thực tế lại rất có lợi. Vì thiên hạ không tự tư tự lợi thường giúp đỡ người khác, “giúp người, người sẽ giúp ta” là vậy.

CHƯƠNG 80

Tiêu quốc quá dân, sử hữu thập bách chi khí nhi bất dụng, sử dân trọng tử nhi bất viễn tỵ. Tuy hữu chu dư, vô sở thừa chi; Tuy hữu giáp binh, vô sở trăn chi. Sử dân phục kết thăng nhi dụng chi. Cam kỳ thực, mỹ kỳ phục, an kỳ cư, lục kỳ tực. Lân quốc tương vọng, kê khuyến chi thanh tương văn, dân chi lão tử bất tương vãng lai.

Dịch ý :

Một quốc gia lý tưởng là : nước nhỏ, dân ít. Dù có khí cụ gấp chục, gấp trăm sức người cũng không dùng đến. Ai cũng coi cái chết là hệ trọng nên không đi đâu xa. Có thuyền xe mà không ngồi, có binh khí mà không bày. Bất dân chúng dùng lại lời thất dây thời thượng cổ. Đồ ăn đạm bạc mà thấy ngon, quần áo tầm thường mà cho là đẹp, nhà ở thô sơ mà vừa ý, phong tục giản dị mà lấy làm vui thích. Với các nước láng giềng gần gũi có thể nhìn thấy nhau, nước này nghe được tiếng gà tiếng chó của nước kia, mà dân chúng hai nước không hề qua lại với nhau.

Giải thích :

“Tiêu quốc quá dân, sử hữu thập bách chi khí nhi bất dụng, sử dân trọng tử nhi bất viễn tỵ”. “Quá” nghĩa là thiếu, “thập bách” là chỉ biên chế của quân đội thời xưa : 5 người gọi là “ngũ”, 10 người gọi là “thập”, 100 người gọi là “bách”. “Thập bách chi khí” là chỉ vũ khí. “Hữu thập bách chi khí nhi bất dụng” ý là

không có chiến tranh. “Trọng tử” yêu quý, luyện tiết sinh mệnh. “Ty” nghĩa là chuyên dờ. “Trọng tử nhi bất viễn” là biểu thị không có chế độ hà khắc, tàn bạo.

“Tuy hữu chu dư, vô sở thừa, tuy hữu giáp binh, vô sở trần chi”. “Chu dư” nghĩa là thuyền và xe. “Giáp binh” nghĩa là áo giáp và binh khí. “Trần” nghĩa là bày ra. “Tuy hữu chu dư, vô sở thừa chi” ứng với câu “trọng tử nhi bất viễn ty” ở trên và câu “tuy hữu giáp binh, vô sở trần chi” là ứng với câu “sư hữu thập bách chi khí nhi bất dụng” ở câu trên.

“Sử dân phục kết thành nhi dụng chi”. “Dân” nguyên tác của Vương Bật viết là “nhân” nhưng Lão Tử trong chương này đều viết là “dân”, nay ta theo Lão Tử hợp với ý sau, ý trước hơn. “Kết thành” thời xưa không có văn tự, nhân dân dùng dây để ghi lại sự việc, việc to thì kết dây to, việc nhỏ thì kết dây nhỏ. Nhiều sự việc thì kết lại thành các loại hình khác nhau, do vậy gọi là “kết thành”. Sau này có văn tự thì cách “kết thành” này dần dần mất đi. “Kết thành nhi dụng chi” ý nói là không dùng văn tự, mà quay lại thời cổ xưa, dây cũng là tư tưởng phục cổ của Lão Tử.

“Cam kỳ thực, mỹ kỳ phục, an kỳ cư, lạc kỳ tục”, những từ “cam”, “mỹ”, “an”, “lạc” đều là động từ. Ở đây không có ý nói thực là đồ ăn ngọt và quần áo đẹp mà chỉ nói cuộc sống đạm bạc của nhân dân, tuy ăn rau vẫn cảm thấy ngon; tuy mặc quần áo rách vẫn cảm thấy đẹp; tuy ở nhà tranh vách đất nhưng vẫn thấy yên ổn; phong tục tập quán tuy đơn giản, nhưng vẫn cảm thấy vui vẻ. Đây cũng chính là một cách biểu thị sự đầy đủ từ trong lòng mình.

“Lần quốc tương vọng, kê khuyến chi thanh tương văn, dân

chí lão tử bất tương vãng lai". Vì lòng dân diêm ~~đam~~ vô dục, phong tục tập quán của dân thuần hậu, chất phác, mọi người đều không có yêu cầu gì, mà tình hình của nước láng giềng cũng như vậy, cho nên khiến cho "kê khuyến chi thanh tương vãn" nhân dân cùng "lão tử bất tương vãng lai".

Lời bình :

Chương này nói cụ thể về tư tưởng của Lão Tử đối với trị quốc thì chính trị là "vô vi nhi tự" cho nên dân chúng "trọng tử nhi bất viễn tỵ", "tuy hữu xa dư, vô sở thừa chi", về quân sự thì vì không có chiến tranh, "hữu thập bách chi khí nhi bất dụng", "tuy hữu giáp binh, vô sở trồn chi", về văn hóa thì "phục kết thành nhi dụng chi" cuộc sống vật chất của dân chúng có thể còn thiếu thốn, nhưng tinh thần thì rất đầy đủ, nên tuy cuộc sống ~~đam~~ bạc mà vẫn vui cười. Quan hệ giữa các nước lân cận thì cùng chung sống hòa bình, "lân quốc tương vọng, kê khuyến chi thanh tương vãn, dân chí lão tử bất tương vãng lai". Cả thiên hạ thanh bình đó là một thế giới tràn đầy chân, thiện, mỹ.

CHƯƠNG 81

Tin ngôn bất mỹ, mỹ ngôn bất tín. Thiện giả bất biện, biện giả bất thiện. Tri giả bất bác, bác giả bất tri. Thánh nhân bất tích, kỳ dĩ vi nhân kỳ dữ hữu, kỳ dĩ dữ nhân kỳ dư đa. Thiên chi đạo, lợi nhi bất hại; thánh nhân chi đạo, vi nhi bất tranh.

Dịch ý :

Lời nói chân thực thì không hoa mỹ, lời nói hoa mỹ thì không chân thực. Người có đức thì biểu hiện đức độ của mình qua hành vi, không cần phải biện giải. Người nào phải biện giải cho mình là người không có đức. Người sáng suốt hiểu đạo thì tri thức không cần sâu rộng, người nào tri thức sâu rộng thì không sáng suốt, chưa chắc đã hiểu đạo thực chất. Bậc thánh nhân vô dục, không tích trữ, càng giúp người thì lại càng có dư, càng cho người mình lại càng có nhiều. Đạo trời chỉ có lợi cho vạn vật chứ không có hại. Bậc thánh nhân làm theo thiên đạo chỉ có giúp người mà không tranh với ai.

Giải thích :

“Tin ngôn bất mỹ, mỹ ngôn bất tín”. “Tin” nghĩa là chân thực. “Tin ngôn” nghĩa là lời nói chân thực. “Mỹ ngôn” nghĩa là lời nói hay. Khổng Tử đã từng nói : “Xảo ngôn, lệnh sắc, tiên hi nhân” (Luận ngữ - Học Nhi). Lời nói quan trọng là ở nội dung chân thực hay không chứ không phải ở chỗ nghe êm tai hay không. Nhưng người ta nói chung đều thích nghe những lời nói

hoa mỹ mà không thích nghe lời nói chân thực, đây cũng chính là vì sao mà “Trung ngôn nghịch nhĩ”.

“Thiện gia bất biện, biện gia bất thiện”. “Thiện gia” chỉ người có đức. “Biện” là tranh luận. Người có đức thì ít nói mà dùng hành động để biểu thị đạo đức của mình. Đệ tử của Không Tử là Nhan Hôi và Tăng Sâm, tuy rất hiền tài nhưng lại tỏ ra như chẳng hiểu biết gì là một ví dụ rất sinh động. Dù cho có bị oan uổng gì cũng không cần dùng lời nói để biện giải đúng sai mà phải thông qua việc làm để chứng minh. Vì việc làm bao giờ cũng có sức thuyết phục hơn lời nói.

“Tri gia bất bác, bác gia bất tri”. Đằng sau sự việc nhất định có đạo lý, một đạo lý có thể phân thành vạn sự, vạn sự cũng có thể hợp thành một lý. Cho nên biết được đạo lý thì có thể nắm được vạn vật. Chương 47 nói : “Bất xuất hộ, tư thiên hạ.” *Trang Tử — thiên hạ thiên* nói “Thông vu nhất nhĩ vạn sự tất” cũng đều là nói về ý này. Vì vậy biết đạo lý chính là hiểu biết vạn vật, ngược lại tuy biết vạn vật cũng không phải là biết thực.

“Thánh nhân bất tích, ký dĩ vi nhân kỳ dư hữu, ký dĩ dư nhân kỳ dư đa”. “Tích” nghĩa là tích tụ. “Ký” nghĩa là kết. “Vi nhân” nghĩa là giúp đỡ người khác. Lão Tử chủ trương “trùng tích” cũng như ở chương 59 đã nói : “Trùng tích đức”. Trùng tích là tích đạo và đức. “Bất tích” là tài và hóa (tài sản và hàng hóa) chính vì không tích tài và hóa mới tích được đạo và đức. Cho nên “bất tích” là thủ đoạn của “trùng tích”, “trùng tích” là mục đích của “bất tích”. “Dư hữu”, “dư đa” chính là chỉ đạo đức càng nhiều thì càng đầy.

“Thiên chi đạo, lợi nhĩ bất thiện; Thánh nhân chi đạo, vi

nhì bất tranh”. Ở chương 51 đã nói : “Sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, trưởng nhi bất tê”. Đây chính là “lợi nhi bất hại” của thiên đạo. Ở chương 9 đã nói : “Công lợi, thân thoái”. Chương 77 cũng đã nói : “Thị dĩ thánh nhân vi nhi bất thị, công thành nhi bất xư, kỳ bất dục kiến hiên”. Đây chính là “vi nhi bất tranh” của bậc thánh nhân. Cũng chính là nói theo “lợi nhi bất hại” của thiên đạo.

Lời bình :

Chương này chủ yếu nói rõ bậc thánh nhân có thể noi theo thiên đạo “lợi nhi bất hại” mà biểu hiện “vi nhi bất tranh”. Cũng chính vì không tranh mà kết quả “thiên hạ mạc năng dĩ chi tranh” (chương 66). Do vậy, “kỳ dĩ vi nhân kỳ dĩ hữu, kỳ dĩ dĩ nhân kỳ dĩ đa”. Tục ngữ có câu : “Thị giả tỵ thụ giả hữu phúc” cũng chính là nói ý này.

KẾT LUẬN

Sau khi đọc xong toàn bộ sách của Lão Tử chúng ta có nhận thức khái quát về tư tưởng của Lão Tử, nhưng mọi người đều hỏi rằng : "Tư tưởng của Lão Tử có hệ thống không ? Tư tưởng tinh thần của ông được thể hiện ở chỗ nào ? Giá trị của nó ở đâu ? Ảnh hưởng của tư tưởng Lão Tử đối với hậu thế như thế nào ? Bất kỳ người nào đã đọc sách Lão Tử và những kinh điển khác đều có những câu hỏi như trên. Do vậy chúng tôi xin nói rõ về hệ thống, tinh thần, giá trị, ảnh hưởng của tư tưởng Lão Tử theo thứ tự sau :

I. Hệ thống tư tưởng của Lão Tử.

Trong hàng trăm nhà tư tưởng thời tiên Tần, tư tưởng của Lão Tử là có hệ thống nhất, có thứ tự nhất, nay phân làm ba phần vũ trụ, nhân sinh, chính trị để chứng minh.

1. Vũ trụ luận :

Thời tiên Tần, là thời kỳ "bách già tranh minh" — là thời hoàng kim của tư tưởng học thuật. Nhưng những vấn đề mà các nhà học giả thảo luận đều tập trung ở góc độ tu dưỡng nhân sinh và phương thuật chính trị, rất ít đề cập tới vũ trụ. Chỉ có đạo gia ngoài việc nghiên cứu về nhân sinh, chính trị ra còn đi sâu vào nghiên cứu các vấn đề về vũ trụ. Trong lĩnh vực này, Lão Tử là

người đề cập tới vũ trụ nhiều nhất, vì vũ trụ luận là cơ sở tư tưởng của Lão Tử. Cũng chính vì vậy mà tư tưởng của Lão Tử sâu sắc hơn các nhà nho, mặc, danh, pháp. Vũ trụ luận của Lão Tử đại để có thể phân thành ba bộ phận : căn nguyên của vũ trụ, sinh thành của vũ trụ, và biến hoá của vũ trụ. Sau đây xin nói rõ từng bộ phận.

1/ Căn nguyên của vũ trụ.

Vũ trụ là cơ sở triết học của Lão Tử mà căn nguyên luận của vũ trụ là trung tâm của vũ trụ. Do vậy cả nền triết học của Lão Tử có thể nói là hoàn toàn ở trong căn nguyên luận này. Sau khi nắm được nó, thì rất dễ hiểu được triết học của Lão Tử.

Về căn nguyên của vũ trụ, những nhà triết học phương Tây thường lấy những vật chất như nước, lửa, gió, số, nguyên tử v.v... để chứng minh, nhưng những vật chất này quá cụ thể, quá thực tế, không bao hàm hết được vạn vật, thấu suốt được mọi vấn đề. Lão Tử đã dùng trí tuệ vô thượng để làm căn nguyên của vũ trụ. Vậy Lão Tử cho rằng căn nguyên của vũ trụ là gì ? Ở chương 25 đã nói :

“Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sinh. Tịch hề liêu hề, độc lập nhi bất cai, chu hành nhi bất đãi, kha dĩ vi thiên hạ mẫu. Ngô bất tri kỳ danh, tự chi viết đạo”.

Chương 4 nói :

“Đạo xung, nhi dụng chi hoặc bất doanh, uyên hê tự vạn vật chi tông... Ngô bất tri thù chi tử, tương đế chi tiên”.

Cái “đạo” này chính là căn nguyên của vũ trụ, là tổng nguyên lý sinh ra vạn vật. Đây là sự phát hiện vĩ đại của Lão Tử.

Đạo đã là căn nguyên của vũ trụ, là tổng nguyên lý sinh ra vạn vật, đương nhiên khác với thiên địa vạn vật. Thiên địa vạn vật là sự vật, có thể gọi nó là "Hữu"; Đạo không phải là sự vật mà là sự tồn tại của hình và tượng, nên chỉ có thể gọi nó là "Vô". Nói cho rõ hơn một chút, "vô" là thể của đạo, "hữu" là tác dụng của đạo. Nhưng thể phải có trước dụng, nên "vô" cao hơn "hữu". Ở chương 40 Lão Tử đã nói : "Thiên hạ vạn vật sinh vu hữu, hữu sinh vu vô".

"Vô" chính là đạo. Chẳng qua "vô" này là nói với "hữu" của vật cụ thể chứ không phải là số không. Đạo là tổng nguyên lý sinh ra vạn vật, sao lại là số không được ? Nếu là số không thì sao sinh ra vạn vật được ? Đạo đã không là thực thể lại không phải là không vô, vậy thì hình dáng của nó là gì ? Ở chương 14, Lão Tử đã nói "vô trạng chi trạng, vô vật chi tượng". Kỳ thực, đạo chẳng qua chỉ vượt qua hiện tượng tự nhiên mà thôi, cảm quan của chúng ta không thể nhận thức được nên Lão Tử mới nói là : "Thị chi bất kiến", "thính chi bất văn", "bác chi bất đắc" (chương 14). Nó là một loại trạng thái "Duy hoang, duy hốt" (lúc có lúc không). Câu "hữu vật hỗn thành" ở chương 25 cũng chính là chi trạng thái hỗn hợp của thể đạo. Do vậy đạo hư vô, hỗn độn, chính vì vậy mà đạo sinh ra vạn vật trong vũ trụ và trở thành cội nguồn của vạn vật.

Đạo đã vượt trên thời gian, cũng vượt qua không gian mà tồn tại. Nó coi thường sống chết thọ yếu, cũng coi thường to nhỏ rộng hẹp. Trang Tử đã từng nói về đạo như sau : "Tại thái cực chi tiên nhi bất vi cao, tại lục cực chi hạ nhi bất vi thâm, tiên thiên hạ sinh nhi bất vi cửu, trường vu thương cổ nhi bất vi lão".

Tuy đạo sinh ra vạn vật mà bản thân không hề tổn hại, hơn nữa khả năng sinh sôi thì vô cùng vô tận, không nơi nào nó không tới được. Vì vậy cho nên câu nói “Độc lập nhi bất cái, chu hành nhi bất đãi” cũng chính là nói về thể và dụng của đạo.

Đạo tồn tại trên không gian và thời gian, đương nhiên không thể dựa vào tri giác để nhận biết nó, cũng không thể dùng ngôn ngữ để gọi nó, cho nên mở đầu cuốn sách Lão Tử đã viết : “Đạo khả đạo, phi thường đạo”. Điều này cũng giống như đạo lý của Phật giáo đã nói : “Thuyết thị nhất vật tức bất trung”. Tuy chúng ta rất miến cưỡng giải thích nó nhưng cũng khó nói rõ cuối cùng nó là gì, lại sợ rằng càng giải thích thì lại càng xa đề ! Do vậy, nhận biết chân chính về đạo còn phụ thuộc vào tâm linh của mỗi người chỉ cần hiểu được ý nghĩa sâu xa của hai từ “Hồn thành”, “hoang hốt” thì sẽ hiểu rõ đặc điểm vượt qua thời gian và không gian của đạo, như vậy muốn tìm hiểu thể của đạo không phải là việc khó nữa.

2/ Sự sinh thành của vũ trụ :

Đạo là cội nguồn của vũ trụ, cội nguồn là chỉ “thể” của đạo, đạo sinh ra vạn vật ra sao, còn sự biến hóa trước sau của vạn vật là chỉ “dụng” của đạo. Cũng chính bởi vì thể của đạo cũng có tác dụng của nó, mới có thể hình thành vũ trụ, hơn nữa sự tồn tại thể của đạo mới có ý nghĩa, nếu không thì sự tồn tại thể của đạo chẳng còn ý nghĩa nữa. Do vậy sau khi nhận biết thể của đạo còn phải biết được dụng của đạo thì mới hiểu sâu sắc cơ sở triết học của Lão Tử.

a. Quá trình hình thành đạo :

"Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật" (chương 42).

Ban thờ của đạo là "vô", vậy "đạo sinh nhất" chính là "vô" sinh "hữu", "nhất" nghĩa là "hữu". "Hữu" không phải là sự vật cụ thể. Chương 40 nói : "Thiên hạ vạn vật sinh vu hữu, hữu sinh vu vô". Chương 1 nói : "Vô, danh thiên hạ chi thủy; hữu, danh vạn vật chi mẫu". Đạo từ "vô trạng chi trạng" tới giai đoạn "hữu", sau đó mới sinh vũ trụ vạn vật. "Nhất" là "hữu" vậy thì "nhất" đương nhiên cũng không phải là sự vật cụ thể. Do vậy Vương Bật gọi nó là "sô chi thủy nhị vật chi cực" (chương 39 chú).

(Trang Tử — Thiên địa thiên) cũng nói : "Thái sơ hữu vô, vô hữu vô danh, nhất chi sơ khởi, hữu nhất nhị vị hình". Nếu ví với lý và khí thì đạo là "lý", nhất là "khí". "Đạo sinh nhất" chính là lý sinh khí. Khí này là "nhất khí" trước khi âm dương chưa phân chia. "Nhị" chính là âm dương nhị khí. "Tam" là hòa khí được sinh ra bởi sự kết hợp giữa hai khí âm dương. Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam" chính là có ý nói đạo từ trạng thái hỗn độn biến thành một khí, từ một khí biến thành hai khí âm dương, rồi lại từ hai khí âm dương kết hợp với nhau sinh ra hòa khí, sau đó vạn vật được từng bước hình thành. Đó chính là sự hình thành của vũ trụ.

Sau khi sinh ra vạn vật, tức là cùng thể với vạn vật, chứa ẩn trong vạn vật, dựa vào vạn vật và nuôi dưỡng vạn vật. Nhưng, đạo nội tại trong vạn vật không gọi là "đạo" mà gọi là đức. Đạo là gốc của đức, đức là tác dụng của đạo. Đạo và đức chỉ khác nhau ở thể và dụng, không có sự khác nhau về bản chất. Đức là hiện

sinh của vạn vật cũng có nghĩa nói là vạn vật có được với đạo chính là đức. Do vậy sau khi vạn vật sinh ra, vẫn bao tồn toàn tính vốn có của đạo.

b. Nguyên tắc sinh trưởng :

Đạo sinh ra vạn vật nhưng không hề làm chúa tể vạn vật, chiếm hữu vạn vật mà hoàn toàn thuận theo tự nhiên. Lão Tử đã từng nói :

“Đại đạo phẩm hề, kỳ khả tả hữu. Vạn vật thị chi nhi sinh nhi bất tử, công thành bất danh hữu, y dương vạn vật nhi bất vi chủ” (chương 34).

“Đạo sinh chi, đức súc chi, vật hình chi, thế thành chi. Thi dĩ vạn vật mạc bất tôn đạo nhi quý đức. Đạo chi tôn, đức chi quý, phù mạc chi mệnh nhi thường tự nhiên. Cố đạo sinh chi, đức súc chi, trưởng chi, dục chi, dinh chi, độc chi, dưỡng chi, phục chi. Sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, trưởng nhi bất tể” (chương 51).

Đạo sinh ra và nuôi dưỡng vạn vật hoàn toàn là do “mạc chi mệnh nhi thường tự nhiên”. Chính vì vậy mà đạo phai thuận theo tự nhiên mới được vạn vật tôn sùng, kính trọng. Do đó hai chữ “Tự nhiên” đã trở thành nguyên tắc sinh ra vạn vật của đạo. Lão Tử nói :

“Đạo pháp tự nhiên” (chương 25).

Cái gọi là “tự nhiên” chính là “tự nhiên nhi nhiên” không hề dung tâm giáo hóa. Chính vì vậy mà vạn vật mới tự nhiên sinh thành và phát triển, hơn nữa còn gắng sức để vạn vật sinh trưởng cho nên mới nói :

“Đạo thường vô vi, nhi vô bất vi” (chương 17).

Ngược lại, nếu đạo có ý đồ và hành động ngăn cản sự hài hòa tự nhiên của vạn vật thì là kim hãm, giết hại vạn vật còn nói chi tới sinh hóa vạn vật nữa ?

3/ Sự biến hóa của vũ trụ :

Phần trên đã nói, đạo không những sinh thành vạn vật mà còn nuôi dưỡng vạn vật, hơn nữa sự sinh thành nuôi dưỡng này hoàn toàn thuận theo tự nhiên, không hề máy may có ý gì tư lợi hoặc gò ép. Ngay cả vạn vật sinh ra hay mất đi cũng đều dựa vào tính tự nhiên của đạo. Chính vì vậy nếu nói về đạo thì phải theo đạo, học đạo. Do đó Lão Tử nói :

“Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo” (chương 25).

“Không đức chi dung, duy đạo thị tông” (chương 21).

Nói rằng “pháp đạo”, “tông đạo” là không hề có ý nói vạn vật, vũ trụ là không đúng. Bởi vì vạn vật, vũ trụ chính là do đạo sinh ra và nuôi dưỡng, cho nên không thể xa rời đạo mà tự do phát triển. Kỳ thực, đạo sinh thành và nuôi dưỡng vạn vật, vạn vật pháp đạo, tông đạo cũng chính là hai mặt của một sự việc, chỉ khác là cách nói mà thôi.

Đạo chính là cội nguồn sinh thành vũ trụ, vạn vật, đồng thời cũng là phép tắc biến hóa của vũ trụ, vạn vật, về phép tắc này Lão Tử cũng đã từng nói :

“Phản giả đạo chi động” (chương 40).

“Phản” là quy luật vận hành của đạo lớn, đương nhiên cũng là phép tắc thay đổi vũ trụ vạn vật. Ý nghĩa của chữ “phản” có 3

nội dung sau :

a. Tương phản, tương thành :

Lão Tử cho rằng thể của đạo là tự nhiên độc lập, tất cả những hiện tượng trong vũ trụ đều do hình thái đối lập tương phản tạo thành. Có đẹp thì không thể không có xấu, có thiện thì không thể không có ác, cho nên Lão Tử mới nói :

“Thiên hạ giai chi mỹ chi vị mỹ, tư ác hi; giai tri thiện chi vi thiện, tri bất thiện hi” (chương 2).

Những từ đối nhau trong “đạo đức kinh” rất nhiều, ở phần *giải thích* ở chương 2 đã nêu, ở đây không nhắc lại. Vũ trụ vạn vật đương nhiên là đối lập tương phản, nhưng cũng tương bổ, tương thành. Do đó Lão Tử cũng đã từng nói :

“Hữu vô tương sinh, nan dị tương thành, trường đoản tương hình, cao hạ tương khuynh, âm thanh tương hòa, tiền hậu tương tùy” (chương 2).

“Thiện nhân giả, bất thiện nhân chi sư; bất thiện nhân giả, thiện nhân chi tử” (chương 27).

Thiện nhân là thầy của bất thiện nhân; người bất thiện là tấm gương của người thiện, đây chẳng phải là tương phản tương thành sao ? Lấy mèo và chuột làm ví dụ, giá trị của mèo là bắt chuột, giả thử trên thế giới này chuột đều chết hết thì mèo cũng chẳng còn giá trị gì nữa. Cách nói : “giảo thổ tử, tẩu cầu phanh; phi điều tận, lương cung tàng”. Cũng chính là một cách nói khác của tương thành tương phản.

b. Vận động ngược chiều :

Vạn vật trong vũ trụ đều tương phản đối lập nhau, mà Lão Tử thì lại rất coi trọng mặt trái của nó. Ở chương 39 Vương Bát đã chú rằng :

“Cao dĩ hạ vị cơ, quý dĩ tiện vi bản, hữu dĩ vô vi dụng” đã nói rõ ý nghĩa này. Nay chúng ta hãy dẫn lời của Lão Tử để chứng minh. Lão Tử nói :

“Khúc tắc toàn, uốnng tắc trực. Oa tắc doanh, tẻ tắc tân” (chương 22). Khúc, uốnng, oa, tẻ là những thứ mà mọi người đều ghét bỏ, nhưng Lão Tử thì lại cho rằng toàn, trực, doanh, tân cũng có ở trong đó, chẳng qua đạo lý này người thường không biết mà thôi. Do vậy ông mới nói rằng :

‘Hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn” (chương 7).

Khiêm nhường thì lại được suy tôn; xả thân vì người khác thì lại được bảo toàn. Điều này cũng giống như “Mãn chiêu tôn, khiêm thụ ích” của nhà nho. Do vậy Lão Tử yêu cầu con người ta phải giữ lấy cái nhu, luôn ở dưới, vô tri, giữ lấy chất phác, yêu cầu người ta ở vào mặt trái, vì mặt trái chính là con đường tắt để đạt tới mặt phải. Nói chung con người ta đều thích, theo đuổi cái đẹp, cái tốt, cái chính diện, kết quả thì lại ngược lại. Vì vậy Lão Tử nói :

“Minh đạo nhược muội, tiến đạo nhược thoái, di đạo nhược loại” (chương 41).

“Ký dĩ vi nhân kỳ dư hữu; ký dĩ dữ nhân kỳ dư đa” (chương 81).

“Tương dục hấp chi, tất cố tương chi. Tương dục nhược

chi, tất cố cường chi. Tương dục phế chi, tất cố cử chi. Tương dục đoạt chi, tất cố dĩ chi” (chương 36).

Hiểu rõ điều này thì biết được tại sao Lão Tử cần nói “nhược giả đạo chi dụng”, hơn nữa triết học của Lão Tử vì sao lại được gọi là “nhược đạo triết học”.

c. Tuần hoàn phản phúc :

“Tương phản tương thành”, “phản hướng hoạt động” là phép tắc thay đổi của vũ trụ, vạn vật, nhưng mấu chốt của phép tắc này cũng vẫn ở “tuần hoàn phản phúc”. Bởi vì sự vận động thể của đạo chính là không ngừng lặp lại. Lão Tử nói :

“Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sinh... ngô bất tri kỳ danh, tự chi viết đạo, cường vi chi danh viết đại. Đại viết thế, thế viết viễn, viễn viết phan” (chương 25).

Chính vì đạo luôn tuần hoàn, không ngừng không nghỉ mới có thể tạo thành sinh mệnh vô cùng tận, mới có thể thành quỹ đạo bình thường tuần hoàn của vạn vật, mà vũ trụ vạn vật đều do đạo sinh ra, cuối cùng cũng trở về với cội nguồn của nó — đó là đạo. Điều này cũng giống như hoa lá là do gốc rễ sinh ra, cuối cùng cũng trở về với gốc rễ, sông cả do nước tạo thành, cuối cùng cũng trở về với nước. Lão Tử nói :

“Chí hư cực, thủ tĩnh đốc. Vạn vật tịnh tác, ngô di quan phục. Phù vật vân vân, các phục quy kỳ căn; quy căn viết tĩnh, thị vị phục mệnh. Phục mệnh viết thường” (chương 16).

Thể của đạo hư vô, trầm tĩnh mà vạn vật xuất thì sống động, nhập thì trầm tĩnh. Do vậy vạn vật quy căn chính là quy về lưu tĩnh.

Đạo sinh vạn vật, từ không mà có, trở về với đạo là từ hữu trở về vô. Do vậy “quy căn” cũng là nói vạn vật quy về với bản tính của nó. Hoạt động quy căn phục mệnh này chính là quỹ đạo thông thường vận hành về thể của đạo, cũng chính là phép tắc mà vạn vật phải tuân thủ. Chính vì vậy nên mới nói rằng : “Quy căn viết tinh, thị vị phục mệnh, phục mệnh viết thường”.

“Tuần hoàn phân phúc” vừa là quy luật tự nhiên vừa là phép tắc mà vạn vật đều phải tuân thủ, ngay cả thế giới con người và giới tự nhiên cũng vậy. Do đó Lão Tử đã từng nói :

“Họa hề phúc chi sở ý, phúc hề họa chi sở phục” (chương 58).

“Chính phục vi kỳ, thiện vi yêu” (chương 58).

Nho gia cho rằng “bóc cực tất phục”. “Khổ cực thái lai” cũng giống như điều này vậy. Đây là điều huyền diệu của vũ trụ, nhưng cũng chính là quỹ đạo bất biến.

2. Triết học nhân sinh :

Phần trên chúng ta đã nêu : vạn vật phải vận động theo đạo, con người là trung tâm của vạn vật, đương nhiên cũng phải hành theo đạo.

Do đó cả triết học nhân sinh của Lão Tử qua là biểu hiện của vũ trụ luận. Nếu quy kết nó lại thì cũng chỉ là một câu “tự nhiên vô vi” mà thôi. Làm theo câu nói này thì mọi người có thể tự hòa vào với đạo, tự hợp với tự nhiên. Có thể phân ra mấy cách cụ thể sau :

- (1) Giữ gìn chất phác.

Chất phác là bản chất của đạo. Giữ gìn chất phác chính là tinh thần giữ cái chân, cái thật, giữ gìn cái bản tính tự nhiên để khỏi bị sự vật bên ngoài che lấp. Sa vào sở thích của bản thân mà xa rời đạo đức, đi đến xã hội hỗn loạn, đời thường bị xáo trộn. Vì vậy Lão Tử đã nói :

“Đôn hê kỳ nhược phác” (chương 15).

“Kiến tổ bảo phác” (chương 19).

“Phục quy vu phác” (chương 28).

Trong sách Lão Tử thường dùng từ “anh nhi” để ví với sự ngây thơ. Vì loài người khi còn trẻ thơ là giữ vẻ ngây thơ và chất phác nhất. Vì vậy Lão Tử nói :

“Chuyên khí chí nhu, năng anh nhi hồ !” (chương 10).

“Thường đức bất ly, phục quy vu anh nhi” (chương 28).

“Hàm đức chi hậu, tỷ vu xích tử” (chương 55).

Anh nhi không hiểu biết gì, ngây thơ tự nhiên, không thể gọi là thiện cũng không gọi là ác, đó chẳng phải là ranh giới của cực chân cực phác sao ?

(2) Khinh lợi quả dục.

Đạo tính của con người dễ bị ngoại vật che lấp, ngoại vật này là gì ? Đó là không ngoài danh lợi, của cải, nhan sắc, khuyến mã. Đương nhiên bất kỳ thứ gì cũng làm cho con người ta bị mê hoặc, say đắm, huống hồ như con người luôn luôn đòi hỏi, hơn nữa nhu cầu lại không có giới hạn. Kỳ thực, bình tâm mà nghĩ lại xem những thứ này có thực đáng dè cho ta theo đuổi không ? Lấy danh lợi của cải làm ví dụ, có cái nào lại không cần thiết cho con

người cơ chứ ? Nếu cho rằng quá trình theo đuổi bản thân có hứng thú, hoặc lấy những thứ đó làm niềm vui thì cũng chỉ khiến cho người ta say đắm nhất thời mà thôi. Thử nghĩ coi, nếu một ngày nào đó mất hết những danh lợi, của cải đó thì liệu có còn niềm vui nữa không ? Nếu hồi tưởng lại sự vui sướng nhất thời khi vừa mới theo đuổi được thì thân thể và tinh thần đều mệt mỏi, e rằng hối hận cũng không kịp. Chà trách nào mà Lão Tử phải la lên rằng :

“Danh dĩ thân thực thân ? Thân dữ hóa thực đa ?” (chương 44).

Hướng chi dù có đạt được, cũng chưa chắc được hưởng thụ lâu dài, biết đâu lại mang thêm tai họa nữa ! Do vậy Lão Tử mới cảnh tỉnh rằng :

“Kim ngọc mãn đường, mạc chi năng thủ, phú quý nhi kiêu, tị di kỳ cữu” (chương 9).

Danh lợi của cải cũng vậy, mà nhan sắc khuyến mãi cũng vậy. Vốn là ăn, uống, nghe, nhìn, mặt nào cũng có nhu cầu cơ bản của nó, thỏa mãn là được rồi, nếu quá nhiều thì lại không có lợi, mà lại là hại. Lão Tử từng nói :

“Ngũ sắc lệnh nhân mục manh, ngũ âm lệnh nhân nhĩ lung, ngũ vị lệnh nhân khẩu sảng, tứ sinh điền liệt, lệnh nhân tâm phát cuồng” (chương 12).

“Thánh nhân vị phúc bất vị mục” (chương 12).

Nói về “vị phúc bất vị mục” chính là chỉ thỏa mãn yêu cầu về mặt sinh lý, không quá tham lam. Như vậy thì không những thân thể khỏe mạnh mà tinh thần cũng minh mẫn. Nếu người nào

đó mà quá tham lam thì không những bản thân gặp tổn hại mà xã hội cũng thêm hỗn loạn, thật là điều tai hại quá.

Dương nhiên của cái là những thứ không thể thiếu trong cuộc sống của con người, đồ ăn uống là những thứ không thiếu cho cơ thể. Nhưng người ta biết thế nào là đủ, không quá tham lam thì dừng lại đúng mức.

Đây là tư tưởng của Lão Tử :

“Thieu tư qua dục” (chương 19).

“Tri túc bất tâm, tri chi bất dãi, khả dĩ trường cửu” (chương 44).

Chính vì biết “qua dục”, “tri túc”, “tri chi” mà nghĩ gì mới được nấy. Phải biết rằng :

“Họa mạc đại vu bất tri túc, cửu mạc đại vu dục dắc” (chương 46).

Tham lam quá mức, không những không thu được điều mong muốn mà ngược lại chuốc thêm tai họa ! Ngoài việc biết thế nào là đủ ra thì câu nói “khinh lợi quả dục” còn có ý nghĩa khác nữa, đó là trong quá trình theo đuổi phải tự nhiên dừng quá miễn cưỡng. Nếu coi nhẹ một trong hai ý nghĩa này thì tai hại vô cùng.

(3) Tuyệt xảo khí trí.

Con người ta ngoài những thứ bị che lấp như của cải, danh vọng ra thì sự tham lam của bản thân cũng khiến cho con người ta đi vào con đường sai trái, mà sự thông minh của ý chí lại chính là biểu hiện sự trí xảo của con người. Nói chung người ta thích tỏ ra mình là thông minh, nếu không thì không thu được thành

tích. Nhưng họ lại không biết rằng kết quả sẽ ngược lại, xã hội sẽ hỗn loạn bất an, bản thân suốt ngày cũng không yên ổn.

Do vậy Lão Tử nói :

“Trí tuệ xuất, hữu đại ngu” (chương 18).

“Tuyệt thánh khí trí, dân lợi bách bội” (chương 19).

Nếu theo đuổi quá đáng tài trí của bản thân, càng theo đuổi thì trí tuệ càng kém phát triển, thậm chí còn bị người khác lợi dụng, hơn thế nữa còn làm hại tới xã hội, chả thế mà Lão Tử phải nói rằng : “Trí tuệ xuất, hữu đại ngu”. Như vậy thì thà chẳng có trí tuệ còn tốt hơn.

Kỹ xảo cũng vậy thôi, càng giỏi thì cạnh tranh càng nhiều, cướp phá đạo tặc xuất hiện. Vì vậy Lão Tử nói :

“Tuyệt xảo khí lợi, đạo tặc vô hữu” (chương 19).

Lão Tử phản đối trí xảo, nhưng cũng không muốn người ta biến thành thằng ngốc, chỉ muốn người ta không làm xằng bậy mà cứ thuận theo tự nhiên. Câu “đại xảo nhược chuyết” (chương 45) cũng chính là nói ý này. Tuân Tử cũng đã từng nói : “Đại xảo tại sở bất vi, đại trí tại sở bất lự” (Thiên Luận) cũng rất giống với ý kiến của Lão Tử. Qua đó cũng thấy được quan điểm triết học của các ông cũng gần giống nhau.

(4) Chí hư thủ tĩnh.

Cuốn *Hàn thư* — *Nghệ văn chí* chưa từ lược tự của Ban Cố đã thuật lại đạo gia rằng :

“Thanh hư dĩ tự thủ, ty nhược dĩ tự trị, thử kỳ sở trường dã”.

“Thanh hư” chính là “hư tĩnh”. Hư tĩnh là đặc điểm của đạo gia, chúng ta biết rằng thể của đạo vốn là hư tĩnh, con người ta thể hiện đạo, làm theo đạo tự nhiên phải giữ hư tĩnh. Lão Tử đã nói :

“Chỉ hư cực, thu kính đốc, Vạn vật tịnh tác, ngộ dĩ quan phục” (chương 16).

Tâm linh của con người ta vốn là hư tĩnh, nhưng luôn cho giấu những dục vọng, tư lợi nên luôn rối loạn. Do vậy phải “chỉ hư”, “thu tĩnh”, gạt bỏ tư dục, làm cho lòng mình trở về với hư tĩnh là bản tính vốn có của nó, rồi sau đó mới có thể nhận biết được sự thay đổi của vạn vật, mới có thể hiểu đạo, mới có thể tu đạo được. Trong *Tuân Tử — Luận tu tâm* cũng đã nói : “Hư nhất nhi tĩnh vị chi đại thanh minh” (giai tế thiên). Qua đó cũng thấy thực ra hư tĩnh không những được đạo gia coi trọng mà nho gia cũng rất coi trọng.

Tĩnh không chỉ có thể nhìn nhận, quan sát mà còn có thể thắng được nóng nẩy, hiếu động, câu nói “đi tĩnh chế động” là có ý vậy. Cho nên Lão Tử mới nói :

“Trọng vi kinh căn, tĩnh vi táo quân” (chương 26).

“Tân thường đi tĩnh thắng mẫu” (chương 61).

Hư không những có thể được thu nhận mà cũng có thể thắng bản thân mình, thắng mọi sự vật. Câu nói “hư hoài nhược cốc” là có ý vậy. Cho nên Lão Tử nói rằng :

“Thượng đức nhược cốc” (chương 41).

“Đại doanh nhược xung, kỳ dụng bất cùng” (chương 45).

Hư tính có nhiều ưu điểm như vậy, chớ vậy mà Lão Tử có vũ mọi người "chỉ hư cực, thu kính đức".

(5) Vô tư bất tranh.

Những điều về chân thật, chất phác, hư tính đại dè là chỉ nói về tu dưỡng bản thân. Ngay cả cách xử sự Lão Tử cũng nói rất rõ ràng. Tóm lại có thể phân thành hai nội dung lớn : về mặt đối xử với con người thì phải vô tư vô ngã, ti nhược bất tranh; về mặt đối xử với vật thì phải vô vi tự nhiên, không kiêu căng. Trước hết nói về cách đối xử với con người.

Xã hội là thể tổng hòa của con người, xã hội hỗn loạn là do mâu thuẫn con người với con người và cũng chính là do con người. Do vậy muốn dẹp được mâu thuẫn thì trước hết phải dẹp bỏ tranh giành giữa con người, dẹp bỏ tính tự tư tự lợi. Do con người có tính tự lợi, nên gần thì cố chấp, chỉ cho mình là phải, chỉ biết cái lợi ban thân, xa thì tranh giành của cải, quyền lợi lẫn nhau. Như vậy thì xã hội tránh sao khỏi hỗn loạn được ? Do vậy về mặt đối xử với con người của Lão Tử, trước hết nêu ra vấn đề là "vô tư, vô ngã". Ông nói :

"Ngô sở dĩ hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân, cập ngô vô thân, ngô hữu hà hoạn" (chương 13). "Vô thân" ở đây chính là vô ngã, vô tư. Người ta được như vậy không chỉ yên thân mà cũng không làm ảnh hưởng tới xã hội thì có niềm vui nào mà không làm cơ chứ ? Với tiền đề vô ngã vô tư, thái độ đối xử với người khác mà Lão Tử quan tâm chính là nhu nhược bất tranh, ông nói :

"Thượng thiện nhược thủy. Thủy thiện lợi vạn vật nhi bất tranh, xử chúng dân chi sơ ố, cổ cơ vu đạo" (chương 8).

“Giang hải sơ dĩ năng vi bách cốc vương giả, dĩ kỳ thiên hạ chi, cố năng vi bách cốc vương” (chương 66).

“Ngã hữu tam bảo, từ nhi bảo chi, nhất viết từ, nhị viết kiệm, tam viết bất cam vi thiên hạ tiên” (chương 67).

“Bất cam vi thiên hạ tiên” chính là “bất tranh”. Kết quả của bất tranh là “thiên hạ mạc năng dữ chi tranh”. Lão Tử hiểu rất rõ đạo lý trong đó nên nói rằng :

“Thánh nhân hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn, phi dĩ kỳ vô tư da ? Cố năng thành kỳ tử” (chương 7).

Công dụng của khiêm hạ bất tranh rõ ràng như thế mà sao người ta làm gì phải tư lợi cơ chứ ? Chỉ cần thuận theo tự nhiên, thì có thể vừa lợi người vừa lợi bản thân.

(6) Vô vi bất cưỡng.

Tranh công hám lợi là nhược điểm mà mọi người thường mắc phải. Kết quả là khó mà thành công lại còn dẫn tới thất bại. Nguyên nhân của nó là mối quan hệ quá “hữu vi”. Lão Tử đã nói :

“Vi giả bại chi, chấp giả thất chi” (chương 65), lập nên công danh sự nghiệp thì phải nghĩ vô bại vô thất, chỉ có tự nhiên vô vi, thuận theo thời thế, nên làm thì làm, nên dừng thì dừng. Đó cũng chính là phải “vô vi, sự vô sự” (chương 63). Chỉ có thuận theo tự nhiên “vô vi”, “vô sự” thì mới không thất bại, mới có thể tạo nên sự nghiệp vĩ đại, vĩnh hằng. Hãy thử xem những câu sau :

“Thánh nhân vô vi, cố vô bại; vô chấp, cố vô thất” (chương 64).

“Bất ngôn chi giáo, vô vi chi, thiên hạ hi cập chi” (chương 43).

Con người ta ngoài hiếu lợi tranh công, biểu hiện hữu vi ra, còn thích khoe khoang, kiêu căng, tự phụ thì kết quả nhất định sẽ vô công vô lao. Vì vừa vô công lại vừa kiêu căng cho nên mọi người mới ghét bỏ; Hữu công mà kiêu căng cũng sẽ hạ thấp công lao của mình. Cho nên Lão Tử nói :

“Tự kiến gia bất minh, tự thị gia bất chương, tự phạt gia vô công, tự căng gia bất trường” (chương 24).

Ngược lại :

“Bất tự kiến, cố minh; bất tự thị, cố chương; bất tự phạt, cố hữu công; bất tự căng, cố trường” (chương 22).

“Tự căng gia bất trường”, “bất tự căng, cố trường” chính là cách nói khác của câu “mân chiêu tôn, khiêm thụ ích”. Kiêu căng tự phụ, tự khoe công đức, hữu ngã hữu tư đều không hợp với đạo. Cho nên kết quả của nó tất dẫn đến tự mình phủ định tất cả. Nếu không kể công, không khoe đức, vô ngã vô tư thì cuối cùng công đức đều có được. Tấm gương Phùng Dị thời Hậu Hán là một ví dụ điển hình.

Do vậy Lão Tử nói :

“Công thành nhi bất cư, Phù duy bất cư, thị dĩ bất khứ” (chương 2).

3. Tư tưởng chính trị.

Trong cuốn sách *Lý tưởng quốc* của nhà triết học Hy Lạp đã biểu hiện tư tưởng chính trị của ông. Lão Tử tuy không có tác

phẩm chuyên tác như vậy nhưng cũng có lý tưởng quốc của mình. Lý tưởng chính trị của Lão Tử, biểu hiện cụ thể ở trong chương thứ 80 của *Đạo đức kinh*, nguyên văn như sau :

“Tiêu quốc qua dân, sử hữu thập bách chi khí nhi bất dụng, sử dân trọng tử nhi bất viễn tỵ. Tuy hữu chu dư, vô sở thừa chi. Tuy hữu giáp binh, vô sở trồn chi. Sử nhân phục kết thành nhi dụng chi. Cam kỳ thực, mỹ kỳ phục, an kỳ cư, lạc kỳ tực. Lâm quốc tương vọng, kê khuyến chi thanh tương vãn, dân chi lão tử bất tương vãng lai”.

Trong một đất nước như vậy, không có hà chính, không có chiến tranh. Nhân dân thuần phác, cuộc sống đơn giản, nhưng ăn ngon mặc đẹp, an cư lạc nghiệp, không phải bôn ba, lao động cực nhọc, cũng không có sợ hãi, phiền não, đó là một thế giới vô cùng tốt đẹp, đó là một thế giới “đào nguyên”. Nỗi sợ hãi sẽ mãi mãi không có trên thế gian này, cũng giống như thế giới chỉ có hạnh phúc khiến người ta hăm mộ, theo đuổi.

Nguyên nhân không thực hiện được nước lý tưởng là do chủ quan và khách quan. Chủ quan là do con người ta tự tư, đa dục; khách quan là do con người ta ngày càng đông, môi quan hệ ngày càng phức tạp, và kỹ xảo tri thức ngày càng “tiến bộ”. Do đó muốn thực hiện lý tưởng quốc, trước tiên phải khắc phục trở ngại khách quan và chủ quan. Mà lý luận chính trị của Lão Tử được hình thành để khắc phục những trở ngại này.

(1) Thu đạo bao nhất.

Đạo là cội nguồn của vũ trụ vạn vật, cũng là những quy tắc biến hóa của vũ trụ vạn vật. Đối nhân xử thế cần phải lấy đó làm

quy phạm. Chính trị đương nhiên cũng cần lấy nó làm nguyên tắc chỉ đạo tối cao. Cho nên điều quan trọng đầu tiên của nhà chính trị là giữ lấy đạo. Lão Tử từng nói :

“Đạo thường vô vi nhi vô bất vi. hâu vương nhược năng câu thu chi, vạn vật tương tự hóa”. (chương 37).

Ông lại nói : “Hậu vương nhược năng thu chi, vạn vật tương tự tàn” (chương 32).

Nhà chính trị giữ đạo theo tự nhiên là phải, nhưng vì sao lại còn phải “bao nhất”? Vốn dĩ “nhất” là do đạo sinh ra, nhưng lại là “số chi thủy nhi vật chi cực” (Vương Bật chú) vì vậy lại có thể thay thế đạo. “Bao nhất” chính là “bao đạo”. Lão Tử từng nói :

“Thị dĩ thánh nhân bao nhất vi thiên hạ thức” (chương 22).

“Hậu vương đắc nhất dĩ vi thiên hạ” (chương 39).

Thu đạo bao nhất chi là nguyên tắc của chính trị, ngay cả phương pháp của chính trị cũng có mấy điểm.

(2) Vô vi tự hóa.

Cái gọi là “vô vi” không phải là nhất vô tác vi, mà là thuận theo tự nhiên, không làm điều xằng bậy. Vô vi là thủ đoạn, tự hóa lại là mục đích. Lão Tử nói :

“Ngã vô vi nhi dân tự hóa, ngã hiếu tĩnh nhi dân tự chính, ngã vô vi nhi dân tự phú, ngã vô dục nhi dân tự phác” (chương 57).

Bởi vì sự sáng sinh của vũ trụ vạn vật, sự hài hòa của thiên nhiên chỉ có dựa theo đạo, thuận theo tự nhiên thì mới tốt đẹp. Việc trị nhân cũng giống vậy, mỗi người đều có tính đạo, cũng

chính là mọi người đều có năng lực tự trị vì bề trên của mình, nhưng muốn cho vạn vật tự hóa mọi người không can thiệp vào. Ở chương 64 đã nói : “Trợ vạn vật chi tự nhiên, nhi bất vi cảm” chính là điều minh chứng tốt nhất.

Theo Lão Tử thì “thiên hạ thần khí, bất khả vi dã, bất khả chấp dã” (chương 29). Nhà chính trị tài ba hiểu được đạo lý này cho nên “trị đại quốc, nhược phan tiểu tiên” (chương 60). Chỉ “xử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo” (chương 2) mà bản thân “thường vô tâm, dĩ bách tính tâm vi tâm” (chương 49). “Vô giáp kỳ sở cư, vô yếm kỳ sở sinh” (chương 72), khiến cho dân chúng “bất tri hữu chi” (chương 17). Đợi đến khi công thành sự toại, thì dân chúng đều nói rằng : “Ngã tự nhiên” (chương 17) như vậy là hoàn toàn đạt được mục đích “tự hóa” rồi.

Nếu không hiểu đạo lý này, mà làm điều xằng bậy, thì kết quả không chỉ “nhất sự vô thành” mà còn có thể nhận được kết quả ngược lại. Cho nên Lão Tử nói :

“Dân chi nan tự, dĩ kỳ thượng chi hữu vi, thị dĩ nan tự” (chương 75).

“Vi giả bại chi, chấp giả thất chi” (chương 29).

(3) Vô trí thủ phúc.

Tư tưởng chính trị của Lão Tử là chủ trương “thủ đạo vô vi” đương nhiên phản đối “nhiệm dụng tư trí”. Ông nói :

“Dĩ trí trị quốc, quốc chi tặc; bất dĩ trí trị quốc, quốc chi phúc” (chương 65).

Qua đó ta thấy được ông rất ghét việc những nhà chính trị

dùng trí trị quốc. Ông lại nói :

“Tuyệt thánh khí trí, dân lợi bách bội” (chương 19).

“Ái quốc trị dân, năng vô trí hồ ?” (chương 10).

Lão Tử ghét những người dùng trí trị quốc như vậy là vì “Trí tuệ xuất, hữu đại ngu” (chương 18).

Trí xảo sẽ sinh ra giả dối, mà trái với giả dối là chân thật. Lão Tử phản đối việc dùng trí xảo để trị quốc, đương nhiên ông chủ trương dùng chân thật để trị dân. Cho nên ông nói :

“Phác tán tác vi khí, thánh nhân dụng chi, tắc vi quan tượng” (chương 28).

“Hóa nhi dục tác, ngô tương trấn chi dĩ vô danh chi phái” (chương 37).

Lão Tử không chỉ chủ trương người trị quốc vô trí thủ phác mà ngay cả chúng dân cũng phải như vậy, ông nói :

“Thị dĩ thánh nhân chi trị, thường sử dân vô trí vô dục” (chương 3).

“Bách tính giai chú kỳ nhĩ mục, thánh nhân giai hài chi” (chương 49).

Anh nhi là đứa trẻ ngây thơ, thuần phác nhất. Dân chúng cũng giống như anh nhi vậy, người trị quốc đối xử với dân chúng thì “như bảo xích tử”. Vua chúa và chúng dân đều thuận theo tự nhiên, không hề có chút tư lợi thì đó chẳng phải là điều lý tưởng sao ?

(4) Khiêm hạ thoái nhượng.

Khiêm hạ thoái nhượng là một trong những phương pháp trị vì thiên hạ của Lão Tử. Người có địa vị càng cao thì lại càng phải khiêm nhượng, như vậy mới có thể “cao nhi bất hiểm”, “trường thư kỳ quý”. Trên đời này không gì cao bằng thiên thể. *Thi Kinh* — *Tiểu nhã chính nguyệt thiên* nói : “Vị thiên cái cao, bất cảm bất cực”. Thiên thể cao, do đó phải thấp người xuống. Nhân pháp thiên, địa vị càng cao thì càng phải khiêm nhượng. Do đó Lão Tử nói :

“Thụ quốc chi cấu, thị vị xã tắc chủ; thụ quốc bất tường, thị vị thiên hạ vương” (chương 78).

Trên thế giới này, sông biển là thấp nhất, Lão Tử đã dùng sông biển để ví rằng : “Giang hải sở dĩ năng vi bách cốc vương giả, dĩ kỳ thiện hạ chi, cố năng vi bách cốc vương. Thị dĩ dục thượng dân, tất dĩ ngôn hạ chi; dục tiên dân, tất dĩ thân hậu chi” (chương 66).

Cô, quả, bất cốc, là những từ mà mọi người đều ghét bỏ, nhưng vương công thì lại dùng nó để xưng hô mình. Lão Tử nói :

“Nhân chi sở ố, duy cô, quả, bất cốc, nhi vương công vi xưng” (chương 41).

“Quý dĩ tiện vi bản, cao dĩ hạ vi cơ, thị dĩ hầu vương tự xưng cô, quả, bất cốc” (chương 39).

Bậc vua chúa khiêm hạ thoái nhượng, không chỉ giữ được địa vị lâu dài mà còn có thể sai khiến và lợi dụng chúng dân. Lão Tử nói :

“Thiện dụng nhân giả vi chi hạ” (chương 68).

Lưu Bị ba lần tới lều tranh mời Gia Cát Khổng Minh và nghe theo mưu kế của Khổng Minh, kết quả giành được một phần ba thiên hạ. Phù Kiên giành được Vương Mạnh từ trong đám cỏ, sủng ái, trọng dụng kết quả là có được nửa thiên hạ. Đó là những ví dụ chứng minh thực tế về “Thiện dụng nhân giả vi hạ”.

II. Tinh thần của tư tưởng Lão Tử.

Tuy tư tưởng của Lão Tử lấy “đạo” làm cơ sở, nhưng tinh thần của tư tưởng ông lại ở hai chữ “Tự nhiên”. Triết học nhân sinh của ông và tư tưởng chính trị của ông cố nhiên là lấy tự nhiên làm gốc, vũ trụ luận của ông cũng lấy tự nhiên làm phép tắc. Cho nên nếu chúng ta nói triết học của Lão Tử là “triết học tự nhiên” thì e rằng không xác đáng.

Lão Tử nói : “Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp đạo, đạo pháp tự nhiên” (chương 25). Đạo là cội nguồn sáng sinh ra vũ trụ vạn vật, cho nên người, thiên địa đều phải pháp “đạo”, nhưng đạo không phải không có quy luật, làm gì cũng được mà nó phải theo tự nhiên, đương nhiên là chúng ta không nói trên đạo còn có vật cao hơn gọi là “tự nhiên”, bởi vì như vậy thì sẽ làm rối loạn hệ thống tư tưởng của Lão Tử. Tự nhiên là “tự nhiên nhi nhiên”, là tự nhiên như vậy, nó là tinh thần của đạo, là bộ phận chủ yếu nhất trong những đặc tính vốn có của đạo. Chương 51 đã nói : “Đạo chi tôn, đức chi quý, phù mạc chi mệnh nhi thường tự nhiên”. Sở dĩ “đạo” và “đức” được vạn vật tôn sùng chính là ở sự “tự nhiên” thường pháp của nó. Từ đó thấy được giá trị của đạo và đức chính là ở “tự nhiên”, nếu không lấy tự nhiên làm phép tắc thì “đạo” và “đức” sẽ mất đi giá trị của nó. Do vậy mới nói rằng : “Vạn vật thị chi nhi sinh nhi bất tử, công thành bất danh

quá tiêu cực, không thích hợp với thời đại cạnh tranh kịch liệt : “Ưu thắng liệt bại, thích giả sinh tồn”. Kỳ thực Lão Tử chủ trương “nhu nhược” không phải theo đuổi nhu nhược bản thân mà là “nhu nhược thắng cương cường” (chương 66), “nhu nhược giả sinh chi đồ” (chương 76) mới chủ trương “nhu nhược”. Nhu nhược là thủ đoạn, cương cường là mục đích. Do vậy ông nói : “Thu nhu viết cường” (chương 52). Chúng ta thấy bão lớn có thể làm đổ cây, bạt núi, nhưng lại không thể nhổ được một gốc cỏ, vì cỏ yếu mềm mà tồn tại được. Chúng ta cũng thấy “Thiên hạ mạc nhu nhược vu thủy, nhi công kiên cường giả mạc chi năng thắng” (chương 78) Nhu nhược đắc sinh, nhu nhược thắng cương cường, đây chẳng phải là đạo lý rất rõ ràng sao ? Nhìn bề ngoài thấy cương cường liền cho là mạnh, bề ngoài mạnh thực tế chưa chắc đã mạnh, lúc này mạnh, lúc khác chưa chắc đã mạnh. Cái gọi là “Binh cường tắc thắng, mộc cường tắc binh” (chương 76); “Nhân chi sinh dã nhu nhược, kỳ tử dã kiên cường” (đồng thượng) chính là đạo lý này. Trong nhu nhược có bao hàm nhân tố cương cường, lại thêm “nhu năng khắc cương, nhược năng thắng cường” cho nên Lão Tử vứt bỏ cương cường bề ngoài mà lấy nhu nhược cứng rắn bên trong. Nhưng điều này phải nhìn qua bề ngoài mềm yếu mới thấy được, người thường nhân quan hạn hẹp thì đương nhiên không nhìn thấy được. Với tầm nhìn “vô thượng” của Lão Tử thì mới nhìn thấy mặt phải, mặt trái của sự vật được. Cho nên mới thấy được những điều mà người bình thường không thể thấy. Nói lên những điều khác với người thường. Qua đó ta thấy tư tưởng của Lão Tử không phải là tiêu cực, không chỉ không phải là tiêu cực mà còn là vượt qua cả tích cực nữa. Chủ trương “thủ nhược” là vậy, những chủ trương khác như “vô vi”, “vô dục” v.v.... cũng

đều giống vậy, những chủ trương này đều là “chính ngôn”, “tiến đạo” nhưng xem ra thì cứ như “nhược phân”, “nhược thoái” vậy.

Tư tưởng triết học “hình nhi thượng” sâu kín, giới hạn cao rộng, “Chính ngôn nhược phân” “Tiến đạo nhược thoái” của triết học nhân sinh là hai đặc điểm lớn của triết học Lão Tử, cũng là giá trị đặc biệt vốn có của tư tưởng Lão Tử.

IV. Ảnh hưởng của tư tưởng Lão Tử.

Ảnh hưởng của tư tưởng Lão Tử đã rộng lại xa. Ta có thể nêu lên ba mặt : Tư tưởng học thuật, chính trị và văn học để hiểu rõ thêm.

1. Tư tưởng học thuật.

Ảnh hưởng của Lão Tử về mặt tư tưởng học thuật sớm nhất là các nhà tư tưởng thời tiền Tần, kể đến là văn học Ngụy Tấn, rồi tới Phật học và sau cùng là lý học đời Tống.

a. Các nhà tư tưởng thời tiền Tần :

Các nhà tư tưởng thời tiền Tần là chịu ảnh hưởng tư tưởng của Lão Tử sâu sắc nhất, trước hết phải kể đến Trang Tử *Sử ký* — *Trang Chu truyện* nói : “Kỳ học vô sở bất khuy, nhiên kỳ yếu quy bản vu Lão Tử chi ngôn, dĩ để huy Khổng Tử chi đồ, dĩ minh Lão Tử chi thuật”. Toàn bộ sách của Trang Tử có thể nói đều xuyên suốt tư tưởng Lão Tử, trong sách dẫn nhiều chữ của Lão Tử, ngoại thiên dẫn 19 lần, tạp thiên dẫn 5 lần, nội thiên tuy không dẫn, nhưng nhắc tên Lão Tử tổng cộng 3 lần. Qua đó ta thấy tư tưởng của Lão Tử và Trang Tử có quan hệ với nhau.

Kế theo là Thân Bất Hại, Hàn Phi, trong cuốn *Lão Trang*

Thân Hàn liệt truyện đã viết : “Thân tử chi học, bản vu Hoàng Lão, nhi chủ hình danh” lại nói : “Hàn Phi hỉ danh pháp thuật chi học, nhi kỳ quy bản vu Hoàng lão”.

Tư Mã Thiên cũng đã xếp Lão, Trang, Thân, Hàn vào cùng một truyện, quả thực là rất có ý nghĩa.

Trong *Sử ký — Mạnh Tuấn liệt truyện* cũng đã nói : “Thận Đáo, Triệu nhân, Điền Tịnh, Tiệp Tử, Tề nhân, Hoàn Uyên, Sở nhân. Giai học Hoàng Lão Đạo đức chi thuật, nhân phát minh tự kỳ chí ý”. Ngoài Trang Tử, Thân Bất Hại, Hàn Phi ra, Thân Đáo, Điền Tịnh, Tiệp Tử, Hoàn Uyên cũng chịu ảnh hưởng của tư tưởng Lão Tử.

b. Huyền học thời Ngụy Tấn :

Học thuyết Lão Gia bị lãng xuống ở thời Lương Hán, tới thời Ngụy Tấn nam bắc triều thì lại được phục hưng. Trong vòng hơn ba trăm năm, phong trào thảo luận triết lý phát triển mạnh, hình thành “thanh đàm chi phong”. Những đề tài đàm luận là “Tam huyền”, nói “tam huyền” là chỉ *Lão Tử*, *Trang Tử*, và *Chu Dịch*. Nhưng qua sự chú giải của Vương Bật, *Chu Dịch* thực sự đã cùng loại với *Lão Tử*. Vương Bật là người có nhiều công lao trong việc chú giải sách của Lão Tử. Những nhà nghiên cứu về Lão Tử hơn ngàn năm nay đều đọc điển tịch của ông. Sau này, những người chú giải sách của Lão Tử rất nhiều nhưng không ai có thể sánh được với ông. Sự cống hiến của ông với Lão Tử từ cổ chí kim đều không có ai hơn ông được.

c. Phật học.

Phật học truyền vào Trung quốc, tuy bắt đầu vào năm thứ

10 Vinh Bình đời Hán Minh Đế, nhưng đến thời Ngụy Tấn, với tư tưởng của đạo gia làm cầu nối. So sánh gương ép giữa Lão Trang với kinh Phật thế là được hưng thịnh, đến đời Tùy Đường thì cực thịnh.

Tư tưởng của đạo gia và phật gia gần giống nhau. Do vậy, thời đó nói tới Huyền Chi Sỹ thì cảm thấy Lão Trang rất gần với phật học. Phần lớn những nhân sỹ đương thời đều dùng “Tam huyền” để giải thích Kinh Phật, như Tuệ Viễn, Đạo Su, Chi Độn v.v... Thời đó lấy “Ngoại điển” để giải thích kinh Phật gọi là “Cách nghĩa”. Thậm chí sau này dùng Phật học để giải thích đạo gia. Những cao tăng như Tăng Khai, Tuệ Quan, Tuệ Lâm, Tuệ Nghiêm v.v... đều đã chú giải về Lão Tử. Qua đó ta cũng thấy được sự thịnh hành của tư tưởng Lão Tử rất sâu rộng.

d. Lý học.

Lý học là sự phát triển rực rỡ của tư tưởng nho gia. Tư tưởng của nho gia từ sau đời Mạnh Tử không được truyền bá rộng rãi, nguyên nhân vì học thuyết mà nho gia nêu lên đều ở giữa đời thường, thiếu lý luận sâu sắc, khó mà thỏa mãn được lòng người. Nhiều nhà nho đời Tống thấy vậy, dần dần chuyển sang nói triết lý, xây dựng lên cơ sở hình thượng học. Lấy Chu Đôn Di, người đứng đầu trong ngũ tư làm ví dụ, thái cực đồ do ông làm ra đã được nói trong *Tống sử bản truyện* rằng : “Minh thiên lý chỉ căn nguyên, cứu vạn vật chỉ chung thủy”. Những nhà lý học đời Tống, đời Minh kị nói về luận phát sinh vũ trụ phần lớn đều phát triển thêm từ thái cực đồ. Tiên thiên đồ là tác phẩm của đạo giáo, mà đạo giáo lại có nguồn gốc sâu xa từ Lão Tử, cho nên không thể nói thái cực đồ không có liên quan gì tới Lão Tử.

hữu, y dưỡng vạn vật nhi bất vi chủ” (chương 34); “Sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, trường nhi bất tề” (chương 51) nói rõ được điểm này chính là đã thuận theo tự nhiên của nó rồi.

Thiên địa theo “đạo”, thực tế cũng là theo tự nhiên. Chương 23 đã nói : “phiêu phong bất chung triệu, tụ vũ bất chung nhật”. Mưa gió quá mức thì cũng không thuận theo hiện tượng tự nhiên, đã không thuận theo tự nhiên thì đương nhiên không tồn tại lâu được.

“Tự nhiên” biểu hiện ở mặt tư tưởng chính trị, chính là “vô tư”, “vô vi”. Chương 49 nói : “Thánh nhân thường vô tâm, dĩ bách tính tâm vi tâm”. Cái gọi là “thường vô tâm” chính là “vô tư”. Đã không có tư tâm thì đương nhiên “dĩ bách tính tâm vi tâm”. Nếu ở ngày nay thì chính là tư tưởng dân chủ. Cha thế mà Nghiêm Kỷ Đạo đã nói : “Tư tưởng Lão Tử là sự vận dụng của nhà nước dân chủ” (Lão Tử đạo đức kinh bình điểm). Kỳ thực về điểm này, Lão Tử chỉ nêu lên là thuận theo tự nhiên mà thôi. Ở chương 2 đã nói : “Xử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo”. Ở chương 23 nói : “Hy ngôn tự nhiên”. “Hy ngôn” chính là “hành bất ngôn chi giáo”, cũng chính là “vô vi”. Mục đích của người cầm quyền là ở “Phúc chúng nhân chi sở quá, dĩ trị vạn vật chi tự nhiên” (chương 64) thì bản thân sao có thể “hữu vi” được ? “Ngã vô vi nhi dân tự hóa” (chương 57) thì làm gì phải “hữu vi” cơ chứ ? Kết quả của tự nhiên vô vi là “công thành sự toại, bách tính giai vi. Ngã tự nhiên” (chương 17).

“Tự nhiên” biểu hiện ở mặt triết học nhân sinh, chính là “vô dục”, “bất tranh”. “Vô dục” chính là “vô tư”. “Bất tranh” cũng chính là “vô vi”. Vô dục là cội nguồn của tu dưỡng bản

thân, bất tranh là nguyên tắc đối xử với người khác. Bởi vì “vô dục” nên mới có thể “tri túc”; Bởi vì “bất tranh” mới có thể khiêm hạ. Tri túc thì thường vui vẻ, mà khiêm hạ thì thường được lợi, chương 7 đã nói : “Phi dĩ kỳ vô tư tà, cố năng thành kỳ tư”. Chương 66 đã nói : “Dĩ kỳ bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh”. Vô tư thì “năng thành kỳ tư”, mà bất tranh thì “mạc năng dữ chi tranh”. Đó đều là kết quả thuận theo tự nhiên, cũng là một đạo lý với “Đạo”, “Đức” thuận theo “tự nhiên”, “vạn vật mạc bất tôn nhi quý đức” (chương 51).

Tóm lại, dù là nhân, địa, thiên, đạo hay dù là trị chính, tu thân, xử nhân, cái nào cũng lấy “tự nhiên” làm gốc. Cho nên chúng ta nói : “Tự nhiên” chính là tinh thần của Lão Tử.

III. Giá trị tư tưởng của Lão Tử.

Giá trị tư tưởng của Lão Tử có hai đặc điểm sau : một là tư tưởng thâm thúy, giới hạn sâu rộng, hai là “chính ngôn nhược phản, tiến đạo nhược thoái”. Điểm thứ nhất là thể của đạo, điểm thứ hai là dụng của đạo.

1. Bất kỳ một học phái nào, bất kỳ một tôn giáo nào, trước tiên cũng phải xây dựng thể thống “hình” và “thượng”, sau đó tư tưởng của nó mới được phát triển, ý nghĩa giáo dục của nó mới được mở mang. Tư Mã luận bàn về “Lục gia Yếu chí” đã không thu nhận Tà gia, Nông gia, Tung hoành gia, cũng chính là vì nguyên nhân tam gia này không có căn cứ về mặt triết lý để làm hậu thuẫn. Phật gia truyền vào Trung Quốc và phát triển rộng khắp, không phải là do giáo quy nghiêm khắc của nó mà là do ý nghĩa giáo dục sâu xa của nó. Đạo giáo hưng thịnh lại dùng đạo

đức kinh làm kinh điển trung tâm cũng là do tư tưởng của đạo đức kinh huyền diệu. Sau Mạnh Kha, tư tưởng của nho gia không được lưu truyền là do triết lý của nó không đủ sâu xa. Hữu Tống Chu Tử nhìn thấy vấn đề này mới làm thái cực đồ thuyết, thông thư, mới từ trong *Lễ ký* tìm ra hai thiên là *Đại học* và *Trung dung* để làm cơ sở triết lý của tư tưởng nho gia, thế là mới lập lên địa vị của lý học. Qua đây ta mới thấy được “Hình nhi thượng học” quan trọng như thế nào.

Lão Tử cho rằng cội nguồn của vũ trụ là “Đạo” cũng đủ huyền ảo rồi, hơn nữa thể của đạo lại là “vô” thì càng làm cho người ta khó giải thích được. Do vậy, những người mới đọc sách của Lão Tử, phần lớn đều hỏi : “Đạo” cuối cùng là gì ? “Vô” làm sao có thể sinh ra “hữu” ? Kỳ thực đạo chẳng phải là gì, cũng không thể là cái gì cả. Do vậy là “A” thì cũng không thể là “B”, là “cái này” thì không thể là “cái kia” được. có nghĩa là đạo không thể là tất cả, không bao hàm tất cả thì sao lại là nguồn gốc của vũ trụ được ? Nhà triết học cổ Hy Lạp cho rằng cội nguồn của vũ trụ là hữu, là khí thì kết quả của nó ra sao ? Nếu chúng ta cứ truy cứu mãi, cuối cùng đạo là gì ? Đây cũng chính là vì sao câu mở đầu của *Đạo đức kinh* lại nói “Đạo khả đạo, phi thường đạo”.

Chương 4 của *Đạo đức kinh* đã nói : “Thiên hạ vạn vật sinh vu hữu, hữu sinh vu vô”. *Trang Tử thiên địa thiên* cũng đã nói : “Thái sơ hữu vô, vô hữu vô danh, nhất chi sở khởi”. “Vô” đã có thể sinh ra “hữu”, là cội nguồn của vạn vật, thì đương nhiên là thể của đạo rồi. “Vô” là thể của đạo mới có thể biểu lộ rõ sự vô hạn thể của đạo, mới có thể “quan kỳ diệu”; Nếu thể của đạo là “hữu” thì bên trong bao hàm có hạn, sự phát triển của nó khó

rộng khắp, mà “thường hữu” cũng chỉ có thể “quan kỳ vi” thôi.

Triết học “hình như thượng” của Lão Tử sâu xa như thế, huyền diệu như thế, đương nhiên có thể truyền khắp bốn biển, lưu tới muôn đời. Còn những nhà nghiên cứu thì tâm trí cứ như rơi vào vực thẳm không tài nào tìm ra được sự thật của vấn đề, đồng thời cũng luôn có hứng thú đi tìm tòi, khám phá ra cái mới. Do thế của đạo hư vô, do vậy mỗi nhà nghiên cứu đều theo cách suy nghĩ riêng của mình mà có kết luận riêng, cho nên mới nói rằng : “Nhân giả kiến chi nhi vi nhân, trí giả kiến chi nhi vi trí”. Sở dĩ sách của Lão Tử được Bình gia, Pháp gia, Tung hoành gia, Tạp gia, Vũ hiệp gia, Tinh tướng gia sử dụng là vì “Bàng thông nhi vô nhai, nhật dụng nhi bất quý”. (Văn tâm điêu long nguyên đạo). Hơn nữa tất cả những điều này đều là do mối quan hệ của tư tưởng Lão Tử và giới hạn rộng lớn của đạo.

2. Do Lão Tử có trí tuệ vô thượng, vì vậy ông luôn có cách nhìn sâu rộng với tất cả sự vật. Ông có thể thấy hết mọi biểu hiện cũng như chỗ sâu kín của sự vật. Từ đó ông đề ra chủ trương hoàn toàn khác với thường thức chung. Ví như chủ trương “vô vi”, “vô trí”, “vô dục”, “vô tư”, ông còn chủ trương “xử nhược cư hạ”, “quy chân phản phác”, “thù nhu cầu nhược”. Những chủ trương này, bề ngoài như trái với đạo lý thông thường, không được mọi người thừa nhận, nhưng bên trong thì lại chứa ẩn hàm ý sâu xa. Đó chính là : “Minh đạo nhược muội, tiến đạo nhược thoái” (chương 41) và “Chính ngôn nhược phản” (chương 78).

Lấy ví dụ như “thù nhu”, ở chương 41 nói : “Nhược giả đạo chi dụng” câu nói này đã khái quát toàn bộ triết học nhân sinh của Lão Tử. Mọi người đều cho rằng loại triết học nhược đạo này

Thái cực đồ có quan hệ với đạo gia; Thông Thư cũng vậy. Từ đó về sau phần đông các nhà lý học đều dựa vào nó. Cho nên chúng ta có thể nói rằng về mặt triết lý “hình nhi thượng” những nhà lý học đã chịu ảnh hưởng của tư tưởng Lão Tử rất lớn.

2. Chính trị.

Ảnh hưởng về mặt chính trị của tư tưởng Lão Tử biểu hiện cụ thể ở ba đời Huệ Đế, Văn Đế và Cảnh Đế thời đầu nhà Hán, đến tận đời Vũ Đế. Thời Huệ Đế thì Tào Sâm làm tướng quốc. Khi ông làm tể tướng, “Văn giao tây hữu Cái Công thiện trị Hoàng Lão ngôn, sử nhân hậu tể thịnh chi. Ký kiến Cái Công, Cái Công vi ngôn tự đạo, quý thanh tĩnh, nhi dân tự định”. “Kỷ tự yêu dụng hoàng lão thuật, cố tướng tể cứu niên, Tể quốc an tập”. (Sử ký Tào tướng quốc thế gia), sau này thay Hà Vi Hán làm tướng quốc thì “cư sự vô sơ biến canh, nhất tôn tiêu hà ước thúc”. Thế là vô vi nhi thiên hạ trị. Nhân dân đều ngợi ca rằng : “Tai kỳ thánh tĩnh, dân di ninh nhất” (đồng thượng).

Đến đời Văn Đế tại vị thì “Hữu tư nghị dục định nghi lễ. Hiếu Văn hao đạo gia chi học, di vi phồn thể sức mạo, vô ích vụ trị, cố bãi khử chi” (Sử ký lễ thư). Từ đời Hán Sơ đến Vũ Đế đều lấy chính trị của Hoàng Lão. Do người cầm quyền thanh tĩnh vô vi kết quả là dân cần cù, nước giàu mạnh. Sau đời Vũ Đế về mặt chính trị của tư tưởng đạo gia từ sáng sủa đi vào u ám, từ chính chuyển sang phụ, dần dần nhập với tư tưởng nho gia, hình thành lên chính trị bên ngoài là nho, bên trong là đạo.

3. Văn học.

Tư tưởng của Lão Tử ảnh hưởng tới văn học sớm nhất là

khoảng một trăm năm từ giữa Tấn Vĩnh Gia đến Nghi Hi. Thời kỳ này, do huyền học hưng thịnh, thi nhân văn sỹ viết văn, phần lớn đều “lý thắng vu tử, nhi bình điển phạt vị”. Trong Chuông Vinh thi phẩm tự đã từng nói : “Vinh Gia thời, Quý Hoàng Lão, sáo thượng hư đàm. Vu thời thiên thập, lý quá kỳ tử, đàm hồ quá vị. Viện cập giang biểu, vi ba thượng truyền. Tôn Chiêu, Hứa Tuần, Hằng, Canh Chư Công, thi giai bình điển dĩ đạo đức luận, kiến an phong lực tận hi”. (Thế thuyết tân ngữ văn học thiên chú dẫn). Tạ Linh Vận trong Tổng thư cũng truyền luận rằng; “Tự kiến vũ chí vu Nghĩa Hy, lịch tải tương bách, tuy tĩ hường tử, ba thuộc văn ủy, mạc bất ký ngôn thượng đức, thác ý huyền chu, do lệ chi tử, vô văn yên nhĩ”.

Những tác phẩm miêu tả phong cảnh điền viên sơn thủy, hay miêu tả tâm trạng vui vẻ cũng đều do ảnh hưởng của đạo gia mà có. Kinh thi, Sở Từ, Hán phú đều mang ý vị của đạo gia. Sau thời Ngụy Tấn, do tư tưởng của đạo gia thịnh hành, thế là trong những tác phẩm văn học của giai đoạn đó cũng tràn đầy ý vị và sắc thái của đạo gia. “Loại ảnh hưởng này nên lấy thơ điền viên của Đào Uyên Minh làm sự mở đầu rõ nét nhất. Bản thân Đào Uyên Minh không chỉ vốn có tư tưởng đạo gia mà hơn thế nữa bản thân ông còn thể hiện sự giáo huấn của đạo gia. Do vậy thơ của ông đều phản ánh tình cảm, làn điệu của đạo gia” (*Trương Khởi Quân tiên sinh — Lão Tử của trí tuệ*). Nội dung mà thơ văn phản ánh đều là những phong cảnh tự nhiên, điền viên sơn thủy hay tâm tình nhàn hạ, tấm lòng diễm đam, lối sống ẩn dật. Những nội dung này khó tìm thấy được trong những tác phẩm văn học của nho gia.

Ngoài tư tưởng học thuật, chính trị, văn học ra, tư tưởng của Lão Tử cũng ảnh hưởng tới tôn giáo, tập tục, phương tri v.v... Nhưng những cái này chỉ là “biên tế hiệu dụng” của tư tưởng Lão Tử hạn chế bởi sự dài ngắn của từng bài viết khác nhau, ở đây không nêu tường tận từng mặt được.

TINH TÚY VĂN HỌC CỔ ĐIỂN TRUNG QUỐC

LÃO TỬ
ĐẠO ĐỨC HUYỀN BÍ

GIÁP VĂN CƯỜNG dịch
TRẦN KIẾT HÙNG hiệu đính

Chịu trách nhiệm xuất bản :

HOÀNG VĂN BÓN

Biên tập : **THÁI HOÀNG**

Sửa bản in : **ANH VŨ**

In 1000 bản, khổ 14,5 x 20,5. In tại XN in Thủ Đức
Số đăng ký KHXB 49 VH-ĐN 624. Cục Xuất Bản cấp ngày 17.11.94
Quyết định xuất bản số 657/QĐXB ngày 19.12.94
In xong và nộp lưu chiểu tháng 4.95

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI, Số 4 Nguyễn Trãi, Biên Hòa, Đồng Nai
Điện thoại : (01.61) 22613 — Ban Biên tập : (01.61) 25292

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

Trân trọng giới thiệu :

BỘ SÁCH QUÝ TRỌN BỘ 52 TẬP

SẼ ĐƯỢC ẤN HÀNH LẦN LƯỢT TRONG NĂM 1995

BÁCH KHOA TOÀN THƯ
TINH TÚY VĂN HỌC CỔ ĐIỂN TRUNG QUỐC



Trung Quốc — Đất nước có chiều dài lịch sử lâu đời, có nền triết học văn học nghệ thuật phát triển sớm nhất phương Đông.

Từ thời Xuân Thu Chiến Quốc đến cuộc Cách mạng Tân Hợi 1911, trải qua hơn 2000 năm chế độ phong kiến đã bảo tồn và gìn giữ một kho tàng văn hóa triết học, văn học nghệ thuật, nho học tinh tú đồ sộ. Trong đó phải kể đến : Kinh Thi, Tả truyện, Chiến Quốc sách; với Lão Tử, Mạnh Tử, Trang Tử, Hàn Phi Tử... Có thể nói đó là những hạt châu sáng chói ngàn năm, soi sáng trí tuệ cho các thế hệ sau, bằng những giá trị tinh thần sâu sắc.

Ngày nay, nó vẫn giữ vị trí trong các giá trị tinh thần làm giàu thêm kiến thức cho con người. Các nhà nghiên cứu văn học cổ điển TQ đã thông qua hàng trăm tác phẩm tiêu biểu biên soạn thành hệ thống, với 52 tập văn học tinh hoa cổ điển bằng lời văn bạch thoại, văn phong giản dị, ngôn từ dễ đọc, dễ hiểu và dễ nhớ, nhằm phổ biến rộng rãi cho mọi trình độ có thể học hỏi và nghiên cứu.

Bộ sách do một nhóm các nhà nghiên cứu và giảng dạy Trung văn của Trường Đại Học Sư Phạm dịch và hiệu đính. Gồm : Trần Kiết Hùng, Phan Kỳ Nam, Lê Văn Sơn, Giáp Văn Cường, Hồ Sỹ Hiệp, Nguyễn Văn Ai, Nguyễn Thiên Chí, Hàn Thế Chân, Võ Ngọc Liên, Phùng Quý Sơn, Hoàng Tuyết Nga...

Trần Kiết Hùng — Giảng viên văn học TQ và là Phó chủ nhiệm Khoa Trung Văn Trường Đại Học Sư Phạm TP Hồ Chí Minh hiệu đính và giới thiệu.

Chúng tôi tin rằng bộ sách này sẽ giúp ích cho bạn đọc làm giàu thêm kiến thức của mình.

SÁCH PHÁT HÀNH TẠI

Cửa hàng sách

56A BÀ TRIỆU - HÀ NỘI

ĐT : 267207